

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

QUÁ-KBỮ VÀ HIỆN-TẠI

I

Hai cái nghĩa-vụ

Tôi tin rằng sau cuộc Thái-bình-dương chiến-tranh này, các nước về Á-Đông lần-lượt mang tân-diện-mục lên vũ-dại cả. Nhưng sau đó độ một trăm năm, nếu Á-đông không biết sớm liệu từ bây giờ, thì tương-lai cõi Á-đông lại loạn-ly hơn Âu-châu trong mấy thế-kỷ này.

Nước Nam vì tinh-thể, vì vị-trí, một nửa thì cảnh-trang vĩnh-kiếp bất-dịch, hai nửa thì cũng được phải theo cái công-lệ trên kia với các dân-tộc khác. Dầu xét về phương-diện nào mặc lòng, nước Nam ngày nay cũng phải đảm-dương lấy hai cái nghĩa-vụ như sau, thì vận-mệnh mới mong bền chặt :

10) Làm cho nước thật nên một nước chân-chính :

20) Làm cho nước Nam chân-chính đó, có một cái bản-lĩnh chánh-dương về tinh-thần và về thực-tế, để vĩnh-viễn sinh-tồn

Một điều kho : là nghĩa-vụ trên thì cần-cấp, còn nghĩa-vụ dưới tựa-hồ còn khả tri-hoàn được, nhưng nếu quốc-dân không đồng-thời giải-quyết, sau chắc không kịp. Cho nên phải trị một cái chủ-nghĩa gì có thể lưỡng-toàn, ổn-bình mà không tương-bôi, bất-đuy không tương-bộ mà lại tương-tư nhau. Ấy lại nan trung-chỉ nọ

Tôi lại tin rằng sự uốn cho thành, ít phải thuật, tự nhiên mới mong trang-cửu được. Vì thế, tôi đã suy

dầu xét dưới, tự lý-tưởng đến thực-tế, thiết ra « thập đại-vấn-đề » như sau. Đó không phải là một cái chủ-nghĩa, chẳng qua là lấy « thập đại-vấn-đề » làm môn quàn, để giới-thiệu cho đồng-bào hai cái nghĩa-vụ kia mà thôi. Bản-ý tôi viết bài luận quá-khứ và hiện-tại cũng chỉ có thế. Trong đồng-bào có người đã sẵn biết hai cái nghĩa-vụ đó, nhưng nhắc lại tưởng cũng chưa phải là nói thừa, vì nói nghĩa-vụ không bao giờ là nói thừa.

II

Lẽ Trời

Trời đất bao-la, thời-gian vô-hạn, vạn-vật sinh-diệt, nhân-sự biến-thiên, thiên-diệu vạn-tự, thiên-biến vạn-hóa ; ai chủ-trương như thế, ai sinh ra như thế ? Tôi tin có một lẽ tuyệt-dịch, chi-phối hết thảy vũ-trụ, vô-thủy vô-chung, chi-vi chi-đại, cái lẽ ấy gọi là lẽ Trời.

Lẽ Trời không phải ngũ-quan ta thỉnh-giác được, chỉ có tâm cảm được và trí suy được mà thôi. Vô-hình vô-thanh, vô-khứ vô-vi, mà tàn-mạn ra khắp, không ở đâu không. Lẽ Trời đối với hữu-hình vũ-trụ cũng như cái hồn đối với xác thịt, không hiện-lộ ra mà vẫn dịch-sử không dừng.

Tôi hết sức phản-đối cái thuyết của các giáo-chùa cho rằng Trời có khi xuất-thể hoặc có khi giáng-sinh vào người ; không biết những người thức giả Đông Tây họ hiểu vũ-trụ ra làm sao, mà tin nhảm như vậy. Tôi cho

rằng tôn-giáo xưa nay ich cho loài người cũng nhiều, nhưng vẫn là một cách bất-chánh-đang. Khi nào loài người chỉ tin ở một lẽ Trời, chỉ làm theo một lẽ Trời, trên đời không có tôn-giáo như bây giờ nữa, mới là tuyệt-phẩm.

Tôi lại nực cười cho khoa-học chủ-nghĩa, cho rằng lấy phép thí-nghiệm có thể giảng-giải lẽ Trời hết được, bắt tự-lượng muốn uốn vũ-trụ vào khuôn phép hữu-hình. Nếu ta cứ thiết ra một câu hỏi « tại làm sao thế...? » thì họ có phát-mình đến nghìn vạn điều lạ, cũng đến phải thu mấy-móc lại mà suy nghĩ cảm-giác ở toàn-thể vũ-trụ, ngô-hầu mới khuy-du được lẽ Trời.

Trời tôi tin-ngưỡng như vậy đây, không phải cái Trời thô-lỗ của Tôn-giáo, mà cũng không phải cái trời nhỏ-nhen của khoa-học, chẳng qua là một cái lẽ huyền-diệu, mà cũng rất rõ-ràng, cái gì vô-hình hoặc hữu-hình, đều ở trong phạm-vi nó cả. Ngoài nó không có gì to hơn, trong nó không có gì nhỏ hơn, không có gì sinh trước nó, không có gì chết sau nó, ở đâu cũng thấy nó, mà cái gì cũng là nó vậy.

Trời đã là thế, thì hình như không tài nào suy-trắc được. Nhưng tôi theo ở sự-vật là chỗ nó hiện-hiện hơn mà xét, họa may có thấy được vài cái bản-tính của nó, như thế là lý-hội được nó vậy. Sau đây xin bàn qua đến hai cái đại-cương đó.

III

Tính cảm-sinh của lẽ Trời

Lẽ Trời có hai cái bản-tính, ta có thể suy đó mà giảng-giải hết được cả vũ-trụ, một là tính cảm-sinh, hai là tính dịch-hóa. Chương này nói về tính cảm-sinh.

Cảm-sinh của lẽ Trời có thể dùng bốn chữ 天作之合 trong kinh nho mà tạm thích cũng rõ. Tính ấy gồm

trong hai số này : « Hai sinh Một », nghĩa là hai cái cảm hợp cùng nhau mà sinh ra sự-vật, ý-tưởng, hoặc vô-hình hoặc hữu-hình. Ta hằng lấy một vật gì cũng được, sự gì cũng được, mà tự hỏi rằng : vật ấy, sự ấy tự đâu mà sinh ra ? Át hẳn trả lời rồi sẽ thấy sự-vật gì cũng do hai cái mà sinh ra cả. Ấy là cảm-sinh đó. Tính ấy làm cho trong thời-gian không-gian cái nó ràng buộc lấy cái kia, mới không tuyệt-diệt được, mới vững-vàng được, mới sinh-hóa bất-cùng được, nghĩa là mới có được thời-gian và không-gian. Tính ấy, tức nhà nho gọi là 奇偶, là 陰陽, đã nói rõ trong quẻ 咸 kinh Dịch, mà Phật-giáo gọi là cảm-ứng 感應 vậy. Nay tôi chỉ-kê mấy cái thí-dụ làm chứng.

Trong không-gian biết bao nhiêu là vị-tính-từ, chu-lưu giữa mô-mô xa cách nhau biết mấy dặm. Nếu ta không công-nhận tính cảm-sinh thời thế nào ta cũng lấy làm lạ rằng những quả cầu kia nặng như vậy mà không thấy rơi lạc xuống, cứ tuần-hoàn lui tới mà không bao giờ hỗn-hào. Thù-bất-từ tính-từ cảm nhau, cái nó hấp cái kia, đan-diu nhau mới được vững được. Lẽ đó nhà triết-học Newton đã nghiệm biết và đã đặt tên cho là vũ-trụ hấp-lực (attraction universelle).

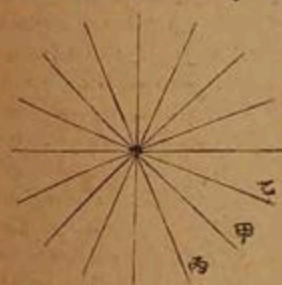
Còn cây cối, chim muông, kim-khoảng cũng cảm nhau mà sinh, cảm nhau mà sống, cây cối cảm nhau với đất đá mà sinh hoa kết quả, chim muông lại cảm nhau với cây cối và tự cảm lấy nhau mà đẻ trứng sinh con... Đồng-loại tương-cảm, dị-loại tương-cảm, ràng buộc lấy nhau, như thế ta cho kỹ mới biết Tạo vật không sơ-sơ một cái gì !

Đến như oài người ta, thì lại dễ xét lắm. Cha mẹ cảm nhau sinh ra con, người một khí - huyết cảm nhau sinh ra, các hàng người cảm v... sinh ra nước.

các nước cảm với nhau sinh ra nhân-loại. Nếu lẽ Trời mà không cảm-sinh thì thân mình không có, nhà, nước không có mà nhân-loại cũng không có. Nói về phương-diện vô-hình cũng chẳng sai. Mắt tôi có cảm với sắc mới sinh thấy, tai tôi có cảm với thanh mới sinh nghe, lòng tôi có cảm với lòng ông thì mới sinh yêu sinh ghét. Phạm thất-tính ngũ-quan thì - vì hành-dộng của người là thuộc về cảm-sinh cả.

Nói tóm lại, tự cái nhất nhỏ cho đến cái nhất to, tự cái nhất hiền cho đến cái nhất vi, tự cái nhất lâu cho đến cái nhất mau, cái gì cũng do tính cảm-sinh mà có, có bởi tính cảm-sinh cả.

Tôi có vạch ra một cái đồ, để giải chứng tính ấy cho dễ hiểu. Đồ ấy, gồm nhiều hình chữ thập mà thành, chỗ



gặp nhau của hai nét chữ thập nào cũng đứng vào một điểm, thế thì toàn-đồ xem giống cái chong-chông. Cái điểm trung-tâm ấy

là lẽ Trời tuyệt-dịch, làm mẹ đẻ cho cả sự-vật trên đời. Một sự hay một vật thì có một nét thẳng đại-biểu Đầu mũi những nét thẳng đó, ấy là chỗ vũ-trụ tận-cùng. Nhưng nếu ta cứ nối dài các nét thẳng ấy ra, thì biết khi nào cho cùng; bởi vậy xưa nay trí ta suy được đến lúc khởi-diểm của vũ-trụ mà thôi, mà không có người nào có thể suy-dạc đến lúc tận-cùng của vũ-trụ được. Cứ theo đồ thì sự 甲 mà có thể có được, là do 乙 và 丙 cảm nhau mà sinh ra, mà số-di cảm-sinh như thế, cũng là căn-nguyên ở trung-tâm-diểm. Nói một sự ấy thì sự khác cũng hiểu được.

Cảm-sinh lại, là có nhiều yếu-tế, làm chuẩn-thước để biện-nh ấy, nay xin

nói qua về hai cái yếu-tế quan-trọng nhất, một là sự *cận-hấp-lực*, hai là sự *bình-dẳng*, xem đồ cũng có thể biện ra.

Cận-hấp-lực là hề hai sự hoặc hai vật mà gần nhau chừng nào, thì tính cảm-sinh lại mạnh hơn chừng ấy, chìm gần với rừng cho nên thích rừng hơn thích ở đồng-nội, ca gần với nước cho nên thích ở nước hơn ở khô. Cái gì cũng thế. Ông Khổng suy biết cái lẽ cận-hấp-lực ấy đã thực-hành ra ở chủ-nghĩa xã-hội của ông. Ông cho rằng trong sự nhân-loại ăn ở cảm-tính với nhau, phải có thứ-tự, lấy gần xa làm tỉ-lệ. Trong khi giao-tế, phải thân kẻ thân rồi mới đến làng xóm, rồi mới đến nước nhà, rồi mới đến thiên-hạ. Ấy là ông phục-tùng cái yếu-tế cận-hấp-lực vậy. Lại như trong chương-trình Đại-học, đầu phải tu-thân, rồi mới tề-gia, rồi mới trị-quốc, rồi mới bình-thiên-hạ. Xem đó Khổng-giáo đã công-nhận cái yếu-tế đó vậy.

Còn lẽ bình-dẳng, nghĩa là muốn cho hai sự hoặc hai vật cảm nhau mà sinh được, thì phải bình-dẳng nhau. Cái cây kia muốn cảm với mẫu-mở dưới đất mà sống, thì tất-nhiên sức cây với sức mẫu-mở phải bình-dẳng với nhau, nếu nhiều phần tro quá, hoặc ít phần tro quá không vừa sức cây, thì tất cây phải chết. Lại như người con trai này yêu cô con gái kia, mà cô không yêu cậu khinh dễ cậu, thì lấy nhau không được. Dẫu ta trái lẽ Trời ép ồng, sau cũng không hôn-hợp.

Ấy mới biết có bình-dẳng mới có ái-tình. Nếu vạn-sự vạn-vật mà thật cảm-sinh nhau như trên kia đã giải, thì vạn-sự vạn-vật đều bình-dẳng cùng nhau, không hơn thua nhau hao giờ. Nhục-nhân ta thấy con voi to hơn con kiến, ấy là vì ta so sánh con voi với con kiến, nếu ta không so sánh thì con nào cũng tề nhau. Nếu nói vật không tề

theo y-tượng riêng tôi đo, thì con kiến nhỏ-nhen như thế, không bị chỉ xỏ-xát đi, lại sinh-dục như thường, mà loài kiến cùng loài voi vẫn vầy-vùng giữa vũ-trụ. Cho nên bỏ sự tỉ-lệ đi, so-sánh đi, thì cảm-ứng mới vô-ngại.

Tôi hết sức phản-đối cái tà-thuyết của Đạt-nhĩ-văn, chủ-trương rằng ở vũ-trụ này, vạn-vật cạnh-tranh nhau, tác hại tác ác nhau, mà ông xanh thì chọn bên nào thua làm cho tuyệt-diệt đi 物競天擇.優勝劣敗. Chẳng qua Đạt-thị nhân cái bản-tính hiếu-tranh ở Âu-châu, hữu-sở-hiệp trong trí ben suy-tầm biện-bác cho hợp đó thôi; nếu thật muốn tìm lẽ Trời, thiếu gì giữa hiên-nhiên sự-vật, lại phải đi tìm những chuyện ti-ti ở đâu đâu làm gì. Vì cái thuyết ấy, chỉ là một cái tiền-lệ trong lẽ Trời, cũng do cảm-sinh mà ra, nay người đời đem làm đạo-thống, làm nhân-nghĩa, cử thiên-hạ nhao-nhao lên theo, không trách di-hại đến thế này, loạn-ly đến thế này

Nói tóm lại, vạn-sự vạn-vật cảm nhau mà có, mà sở dĩ cảm-sinh cho nên gần cảm-sinh mạnh hơn xa, bình-dẳng (tuyệt-dịch không phải đối-dịch) cảm-sinh mới được. Vậy thì thế nào là thuận lẽ Trời? Chỉ phải theo tính cảm-sinh, một là phải có trật-tự không hỗn-hào điên-đảo, hai là bỏ hết sự so-sánh, sự cạnh-tranh trong đời.

IV

Tình dịch-hóa của lẽ Trời

Dịch là không yên một chỗ, không nhất-định một bản-sắc, không chấp nệ một cách-thức, thế gọi là dịch. Hóa nghĩa là biến-dịch cho nên biến-thiên luôn, thay đổi luôn. Ta học kinh Dịch, thường nhận lầm cho dịch là cái lẽ cao nhất ở đời, thù-bất-trị dịch-hóa là do tính cảm-sinh mới có. Vì có cảm-sinh cái nọ đan-diu với cái kia, cái này hấp-hút với cái khác, cho nên phải dịch-hóa để mà

cảm-sinh không dừng. Vậy thì con mắt ta thấy tinh-hà chuyển-lưu, thảo-mộc tươi tốt, côn-trùng điều-thủ vận-dộng, loài người lao-dộng chạy-vạy, tri ta thấy việc đời thay đổi, bãi bể nương dâu, nay thăng mai giáng, nay tĩnh mai động, nay được mai thua, cho đến nay trái mai phải, ấy là đều thuận theo tính dịch-hóa vậy. Hoặc giả hỏi dịch-hóa như thế, thì làm sao yên được mà cảm, xin đáp chính vì cảm-sinh cho nên mới dịch-hóa, mà có dịch-hóa mới hiện cái tính cảm-sinh ra. Vì hòn từ-thạch cảm với kim sắt, cho nên kim sắt mới đổi vị trí lại với hòn đá, thế là có dịch mới có cảm được.

Sẽ biết rằng vạn-sự vạn-vật, lý-tượng, hành-vi, cho đến chỗ-độ, phong-tục, lễ-thói, tự cái nhất nhỏ cho đến cái nhất to, tự cái nhất vi cho đến cái nhất hiển, tự cái nhất mau cho đến cái nhất lâu, không nhất-định chút vào, chuyển đi trong trật-tự không đời nào cũng.

Ở vật hữu-hình thì dễ thấy dịch-hóa, tôi chỉ nói qua về vô-hình mà thôi. Ấy thí-dụ như cái lý-tượng loài người về chính-trị thì biết. Ngày xưa, sau thời đại gia-trưởng tù-trưởng, cả thiên-hạ ai ai cũng đều cho rằng trong một nước phải có ông vua, thay mệnh Trời, làm con trời mà cai-trị dân, coi dân như con em một nhà. Ấy là cảm-tình vua quan đối với Trời, đối với dân vậy; trung gian lại cho rằng nước là của gia-sản ông vua, dân-gian là nô-bộc của ông vua, ông vua có quyền sinh-sát dữ-đoạt, muốn làm gì thì làm, ấy là cảm-tình ông vua đối với tư-lợi tư-làm vậy. Tái-biến đến đời nay thì vua quan lại là thần-bộc của quốc-dân, dân-chủ dân-quyền dân-lâu ông biết, ấy lại là cảm-tình của dân đối với dân, đối với nước. Nếu tái cái phong-trào đó, thì trên dưới cạnh-kết nhau, ghé thăm hờn giấu, ỷ có quyền ly-ký, ỷ mới biết muốn gì được gì, chẳng có dịch-hóa, mà dịch-

Vậy thì vật hoặc sự nếu vì nhân-tạo chỉ duyên-cớ gì mà cứ y-nhiên như cũ, lâu mãi cũng phải đến sai lẽ Trời mà cảm-sinh rồi mòn mất. Trừ những sự ngoài thể-lực người ra không kể, còn nhân-sự thì phải thuận mà cải-cách, cải-cách là để cho cảm-sinh khỏi phải trở-ngại. Kinh Dịch có câu 隨時之義 大矣哉 (1). Tùy là tùy mà dịch vậy.

Cũng do dịch-hóa cho nên mới có đạo trung-dụng, luật quân-bình, luật thừa-trừ..., vì muốn thay đổi biến-hóa tất phải trung-dụng, quân-bình hoặc thừa-trừ thì thay đổi biến-hóa mới cứ vững-vàng mà không lệch-lệch. Lại cũng do dịch-hóa cho nên việc đời phải có trật-tự, phép-tắc, lễ-nhạc thì mới không hỗn-hào đảo-diễn.

Tuy-nhiên, dịch-hóa cũng có nhiều cách. Có cách dịch-hóa theo lý, cũng có cách dịch-hóa theo thời, dịch-hóa bóng-lóng. Kẻ ngu-giả thì dịch-hóa theo thời, bóng-lóng, hoặc theo tư-ý, mà kẻ thức-giả thì dịch-hóa theo lẽ Trời, nghĩa là hợp với cảm-sinh. Muốn được như thế, thì phải xét cho biết đầu đuôi sự-ly, lấy trí mà suy, thế nào cho thuận là được.

Nhiều kẻ học-giả, mắt nhìn thấy sự dịch-hóa của lẽ Trời, không suy lên trên thể-sự, thấy đời sau có khác đời trước, chỗ này có khác chỗ kia, bèn cao-thanh đại-hớ rằng : loài người tiến-hóa, tiến-bộ ! Bèn sướng ru sướng rê, ra sức hưởng-thụ cái tiến-hóa ấy, cái tiến-bộ ấy. Nhưng ta thử hỏi rằng nếu cứ tiến-hóa mãi thì đến đâu là tuyệt-diêm ? các tình-tù trên không đó có tiến-hóa không ? chắc lẽ cũng khó trả lời. Không, không tiến-hóa đâu, không thoái-hóa đâu, lịch-hệ đã vậy mà thôi. Tôi hằng lấy một cách chữa bệnh làm thí-dụ :

Ngày xưa người ta sinh ra ít bệnh, chẳng may mà có nữa thì vào trong rừng kiếm một vài thứ lá, thứ hoa, nhìn mặt trời nhai nuốt đi là khỏi ngay. Nếu không muốn vậy thì đến thầy y-sư nào đó, thầy đọc cho một vài câu thần-chú, tức-khắc bệnh thuyên. Ngày nay ăn ở xa hoa vô-độ, cho nên bệnh lại mỗi ngày một sinh ra nhiều. Các bác-sĩ hết sức nghiên-cứu, tìm được được-liệu, cứu dân không biết chừng nào. Học-giả nhìn thấy thế bèn kêu lên tiến-hóa, nhưng thử hỏi những cái lá cái hoa kia và những câu chú đạo phù của cô-nhân, ngày nay có biết nữa không. Biết mới quên cũ, biết này bỏ nọ, hà-vị tiến-hóa ! Gia-chi-dĩ phép trị bệnh càng tài giỏi thì người mắc bệnh càng nhiều, vì tự-thị có kẻ chữa cho rồi, vậy thì cái số người vô-bệnh, há có thêm được tí nào. Biện-giả lại nói : ngày nay một lần chủng đậu, cứu được mấy nghìn mệnh người, ngày xưa chết vì bệnh ấy biết mấy, sao gọi là không tiến-hóa. Xin đáp : phải, có thể thật, nhưng ngày nay một quả « bom » cũng chết được khá người, xem như trận Âu-chiến mới rồi, gần ba triệu con em chết thì rõ. Trong bốn năm, y-khoa y-pháp có bù cho chừng ấy không ? Số người đã không tăng mà có giảm, hà-ngôn-hồ tiến-hóa, hà-ngôn-hồ tiến-hóa !

Tôi tin rằng cái số ở giữa vũ-trụ này không thay đổi, bao giờ cũng ngần ấy mà thôi. Ngần ấy đó quay-quần giữa vũ-trụ, biến-hóa thay đổi nhau, có sinh thì có diệt, có hơn thì có thua. Nếu tăng số lên thì rồi sẽ vào đâu cho hết, nếu giảm bớt thì sẽ đến thế nào. Thạm vô-ly. Cho nên tôi tin rằng chỉ có dịch-hóa chứ không có tiến-hóa bao giờ.

Tự đây về trước, tôi bàn qua về hai cái bản-tính của lẽ Trời, cảm-sinh và dịch-hóa. Tôi cho rằng vạn-sự vạn-vật

(1) Câu này cũn... biết... tôi mới đúng. Để như cũ đi lại không biết chừng nào

có cảm nhau, có thay-đổi luôn mọi đứng vững được giữa vũ-trụ. Các loài kia cứ thuận theo hai cái tính ấy mà sinh-hoạt, cho nên vô-sự, còn loài người vì được như các loài kia, lấy tâm mà cảm, lấy trí mà dịch, thì vui-vẻ biết dường nào. Không theo lẽ Trời mà cầu sự yên sự hoạt thì không được.

Nay xin xét đến loài người, nghĩa là cũng một vật trong vũ-trụ. Người ta đã là một vật trong vũ-trụ, mà cái không phải ta đã phải theo lẽ Trời như trên kia đã giải, thì ta tất cũng phải theo cảm-sinh, và dịch-hóa mà sinh-hoạt. Tâm người ta là dễ theo tính cảm-sinh, trí dễ theo tính dịch-hóa, cho nên sau đây bàn về tâm và trí.

V

Tâm trí chủ sự thuyết

Cái xác thịt ta gồm có hai cái bản-năng linh-diệu, dùng mà thuận theo, phục-tùng hai cái bản-tính của Trời, tức là trí và tâm vậy. Hết thấy thiên-sự đều ở trong phạm-vi cảm-sinh và dịch-hóa, hết thấy nhân-sự đều ở trong phạm-vi hai cái năng ấy. Cái gì mà thường ta gọi bằng đời người ấy, chỉ là sự khuếch-sung, sự ảnh-hưởng của hai cái năng ấy là hết. Đời người thế nào là do hai cái năng ấy thế nào.

Tôi gọi tâm và trí bằng «bản-năng» chứ không gọi bằng bản-tính, là vì suy tự khi chưa thi-dụng ra xúc-tiếp với sự-vật ở ngoài mà nói. Tôi không tin rằng tính thiện mà cũng không tin rằng tính ác, tôi cho rằng trong cái xác thịt có một cái khả-thiện một cái khả-ác. Nếu ra xúc-tiếp với vũ-trụ, cái tâm đủ sức đủ tài, thuận theo được lẽ Trời thì cái bản-năng thành ra thiện, không thì là ác.

Cái tâm thì chủ-trương về sự cảm-sinh, cái trí thì chủ-trương về sự dịch-hóa. Cảm thì do tâm, mà trí thì do

não. Xưa nay ta tưởng là 心 主 思 là tâm, ta hãy nghiệm rằng khi ta thường nhớ ai, ưa thích vật gì, đau-đớn chuyện gì thì rõ-ràng cái tâm ta động, còn cái não ta không hề nhọc-mệt chút nào; còn khi nào ta suy-nghĩ lắm, trắc-lường lắm, thì-đo khi làm bài-tính đồ, hoặc khi tìm một cái phương-lược chi, thì hiển-nhiên não ta nặng nề khó chịu, còn tâm ta bình-tĩnh như thường.

Đời người đã là hình-ảnh của tâm cùng trí, muốn ở cái đời người cho hợp lẽ Trời, thì nhất-diện phải dưỡng-tâm, nhất-diện phải dưỡng-trí. Cái tâm đã dưỡng được, thì sự cảm gì của vũ-trụ thuộc phạm-vi người ta, đều được đo-thoả vừa-vặn cả. Khi ấy qui-hỗ ta thì ra là hợp tính cảm-sinh của Trời ngay. Ông Khổng nói: 從 心 所 欲 不 難 矩; lại nói: 發 而 中 節; là bởi dưỡng-tâm đã đắc-lực rồi vậy, mà 節 và 節 là cái gì, tức là tính cảm-sinh của lẽ Trời, là cái điều mình sở-dương-vi cho thuận cái lý ấy mà thôi. Đối với tâm, cái trí đã dưỡng được thì lẽ Trời biến đổi ra làm sao, đông-tĩnh ra làm sao, tự đầu mà đến thế này, thế này rồi sẽ ra làm sao, ta đều tỏ tường hiểu thấu hết cả. Mà ta sở dĩ nhớ trí-não mà tỏ tường hiểu thấu như thế, là cốt để thi-thố cái tâm mình, sai khiến cái tâm mình cho hợp cái tính Trời mà thôi. Hai thiên trên kia, tôi đã ngờ rằng tính dịch-hóa là do cảm-sinh mà ra, và có dịch-hóa thì cảm-sinh mới được, nay tôi lại suy-diễn câu nói đó ra mà nói rằng muốn cho tâm mình biết cảm hợp lẽ, thì phải nhờ trí giúp, nghĩa là tâm phải làm chủ-nhân mà trí phải là ông cố-xãn phụ-đạo cho chủ-nhân đạt thành sở-nghĩ. Bởi vậy tôi có cái thuyết gọi là 心 主 節 理.

Theo cái thuyết ấy, thì người ta có một tâm tốt, mới là có cái bản-linh mà thôi, đã đành có bản-linh là vững-rang chắc-chắn rồi, như 父 子 之 情 là hoai-bào một cái lý-tưởng, 父 子 之 情 thì ta đã hằng

hải-nhiệt-thành, muốn làm cho hết nghĩa-vụ là được cái gốc trong sự-nghiệp của mình rồi, nhưng ta lại phải tìm phương-châm, thiết-kỷ-luật, hoặc phải ai giúp tiền-tài, mưu-lược thì mới thành sự hoàn-toàn, nếu không thì cũng là cái chủ-nghĩa suông mà thôi, mà cái bản-lĩnh kia cũng không được cho ích-lâm. Ấy mới biết tâm phải tư ở tri mới được. Lại như nhà ái-quốc kia, lấy một cái khí trung-nghĩa, dạ phẫn-uất, đương khi lòng thương nước bằng-bột, tuốt gươm rập chém sạch quân thù, nghĩa là đương khi cái tâm cảm-dộng, bèn ra cử-sự không nghĩ đầu nghĩ đuôi, không tri thủ tri bỉ, thì thế nào cũng bại-sự. Khoái nhất-thời chỉ hận, không lấy tri mà quyết-đoán, thì thân nguy mà vô-hiệu. Trung thật, tâm giới thật, nhưng thù nước thế cũng là chưa đền, chí mình thế cũng là chưa đạt. Ấy mới biết đã dưỡng-tâm tất phải dưỡng-tri nữa. Cứ thí-dụ như thế, thì mới rõ rằng giữa vũ-trụ này có dịch-hóa mới cảm-sinh mẫu-nhiệm, mà loài người có tri-thức mới làm được nhân-nghĩa.

Trái lại, nếu ta tưởng-tượng ra rằng ở giữa vũ-trụ này, vạn-sự vạn-vật chỉ có dịch-hóa mà không có cảm-sinh, thì ắt hẳn xôn-xao hỗn-hào, không có thống-hệ kỷ-cương gì mà vũ-trụ cũng bất-thành vũ-trụ vậy. Loài người cũng thế, nếu mà chỉ dùng tri mà thôi, thì ắt hẳn bông-lông lếu-lão, dan-dối qui-quyết, ác-độc vô-tâm, ấy mới thật là « bất-thành nhân ». Giả như muốn rạch ròi chuyện đời, nếu tôi chỉ dùng một cơ-mưu, tri-thuật mà đâm-dương lấy thiên-hạ sự, thì kỹ-thủy-giả hãy còn vô-sự, chưa hề chi, sau nếu bất-lự gặp phải nguy-nạn, thấy khó-khẩn mà hèn-chạy, hoặc thấy lợi-hại mà ham-mê, thì dù có nhiều tri-thuật cơ-mưu chần-nữa, công-nghiệp cũng đến như Tào-Manh-Đức là cùng. Lại có người vẫn « tri » nhân-tĩa-vụ ấy là phải làm, vẫn có trí biết làm nổi, thờ cha

kính mẹ, thương nước yêu dân, họ biết cả, nhưng mà lãnh-dam hững-hờ, mình không làm, ai làm cũng mặc: ấy là chỉ vì biết mà không cảm, tâm họ không từng hàm-dưỡng bao giờ, không đủ ái-tình, không đủ nghị-lực, có biết đấy cũng thừa mười mươi, ở gia ở quốc, có được gì đâu. Vậy thì một trí không tâm, thế nào cũng không biết liệu sự, hoặc biết liệu mà tất-bại, mà một tâm không tri, thế nào cũng sự không thành. Có chủ-nhân lại phải có cố-vấn, có cố-vấn mà không có chủ-nhân doan-chính, chí-khí, thì cố-vấn ắt hẳn làm nhặng; vũ-trụ mà chỉ có một cảm-sinh, hoặc một dịch-hóa, như mà có được thế thật, thì vũ-trụ khỏi sao được tuyệt-diệt.

Tuy-nhiên, đời nay thấy đồ nhân-nhân mà nhà chủ chẳng thấy mấy người, người có tri người biết dưỡng-tri thì nhiều, còn công-phu dưỡng-tâm thì sự đời càng phiền-tạp, lại càng sơ-suất. Thế sở tất chỉ đến đó. Tri đời nay lại là tri vật, không phải cái tri ông Thánh-nhân dùng để hành nhân-nghĩa, tri đời nay là tri lợi. Cái thuyết « tâm-tri chủ sự », tại nhân nhĩ-mục, nhưng tôi chắc rằng từ giờ mà đi một lâu một đảo-diễn, cho nên nbuế-thuật ra, là cốt để làm thẳng-mặc cho sự văn-hồi thế-đạo.

Từ đây về trước, tôi chia tâm và tri ra hai đảng, phân-biệt như thế là chỉ để giảng-giải cho dễ mà thôi, không tất-nhiên bao giờ cũng thế, tựu-trung tâm với tri nhờ công hàm-dưỡng cho đặc-lực, nhờ cách điều-đinh cho đều-dặn, thì sở-dắc lại càng cao-siêu tinh-vi, sở-dụng lại càng thần-diệu lực-lượng. Cái sở-dắc do tâm và tri hỗn-hợp, tương-tư nhau mà dục nên đó, có một cái tên riêng. Nho-giả thì gọi bằng *hạo-khí*, *lượng-tri*, *lượng-năng*, Phật-giả thì gọi bằng *tuệ-giác* mà đạo Phật lấy nuôi tuệ-giác làm đầu. Đến như

Lão Trang thì gọi bằng *thần*, đại-chí kinh *Nam-Hoa* của Trang Chu chỉ gồm trong hai chữ 養神. Còn các học giả Âu-châu thì gọi bằng *Conscience* 良心, hoặc là *intuition* 真覺, vân, vân. Tuy danh-từ có khác, nhưng cái bản-ý bản-sắc nó cũng một, cũng là tuyệt-diệu công-phu, cứu-cánh mục-dịch, bởi khéo nuôi tâm nuôi trí mà đạt tới vậy. Trong loài người chỉ có cái thần-diệu công-phu đó là quý nhất, mà người ta có biết được cái thần-diệu đó, thì mới là con người hoàn-toàn, tôi xin mượn cái tên của Trang Chu đặt, gọi con người ấy là chân-nhân 真人.

VI

Ý-trung nhân-loại

Thế nào là chân-nhân? Là con người đã dưỡng được tâm theo cái bản-năng thiện của mình, do cần-thủ đến tự-nhiên, để biết thuận theo những mối cảm của mình đối với người và vật. Muốn thuận theo như vậy, thì chân-nhân trước đã lấy tri-lự mà suy biết những mối liên-lạc của bản-thân với sự-vật là những mối gì, mối cảm-tình nào là quan-hệ hơn và sự thay đổi tính-cách của những cảm-tình ấy ra thế nào, sau mới lục-hành cái sở-tri đó. Thí-dụ như bản-thân thật có cảm-tình liên-lạc với người đồng-chúng, thì chân-nhân không phải nhắm mắt mà theo liều tập-quán, hoặc phong-trào, hoặc sách vở; chân-nhân đã từng xét biết rằng bởi lẽ cảm-sinh của vũ-trụ, mỗi người thật có mật-thiết quan-hệ với người đồng-chúng khác, cho nên chân-nhân thương yêu bệnh-vực người đồng-chúng cho thuận lẽ Trời, thương yêu bệnh-vực một cách có ý-thức, không phải bóng-lóng. Mối tình với đồng-chúng đó, bởi tình dịch-hóa của lẽ Trời, tùy thời tùy cảnh, thay đổi ra thế nào, hoặc

tăng lên hoặc giảm xuống, hoặc nếu động nên tĩnh, thì chân-nhân cũng theo đó cư-biến hành-quyền. Nói thô ra, thì lẽ Trời cũng như chiều gió, mà chân-nhân cũng như ngọn cỏ, chiều gió khi nam khi bắc, khi mạnh khi êm, khi nóng khi lạnh bất-thường thì sự cư-xử của chân-nhân cũng khi nam khi bắc, khi mạnh khi êm, khi nóng khi lạnh, không sai tí nào, nhưng tự làm thành không sai được là nhờ công-phu tri-não một phần to. Đó là một đản-kê một mối cảm-sinh của cá-nhân đối với đồng-chúng, còn biết bao nhiêu mối cảm-sinh khác lẽ Trời xảy-văn cho mình, mình đối với thân mình, với nhà, với nước, với thiên-hạ, với cỏ-nhân, với hậu-thế, với cảnh-sắc thiên-nhiên, với công-trình nhân-tạo... đối với thân-ngoại chỉ vũ-trụ, mình phải cư-xử cho trung-tiết cho bất-du-cú. Biết được bấy nhiêu điều nghĩa-vụ, mà biết cho ra trở biết, đã khó; làm hết bấy nhiêu nghĩa-vụ, mà làm cho được thuận giống dòng hương, lại khó biết dường nào! Một mình gàn vác hết thấy những thiên-chức ấy, khi nào cũng hợp tâm với trí mà thi-vi, lần ngày không phải miễn-cưỡng nữa, cái tâm cảm-làm sao, cái trí xui làm sao, tự-nhiên làm ra là hợp lẽ. Đến bậc đó, tựa-hồ như trong tâm-thân có cái tia sáng thần-linh nó đưa đường chỉ nẻo, sáng-sủa không-khoản, không có gì trở-ngại do-bàn được nữa. Cái thần-quang đó, tức trên kia tôi gọi là hiệu-khi, là tuệ-giác, hoặc là tinh-thần vậy.

Cũng do vũ-trụ cảm-tình, cho nên chân-nhân nhất-diện tu-thần dưỡng tính cho mình để dành, nhất-diện lại bổ sức hồ-hảo cớ-từ cho thiên-hạ được như mình, nghĩa là cớ cho thiên-hạ sinh-hoạt một cách hợp lẽ Trời. Hoặc cải-chính cái đã có rồi, cho hợp-thời, hoặc trừ-khử cái hồ-hảo, đặt đi cho đúng phép, hoặc trước

truyền-bá tư-tưởng, hoặc lại kiến-pháp lập-công, để cho thiên-hạ noi theo, cúng-tân-tuy cho lễ Trời, đến khi tất nghỉ về với Tào-hóa mới thôi. Chân-nhân, chân-nhân, biết bao giờ ta được thấy chân-nhân xuất-thế!

Hoặc có người hỏi: Chân-nhân như thế, thì bao nhiêu đức-tính tốt, như trung-hậu, thành-thực, phong-nhã, kiên-nhẫn... chân-nhân có hàm-dưỡng cho đạt đến mấy đức-tính đó chăng? Xin đáp: hoặc-giả lắm to, chân-nhân có hàm-dưỡng cho đạt đến những đức-tính tốt mà làm gì! Xưa nay người đời cũng vì chỉ muốn đạt cho đến đó là tuyệt-nhân-gian chỉ phẩm-giá, cho nên đi-hàn không biết chừng nào. Giả-dối cũng vì đó, mơ-màng cũng vì đó, mà không bao giờ bước đến những đức-tính tốt ấy cũng vì đó. Tôi xin giải rõ: Ta hằng thứ lấy một cái đức hiếu mà nói. Có phải xưa nay ta cứ cho rằng làm người phải tu-luyện cho đến đó không, có phải ta cứ bày vẽ cho con em phải ăn ở theo đó không, sao mà dấu tu-luyện bày vẽ mấy cũng không đạt đến hiếu, mà vì tu-luyện hiếu mãi, bày vẽ hiếu mãi, thành ra đối với hiếu cũng mơ-màng hồ-hững là nghĩa làm sao? — Chỉ vì cho hiếu là tuyệt-dịch đức-tính mà thôi. Thù-bất-tri hiếu bất-quả là cái hiệu-quả, hay cái danh-từ của cái hiệu-quả của sự ăn ở của ta đối với cha mẹ theo tính cảm-sinh dịch-hóa của lễ Trời mà thôi. Sao không bảo rằng: cha mẹ cùng ta lễ Trời đã liên-lạc nhau rồi đấy, ta phải ăn ở theo lễ Trời. Nếu bảo thế, vì thật theo được thì không cần hiếu mà hiếu cũng tự-nhiên có. Ấy, cái vi-cơ có bằng một sợi tơ, không xét thì lắm to. Nếu ta chỉ cần đạt đến những đức-tính tốt mà thôi, lâu sao cho được trung-hậu, thành-thực, phong-nhã, kiên-nhẫn, cần-kiền... mà thôi, nào có khác gì một cái biếc kia khuyên nhủ các con phải làm theo cho nhiều lúa

nhiều khoai, lấy lúa khoai làm tối-cao hi-vọng của đời người, sao không khuyên-bảo con nên cấy sâu cấy bẫm, lật cổ bón phân, vì khuyên-bảo như vậy thì không cần lúa khoai, mà lúa khoai hẳn không có chỗ để. Vì người cha lắm lấy thành-hiệu dạy con, cho nên trong con đến nỗi có đứa chỉ mơ-màng đến lúa khoai, mà chung-thân không thấy lúa khoai, hoặc lại có đứa lên rừng xuống biển mà tìm lúa khoai, hoặc lại có đứa gian-dối trộm cắp, vận động trăm khoanh cho có lúa khoai, thì cái làm người cha rất to, mà cái tội người cha tưởng cũng là nặng. Nói về đức-tính tối cũng như thế. Không, chân-nhân có cầu các đức-tính tốt làm gì, chúng-nhân có cầu các đức-tính tốt làm gì, chỉ cầu biết lễ Trời cảm-sinh thế nào, dịch-hóa thế nào, ăn ở cho hợp lễ Trời là được. Nếu ta ăn ở trái lễ Trời thì tự-nhiên có cái tên các tính nết xấu biểu-lộ sự trái đó ra, nghĩa là nếu ta ăn ở với cha mẹ không phải thì ta sẽ là bất-hiếu, ta hư ta tội là không phải vì ta là con bất-hiếu, chỉ vì ta không cư-xử cho thuận-lý mà thôi. Tôi tin rằng nếu cứ thiên-hạ ai ai cũng biện-biệt đức-tính tốt xấu là danh-từ nhân-tạo, với sự thuận lễ Trời là công-lệ thiên-nhiên, thì phẩm-giá loài người cao lên được nhiều lắm.

Chân-nhân đã vậy, chân-xã-hội thì sao? Chân-xã-hội có hai cái tính-cách, một là hoạt, hai là động. Hoạt là đại-biểu tính cảm-sinh, động là đại-biểu tính dịch-hóa. Tôi mơ-tưởng một cái xã-hội, trong ấy ai ai cũng tùy-tài tùy-lực, thuận theo cho đúng những cái vũ-trụ cảm-tính thuộc về phạm-vi của mình. Vì mình tài-lực hơn hay là kém, thì cái phạm-vi ấy rộng hay là hẹp, nhưng dù rộng dù hẹp mình cũng làm trọn hết cái mình khả làm. Nếu được như vậy thì cả nhân-loại đều thương-yêu nhau, đều sống trong trật-lự, không có cái gì là huân-chưng lên mỗi tương-

khuyh tương-loát nhau nữa sớt. Đã đành rằng trong cái « ý-trung xã-hội » đó, cái giới-hạn nội và nước vẫn còn, nhưng nội nào cũng được tự-tiện lấy nội ấy, nước nào cũng được tự-trị lấy nước ấy, mà trong những nội những nước, lý-tưởng chế-độ cũng đại-đồng tiểu-dị, vậy thì có phân-biệt cũng là phân-biệt cho dễ sinh-hoạt mà thôi. Trong cái xã-hội đó, nhân-dân cũng cứ có nhiều hạng, hạng thượng-lưu có trí-thức có tài-năng, hạng hạ-trung-lưu thì kém trí-thức kém tài-năng, hạng thì làm nghề này nghiệp nọ, hạng thì giàu có, tổng thiếu, tuy không giống nhau, nhưng vẫn làm hết thiên-chức của mình, vẫn bình-dẳng nhau, nghĩa là vẫn không phải cầu bình-dẳng mà cứ bình-dẳng không sai. Trong nhân-quần ấy, về phương-diện trí-thức giàu nghèo, vẫn có khác nhau, nhưng mà vì theo lẽ Trời, cho nên về phương-diện giáo-hóa, đạo-đức, xã-hội nhất-luật bình-quyền, vả lại bất tri kỳ nhiên nhi nhiên, không phải yêu-cầu, cạnh-tranh, chém giết nhau mới được. Người trong cái xã-hội ấy không thượng vật-chất, mà thượng nghĩa-vụ, thượng tinh-thần, mỗi người mỗi nghề làm-lụng, để nuôi xác-thịt, để dưỡng sự phủ-dục, để báo-bản trụy-viễn, nhưng sự nuôi xác-thịt chỉ đến khả-dĩ giúp cho tâm-thân khỏi vì nghèo đói mà thui mòn đi là cùng, chứ chẳng bao giờ nuôi xác-thịt để nuôi dục-tinh cho đến nỗi vì xác-thịt vì dục-tinh mà tâm-thân một lâu một bại-hoại. Dưỡng-thân có thể mới chánh-dáng. Người trong xã-hội ấy cũng không mê lý-tưởng quá như xã-hội cổ Ấn-độ, mà bỏ cả thực-cế hữu-dụng, đến nỗi sinh-hoạt một cách mơ-màng chấp-nệ, nhưng cũng không thượng mưu-thuật xảo-quyệt để sự giao-tế mất vẻ chân-thành giản-dị, và thuần-phác như cổ-phong. Nói tóm lại, trong cái chân-xã-hội đó, lấy thuận lẽ Trời làm tôn-giáo, lấy tinh-thần làm căn-bản,

thực-tế mà nhuận-sắc, không cạnh-tranh mà hòa-bình, không cường-quyền mà bình-dẳng, không tự-do mà thuận-lý... Xét ra cái cổ xã-hội ta cũng gần được như thế, chỉ thiếu cái vẻ boai-bát, cái phần kỷ-cương, cái đường-lực-lượng nữa mà thôi.

Tuy-nhiên muốn được có tình « hoạt » như thế, tất phải có chế-độ, luân-lý, phong-tục, pháp-luật, thay cái lý-tưởng ấy cho thiên-hạ theo. Nhưng theo tinh dịch-hóa của lẽ Trời, chế-độ, luân-lý, phong-tục, pháp-luật, theo mãi rồi cũng có ngày lưu-tệ, cho nên trong xã-hội lại phải có một hạng người thức-giả đứng lên mà quan-sát thời-nghĩ, mà sửa đổi cho hợp thời. Sửa đổi theo trật-tự như vậy thì cái diện-mục êm-ái, cái tinh-thần hòa-bình, khi nào cũng giữ được. Sự-nghiệp bọn tiên-giác đó có hai điều, một là dưỡng-tâm cho thiên-hạ, hai là khai-trí cho thiên-hạ; bọn tiên-giác đó tôi mong cho được một phần mười nhân-dân là tuyệt-phẩm. Thuận tinh cảm-sinh mà hoạt như trên kia, tùy tinh dịch-hóa mà động như thế này, ấy là chân-xã-hội của tôi đó. Không cao-siêu gì nhưng chính vì thế mới khó đấy...

VII

Văn-minh Tây-phương

Từ đây về trên, tôi chỉ bàn về nguyên-sự-lý, lại nói qua về cái lý-tưởng riêng đối với cá-nhân và xã-hội. Ấy là thuộc về « phần nguyên » trong bài luận này. Nay lại xét qua hiện-tình của thế-giới và hiện-tình trong nước, ấy là thuộc về « phần thực ». Hiện-tình của xã-hội chỉ có sự gặp-^{gặp} Tây-phương với Đông-phương, và những dư-ba ảnh-hưởng của sự gặp-gỡ ấy là quan-bà hơn. Đã đành ai cũng mong-mỏi cho nhân-loại được loát-dàng, được bình-dẳng, nhưng tôi tin rằng nhân-loại không phải chỉ có người thủy-thô, mà các giáo chủ đã

đáy, khởi-thủy có nhiều cặp đôi nam nữ, ở tán ra mỗi đôi mỗi nơi, kỳ-thủy giống nhau, nhưng vì sự ảnh-hưởng của *hoàn-cảnh, thủy-thổ, khí-hậu*, làm cho bây giờ ra nhiều nòi, nhiều nước. Cái đó sự đã dĩ-nhiên rồi. Cũng vì lẽ « *hoàn-cảnh ảnh-hưởng* » cho nên Đông-phương và Tây-phương mới khác nhau đến thế. Một điều đáng lạ, là xét về hai cái văn-minh Tây-phương Đông-phương, nghĩa là về phần thực-sự mà cũng đúng hệt như đoạn lý-luận lẽ Trời có cảm-sinh, có dịch-hóa, loài người có tâm có trí, xã-hội có hoạt có động, mà văn-minh đôi bên cũng đều thiên về một đàng, không hoàn-toàn cả hai phương-diện. Tôi nghiệm ra rằng văn-minh Đông-phương ta thiên về cảm-sinh, về tâm-cảm quá, còn văn-minh Tây-phương thiên lệch về dịch-hóa, về dưỡng-trí quá. Vậy nay xin chúng giải câu nói của tôi đó.

Ấu-châu trên một miếng đất không to hơn nước Tàu là mấy, mà gồm có nhiều nòi nhiều nước. Đã có nhiều nòi, nhiều nước, thì tự-nhiên sinh ra mỗi cạnh-tranh tự lúc đầu. Mỗi cạnh-tranh lại dễ đạt là vì Ấu-lục không có một cái thiên-hiềm nào ngăn-trở sự vãng-lai giao-thông cả. Đó là khởi-diểm *tinh cạnh-tranh* của văn-minh Tây-phương. Hai là cổ văn-minh của họ, cho rằng loài người phải làm thầy cho Tạo-hóa, cho nên văn-minh họ có cái *tinh-cách biến-động, cái tinh-thần chủ-động*, đồ sáo cho thắng được thiên-nhiên mới nghe. Vì sao lại cho người là chủ-nhân-ông giữa Trời Đất ? Chỉ vì văn-minh Tây-phương khởi-nguyên từ bờ biển Địa-trung-hải, khí-hậu đẹp tốt, cảnh-sắc mĩ-miền, làm cho người ta khoan-khoái, có nghị-lực muốn tấn-thủ. Mấy nước có văn-minh bên họ, là mẹ đẻ cho cái văn-minh bây giờ, như Ai-cập, Hy-lạp, La-mã, v. v., toàn-thị cũng ở trên bờ biển ấy cả. Nhân-dân ở xứ ấy sớm đã theo về nghề hàng-hải

mà muốn vượt biển qua sông, ắt phải chiến-thắng ba-đào, thu-thúc dậm khơi lại, vì đó cho nên cái tinh-thần chủ-động, cái tinh-cách biến-động đã in sâu vào não-cân Âu-nhân tự thừa nọ. *Một là cạnh-tranh, hai là biến-động*, văn-minh họ chỉ có chừng ấy.

Cạnh-tranh chia ra nhiều hạng. cạnh-tranh tôn-giáo, cạnh-tranh dân-tộc, cạnh-tranh đẳng-cấp, cạnh-tranh quyền-lợi, v. v.,

Mình-dọc Gia-giáo-sử thì biết bên họ cạnh-tranh tôn-giáo ra thế nào. Đông danh giáo-chúa, chém giết đồ-dệ, người tử vì đạo không biết bao nhiêu mà kể. Đến khi Gia-giáo gian-truân mấy đời, nhờ tự mình cạnh-tranh đã lan được sang La-mã, mà nổi bị cạnh-tranh cũng chưa giảm. Thường đến ngày chủ-nhật, dân La-mã bắt những người tã-đạo, đưa ra kịch-trường cho hùm beo ăn sống, khàn-giả vỗ tay reo mừng. Tiếp đó đến tám trận Hồng-thập-tự, Gia-giáo cạnh-tranh với Hồi-giáo, vua quan chủ-trương, nhân-dân theo hùa, chết được cho thập-tự lấy làm vinh-dự lắm. Cho đến đời sau đây, Gia-giáo chính-phái với chi-phái tranh-danh nhau, máu sông thây núi nghĩ mà rùng mình. Trong trận Tôn-giáo chiến-tranh, nước Pháp với nước Đức thiệt hại biết dường nào. Tranh-đoan hai giáo-phái đến bây giờ vẫn còn, nhưng phạm-vi có rộng hơn mà có hòa-bình hơn. Ngày nay tôn-giáo thấy quyền mình giảm, hết sức cạnh-tranh với chính-trị, để bành-vực lấy lợi-quyền thanh-giá của mình. . .

Cạnh-tranh về dân-tộc, về nước này với nước nọ, tuy không thâm-thê bằng thế, nhưng kịch-liệt không kém mà liên-tiếp không đời nào dừng. Trước kia thì La-mã dân-tộc, chinh-phục các nước ở men bờ biển Trung-hải, tự giấp-giới Á-châu cho đến Đại-Tây-dương, đều phục-tùng mệnh-lệnh mình cả, lập nên La-mã đế-quốc, rất mực rực-rỡ mà cũng rất mực áp-chế. Tiếp đến giống Hung-

nô, giống Nhật-nhĩ-man-chiến-tranh với các nước ở Tây-Âu. Rồi đến giống Hồi-hồi lên chiếm-giữ đất I-pha-nho và Pháp-lan. Kỳ-gian còn có lắm dân-tộc chiến-tranh nữa không kể xiết. Ngày nay thì lại nước này hiềm-thù với nước kia, sau trận Âu-chiến mới rồi, các nước ngoài mặt giả hiệp-ước, hội-hề với nhau, nhưng trong ruột vẫn muốn nuốt sống nhau có khi. Minh xét đến đây mà bất cảm trong trí lấy làm lạ, bên Đông-phương ta, dân-tộc cạnh-tranh có đến nỗi nước ấy bao giờ.

Nay bàn về lợi-quyền cạnh-tranh và đẳng-cấp cạnh-tranh, hiện đương làm món cơm bữa cho Âu-châu. Từ đời thượng-cổ, về thời-dại La-mã đã có bọn tự-do, bọn nô-lệ, bọn quyền-quí, bọn cùng-dinh, đến đời Phục-hưng, lại có bọn quân-phiệt, bọn quyền-quí, bọn nô-dân, đời nay lại có bọn tư-bản, bọn lao-dộng, bấy nhiêu bọn có thể chia làm hai hạng, gồm hết gần thầy nhân-dân trong xã-hội, là hạng cường-quyền, và hạng bị cường quyền áp-chế, hai bên xung - đột nhau, kiếp kiếp đời đời, khi công-nhiên, khi bí-mật, khi kịch-liệt, khi ôn-hòa, nhưng mỗi tranh-đoan không dừng. Tiếng súng to nhất, phát ra ở Pháp-lan, cái vang-hưởng sang đến nước Nga, mà hưởng ứng có lẽ mãnh-liệt lan rộng hơn nguyên-âm.

Sau đó đến kinh tế cạnh-tranh; nước nào nước nấy cùng-tưởng cực-tư, chăm nom cho thương-nghiệp và kỹ-nghệ của mình, được chiếm thủ-khoa trong trường kinh-tế của thế-giới. Ai nấy lo ngày lo đêm đi lấy thuốc-dịa, để hóa-vật của mình tiêu-thụ cho mau. Lại hết sức thu-dụng các lợi-nguyên của thuốc-dịa, đem về để chế-tạo ra hóa-hạng, mong giúp cho thương-nghiệp phát đạt mãi lên. Mệnh-mạch của họ là buôn bán và kỹ-nghệ, mà cây gươm của họ, là cái máy và đồng tiền. Cạnh-tranh kinh-tế lại mượn cái cạnh-tranh chủng-tộc mà thi-hành, và lấy cái cạnh-

tranh đẳng-cấp mà lợi-dụng. Xã-hội của họ, cũng ví như con giống tổ, như ngọn hỏa-sơn, cạnh-tranh, xung - đột thế, mà họ diễm-nhiên chịu được ấy cũng lạ... Đó là dân-kề một vài mối cạnh-tranh làm thí-dụ, còn kỳ dư, dẫu không quan-hệ, nhưng vẫn có luôn. Sau này cạnh-tranh đến đâu nữa ta cũng không dám đoán trước. Về sự thực thì cạnh-tranh như vậy mà học giả ở ngoài lại phụ-họa vào, tự dưng lên 6 lên 7, ở học-đường đã dạy rằng: « Đời người là một cái chiến-trường đầy »; thứ nhất là từ khi học Đat-nhĩ văn ra đời, thì ngoài sự cạnh-tranh, Âu-châu không biết gì nữa.

Cũng vì cạnh-tranh cho nên biến-động. Về địa-thể cương-vực thì thay đổi luôn. Nay qua phân đất này, mai hợp nhất nước nọ, sự cát-cử không dừng. Về tư-tưởng-giới lại rõ-ràng hơn nữa, Gia-giáo biến-đổi làm Cơ-đốc, tôn-giáo phân-lia với chính-trị, thần quyền biến-đổi làm nhân-quyền, quân-chủ biến-đổi làm dân-chủ, làm đại-dòng cộng-sản..., còn về cách sinh-hoạt về xã-hội, cũng nay khác xưa nhiều. Bởi cứ tư-tưởng cho rằng người ta là chủ-nhân ông đối với thiên-nhiên, cho nên về đời Hy-lạp La-mã đã giỏi về nghề hàng-hải, nghề kiến-trúc, cách chế-tạo y-phục khi-mãnh lắm rồi. Về đời đó, phong thế - tục đã đạt đến cực-diễm, phép võ-bị ngày một thiện-mĩ. Con nít sinh ra là dạy cưỡi ngựa và bắn cung. Thế tục và binh-pháp đời xưa đời nay bên họ kiến-trọng như thế là cốt để đào-tạo lên hạng người có thể chiến-thắng được tạo hóa, được xã-hội mà thôi. Kế đó, khoa-học và mỹ-thuật phát-dạt cực-tiêm. Nhờ khoa-học, tạo-hóa có cái gì là họ soi-móc hết, lợi-dụng hết, nhờ mỹ-thuật cho nên tạo-hóa có cái gì đẹp cái gì xấu (xấu họ cũng cho là đẹp) cũng lợi-dụng cả, cho đến ngày nay, nghiêm-nhiên làm một cái cơ-khí thời-dại. Do cơ-khí-chủ-

nghĩa, cho nên về phương - diện cạnh-tranh, phương-diện cường-quyền, hành-dộng lại đặc-lực lắm. Đồng-thời với khoa-học và mĩ-thuật, vật-chất chủ-nghĩa cũng tăng-tiến lên. Cách sinh-nhại ngày một xa-hoa, cốt làm sao cho cực-kỳ khoái-sướng cái nhục-thể, liễu chán hoa chè, nọ kẻ gì tổn kém, nọ kẻ gì đạo - đức...

Tự đây về trước, lạo-thảo bàn qua hai cái tính-cách cạnh-tranh và biến-dộng của văn-minh Tây-phương, nay lại xét đến những ảnh-hưởng hoặc hay hoặc dở của cái văn-minh ấy. Trước kể những ảnh hưởng hay.

a) *Một là tính cải-lương* — Nhờ tính cạnh-tranh và biến-dộng cho nên về đường sinh-hoạt của xã-hội có cái vẻ nhật-tân khả-mộ. Nếu có một sự gì trái ý, thì kẻ thức-giả đua nhau cạnh-cải tiến, thành ra không có gì là bại-hoại hủ-lậu thậm tệ quá.

b) *Hai là các công-đức* — Muốn cho được cạnh-tranh và chủ - động, một người tất không làm nổi, phải gom-góp tài-lực nhiều người lại mới thành sự, cho nên họ có nhiều công-đức khả-ái, như tính hợp-quần, lòng công-nghĩa, v.v..

c) *Tính lực-hành* — Cũng vì cạnh-tranh với biến-dộng, cho nên người Âu-châu có nghị-lực thi-thố. Đạo-đức về Thiên-chúa giáo, hoặc học thuật các nhà học - giả, nhờ được tính ấy nên kiến-thi ra thực - tế được rõ - ràng, không phải - loanh quanh trong vòng lý-tưởng mà thôi. Xã-hội Tây-phương sở dĩ có một nền đạo - đức vững-bền là duyên ở đó, nếu không thì cạnh-tranh như thế, vật-chất như thế, chẳng khác nào một dân tộc - mọi-rợ bên Phi-châu.

d) *Tính hăng-hai mạo - hiểm* — Bao nhiêu công-trình vĩ-dại, kinh - thiên động-địa, thuần người Âu-hân kiến-lập ra cả. Chu-du khắp địa-cầu mà tìm đất mới, lên đến Bắc Nam-cực, vào đến

sa-mạc rừng xanh, qui sao cho được việc, người này chết không về, đã có lai-giả kế tiếp sau. Trong sự học-vấn, cũng kiên-nhẫn mạo-hiêm lắm. Chọi nhau với-trở lực, nghèo-dối, bệnh-tật, gươm-giáo, cầu học được thì thôi, thiệt cho mình cũng chịu.

e) *Năm là học-thức ba-cập khắp mọi nơi*. — Có nhiều nước đã thi hành cái luật cưỡng - bách nam - nữ giáo-dục, thành ra những sự mê-tin nhảm, một lâu một tiêu-trừ hết. Nhân-sinh cũng có phần sung-thiêm, ít mắc phải cái thảm chết đói, chết rét lắm như bên Đông-phương.

Thứ nữa nói qua đến những ảnh-hưởng dở của hai cái tính-cách văn-minh Tây-phương.

a) *Một là sự loạn-ly*. — Nhân có cạnh-tranh và biến-dộng, cho nên gây nên loạn-ly. Ngày nay chủ-nghĩa chủng-tộc, chủ-nghĩa quốc-gia, chủ-nghĩa cộng-sản như lửa lại phun dầu, đâm giết nhau, phân-tranh nhau, thật Âu-châu mồm nói hòa-bình mà không biết hòa-bình là đồ ăn gì. Văn - minh Tây-phương do đó có cái tinh-thần thượng-võ.

b) *Hai là chủ-nghĩa cường-quyền và đế-quốc*. — Vì cạnh-tranh quá độ, biến-dộng quá mau, cho nên lẽ Trời thì không thuận theo, mà nhân-dục lại bồng-bột. Mồm nói bình-dẳng nhưng ai mạnh thì khôn, ai hèn thì dai, chánh-phủ hà-hiếp nhân-dân, tư-bản hà-hiếp lao-dộng, dân-dăng hà-hiếp nhau. Trong nước đã thế, lại muốn bành-trướng thế-lực ra nước ngoài, bắt đầu Mĩ-châu Phi-châu, rồi tìm mò đến Á-châu. . .

c) *Ba là lạm-dụng tri-não, di-hại đến tâm-thuật*. — Đi đến đâu cũng trọng tri hơn trọng tâm, thứ nhất là trong trường kinh-tế, ai còn giữ nhân-nghĩa liêm-sĩ thì mục là khờ. Duy tiền nhi dĩ, hà tất viết nghĩa. Trong phép ngoại-giao, ngoài mưu-thuật, không còn gì khác... Vì họ trọng tri quá, cho nên dằng-tâm-thuật không có ra gì nữa, họa may là

trong phường dân bà con gái, hạng cùng-dinh hạ-hộ còn giữ được tinh-tế, còn đã gọi là thức-giã, « hành-dộng giã » thì toàn tri-thuật là tri-thuật. Xem ra văn-minh họ có cái phong-vị bã-giã của ta ngày trước. Xưa kia đồ-dệ ông Khổng nói đến sự nghiệp Tề-Hoàn Tẩn-Văn lấy làm thẹn, chẳng hay Đông-phương ta ngày nay có cái thẹn qui-báu đó nữa chăng.

d) *Bốn là khoa-học chủ-nghĩa và cơ-khi chủ-nghĩa.* — Vì muốn làm chủ-nhân-đồng cho nên ra sức phân-tích Tạo-hóa, lợi-dụng Tạo-hóa. Họ cho rằng một khoa học cũng làm cho loài người được hạnh-phúc. Gió mưa, ghềnh thác, sông bể, ... cái gì là mỹ-cảnh thiên nhiên, phải làm nô-lệ họ cả, hình như họ nô-lệ người ta chưa chán, còn phải nô-lệ Tạo-hóa nữa mới thỏa-mãn. Vì có khoa-học cho nên có cơ-khi chủ-nghĩa. Mồ than với cái máy là đồ ăn cho Âu-châu. Máy-móc có lợi ít có hại nhiều, ngày nay đánh nhau cũng vì hòn than và giọt dầu, ngày nay lạc-dòng bị hà-hiếp cũng vì máy-móc, ngày nay lửa máy triệu con em mạnh-mẽ vào chiến-trường mà giết cũng giết bằng máy móc 機 事 生 機 心, quả có như lời Trang Chu đã dạy.

e) *Năm là vật-chất chủ-nghĩa* — Vì cái tâm đã bỏ những không tu-đưỡng, mà cái trí lại tu-đưỡng quá, cho nên trí không giúp tâm, mà lại giúp cho nhục-thể, cầu sao cho khoái-sướng. Do cái họa đồ cho nên bao nhiêu vật-liệu nhờ máy-móc và khoa-học chế-tạo ra, tiêu-thụ hết kiệt, đến nỗi xa-xỉ hết chừng. Vật-chất đã khoái-mãn thì tự-nhiên nhàn-dục nổi lên, nam nữ tự-do, lấy làm lẽ-nghỉ bất khả vô ..

Bình-tĩnh mà xét đến văn-minh Tây-phương, tôi nghiệm ra rằng tinh thần văn-minh họ là gồm trong bốn chữ *cạnh-tranh* và *biến-dộng*. Tuy vì đó, điều hay cũng nhiều, điều dở không phải ít, nhưng mình có thể quyết-đoán

một lời công-bình rằng cái văn-minh ấy chuông trí hơn chuông tâm, có cái về lý-tình hơn là cảm-tình, có cái phong cạnh-tranh hơn là hòa-bình, có cái cách nào-nhiệt phồn-loại hơn là đơn-giản thuần-phác ... Theo lý-tưởng tôi như trên kia, thì văn minh ấy dầu có nhiều điều hay, nhưng toàn-thể mới là một phần ngon, một phần phụ trong đạo thuận-thiên của tôi mà thôi.

VIII

Văn - minh Đông - phương

Đông-phương tuy gồm nhiều nước, thì văn-minh cũng không phải một, nhưng xét ra các văn-minh có tiền-di mà thật đại-đồng, cho nên bài luận này là khái-luận văn-minh Á-đông cũng có hai cái tính-cách riêng, một là tính-cách *thụ-dộng bất-cạnh*, hai là tính-cách *thiên-trọng tinh-thần*. Nói cho cùng ra, thì hai cái cũng là một.

Trước ta hãy xét vì duyên-cớ gì mà thụ-dộng bất-cạnh và thiên-trọng tinh-thần, thứ đến ta sẽ kể qua ít cái thi-dự để chứng-giải cho rõ.

Nguyên-lai ở Đông-phương mình đất rộng mà nước ít nơi ít, mấy nước do lại nhờ nhiều thi-*hiểm* như là Hoàng-hải, núi Hi-mã-lạp, và các dãy núi về tây-bắc nước Tàu làm cương-giới. Đất đã rộng, nước đã ít thì người nước nào chắc quây-quần trong nước ấy, tập dữ tinh thành, lâu mãi cho yên-cư lạc-nghệp là hơn, mà lấy mạo-hiểm giao-hồng làm vô-ích. Đã không tương-ngộ nhau. Tây-vực ít khi biết đến Trung-quốc, Ấn-độ không có dịp nào thấy Việt-Nam, thì lòng cạnh-tranh hà-tăng mạnh-nhà, nhìn đến dãy núi cao ngất, mặt biển mênh-mông đã lấy làm khiếp, quay lại ở cái ở đó là hơn. Vì địa-thế rộng cho nên nghề sinh-nhai đầu tiên là nghề nông hàng-hải tuyệt-nhiên không biết đến, mà văn-tải cũng không cần lắm. Đã sinh-nhai về nghề nông thì thụ ơn Trời Đất,

chứ có dám chiến đấu với Trời Đất bao giờ. Trồng giống ngũ-cốc ra có nhờ Đất tốt màu mỡ-cho ăn mới được ăn, có nhờ Trời mưa nắng thuận-hòa cho hưởng mới được hưởng. Cho nên trong trí người thượng-cổ đã cho nhân-tạo là ti-tiểu, là vô-lực, sớm đã phục-tùng uy-quyền của Tạo-hóa thiên-nhiên rồi vậy. Thấy vũ-trụ bao-la mà thân người không tày cái kiến, cho nên chiến-chiến căng-căng, thấy sấm sét nổ là Trời Đất ra uy, thấy bệnh-lát đói rét thì nghĩ là Trời Đất hình-phạt, cho nên tuy ở dưới cõi trần-hoàn này mà tâm-hồn vẫn bán-khoản tự-vấn không biết Trời nó ra làm sao, ý trời chỉ trời mệnh trời ra thế nào. Khi đã tự-vấn như vậy, tức-thị đã ham-mê về tinh-thần siêu-việt rồi vậy. Kể đó thì có các nhà triết-học mới ra đời, suy-diễn cái câu tự-vấn trên kia, mà lập nên tôn-giáo, học-thuật, phong-tục, chế-độ, mà lòng mộ-tinh-thần siêu-việt cũng tự đó mà phát-sinh vậy. Nói tóm lại, vì địa-thế mà không có tinh-cạnh-tranh, vì nghề nông cho nên có tinh-cách thụ-động, thiên-trọng tinh-thần.

Tôi hằng lấy việc tôn-giáo học-thuật mà nói: Bắt đầu ở Trung-hoa tự đời Nghiêu Thuấn trở xuống, tôn-giáo học-thuật đã phân ra hai phái, lúc đầu còn giống nhau đôi chút, sau rồi rõ-ràng phân-đối nhau, là Đạo-phái và Nho-phái. Bên Đạo-phái như Hứa-Do, Tiếp-Dư, Lão-Nhiêm, Trang-Chu, Liệt-tử, cho đến đời sau phái thượng-tiên, phái tu-luyện, thì chủ-trương sự di-dưỡng tính-tinh, lánh xa cõi tục; một bên Nho-phái như Nhị-đế, Tam-vương, Chu-công, Khổng-tử, Mạnh-Kha, cho đến Tống-nho Minh-nho, thì chủ trương sự lực-hành sở-học ra thiên-hạ, theo sự tâm-thường trung-dụng; hai bên một vực một trời mà trong bốn nghìn năm không có khi nào xung-đột nhau đến lưu-huyết. Tuy kỳ-gian cũng có cãi

lý nhau, chế-báng nhau, nhiều khi cũng kịch-liệt, nhưng nói đến sự chém giết nhau thì mệnh-nhiên không thấy. Về đời sau, tự nhà Hán trở xuống, Phật-giáo niêm nhập dần dần, hai nước khác nhau, giáo-lý cũng khác nhau mà cũng chẳng hề xung-đột nhau bao giờ, trải qua có lắm sự lôi-thôi, nhưng nói đến cạnh-tranh huyết-chiến thì không thấy. Ba-la-môn với Phật-giáo, với những chi-giáo ở Ấn-độ cũng hòa-bình vô-sự cả. Thần-giáo với Phật-giáo và Khổng-giáo ở nước Nhật khi xưa dung-hợp nhau cũng dễ-dàng. Có người hỏi: thế sao mới đây Gia-giáo truyền sang lại gây ra binh-đoan, là tại đâu? Xin đáp: nào Đông-phương có gây ra binh-đoan bao giờ, xem như ở nước Tàu về đời Minh, Thanh, nước Nhật về các đời Nam-phương qui-tộc, nước Việt-Nam về chúa Nguyễn và Gia-long, Đông-phương che-chở cho các linh-mục giảng-sĩ từ-lẽ biết đường nào...

Học-thuật chính-thuật đã thế, phương-diện xã-hội cũng không khác nào. Gốc thiên-hạ không có giai-cấp, ai có tài thì hơn, ai có sức thì được, nào có thấy đảng quan-liên chiến-đấu với đảng hạ-dân bao giờ, nào có thấy đảng phú-hộ cạnh-tranh với đảng nghèo-cùng bao giờ, nào có thấy đảng quốc-dân phản-đối với đảng chính-phủ bao giờ. Đã không có trở-lực, sao có phản-động-lực, đã không ăn cướp nhau thì có bênh-vực yêu-cầu làm gì, đã không biết bênh-vực yêu-cầu thì quyền-lợi có trong tay hình như không biết rằng có, bình-dẳng có trước mắt mà không thấy giai-cấp là ở đâu. Xã-hội Đông-phương là một cái xã-hội lễ-nhượng, mà văn-minh Đông-phương xem thế không phải là bất-cạnh hòa-bình là gì?

Vì sao mà bất-cạnh? Là do tinh-thần thụ-động như trên kia tôi đã giải qua. Nói cho đúng ra thì dân nào khi mới kh-i-thủy cũng có tinh thần thụ-động

đối với thiên-nhiên hết cả, nhưng vì ở Đông-phương nghề sinh nghiệp đầu tiên là nghề nông, cho nên cái tinh-thần ấy còn giữ mãi cho đến giờ.

Ở Trung-hoa, tự đời nhà Châu trở lên, có thờ thiên-địa thần-ký. Tinh-hà nhật nguyệt, danh-sơn, đại-xuân, đều có tế cả. Trong thời-kỳ đó tế-tự như vậy, là hãy còn thuộc về mê-tin mà chưa phải là tôn-giáo, cho nên tinh-thần phục-tùng thiên-nhiên chưa sai-suyễn chút nào. Về đời đó, hề có nhật-thực nguyệt-thực, hoặc một cái tai-biến gì khác, thì ở miếu - đường, đình-liệu rục-rủ, chiêng trống vang lừng, các quan-liêu phải hội-triều để tự trách phạt cho Trời bằng lòng. Nếu có quan chức nào tri-khiếm, thì đưa quân vắn tội. Nếu có hoàng-trùng thủy-hạ, hoặc thiên-tai khác thì vua quan tự trách, nhịn ăn nhịn uống, nửa đêm thắp hương qui giữa trời để tỏ ra lòng cải-quá. Nói gộp lại, tự Xuân-thu trở lên, sự thụ-dộng còn có cái tinh-cách phục-tùng, khiếp-sợ. Còn Xuân-thu trở xuống, thì phục-tùng lại biến ra làm *tái-bối phục-dục*, mà khiếp-sợ lại hóa ra làm *truy-viễn báo-bản*. Tuy vậy, sự thụ-dộng cũng một. Vì sao mà trong tinh-cách thụ-dộng của văn-minh Đông-phương, lại có sự biến-cách như thế? Vì tự Xuân-thu mà đi, triết-lý mới phát-đạt, ông Văn-vương, ông Khổng-tử, ông Lão-Nhiêm, ông Trang-Chu, cho đến ông Mạnh-kha, ông Mặc-Địch, vân vân... các ông ấy đứng lên hô-hào, đem cái Trời thuộc hình thuộc khí chuyển làm cái Trời thuộc lý. Rồi ông thì nói *thiên-tâm*, ông thì nói *thiên-lý*, ông thì nói *thiên-y*, *thiên-chí*, cho rằng vạn-sự vạn-vật trong vũ-trụ đều do một cái lẽ tuyệt-đích mà sinh-tồn, người ta đã là một vật, cũng phải theo lẽ Trời mà ăn ở, thuận thiên là phải mà nghịch thiên là trái. Tự đó về sau, chư-nhò hàn-bạc cũng nhiều, nhưng cái bản-y thì không đổi. Cho cái gì là thiên-nhiên thì

phải kính-trọng kiêng nể, đến cái cây hòn đá cũng vậy. Đến ngày nay trong lễ-nghi thì có tế giao, tế thần, tế ma quỷ, trong danh-từ thì có ông Trời, bà Đất, ông Trăng, sơn-thần thủy-bà... trong lý-tưởng thì có số, mệnh, đức, biểu-dương ra cái tính thụ-dộng của người Đông-phương ta. Thụ-dộng thiên-sự cho nên đến nhân-sự cũng thụ-dộng: giữ-gìn trật-tự, phục-tùng cường-quyền mà không hề dám rục-rịch gì hết.

Vì thụ-dộng cho nên thiên-trọng tinh-thần. Trước ta hãy nói đến Ấn-độ. Về đời thượng-cổ, các đạo-phái xuất-thế, ẩn-núp vào trong rừng xanh núi lạnh, mặc áo cà-sa làm bằng giẻ rách, ăn rễ cây ăn hoa quả, uống nước suối, ngồi suy nghĩ đạo cứu-thế, lễ siêu việt, thường thường đi lại, thuyết-lý cùng nhau. Họ cho cái thế-giới hữu-hình là không đáng quan-tâm đến, họ lánh xa trần-thế để mà sống chết với tinh-thần. Kịp đến khi Thích-Già ra đời, lập nên đạo-Phật, thì chính lại là một đạo rất chuộng tinh-thần. Cho cái nhục-thể là cái nguồn khổ-não cho đời người, lại còn sợ gì cái khác, vật-chất bon nhục-thể nữa. Cả đạo Phật gồm có hai câu này: 正心滅欲以修德. 捨己忘身. 脫苦. Đã xả-ký vong-thân thì còn gì thô-lỗ nữa. Trong Phật-gia thập giới có năm giới như sau này: không được dùng những chất thơm - tho, không được nghe đàn hát và coi nhảy múa, không được nằm giường cao chiểu sạch, không ăn lắm bữa nhiều thức, không được giữ vàng bạc châu báu. Thế mà lại chung nhật định thiền, nghĩ cách giải-thoát, tưởng đến Nát-bàn, thì chuộng tinh-thần biết dường nào. Tôi cho trong thiên-hạ, không có nước nào trọng tinh-thần lý-tưởng và thù ghét vật-chất bằng Ấn-độ. Ngày nay nước mới suy, còn hay lấy nhần-nhục, cần-kIỆP, tinh-thần mà văn-hồi được, nguyên-phai vô-cố. Đạo Phật đi đến đâu, loài người thanh-tâm quả-dục được đến đó. Tôi

rất hâm-mộ Phật-giáo, tôi tin rằng một Phật-giáo cũng đủ chống-cự cảm-hóa được văn-minh Tây-phương; không biết ở nước ta, ai là người dễ tâm vào đó.

Nói về Trung-hoa (mà Nhật-bản và Việt-nam cũng vậy) ta cho tinh-thần là hơn, tự dòi thượng-cổ, vua chúa cũng đã chuộng sự cần-kiệm, ti cung-thất, áo y-thực, áo rách mới may cái khác, dầy hư còn chưa dỡ bỏ, mà chỉ bàn về đạo-tâm nhân-tâm, duy-tinh duy-nhất. Phái đạo-giáo cũng như Ba-la-môn, tị-thể dễ di-dưỡng tinh-tinh, chủ-trương sự dưỡng-thần 養神, cho phải vong-tâm diệt-tri dễ cùng với tạo-hóa tự-nhiên làm một. Đến trung-gian biến làm học luyện-đan, vào rừng mà mơ-tưởng đến Bồng-lai, Nhược-thủy, chuyện thực-tế lấy làm thô-tục. Nhất-biến nữa làm hạng tửu-bá thi-hùng, bầu rượu tới thơ, khóc đời người là gửi thác, cười thế-sự là tang-thương, đến nỗi những sự nhật-dụng thường-dàm, cũng không tri-ý. Nói đến đạo Khổng thì không khinh-miệt thực-tế bằng đạo Lão, nhưng phản-đối vật-chất thì cũng không kém. Ông Khổng nói: Cả ngày khoan tay làm cái gối kê, nằm vậy vui cũng có đó rồi. Các đệ-tử người thì đan-biểu lậu-hạng, người thì nhà dột tường nát mà cũng yên-cư học đạo, không lấy thế làm khó chịu. Thế không phải khinh vật-chất, trọng tinh-thần là gì? Đông-phương hình như không biết quyền-lợi vật-chất là cái chi chi, nhờ đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng dào nường mãi, thành nên một phương trời tinh-thần xằng-lãng, mà dân Đông-phương có thể gọi là một dân « thuần-lý ». Nói tóm lại, vì địa-thế, sinh-nghiệp, văn-minh, Đông-phương có tính-thần thụ-dộng thiên-công, bất-canh bất-tranh mà sinh-hoạt bởi tinh-thần lý-tưởng. Nay xin kể qua những ảnh-hưởng hữu hại về cái văn-minh ấy.

a) Một là theo văn-minh ấy là tính thực-hành — [Vi mê chuộng về tinh-thần quá, cho nên lý-tưởng thì cao mà không nghị-lực, không biết cách-thức thi-thố ra làm sao; bụng thì nghĩ đặt cái chế-độ này là để thực-hành cái lý-tưởng nọ, nhưng thực-hành đã không đúng, quay lại lại mâu-thuẫn với lý-tưởng, xem cách trị nước của các vua chúa Đông-phương thì rõ. Cũng vì thiên-trọng lý-tưởng cho nên cách hữu-hình sinh-hoạt cầu-thả lỗ-mổ, nhà cửa, đồ-dạc không có vẻ khả-quan. Tôi thường nói cầu-thả là bã-cặn của lý-tưởng. Nhiều khi dối rét tật bệnh cũng do đó.

b) Hai là tục mê-tin đa-thần — Vì tinh-thần thụ-dộng mạnh quá cho nên dân-gian hay tin nhảm, ma quỷ, đồng cốt, cầu kỳ, số mệnh, sao hạn, phù chú... cho nên về tri-tuệ không được khoan-khoái, mà lại hẹp-hòi, tưởng chừng đầu xung quanh cá-nhân, lại có một cái thế-giới vô-hình, có một loài vô-hình ở đó, chực tác-ác tác-nghiệt, nhất thuận nhất miện cũng không rời ta ra.

c) Ba là sự ngu-dối chấp-nệ — Học-thuật tư-tưởng đều cùn mòn mà đứng một chỗ, không mãnh-lãng mà tự-tân. Tây-phương họ chế ta không có khiếu sáng-tạo, tài kiến-thiết, chỉ có tính mô-phỏng ý-lại mà thôi cũng là phải. Xét ra người Đông-phương không thích cải-cách, chỉ muốn tuân theo tiền-nhân mà làm, cho thế là tốt rồi đấy. Cái tính giao-tất ấy do không dưỡng trí mà nên, mồm học dịch-lý mà sở hành thuần là khuynh-hướng về đường cố-chấp, thật trái với tính dịch-hóa của lẽ Trời.

d) Bốn là sự lưu-tệ về chính-trị. — Vì thụ-dộng chấp-nệ cho chính-trị với tôn-giáo cứ hợp làm một, vua quan là ông giáo-chủ, thành ra quốc-dân phục-tùng vua quan như giáo-dồ phục-tùng linh-mục, cho thế là nghĩa cả ở đời, trái lại là đại-nghịch bất-đạo, nhân sở bất xĩ. Nhân không có công-đức công-tâm,

nên vua chúa thường lợi cái nô-tính của quốc-dân đó mà sinh tư-dục tư-y, quan-lại cứ lợi-dụng cái tinh phục-tùng bất-cạnh đó mà hà hiếp-dân, mà nịnh-hót vua chúa, những thành cái thời-dại áp-chế bây giờ. Áp-chế Tây-phương là do hạng vua quan, áp-chế Đông-phương là do hạng dân-gian. Ở đây đọc sử Tàu và sử Nam đến chuyện gì là chính-trị là muốn ném sách thờ dài. Những người hữu-tâm về thể-thái tột-thanh chữ mắng quân-chủ, khích bác vua quan, cho là cái tệ-nguyên cái loạn-cẩn của xã-hội là ở đó; thù-bất-tri đó là một mối lưu-tệ của văn-minh ta, vua quan mang cái tệ ấy ra mùa rồi, nhân-dân ôm cái tệ ấy cúi mà phục-tùng đó mà thôi. Tuy-nhiên cứu nhất thời chỉ tệ, thử ngoại cũng làm sao hơn được giờ!

Về trước kể qua những ảnh-hưởng xấu, nay kể đến những cái tốt.

a) *Một là sự dưỡng tư-dức.* — Cạnh-tranh đã không có, vật-chất lại đơn-sơ, việc đời rảnh-rang, cho nên cá-nhân có ngày giờ mà tu-tâm dưỡng-tính. Về đức-tính thì lấy yên-tĩnh, tri-trọng, phong-nhũ làm đầu, về giao-tế thì lấy bực lão-thành kẻ lịch-duyet làm qui trọng. Tự mình thận-độc, đối với lương-tâm, lúc một mình, lúc trừ-nhân đều mong không có điều sai; làm việc nghĩa là vì nghĩa mà làm, chứ không hề đeo-dăng lấy con ma lợi mà làm. Tư dục đã dưỡng được, thượng hành hạ hiệu cho nên cách xử-tri được màu chất-phác thật-thà, thành ra phong-tục thuần-hậu, ít phần biếm-trá. Lấy-nhân họ chê ta không khéo thuật ngoại-lao, phải, ta nhận tội, ta thật không thông cái « đạo » ngoại-giao của họ chút nào. Xét ra Tây-phương có cái phong-trào nhân-quyền 人權, xô đẩy xã-hội vào trời giông-tổ, Á-châu có cái chủ-nghĩa nhân-phẩm 人品, đào-tạo xã-hội lấy cái vẻ hòa-bình, Than

ôi ! loài người khi nào biết đặt nhân-phẩm lên trên nhân-quyền, thì ta còn đến nông nổi này đâu!

b) *Hai là tinh bình-dẳng.* — Trong xã-hội giai-cấp không có cạnh-tranh, ai cũng như ai, không bè-dãng nọ, không bọn-phái kia. Của-cải bình-như cũng đại-dồng mà luật-pháp lại hạn-chế trừng phạt những sự bất-công bất-bình nghiêm-nhất lắm. Xét ra những điều lý-tưởng của Tây-phương, như cộng-hòa, bình-quyền, trật-tự, bác-ái, họ còn mong-mỏi, mà ở đất nước nhà đã thâm-cẩn dằng-buộc lấy duy-tru của xã-hội tự bao giờ. Có một điều tôi lấy làm tự-cao lắm, là bình-dẳng tự-do của Âu-châu thì do lợi do khí mà được, còn bình-dẳng tự-do của Đông-phương thì do tâm mà dục nên. Kể khách-quan nhìn vào, như sờ lên tấm nhung, không biết có mà vẫn có vậy.

c) *Ba là tinh khinh vật-chất thượng căn-kiệm.* — Vì trọng tinh-thần cho nên mới được thể. Tôi thường nói chơi với anh em rằng thiên-hạ sở dĩ loạn, chỉ do một sự xa-hoa; nay nghiệm lại cổ văn-minh Đông-phương, cũng tự-phụ là câu nói đúng. Bởi chỉ vì lợi-hại vật-chất mới đâm chém nhau mà thôi; còn khi nào tâm lại đâm chém với tâm bao giờ. Được như vậy, cũng nhờ sinh-nghiệp là nghề nông.

d) *Bốn là cái tính tốt đã thành thiên-tính.* — Còn nhiều tính tốt nữa, không sao rói hết. Đại-khải cái tuổi Đồ-gi-phương đã cao mà cái đời Đông-phương lại không biến-cách chi mấy, cho nên tự-do, bác-ái, bình-dẳng, căn-kiệm, nhân-nhục, hoặc các tư-dức công-đức khác đã thâm-nhập, di-truyền kế-thế, mưa Âu gió Mỹ đánh đổ cho được cũng còn lâu.

Tự đây về trên, lược-khảo về văn-minh Đông-phương, muốn ngắn mà không sao ngắn được. Bình-tĩnh mà

xét, thì vì lịch-sử, địa-thể, sinh-nghiệp văn-minh ta có hai tính, một là *thu-dòng bất-cạnh*, hai là *thiên-trong tinh-thần*. Nhờ đó xã-hội mình có cái về cảm-tính, cái đức bình-quyền bác-ái, cái phong thượng tinh-thần lý-tưởng. Nói rằng văn-minh Đông-phương là tâm-văn-minh, là cái gốc trong đạo thuận-thiên cũng không sợ là ngoa. Khuyết-diểm của ta chỉ ở sự không biết theo tính dịch-hóa của lẽ Trời mà thôi, tuy-nhiên đó bất-quá là cái ngọn cái vỏ.

IX

**Kết-luận về cái hiện-tượng của
Đông-phương và Việt-Nam
trong thế-kỷ thứ 20**

Lẽ Trời có một. Cái gì cũng do đó mà sinh, do đó mà có. Lẽ Trời vô kim-cổ, vô đông-tây. Lẽ Trời có tính cảm-sinh, nhờ đó vạn-sự vạn-vật mới sinh-hóa được, lại có tính dịch-hóa, dùng để đạt sự cảm-sinh, giúp sự cảm-sinh. Tính người như tờ giấy trắng, khả-dĩ-thiện, khả-dĩ-ác. Nhờ giáo-dục, hoàn-cảnh, tập-quan, di-truyền hoặc lịch-duyet, hợp-thuận được lẽ Trời, ấy là bản-năng thiện-thắng, trái-nghịch lẽ Trời là bản-năng ác-thắng. Muốn thuận lẽ Trời thì có tâm, tâm chủ cảm, nhưng muốn cảm phải biết, cho nên phải có não hướng-dạo cho mới hoàn-toàn mà không-sai lầm. Não chủ tri. Tâm làm chủ, não làm sự.

Chân-nhân là người biết dưỡng-tâm dưỡng-tri, thuận hết tính Trời, nghĩa là bao nhiêu mối cảm của loài người đối với vũ-trụ, chân-nhân suy biết hết thuận theo hết. Chân-xã-hội là gồm toàn-thị cá-nhân biết thuận lẽ Trời trong phạm-vi tài-lực của mỗi một người, biết thế là phải nên làm, muốn làm mà không làm không được. *Hoạt và động* là bản-sắc của-chân xã-hội. Hoạt do cảm-sinh, động do dịch-hóa.

Văn-minh Tây-phương có tính-cách chủ-động và cạnh-tranh. Thành ra thiên về dịch-hóa, thiên về trí-thuật. Một dịch-hóa, cảm-sinh không bao giờ thành, trọng trí, tâm không bao giờ cảm. Văn-minh Đông-phương có tính-cách thụ-động và hòa-bình. Thành ra khiếm-khuyết về sự dịch-hóa, xã-hội ngưng-trệ, cảm-sinh cũng không được; đến nỗi yếu hèn bị trí-thuật cường-quyền nó áp-chế, cơ-hở phá-hoại. Ấy hiện-tính thế-giới là thế, lý-tưởng về đời người là thế; mơ-màng đến lý-tưởng, ngẫm-nghĩ đến cuộc đời, đau lòng nhiệt-thành, hăng sức tiến-thủ, trong trí bèn phát ra « thập đại vấn-đề » như sau này, đưa ra vấn - thế, mong thiên-ha và quốc-dân có ngày giải-quyết xong.

10) Không thuận lẽ Trời có hoạt và động được không ?

20) Một dịch-hóa có cảm-sinh thành không ?

30) Không dịch hóa có cảm - sinh được không ?

40) Trọng tinh-thần phải, hay trọng vật-chất phải ?

50) Nhân-phẩm di trược hay nhân-quyền di trược ?

60) Cạnh-tranh hơn hay hoạt-động trong hòa-bình trật-tự hơn ?

70) Đạo học với khoa-học, bên nào có ích, bên nào có hại cho loài người ?

80) Cần-kiệm hơn, hay xa-hoà hơn ?

90) Nghề nông với buôn bán kỹ-nghệ, bên nào di hại cho loài người ?

100) Cường-quyền áp-chế hơn hay bình quyền công-hòa hơn ?

Trong mười đại vấn-đề đó, 3 câu trên thuộc về triết-lý, 3 câu thứ thuộc về xã-hội sinh-hoạt, câu thứ 8 thứ 9 thuộc về nhân - sinh, câu thứ mười thuộc về chánh-trị ngoại-giao. Tuy cả thấy có những mười câu, nhưng muốn

giải-quyết một câu nào, cũng phải nhờ đến 9 câu kia mà giải-quyết mới được. Mười câu tương-tự nhau mà chẳng hề tương-bội nhau. Xem *xuôi* là con đường loài người đi từ xưa đến nay, kết-quả là câu thứ mười : xem *ngược* là con đường loài người và quốc-dân phải bắt đầu đi từ bây giờ về sau. Mười câu do dùng mà mưu sự hạnh-phúc cho quốc-dân cũng được, dùng mà vãn-hồi thể-đạo, kiểu-chính nhân-tâm cũng vô bất khả ; dùng làm *mục-dịch* cho sự nghiệp mình đã dành, mà chính dụng làm *phương-châm* để đạt cái mục-dịch đó cũng bất ngoại thử. Tuy-nhiên xuất đời dị, đối đối nan, thiên-hạ nếu hay mãnh-nhiên nghiên-cứu mà giải-quyết mau mau, thì hạnh-phúc tương cũng không xa vậy.

Than ôi ! Nếu Thượng-đế sinh loài người ra là chỉ để cho Đông-Tây chém giết nhau, cho anh em cạnh-tranh nhau, cho người mạnh hiếp người hèn, người giàu đè người đói, cho loài người thành nên bể thảm, vùi lấp những cõn xương núi thịt của kẻ hèn nghèo, nếu Thượng-đế chỉ muốn cho « con vật » người này cả đời cứ xuẩn-dộng lo điều ưu thắng liệt bại, dạn-dối lừa-dảo nhau cho thỏa-mãn dục-tính, nếu nghèo-hèn trọn kiếp phải chịu nghèo-hèn, vô xuất đầu chỉ nhất nhật, giàu-mạnh chỉ chung - thân bạc-ác, không có chút cải-quả, nếu những chữ *nhân-nghĩa*, chữ *công-ly*, chữ *bác-ái* chỉ là chữ ngoài mồm, không bao giờ hiện ra sự thực, nếu như vậy, thì người ta có sống nữa mà làm gì, người ta có nói có làm nữa mà làm gì, mà tôi đây có thiết ra thập đại vấn-đề, nhờ quốc-dân thiên-hạ giải-quyết nữa làm gì ! Không, chắc bản-ý Thượng-đế không phải thế, mà loài người cùng quốc-dân còn có hi-vọng hơn thế... Bản-ý Thượng-đế nếu không phải thế, sao ngẫm đến việc đời việc nước, xem hết nơi gần nơi xa, đều ùn-ùn lên

những thảm-trạng tây Trời, tranh-yanh nọ những hiểm-tượng ghê gớm, để cho thập đại-vấn-đề phải ra đời, mà thiên-hạ phải mau mau giải - quyết, là vì có gì ? Ôi, buồn buồn ! nói ra thêm càng đau ruột !

Cái thảm-trạng, cái hiểm-tượng kia, tuy chung cho cả loài người, nhưng nó hiển-hiện ra ở đất ông Thích-Ca, ông Không-tử này lại rõ-rệt hơn, cả thế-giới đều chú-mục vào đó. Cái hiểm-tượng Đông-phương phải qua có ba điều, một là hiểm-tượng dĩ-nhiên, hai là hiểm-tượng đương-thời, ba là hiểm-tượng tương-lai.

a) Từ khi cái chủ-nghĩa tòa - quan bế-cảng của Đông-phương thất - bại, người Âu-châu lần lượt đến chung-chạ với Đông - phương : lấy lẽ từ hất giải huynh đệ, ở với nhau là để khai-thác lợi-nguyên cho nhau, mở-mang kinh-tế cho nhau. Đất Á-đông này thiệt không có chỗ nào chân Âu-châu không đạp đến. Tuy sự đó, người thực-giả thiệt không hề oán-trách gì người Tây-phương, cái văn-minh tỏ - truyền của họ, cái tinh-thế bất-đắc-dĩ của họ, bắt buộc họ phải làm như thế, họ nghiêm-nhiên làm nó-lệ cái văn-minh cái tinh-thế đó mà thôi. Nhưng sự đã đến thế, cái ảnh-hưởng không phải không quan-trọng. Trong các dân-tộc Đông - phương, vì đó mà dân-tộc thì yêm-yêm dục tử, dân tộc thì một miếng trảm dao, tinh thần-ái đời bên cơ-hồ đoạn-tuyệt. Ấy là đệ-nhất hiểm-tượng.

b) Dầu ai tranh luận gì mặc, binh-tinh mà xét văn-minh Đông - phương cũng là cái gốc cái cốt trong « nhân-đạo » mà văn-minh Tây-phương chỉ là cái ngọn cái vỏ mà thôi. Ngày nay hai bên gặp nhau, vì lẽ một bên ngọn vỏ mạnh mà bên gốc cốt yếu, cho nên cái văn-minh qui báo, cái văn-minh cảm-tình, cái văn-minh hòa-nhã ta một ngày một tiêu-ma hết

cá. Mới có nửa thế-kỷ mà cơ-hồ hết kiệt, sau lâu ra thì sẽ thế nào. Lại vì tương-phùng không lẽ không tương-thức, cho nên Đông-phương tất-nhiên cũng có tiềm-nhiêm văn-minh Tây-phương ít nhiều. Văn-minh họ đã là cái vỏ cái ngon, mình người ngoài học lấy, chắc là học cái vỏ cái ngon trước. Cứ thế mà suy không biết độ một trăm năm nữa, cách sinh-hoạt về tinh-thần của người Đông-phương ta sẽ đến thế nào. Ấy là đệ-nhi hiềm-tượng.

c) Còn tương-lai. Tương-lai nếu sự thể xoay-vặn cái đệ-nhất hiềm-tượng mà vượt qua đi được — nào có chắc gì — thì Đông-phương sẽ trở nên một Tây-phương ngày nay, khác một nỗi loạn-ly hơn và cực cưỡi hơn. Nghĩa là ngoại-vũ đã không còn, thì huynh đệ công-nhiên huých vu tương, lại cạnh-tranh, lại vật-chất, lại cường-quyền, lại chiến-đấu, ra một cái tân-diện-mục, lên vũ-dải mà múa rối. Cái đám mây đen đưa trận giông-tổ tương-lai đến, đã bắt đầu ùn-ùn nơi chân núi sắp bay vào những đất hên-yếu, người mình nhiều kẻ viễn-lưu đến rồi, tất-nhiên không sớm liêu không tránh đâu được. Ấy là đệ-tam hiềm-tượng.

Ba cái hiềm-tượng đó, chung cho cả Đông-phương, chung cho cả nhân-loại. Nước Việt-Nam vì tình-thế cũng không tránh được đi đâu. Cho nên tôi kể ra đây, tưởng cũng không phải là vu-khoát. Minh khóc cho Đông-phương hay là tự khóc cho mình, xét đến thì rõ.

Tôi nhìn thấy cái ký-vãng cái hiện-tình xã-hội như thế, thấy có ba cái

hiềm-tượng đó là quan-hệ đến sự đời nhất, và can-thiệp đến tinh-mệnh mình nhất, cho nên tôi đã suy trong *Ký-vãng* và *Hiện-tại*, thiết ra thập đại vấn-đề, là có ý trông mong thiên-hạ nhiệt-tâm giải-quyết, để cứu-vớt lấy ba cái hiềm-tượng trên kia cho loài người được vô-sự. Nói đến phương-diện quốc-gia, đồng-bào người nào biết muốn giải-quyết thập-đại vấn-đề là tỏ ra cái lòng muốn làm hết hại cái nghĩa-vụ này:

10) Một là làm cho nước Nam thật nên một nước chân-chính.

20) Hai là làm cho nước Nam chân-chính đó, có một cái bản-lĩnh chánh-dáng về tinh-thần về thực-tế để cầu vĩnh-viễn sinh-tồn.

Bản-ý tôi viết bài luận này là cốt nhắc lại cho đồng-bào hai cái nghĩa-vụ đó. Vì ai run-rối, đã có ba cái hiềm-tượng trên kia, cho nên hai cái nghĩa-vụ này mới phải ra đời; làm được hai cái nghĩa-vụ ấy, tức thì tránh qua cho tổ-quốc được ba cái hiềm-tượng kia. Nếu không thì vĩnh-kiếp nó lè mà thôi, vĩnh-kiếp nhỏ-nhen mà thôi! Tôi sờ-dĩ bóng-lông bàn qua đến sự-ly, đến hiện-tình thế-giới và gộp lại thiết ra mười câu hỏi nọ, câu hỏi rộng-rãi mà thiết-thực, lý-tưởng mà phương-châm, là mong cho anh em chị em cùng nhau giải-quyết, họa may có giúp vào công việc văn-hồi quốc-vận, phụ-cứu quốc-nguy được chút nào chăng, đó mà thôi.

TRẦN VĂN-TĂNG

TRÍCH-DỊCH CÁC SÁCH CỦA ROUSSEAU (LỮ-THOÀ) (1)

III

5. -- LỜI TUYÊN-NGÔN CỦA ÔNG CỐ ĐẠO ĐẤT SAVOIE

Bài này trích trong bộ tiểu-thuyết *Emile*, là một bài văn kiệt-tác của ROUSSEAU. Bản về tôn-giáo, trước hết ông nói rằng thường xét ý-kiến các bậc tiên-triết, thật là phân-vân bất-nhất quả, bèn quay về tự hỏi cái lương-tri của mình, thời bấy giờ mới biết rằng Thiên-chùa là có.

Trước hết ông phân-biệt cái bản-ngã (*le moi*) với cái vô-ngã (*le non moi*), và cảm biết rằng có một cái năng-lực thiêng-liêng làm chủ-dộng cho vũ-trụ. Ông nói rằng (giả-thiết là lời ông cố đạo):

— Tôi có sinh-tồn và tôi có giác-quan đề cảm mọi vật. Đó là điều sự thực để nhất nó kích-thích đến tôi và tôi không thể không thừa-nhận được. Tự tôi, tôi có trực-giác rằng tôi sinh-tồn không hay là chỉ cảm-giác ở ngoại-vật mà biết? Đó là cái nghi-đoán thứ nhất của tôi, hiện nay thời tôi không thể giải-quyết được. Vì lúc nào tôi cũng bị cảm-giác luôn, hoặc bằng trực-tiếp, hoặc bằng ký-ức, thời tôi thế nào mà biết được rằng cái ý-thức về « bản-ngã » của tôi là vốn có ở ngoài sự cảm-giác và đặc-biệt với sự cảm-giác?

Tôi cảm-giác là cảm ở tôi, vì khiến cho tôi biết sự sinh-tồn của tôi; nhưng mà cái nguyên-nhân cảm-giác không phải thuộc tôi, vì dẫu tôi không ưng mà tôi vẫn bị cảm, tôi không có quyền sinh-sản ra cảm-giác cũng không có quyền diệt đi được. Vậy thời tôi hiểu rõ rằng cái cảm-giác ở tôi và cái nguyên-nhân hay cái đối-tượng của nó ở ngoài tôi, hai cái không phải là một.

Như vậy thời không những tôi sinh-tồn, mà còn có loại khác cũng sinh-tồn nữa, tức như những đối-tượng của sự cảm-giác của tôi (*les objets de mes sensations*). những đối-tượng ấy dù là lý-tưởng nữa, lý-tưởng ấy cũng vẫn không phải là tôi.

Nay phạm cái gì tôi cảm thấy ở ngoài tôi mà nó động đến giác-quan tôi, thời tôi gọi là vật-chất (*matière*); và phạm những phần vật-chất mà tôi thấy nó có hình-thể, thời tôi gọi là vật-thể (*corps*). Như vậy thời những cuộc tranh-biện của phái duy-tâm (*idéalistes*) và phái duy-vật (*matérialistes*) đối với tôi đều là vô-nghĩa-lý cả: những sự phân-biệt của họ về hiện-tượng và thực-thể của các vật chất là chuyện hão-huyền cả.

Như thế là tôi đã chắc rằng vũ-trụ có sinh-tồn cũng như tôi có sinh-tồn vậy. Rồi tôi mới nghĩ đến cái đối-tượng của sự cảm-giác của tôi; tôi thấy tôi có cái năng-lực so-sánh được những sự cảm-giác ấy, tôi mới biết rằng trời vốn bàm-sinh cho tôi có một cái sức hoạt-dộng mà trước tôi không biết.

Tôi không phải chỉ là một vật-loại có cảm, một vật-loại thụ-dộng mà thời tôi lại là một vật-loại có hoạt-dộng, có tri-thức nữa; và dù các nhà triết-học thảo-luận thế nào mặc lòng, tôi cũng dám tự-phu tôi là một giống biết tư-tưởng. Tôi chỉ biết rằng chân-lý là ở sự-vật, chứ không phải ở thần-tri tôi phân-đoán về sự-vật, và trong khi phân-đoán càng dung-tri ít bao nhiêu thời càng chắc gần được chân-lý bấy nhiêu; thành-thử cái

(1) Xem N. P. Số 104, 105

phép-tắc của tôi định theo về phần tình hơn là về phần lý lại, chính là hợp lý lắm.

Tôi đã biết chắc về thân-phận tôi rồi, bấy giờ tôi mới bắt đầu nhìn ra ở ngoài mình tôi, thời tôi lấy làm rùng mình ghê sợ thấy mình đứng bơ-vơ ở giữa cái vũ-trụ bao-la này, hình như chim đắm ở trong vụn-vật, mà không biết vụn-vật là gì, đối với nhau thế nào và đối với mình thế nào. Tôi bèn cứu-xét vụn-vật; tôi thấy rằng cái vật thứ nhất nó trình bày ra cho tôi để làm tỉ-lệ mà so-sánh các vật. Thời chính là mình tôi.

Phàm cái gì tôi sờ-cầm bằng giác-quan là vật-chất cả, tôi bèn nhận những linh-cách-cảm được ở vật-chất và liên với vật-chất mà suy ra vật-tính thế nào. Tôi thấy vật-chất khi thì động, khi thì tĩnh, tôi biết rằng sự động sự tĩnh không phải là vốn ở vật-tính; nhưng động là hoạt-động thời tất phải do ở một cái nguyên-nhân nào mà ra, mà tĩnh thời tức là không có cái nguyên-nhân ấy. Vậy thời khi không có gì hành-động đến vật-chất thời vật-chất không động, và chính bởi nó không quan-hệ gì đến sự động sự tĩnh thời cái trạng-thái thiên-nhiên của nó là tĩnh.

Tôi lại thấy các vật-thể có hai cách vận-động, một cách vận-động ở ngoài truyền vào, một cách vận-động tự mình phát ra. Cách trên thời cái động-lực không phải ở vật bị động, cách dưới thời cái động-lực chính là ở vật bị động. Tôi nói thế không phải là có ý nói rằng như sự vận-động của cái đồng-hồ là sự vận-động tự-nhiên đâu, vì nếu không có gì động đến cái « lò-so » thời nó không dương lên và không kéo cái giây cho chạy. Cũng vì lẽ đó nên tôi cũng không cho các chất lỏng là tự-động, như lửa cũng vậy.

Chắc ông hỏi tôi giống vật vận-động có phải tự-nhiên không; tôi xin trả lời rằng tôi không biết; nhưng xem tựa như tự-

nhiên vậy. Ông lại hỏi tôi thế nào mà biết được rằng vận-động tự-nhiên; tôi sẽ trả lời rằng tôi biết là vì tôi cảm mà biết. Tôi muốn vận-động cánh tay tôi thời tôi vận-động, ý muốn của tôi tức là nguyên-nhân sự vận-động ấy, chứ không có cái trực-tiếp-nguyên-nhân nào khác nữa. Hoặc muốn biện lẽ để làm cho tôi mất cái cảm giác đó cũng không được, vì lẽ gì cũng không mạnh bằng; biện lẽ như thế thời chẳng khác gì như chứng-giải rằng tôi đây cũng không có vậy.

Nếu sự hành-vi của người ta cùng mọi sự tác-dụng ở trên mặt đất này, không có gì là tự-nhiên cả, thời mới lại càng khó tưởng-tượng ra cái nguyên-nhân đệ-nhất của mọi sự vận-động là gì. Cứ như tôi thời tôi tin rằng cái trạng-thái tự-nhiên của vật-chất là bất-động, nên trông thấy một vật động thời tức-khắc tôi phán-đoán rằng một là vật ấy là « vật hữu-hồn » (corps animé), hai là sự vận-động ấy là ở ngoài truyền vào. Trí tôi không thể thừa-nhận cái ý-kiến rằng vật chất vô cơ-thể (matière nonorganisée) mà tự vận-động hay là tự tác-dụng được.

Tuy vậy mà cái vũ-trụ mắt ta trông thấy này là vật chất cả, vật-chất bằng-bạc mà ù-lì cả, trong toàn-thể nó không có gì là sự điều-hóa, sự tổ-chức, sự ý-thức chung trong cái bộ phận một vật hữu-hồn, vì chúng ta là bộ phận, chúng ta có cảm biết là ở trong toàn-thể đó. Chính cái vũ-trụ ấy lại vận-động, sự vận-động có tiết-tấu, theo phép-tắc nhất-định mà không có gì là tự-do như trong sự vận-động tự-nhiên của người ta và giống động-vật. Vậy thời thế-giới không phải là con động-vật lớn tự mình vận-động; vậy thời thế-giới vận-động là có một cái nguyên-nhân ở ngoài thế-giới, nguyên-nhân ấy tôi không thấy, nhưng mà trong bụng tôi chắc rằng có, nên tra-hồ như nó hiển hiện ra trước mắt, khiến cho tôi không thể trông thấy mặt trời

chạy mà không tưởng-tượng đến một cái sức mạnh đẩy cho nó chạy, hay là biết rằng trái đất xoay mà không hình như cảm-giác cái tay làm cho nó xoay.

Nếu cho đó là phép chung của vũ-tru mà không biết nó quan-hệ với vật-chất thế nào, thì có biết hơn được tí gì không? Những phép-lắc ấy không phải là vật-loại thực-thể, không phải là vật-chất hữu-hình, vậy thì phải có cái căn-nguyên gì khác mà tôi không biết. Nhờ kinh-nghiệm và quan-sát, ta đã biết phép-lắc sự vận-dộng; phép-lắc ấy định kết-quả mà không tỏ nguyên-nhân, không đủ giải được cái thế-chế và sự hành-dộng của vũ-trụ. Ông DESCARTES lấy con cờ xếp thành ra trời đất, nhưng không thể kích-dộng một cái mà làm cho những con cờ ấy chuyển-dộng, có xoay thì nó mới quay mà thôi. Ông NEWTON đã phát-mình ra cái luật vạn-vật hấp-dẫn; nhưng nếu chỉ có hấp-dẫn không thôi tức khắc vũ-tru sẽ biến thành một cái khối bất-dộng; ngoài sự hấp-dẫn lại còn phải thêm một cái đàn-lực khiến cho các tinh-tượng trên trời phải xoay vòng tròn. Xin ông DESCARTES thử bảo cho ta biết có cái luật gì về vật-lý làm cho những cái "gió lốc" (tourbillons) của ông xoay không; lại xin ông NEWTON thử chỉ cho ta biết tay ai lúc mới đầu đã ném những quả cầu kia vào đường quỹ-dạo cho nó xoay như bây giờ.

Cái nguyên-nhân thứ nhất của sự vận-dộng không phải ở vật-chất; vật-chất là chịu động và truyền-dộng ra, chứ không tự sinh ra được. Tôi càng quan-sát những sự hành-dộng và phản-dộng của các sức mạnh trong vũ-trụ đối với nhau, thì tôi càng thấy cứ suy ngược cái kết-quả nó đến cái kết-quả kia, thì phải đến một cái nguyên-nhân đệ-nhất là một cái ý-chỉ nào (une volonté); vì nếu cho cái giây nhân-quả là cứ lần-lượt vô-cùng, thì tức là cho không có nhân-quả gì cả. Nói lóm lại thì cái vận-dộng nào

không bởi một cái khác sinh ra, tất phải do một cái ý-nguyên-tự-nhiên, các vật vô-hồn có vận-dộng mới tác-dụng được, và phạm không có ý-chỉ thì không có hành-dộng chân-chính. Đó là cái nguyên-lý đệ-nhất của tôi. Vậy thì tôi tin rằng có một cái ý muốn làm cho vũ-trụ vận-dộng và vạn-vật có hồn. Đó là cái giáo-lý đệ-nhất, hay là cái tin điều đệ-nhất của tôi.

Sao một cái ý-chỉ mà lại khiến cho vật-chất hành-dộng được? Tôi cũng không hiểu làm sao, nhưng tôi tự-cảm biết rằng thế thật. Tôi muốn hành-dộng, thế là tôi hành-dộng; tôi muốn vận-dộng thân-thể tôi, thế là thân-thể tôi vận-dộng; nhưng một vật vốn vô-hồn và đương bất-dộng mà tự mình động được hay là làm cho vật khác động được, thì cái đó không thể hiểu được và chưa từng thấy có bao giờ. Cái ý-chỉ nó tác-dụng ra, tôi mới biết, chứ cái bản-thể nó tôi không biết. Tôi biết cái ý-chỉ đó là cái nguyên-nhân phát-dộng; nhưng quan-niệm rằng vật-chất phát-dộng được, thì tức là quan-niệm một cái kết-quả không có nguyên-nhân, tức là sự quan-niệm hư-không vậy.

Tôi không thể quan-niệm được ý-chỉ tôi vận-dộng thân-thể tôi thế nào, cũng như tôi không thể quan-niệm được cái cảm-giác nó cảm vào linh-hồn tôi thế nào. Hai cái đều là lẽ huyền-bí không thể giải được cả, tôi cũng không hiểu làm sao lại cho cái lẽ đó để giải hơn cái kia. Cứ như tôi thời đó tôi thụ-dộng hay dù tôi chủ-dộng, hai cái bản-thể nó hòa-hợp nhau thế nào, thì tôi cho là không thể nào giải được. Lại thay là thiên-hạ lại lấy ngay cái cơ không giải được đó mà cho hai thể lẫn làm một, dường như hai sự tác-dụng tính-cách rất khác nhau như thế, hợp lại làm một lại để giải hơn làm hai vậy.

Cái giáo-lý tôi mới đặt đó cũng hơi hời-ngũ thật; tuy vậy không phải là

không có nghĩa, và nghĩa không có gì là trái với lẽ phải, trái với kinh-nghiệm: chứ như cái chủ-nghĩa duy-vật thời có thể nói được thế không?...

Ông cố đạo đất Savoie nói đến đây thời nhạo-báng những cái danh-từ ngộ-nghê của phái thuần-lý và phái duy-vật, hai phái này không phát-minh được một điều gì là chân-lý.

Nay nói vật-chất bị-động cũng có theo phép-lắc, vậy thời tỏ rằng có một cái « Tri-tuệ » (*une Intelligence*) chủ-động. Nói tiếp theo rằng :

—Vật-chất bị-động là tỏ ra có một cái « ý-chí » (*volonté*) : vật-chất bị-động theo phép-lắc, lại là tỏ ra có một cái « tri-tuệ » (*intelligence*) : đó là cái tin-điều thứ nhì của tôi. Hành-động, so-sánh, kèn-chọn, đó là những sự tác-dụng của một loại có hoạt-động và có tư-tưởng : vậy thời phải có một loại (*être*) như thế. Hoặc-giả hỏi : Loại ấy sinh tồn ở đâu ? Tôi trả lời rằng loại ấy không những ở các tinh-tượng chuyển-vàn trên trời, không những ở hai vầng nhật-nguyệt chiếu-diệu cho ta, không những ở ngay trong mình ta, mà lại ở cả con chim nó ẩn cò, con chim nó liêng bay, hòn đá dơi, cái lá rụng.

Tôi không biết cái cửu-cách của vũ-trụ thế nào, mà tôi phán-đoán được cái trật-tự của vũ-trụ, vì muốn biết cái trật-tự ấy, cứ so-sánh ngay các bộ-phận với nhau, xem nó đáp-đổi, nó quan-hệ, nó điều-hòa với nhau thế nào. Tôi không biết làm sao lại có vũ-trụ ; nhưng không phải là tôi không thấy vũ-trụ thay đổi thế nào ; không phải là tôi không thấy vạn-vật có một mối thông-đồng mật-thiết với nhau, khiến cho thường phù-tri đáp-đổi cho nhau. Tôi tự ví như một người mới trông thấy lần thứ nhất một cái đồng-hồ mở ra, tuy không rõ máy dụng để làm gì và mặt ngoài để chữ thế nào, nhưng cũng biết khen cái máy công-trình khéo-léo. Người ấy tự nói

rằng : Ta không biết cả cái máy này dụng để làm gì, nhưng ta thấy mỗi mảnh ăn với nhau như in ; ta khen người thợ làm đã tinh-lẽ, và ta chắc rằng các bộ-phận trong máy chạy rầm-rập như thế là có một cái mục-đích mà chúng ta không thể biết được vậy.

Hằng cứ nên lấy những cái mục-đích đặc-biệt, những cái phương-tiện, những sự quan-hệ điều-hòa của các loại mà so-sánh, rồi thử nghe cái tri-giác tâm-thường của ta xem nó bảo thế nào ; người nào là người có thần-tri kiện-toàn mà lại không cho sự tri-giác ấy là phải ? người nào là người có con mắt không thiên mà trông thấy cái trật-tự hiển-nhiên của vũ-trụ lại không biết là tiêu-biểu cho một cái tri-tuệ cao-siêu ? thấy thế mà còn không chịu rằng vạn vật có điều-hòa, các bộ-phận trong máy đều tương-tri tương-trợ cho nhau cả, thời phải dùng cách nguy-biến đến thế nào mới thể được ! Hoặc nói là tình-cờ, là ưa may mà vật loại an-bái được thế, nói thế nào thì nói ; cho nói mà tôi phải chịu không trả lời được, nhưng tự tôi không tâm-phục thời có ích chi ? ...

Vậy thời tôi tin rằng thế-giới có một đấng toàn-tri toàn-năng đáng chủ-trương ; tôi trông thấy, tôi cảm biết, và điều đó lại cần phải biết lắm. Nhưng chính thế-giới ấy có phải là thiên-cờ vẫn có hay là có ngày sáng-tạo ? Vạn-vật có phải chỉ có một cái nguyên-lý độc nhất hay không ? hay là có hai, hay là có nhiều ? và bản-tính nó thế nào ? Cái đó thời tôi không biết ; và có hề gì cho tôi ? Hễ tôi cho những điều tri-thức đó là hay, thời tôi sẽ cố thu-hoạch dần dần cũng được ; tự nay đến đây thời tôi hằng không xel đến những câu chuyện viển-vông đó, có lẽ nó làm cho động lòng tự-ái của tôi, nhưng thật không cần cho cách ăn ở tôi và siêu-việt ra ngoài lý-tính của tôi.

Xin các ông nhớ cho rằng đây là tôi diễn-giải cái ý-tưởng riêng của tôi,

không phải là tôi khuyên dạy cho ai cả. Dù vật-chất là vĩnh-viễn hay có sáng-tạo, dù có một cái nguyên-chất thụ-động hay là dù không, có một điều chắc, là cái toàn-thể là một, và là tiêu-biểu cho một cái tri-tuệ duy-nhất; vì trong cái thể-thống đó, tôi không thấy gì là không có điều lý hân-hoai, không cùng nhau khuynh theo cả về một mục-dịch: là bảo-tồn lấy toàn-thể ở trong trật-tự đã định...

Đoạn rồi ông cố bộ chuyện thuần-lý mà bàn đến thân-phận người ta và sự khổ ở đời. Nói rằng:

— Người ta hành-vi được tự-do, và nhân có tự-do nên được phú dữ cho một cái bản-thể siêu hình. Đó là cái tin-điều thứ ba của tôi. Nhân ba cái tin-điều đó, rồi suy-loại ra nhiều cái khác cũng dễ, không cần phải kể nữa.

Nếu người ta có hoạt-động và có tự-do, thời là hành-động tự mình; phạm cái gì người ta tự-do mà làm thời không thuộc vào cái thống-hệ do Thiên-lý đã định, và không thể qui-cử cho Thiên-lý được. Trời cho người được tự-do, người lạm-dụng cái tự-do mà làm ác, cái ác ấy không phải là tự Trời; nhưng mà lẽ trời không cấm người ta làm ác, hoặc là bởi giống người hèn-mọn, cái ác đối với lẽ trời chẳng vào đâu, hoặc là sợ ngăn-cấm thời lại trở-ngại mất sự tự-do của người ta, làm mất cái thiên-tính đi, thế lại còn tệ hơn. Trời cho người tự-do không phải để cho người làm ác, mà để cho người biết chọn điều lành mà làm. Trời phú-bẩm cho người có đủ tư-cách, nếu biết khéo dùng thời có thể tự kén-chọn được; nhưng trời lại hạn-chế sức người, khiến cho dầu có lạm-dụng tự-do cũng không làm cho lẩn-loan được cái trật-tự chung của vũ-trụ. Người ta làm ác thời cái ác ấy lại quả-bao cho mình, chứ không biến-đổi chỉ được cái đại-thể của thế-giới, không

ngăn-trở cho chính-nhân-loại dù thế nào mặc lòng đến không thể tự bảo-tồn cho mình được. Trách rằng Thiên-chúa không ngăn-cấm cho người ta khỏi làm ác tức là trách Thiên-chúa đã cho người có cái bản-năng tốt, đã lấy điều lương-thiện để lộ-diểm cho sự hành-vi của người, đã khiến cho người ta có thể đạt tới cõi chí thiện. Cái khỏa-lạc thứ nhất của người ta là được tự mình bằng lòng mình; chúng ta sinh ra trên mặt đất này, được có tự-do, bị dục-tính cảm-dỗ, lại được lương-tâm khuyên-răn, là để ăn ở làm sao cho đáng sự bằng lòng đó. Thượng-đế gia-ơn cho ta như thế, còn đòi thế nào nữa? Thượng-đế có thể làm cho cái bản-tính ta lại tự mâu-thuẫn với mình và có thể khiến cho ta làm ác không được mà làm lành vẫn có công dư? Ồ! muốn cấm cho người ta khỏi ác, có lẽ phải khiến cho người ta chỉ có cái bản-năng như cầm-thú dư? Không, muốn tâu Thượng-đế, tôi không dám trách ngài đã tạo ra cái linh-hồn tôi giống như hình-ảnh của ngài, để cho tôi được tự-do, được từ-thiện, được hạnh-phúc như ngài!

Chúng ta sở dĩ đến khổn-khò độc-ác là chúng ta lạm-dụng cái năng-lực của chúng ta. Sự buồn-rầu, lo-lắng, khổ-não của ta là tự ta mà ra. Cái khổ phần hồn, thật là tự ta tác-nghiệt; còn cái khổ phần xác, giả ta không tập-nhiệm những thói xấu nó làm cho ta dễ cảm, thời cũng chẳng đến nỗi nào...

Ồi hỡi người ta! đừng có tìm dẫu kẻ làm ra sự ác; kẻ làm ra sự ác, chính là người đó. Cái ác ở đời chỉ có cái ác người làm ra hay cái ác người phải chịu, thời hai cái đều là tự người cả. Cái ác chung chỉ là sự rối-loạn, mà tôi xem ra trong vũ-trụ hết thấy đều có trật-tự chính-nghiêm cả. Còn cái ác riêng chỉ là cái cảm-giác của kẻ chịu khổ, mà cảm-giác ấy không phải là tạo-vật phú-dữ cho người, chính là tự

người gây lấy cho mình. Như sự đau đớn đối với người ít suy-nghĩ, không biết nhớ việc trước, không biết phòng việc sau, thời ít có cảm thấy.

Nay bỏ những cái tiến-bộ ác-hại của chúng ta đi, bỏ những điều xấu-sa lầm-lỗi đi, bỏ cái phần nhân-công bia-đặt đi, thời hết thấy là hay cả.

Hết thấy đã hay cả thời không gì là không công-bằng. Sự công-bằng là liên với sự từ-thiện; nay sự từ-thiện là kết-quả tất-yếu của một cái sức mạnh vô-cùng và của cái lòng ái-kỷ, phạm giống nào to có cảm-giác đều có ái-kỷ cả. Đã làm gì cũng được thời hình như có thể khuếch-sung sự sinh-tồn của mình cho lẫn với sự sinh-tồn của vạn-vật. Phạm sức mạnh là phải sinh-sản và bảo-tồn luôn luôn; không thể hành-động đối với cái hư-không được; Thiên-chúa không phải là thần chết, không thể phá-hoại và tác ác mà không tự-hại cho mình. Đã có năng-lực làm gì cũng được thời chỉ có thể tự-nguyện làm điều hay mà thôi. Vậy thời đáng tuyệt-dịch là đáng đại-từ đại-bi, vì là toàn-năng toàn-trí, và lại phải chí-công chí-bân q vậy; không thể thời tự mình mâu-thuân với mình, vì yêu cái trật-tự sinh ra mình, thế gọi là từ-thiện, và yêu cái trật-tự giữ cho mình, thế gọi là công-bằng. . .

Nếu linh-hồn là vật siêu-hình, thời linh-hồn có thể trường-sinh hơn thân-thể; nếu linh-hồn trường-sinh hơn thân-thể, thời là chứng-cớ rằng lẽ trời có. Dầu cái thuyết linh-hồn là vật siêu-hình chỉ có một điều làm chứng-cớ, là điều kẻ ác lộng-quyền, người hiền bị nhục, một điều đó cũng đủ khiến cho tôi không thể nghi ngờ được. Vạn vật đều-hòa mà thấy có một điều gì ngang-trái thời phải tìm giải-quyết cho được. Tự nghĩ rằng: sau đời ta không phải là cũng-cực hết, ta chết rồi tất hết thấy lại vào trật-tự cả. Thực ra cũng có một điều khó giải, là sau khi cái hữu-hình của người ta đã diệt rồi thời người ta đi

dâu. Nay tôi đã nhận biết rằng có hai cái bản-thể, thời câu hỏi ấy không khó cho tôi nữa. Trong cái đời nhục-thể của tôi, hết thấy tôi chỉ cảm biết bằng giác-quan của tôi mà thôi, thời cái gì không thuộc về giác-quan hẳn là tôi không biết đến. Khi nhục-thể với linh-hồn đã rời nhau, thời có thể tưởng-tượng là một cái diệt đi một cái vẫn còn. Có lẽ đâu cái nọ diệt mà đến cái kia cũng phải diệt? Không những không có lẽ thế, mà lại trái lại, hai cái linh-chất khác nhau như thể hợp với nhau ngày nào tất là miễn-cường ngày ấy; khi nào rời nhau thời mới lại trở về cái trạng-thái tự-nhiên: phần linh-hoạt trước phải dùng sức để vận-động cái khối vô-hồn, có thể khôi-phục được toàn-lực. Than ôi! tôi xét những cái xấu của tôi mà tôi biết rằng đời người chỉ sống là nửa đời, và sự sống của linh-hồn là mới bắt đầu tự khi nhục-thể chết vậy.

Nhưng sự sống ấy thế nào? và linh-hồn có phải bản-đĩ là bất-diệt không? Cái đó thời tôi không biết, Tri tôi có hạn, nên không thể quan-niệm cái gì vô-hạn được; cái gì là cái vô-cùng thời tôi không thể lý-hội được. Cái gì là cái tôi dám quyết, và cái gì là cái tôi dám chối?...

Nhân cái tư-tưởng lạc-quan đó, Rousseau bèn dựng ra một nền luân-lý lấy lương-tâm làm gốc. Ông nói rằng:

— Cái gì tôi cảm biết là lành thời lành, cái gì tôi cảm biết là ác thời ác: lương-tâm của tôi là một nhà lý-luận tuyệt-luận; chỉ khi nào muốn xử-biên với nó thời mới phải cần đến những cách biện-nạn rắc-rối. Người ta chăm chút gì bằng chăm chút cho cái bản-thân của mình: thế mà biết bao lâu lương-tâm ta bảo ta rằng ta mưu lợi cho mình mà làm hại cho người là ta làm xấu! Ta tưởng ta theo cái khuynh-hướng của thiên-nhiên, thành ra ta cưỡng lại; ta làm trái nghe cái thiên-nhiên bảo cho dục-tinh ta, là làm thính không nghe cái nó bảo cho lương-tâm ta:

thành ra phần chủ-động phải phục-tòng mà phần thụ-động được cai-quản. Lương-tâm là cái tiếng nói của linh-hồn, dục-tính là cái tiếng nói của nhục-thể. Lại gì hai tiếng nói đó thường phản nhau; phải nên nghe tiếng nào? Chính-lý cũng có nhiều khi lầm, người ta có quyền không theo được; nhưng lương-tâm không có lầm ta bao giờ; lương-tâm thật là kẻ hướng-đạo chân-chính của người ta; lương-tâm đối với linh-hồn cũng như bản-năng đối với thần-thể; theo lương-âm là theo thiên-nhiên, không sợ sai-lạc được...

Sự hành-vi của ta hay dở là ở sự ta phán-đoán lấy. Nếu điều thiện là hay, thời ra việc làm là hay, ở trong lòng ta tất cũng phải cho là hay; làm việc chánh-đáng, biết rằng thế là chánh-đáng, thế là chánh-đáng vậy. Nếu cái bản-tính của người ta là nhân-từ thời người ta có nhân-từ mới là người thần-tri kiện-toàn. Nếu không thế và nếu người ta vốn ác, thời không thể không ác mà không sai cái thiên-tính của mình, như thế thời sự nhân-từ chỉ là một tính xấu trái với thiên-nhiên. Người ta sinh ra để hại kẻ đồng-loại mình, như con hổ lang để ăn thịt giống vật khác, thời người có nhân-từ tức là một giống trái đời cũng như con hổ-lang mà biết thương xót vậy; như thế thời chỉ có sự đạo-đức là làm cho ta hối-hận...

Nếu trong lòng không có gì là đạo-đức, thời vì dục mà trông thấy những việc anh-hùng lại nức lòng cảm-phục, vì dục mà đối với những kẻ hào-kiệt lại sinh dạ mến yêu? Cái lòng ham-mến đạo-đức đó nó có quan-hệ gì với cái lợi riêng của ta không? Làm sao tôi lại muốn làm ông CATON tuân tử hơn là vua CÉSAR thắng trận? Nếu đem bỏ cái mối hiếu nghĩa ở trong lòng thời đời người không có phong-thú gì nữa. Người nào mà cái dục-tính dễ-tiền đã làm cho mất những cái tình-cảm thanh-cao đó, người nào chỉ biết khu-khu một mình mà ái-tịch

một cái thân mình, không biết cớ vô phần-trần, tấm lòng nguội lạnh không biết hăng-hái vui-vẻ nữa, không biết cảm động mà rơm rớm nước mắt, thời không có cái khoái-lạc chi nữa; cái đời bỏ đi là cái đời bất-thống bất-đàng, có cũng như không, sống cũng như chết vậy.

Vậy thời ở trong linh-hồn người ta có một cái nguyên-lý thiên-nhiên chỉ công chỉ-thiện, dù phép-tắc luân-lý của ta thế nào mặc lòng, ta cũng phải lấy đó làm tiêu-chuẩn để phán-đoán công việc ta và công việc của kẻ khác là hay là dở; cái nguyên-lý đó, tôi gọi tên nó là lương-lâm (la conscience).

VI. — KẾT QUẢ HAY CỦA SỰ GIÁO DỤC TỰ NHIÊN

Nay tóm-tắt lại cái chương-trình giáo-dục của ROUSSEAU và xét xem một người học-trò dạy theo cái chương-trình ấy thời trở nên con người thế nào.

Thường-thường cậu đi chơi các miền nhà quê ở phụ-cận, tức là học bác vật-học đó; cậu xem xét các thứ đất, các thổ-sản, cách trồng-trọt thế nào; cậu so-sánh những công-việc cậu trông thấy với những công việc đã biết; cậu tìm xem sở dĩ làm sao mà nó khác nhau; khi nào xét ra cách làm-lụng ở miền ấy không tiện bằng miền khác, thời cậu khuyên cho người làm ruộng nên đổi theo; nếu cậu khuyên người ta dùng một thứ cây mới, thời cậu vẽ kiểu cho họ bắt-chước mà làm; nếu cậu tìm thấy quanh đấy một thứ đất bón tốt mà người dân không biết dùng thời cậu dạy cho mà dùng; lắm khi chính cậu ra tay làm cho họ bắt chước; người nhà quê lấy làm lạ thấy cậu dùng các nông-khi một cách dễ-dàng hơn là chính tay họ, như đánh luống sâu và thẳng hơn họ, gieo hạt đều hơn, trồng hoa-mẫu một cách khéo-léo hơn. Người nhà quê không có cười cậu là người chỉ biết nói canh-nông mà chẳng biết việc canh-nông là gì; vì trông thấy cậu làm

thế thì đủ biết là cậu biết vậy. Nói tóm lại, phạm cái gì là nghề cần-bản-cốt-yếu, cậu đều ăn-căn-chăm-chút cả; không những thế mà thôi; lại đến thăm người nhà quê lân nhà, hỏi-han về sự làm ăn, việc cửa nhà, về con-cái, về ruộng-nương, về mùa-màng, về cách tiêu-thu, về sức làm ăn, về thuế-má, về công-nợ, vân vân. Cậu ít khi cho tiền họ, biết rằng thường họ hay dùng bậy, nhưng cậu khuyên cho họ nên tiêu tiền thế nào là có ích. Họ cần đến thợ thì cậu cấp thợ cho, dùng đến bao nhiêu ngày thường cậu lại trả công cho; người này có cái mái gianh đổ, cậu bảo nâng lại cho chắc - chắc; người kia vì nghèo có miếng đất phải bỏ hoang, cậu thuê rẫy cỏ cho; người kia có con bò con ngựa chết mất, cậu mua cho con khác; hai người láng giềng sắp kiện nhau, cậu khuyên-bảo và giải-hòa được hai bên; lại có người ốm cậu chạy cho; có người bị kẻ láng giềng ý quyền-thế bắt nạt, cậu che-chở cho, hoặc cậu nhận gửi với quan-tư cho; người đàn bà có đứa con yếu chẳng may chết mất, cậu đến thăm tận nơi, cậu an-ủi vỗ về cho, chứ không có vào mới cái rồi liền ra ngay đâu; cậu không khinh-bĩ kẻ nghèo-khó; đến gần kẻ khổn-nan, cậu không có vội đi ngay chớ rảnh mắt; những người nhà quê cậu giúp đỡ cho, thường cậu đến ăn cơm cùng với người ta; người nào không cần đến cậu giúp đỡ mà mời cậu đến ăn uống cậu cũng không từ. Cậu là ân-nhân của kẻ nọ, cậu là bè-bạn của kẻ kia, nhưng đối với ai cũng là bình-dẳng cả. Nói tóm lại, đối với người, cậu hết lòng giúp công giúp của không nề hà một chút gì.

7 — NẾU TÔI GIÀU CÓ...

Đây là câu học trò ông ROUSSEAU tưởng-tượng giả được giàu có thời sẽ là-chức cách sinh-hoạt của mình thế nào. Đoạn này đã có tiếng, trong các sách « Văn-tuyển » cho các học trò các trường đều có trích-lục cả.

Nếu tôi giàu có thời tôi muốn có một cái nhà nhỏ kiểu quê, tường vôi trắng, cửa sổ xanh, ở trên sườn một cái núi xinh đẹp và um-tùm. Tuy mái nhà lợp bằng gianh thời mùa nào cũng tốt, nhưng tôi lại muốn lợp bằng đá đen coi ó ử-rữ, mà muốn lợp bằng ngói có vẽ sặc-sỡ sáng-sủa hơn là gianh; và lại nhà xít tôi đều lợp ngói cả, như thế cũng đủ nhắc lại cho tôi nhớ cái thửa thanh-niên khoái-lạc. Sân trong nhà thì tôi làm sân nuôi gà vịt, và chuồng ngựa thì không có, nhưng chuồng bò phải có, để nuôi ít bò cái lấy sữa mà ăn, sữa tươi là tôi vẫn thích lắm. Lại không đặt vườn hoa vườn cảnh gì, nhưng vườn trồng rau và vườn trồng cây ăn quả thì phải có. Cây có quả khách qua lại ai muốn hái muốn ăn tùy thích, không có đặt một tên canh vườn để giữ từng cây đếm từng quả. Tôi không có bùn-sỉn mà lại muốn khoe-khoang, bày ra trước mắt thiên-hạ những giàn nho tươi-tốt mà giữ cho không ai dám mó tay vào. Nay háo-phóng một chút như thế cũng không có tổn-hại gì, vì cái nhà tôi ở là tôi đã chọn ở một tỉnh xa, một nơi thiên-hạ tiền-bạc ít mà đồ-thực-vật nhiều, người dân vẫn được phong-đăng hòa-cốc mà vẫn nghèo.

Cái xã-hội giao-lễ của tôi thời không cứ nhiều người, nhưng sẽ chọn lấy những người chơi được, những bạn biết chơi cách phong-thú, đàn bà thời có thể bỏ lối dài-các mà theo những cách tiêu-khiển nhà quê, bỏ con bài cái thoi mà lấy cái cần câu để câu cá, cái bẫy nhua để đánh chim, cái cào để cào cỏ, cái rổ để hái dâu. Về ở đây thời bao nhiêu thời cách phở-phương bỏ hết, thành ra người nhà quê đặc, thiếu gì cách chơi-bơi, mỗi tôi định cách chơi ngày hôm sau thật nhiều thứ quá mà không biết kén chọn thứ nào. Tập-luyện thân-thể, hoạt-động luôn luôn, ti-vị cũng tốt, cách ăn uống cũng dễ. Bữa cơm nào

cũng như bữa tiệc, thức ăn đâu không lọc-lỏi gì, nhưng mà được cái nhiều. Làm công việc đồng-áng, chơi những cách vui-lành, bữa ăn ngon hơn là có tên đầu bếp khéo nhất ở đời; người làm ăn khó nhọc tự sáng sớm cho đến chiều tối, cho những món cao-lương mĩ-vị là cầu-kỷ vô-ích. Cách dọn ăn không có trật-tự mà cũng không có kiểu-sức; bàn ăn là ở khắp mọi nơi, ở trong vườn, ở trên thuyền, ở dưới cây, có khi lại xa hơn nữa, như ở gần một cái suối nước chảy, trên đám cỏ xanh và mát, dưới bụi cây um-tùm; khách ăn tự mang lấy đồ ăn, kéo nhau lũ lượt, vừa đi vừa hát; bàn với ghế ngồi là bãi cỏ xanh, bát đĩa và đồ ăn để trên bờ suối, còn đồ tráng miệng thì đã cheo sẵn ở trên cây rồi. Đồ ăn dọn không có thứ-tự gì, ai thích món gì ăn món ấy, không có kiểu-cách gì cả, mỗi người chỉ chăm lấy tự-thích cho mình, ai cũng thế, cho là tự-nhiên lắm; cách thân nhau như thế, không sỗ-sàng mà không giả-dối, không miễn-cưỡng mà có điều độ, có phong-thù hơn là những cách lễ-phép làm-thường, khiến cho lòng người dễ mến-yêu nhau, không có những thăng ở châu-chực, mình nói chuyện nó nghe lỏm, mình đứng ngồi nó phàm-bình, mình ăn miếng nào mắt nó chom-choc nhìn miếng ấy, lắm khi lại thêm làm cho mình phải đợi lâu món ăn món uống, và hề ngồi ăn lâu thì nó lằm-bằm không bằng lòng. Chúng tôi đây thời vừa làm chửa nhà vừa làm đầy tớ, dọn lẫn cho nhau cả, thời-giờ qua cũng không đếm nữa; bữa cơm tức là bữa nghỉ, thường khi lặn mặt trời mới tan. Hoắc trông thấy người nhà quê nào đi làm gần đây, đồ-lễ trên vai, thời nói đùa

họ mấy câu cho họ vui, mời đánh với tợp rượu cho hăng-hải lên mà dễ chịu được cái cảnh khổ ở đời; còn tự mình cũng là một cách làm cho thấy mình biết cảm-động trong lòng một chút, và có thể tự nói riêng bụng rằng: Ta giàu có, nhưng ta vẫn còn là người...

Trong tiểu-thuyết *Emile*, còn có nhiều đoạn văn hay nữa, không thể trích-dịch hết được. Cậu *Emile* lớn lên rồi lấy vợ; nhân ông ROUSSEAU là người đàn bà thế nào là xứng-dáng làm người nội-trợ trong một cái gia-đình hoàn-toàn. Người nội-trợ có cái tri-thức phổ thông là đủ, không cần phải học cho nhiều, không cần phải hay chữ lắm. Ông ROUSSEAU cũng đồng ý như ông MOLIERE không ưa hạng đàn bà cầu-kỷ, lấy chữ-ngĩa mà làm hợm với đời, thường nhăng bó những công việc cốt-yếu trong gia-đình. Ông nói rằng: « Thà tôi lấy một người con gái nhà quê cục-cục-mịch, còn hơn là một vị nữ-sĩ đặt tòa bàn-lâm ở ngay giữa nhà. » — Cậu *Emile* lấy cô *Sophie*, thật là vừa đôi phải lứa. Sau khi hôn-ước, hai người chưa lấy nhau vội, cậu có biên một tập nhật-ký tả cái ái-tình của cậu với cô: rồi cậu tự-nguyện đi du-lich ngoại-quốc, học mấy thứ tiếng ngoại, quan-sát xã-hội phong-tục, hai năm sau về mới làm lễ cưới, hai người xum-hạp vui-vầy, thật là cái cảnh « lạc địa thiên-tiên » (*le paradis sur la terre*). Mấy đoạn này văn-chương hay lắm. Chỉ hiềm một nỗi, sách là sách giáo-dục mà ông ROUSSEAU lại thêm một đoạn tả về sự dâm-dục ngoại-tình, thật là thất-thể quá.

(Còn nữa)

HÀNH-TRÌNH CHƠI NÚI AN-TỬ (1)

II

Nón ai người ấy đội, gậy ai người ấy chống, kém 5 dãy 12 giờ thầy trò quảy gánh ra đi, lên qua một dãy thông, chỗ này trước thì đường đi ở giữa, thông giễu hai bên, vì lâu ngày ít người đi lại để cho cây mọc rậm lên, bây giờ lối đi sang bên cạnh; vừa được nửa tiếng đồng-hồ, đến đây là quán Lò-rèn, trước có người thợ rèn ở đây đánh dao đánh búa cho mấy người đi rừng kiếm củi, bây giờ chỗ đấy bỏ không mà cái quán đồ đã lâu rồi chỉ còn tro-vơ mấy cái gốc cây nằm ngổn ngang.

Rồi đi đến quán Mát là dốc Voi-sỏ, chỗ này cây cối rườm-rà, cũng là nơi nghỉ kiệu xưa kia, hòn núi Ngọc ở ngay cạnh, đấy có ba ngọn tháp tổ và bốn cái mộ xây, tục truyền chỗ đồ kiệu là cái đầu rồng mà chỗ ba cái tháp là hòn ngọc.

Khi hăng khi dậm, trèo lên bước xuống, lúc đi lúc nghỉ, đường lối không lấy gì làm khó đi lắm, nhưng mà không biết mệt, mấy người gánh họ khoẻ chân chạy trước, còn thì đi sau người thì khe núi bên kia: «Na-mô Quan-thế-âm bồ-tát»; kể đi quãng rừng bên này: «A-di-đà phát», vang lừng một góc núi. Lại nhân được ông cụ Nguyễn Văn-Ấn là người học rộng, xem nhiều tiểu-thuyết-biết lắm truyện cổ-tích khi đi đường xa được ông cụ mở cái túi truyện ra lắm câu thú-vị mà buồn cười, nên quên mất cả sự mệt mỏi, cười cười nói nói trong rừng, thế mới «thật là tiểu-lâm».

Chốc đã đến tháp tổ, vừa 2 giờ chiều, đây là Huệ-quang-kim-tháp 惠光金

塔. là tháp đức Giác-hoàng, xây tường bốn bên, trước sau có hai cửa tò-vò, trong tháp có pho tượng đá, ngoài xây một cây hương, còn tháp lớn nhỏ 45 ngọn vừa các sư cùng tôn-thân hoàng-hậu cung-phủ nhà Trần tu ở đây ngày xưa xây bọc chung quanh. Chui qua cửa sau tháp tổ đến cái sân lát bằng gạch Bát-tràng đỏ, mà viên gạch trông rất lạ-lùng. Tôi đi từ ngoài vào, thiếu gì thiên-tạo, địa-thiết, nhân-công, duy có cái sân này viên gạch tựa-hồ như ta đem chạm trở vào, mà từ đời nhà Trần đến nay hơn 700 năm, không viên nào sứt.

Vào đến đây bước thẳng lên là chùa Hoa-yên 華嚴, tục gọi là chùa Cả, hay chùa Yên-tử cũng là đây (1).

Theo trong sách Tam-tổ thực-lục, trước là chùa Văn-yên 雲嚴, năm Lê Hồng-đức vua có đi đến đây, nhân thấy nước-non vui-vẻ, hoa-cỏ tốt-tươi, mới đổi là Hoa-yên.

Xưa cảnh Hoa-yên này là nơi chốn tổ của mấy cảnh chùa trong núi An-tử, sau khi ông An-Kỳ-Sinh bên Tàu sang tu thành tiên ở đây, và cũng còn nhiều vị sư nước ta đắc-đạo từ trước, nhưng mà không hiển. Đến đức Giác-hoàng và ông Pháp-Loa 法螺 cùng ông Trang-nguyên Huyền-Quang 玄光 (tên là Lý Đạo-Tài 李道載) là vì có vua đi tu, nên đạo mới hiển.

Ta thường nói «Trúc-lâm tam-tổ» chính là ba vị trên ấy. Có câu rằng:

«Khó khăn thì chẳng ai nhìn,
«Đến khi đồ trạng chín nghìn anh em!»

(1) Xem N.-P. số 105

(2) Xem ảnh số 1.

Ấy là lời đức đệ-tam-tồ Huyền-Quang lúc ngài còn hàn-vi, bố mẹ hỏi vợ thì không ai gả, khi ngài đỗ trạng-nguyên rồi, xô nhau vào gọi gả cho, ngài linh-ngộ được cái nhân-tinh thể-thái như vậy, nên ngài quyết chí đi tu.

Chùa Hoa-yên đây phong-thủy đẹp lắm, trước cửa chùa là tháp tổ (các sư nói đây là chính huyệt) sau lưng là chùa Bảo-dà 寶陀寺 dựa vào quả núi An-tử, bên hữu là chùa Thiền-dịnh 禪定寺 và có suối Ngự-rội, ở đây là dưới con rồng, bên tả là chùa Một-mái, là cái đầu rồng ngẩng lại.

Đứng sân chùa Hoa-yên mà trông ra, thiên sơn vạn thủy châu vào, thực là một chốn kỳ-quan.

Tôi thấy nói đây là chốn tổ, mà tôi vào chùa xem tượng-pháp sư-sãi không có gì, một vài pho tượng tổ lại, còn thờ bằng tranh vẽ, ngoài sân trổ-vor một cái bệ đá đề một pho Cửu-long, mấy pho tượng đá đều nát cả, bìa sự-tích, bìa ký-hậu mỗi cái một nơi. Trước tôi còn hiểu lầm rằng hay là sắc tức thị không, không tức thị sắc. Sau tôi thấy nói chuyện chùa vừa chảy ba bốn năm nay, bây giờ sư cụ đương trùng-tu dần dần. Chỗ nhà khách có treo một quả chuông to, tôi thấy sư cụ sai chú tiểu đánh chín tiếng chuông, một lát thấy lực-diễn dưới núi kéo về năm sáu người, mới biết nhà chùa đã có hiệu như vậy.

Sư cụ gọi họ về sai mấy người làm cơm ngọ, nhưng mà bọn tôi xin kiêu, đề đi cho được độ đường, sau sư cụ cho lộc Phật và gừng gió núi An-tử, cái thứ gừng này quý lắm, hoặc ai đau bụng ăn một ít, hoặc treo núi có đau chân giã ra mà nhịt vào thì khỏi ngay.

Không biết rằng có phải chùa giàu có, mà vì cái phong-thổ nan-hóa, hay tại đạo-đức chi-tôn, mà cả ngày sư cụ chỉ ngồi trong phòng riêng, ai đến lễ Phật đã có cái cửa sổ, ngồi ngoài mà nói chuyện vào.

Sư cụ bây giờ đây trạc ngoại 60 tuổi, người thích ngâm thơ lắm, chốn non xanh mấy người biết cái thú-vị phong-nhã ấy lấy ai làm bạn tao-dân, nào hay ông cụ Hoàng Xuân-Sơn ở thành-phố đã có tiếng hay thơ và giọng tốt, đối với sư cụ đây lại là người quen. Thực là :

Bấy lâu vắng mặt tri-âm,

Bây giờ gặp gỡ muốn cầm lại chơi.

Nhờ được cái tình tương-tri ấy nên bọn tôi cũng được dự vào là nơi đồng-đạo.

Sư cụ cùng mời vào cả phòng riêng rồi bắt ông cụ Hoàng bình thơ, khoe hết bài này đưa xem bài khác.

Tôi nhắc trông lên hai bên cột có dán đôi câu đối rằng :

Cao sơn lưu thủy thi thiên trục,

高山流水詩千軸。

Minh nguyệt thanh phong tọa nhất thiền,

明月清風坐一禪。

Còn chung quanh thơ dán đặc như vách.

Ông cụ Hoàng bình đến đâu có câu nào tuyệt-bút, sư cụ lấy làm đặc-ý, cười cười nói nói lả-lơi ra tình tương-dắc lắm, tôi ngồi cạnh đây có sao được bài thơ nôm của đức Giác-hoàng rằng :

Cung quế hương đưa thoảng thoảng mùi,

Láng-láng chẳng bọn chắt trồn-ai.

Thanh-lang một khóm thên-thên rộ,

Ưu-bát nghìn xuân rờ-rờ tươi.

Gió đức hieu-hieu nhuần mọi đình,

Nguồn nhân cuồn-cuộn khắp đôi nơi.

Thấy thiên-tăng những vãn-vãn hỏi,

Cảnh vắng thu chầy hỏi-hỏi vui.

Sư cụ thấy tôi cũng biết nghe thơ, người bảo tôi : « Thầy chép lấy vài bài về mà xem. » Tôi nhớ được một bài thơ chữ và một bài nôm của sư cụ rằng :

Xử xử gia gia vạn vạn toàn,

處處家家萬萬全。

Phủ như đại-hải thọ như sơn.

富如大海壽如山。

Nho-lâm thích-giáo vô cùng lạc,

儒林釋教無窮樂。

Địa hậu thiên trường bất tận hoan.

地厚天長不盡歡。

Thảo mộc côn trùng giai toại ý,

草木昆虫皆遂意。

Thánh thần tiên Phật tổng sinh quang.

聖神仙佛總生光。

Ngũ hành bát quái quân phù tả,

五行八卦均扶佐。

Thế thế sinh sinh bất thắng閒.

世世生生不勝閒。

Tôi vừa ngâm xong, sư cụ nói rằng:
«Như bài này chữ nào nên đổi các cụ
sửa cho.»

Ông cụ Hoàng nói rằng: «Đã là người
đi tu, không cần gì giàu có cho lắm,
câu thứ hai đổi đi hai chữ thì hay, đổi là
«Phủ như đông-hải thọ như sơn 福
如東海壽如山»; còn câu kết
nên đổi nốt ba chữ «bất thắng閒» thì
mới hợp cảnh nhà chùa. «Phụ-thân tôi
đổi rằng: » Thế thế sinh sinh nhất đẳng
nhàn 世世生生一等閒. Sư
cụ lấy làm ưng ý hai câu chữa ấy
lắm, vỗ ghế cười.

Còn hai bài nôm (thơ cổ) như sau
này:

Vui thú đâu hơn An-tử chùa,
Bông tây nam bắc lại như mưa.
Nước trời đủ uống đều ngày tháng,
Lộc Phật nhờ ơn suốt sớm trưa.
Câu kệ câu kinh thường miệng đọc,
Tiếng chuông tiếng mõ vững tay đưa.
Bông-hồ chốn ấy siêu phàm-lục,
Thế-giới đâu bằng tưởng tượng như.

II

Lúc hội rồng mây lúc vắng teo,
Nghênh-ngang một cảnh cảnh bên đèo.
Dấu hương sau trước thơm ngào-ngạt.
Ngạn giác xưa nay đã mốc meo.
Trên đất rừng Nho cây trót-vót,
Giữa trời bề Thích nước trong-veo.
Mười phương nào-nức đầu là chẳng,
Một bước trông lên một bước treo.

Truyện văn một hồi, 3 giờ 15 từ giả
ra đi, ra đến cửa, sư cụ còn ngừng
theo lại đọc tiếp chân một câu:

Một bước trông lên một bước treo.

Khỏi cửa rẽ ngay lên là chùa Bảo-dà
(ở sau lưng chùa Hoa-yên), ngọn chùa
này cũng nhỏ, mà bằng gạch, cửa bả
Bá Lồng mới làm sau, trong chỉ thờ
pho tượng đức Quan-âm tạc ngồi trên
cái núi, hai bên có Kim-dồng Ngọc-nữ
(Thiện-tái Long-nữ) và hai pho tượng
hầu.

Tôi không sang chùa Một-mái và
chùa Thiền-dịnh vội.

Lối đi từ đây lại khó hơn trước, chỗ
thi cao dựng đứng, chỗ thi vồng dầy-
diều, cho nên đi An-tử đã có câu vi
rằng: «Lên như nhái xuống như cua.»
Nghĩa là khi lên gặp chỗ nào dốc
quá, phải tay chân bám sát vào hòn đá
mà leo, khi xuống phải nghiêng mình
mà đi. Kể cũng không khó leo treo gì
cho lắm, có người đi được thì ta cũng
đến nơi. Người không đi núi quen sợ
lúc xuống ghê dó mà thôi. nhưng mà
cũng không dám rời tay gậy.

Tôi sức nhớ ở Hoa-yên lúc mới ra,
sư cụ đọc câu: « Một bước trông
lên một bước treo », tôi đi đến chỗ này
đổi cảnh với câu thơ ấy lấy làm thú
lắm, nên tôi mượn câu đó tục-vịnh
một bài rằng:

Một bước trông lên một bước treo,
Đương cao thăm-thẳm vồng dầy diều.
Khỏi hun bảo-đỉnh lồng am-thuốc,
Mây rủ cà-sa lẫn áo triều.

Tích-trượng hai hàng măng trúc mọc,
 Vân-thê một lối cỏi thông reo
 Nào ai quyết chí tu-hành đó,
 Núi tới Yên-sơn học tổ Diêu.

Bọn tôi đi một quãng đến tháp Mẫu (đây còn lối ra Am-thuốc là chỗ ông An Kỳ-Sinh luyện đạo xưa kia), chỗ này có một ngôi tháp bia đã nhòa cả chữ, không biết là vị gì, cứ thấy truyền lại là tháp của Mẫu và một ngôi mộ xây bên cạnh là người đồ-dệ của ngài.

Đến đây tôi cứ lối tay trái thẳng lên cho tới Vân-tiêu, lối này dễ đi nhưng mà xa hơn nửa giờ.

Trước là đi xem phong-cảnh có lối thì mình đi, gần xa hơn kém chẳng là bao, lúc lên có dốc một chút còn hơn là lúc xuống khó.

Bấy giờ bọn tôi cứ bên tay trái mà đi, dễ lúc ra về đi lối kia, tôi hỏi chú tiểu thì ra lối này (lối lên về tay trái) trước cũng đã có vì lối đi gồ-gề lắm một độ đã dễ lấp cỏ gai, bây giờ đến sự cù Vân-tiêu này lại mở-mang ra.

Tay chống gậy, miệng na-mô, bước thấp bước cao, ăn không biết no, vui không biết chán, phất - phơ giọt ngọc, man-mác cánh sương, trời vầy màn tuyết, đất giải chiếu thông. Kìa chùa Vân-tiêu 雲霄 đã ngang trước mặt (1), giờ đồng hồ xem thì 4 giờ 10 phút chiều.

Na-mô Quan-thế-âm bồ-tát! Sự cù trên chùa nghe thấy tiếng bọn tôi về đến nơi, ra cửa đứng đợi, cười cười nói nói, vui-vẻ biết đường nào, đón giắt vào phương - trượng sai pha nước uống cho đỡ khát, bắt lấy củ sủi cho tan sương.

Ờ hay, lúc này trèo lên còn trông thấy nóc chùa, bây giờ trông trở xuống thì một trời một núi một mình ta, mù-mịt chẳng nhận được lối đi, rồi nghe rào-rào như gió cuốn mây chạy, ngừng

trông lên ngọn cây thấy lá im phăng-phắc, sau tôi nhận ra mới biết là mình đứng trên mây, đương mưa ở dưới lưng chừng núi.

Chứa lên đến chùa Đồng, mà đây đã cao thế!

Đầu canh năm dưới ta (hơn ba giờ sáng) thì trên này đã trông thấy mặt trời. Ông Nguyễn-Trãi (về triều Lê) có đề bài thơ rằng:

An-sơn sơn thượng tối cao-phong,

安山山上最高峯。

Tài ngũ canh sơ nhật chính hồng.

纔五更初日正紅。

Vũ-trụ nhãn cùng thương hải ngoại,

宇宙眼窮滄海外。

Tiểu đàm nhân tại bích-vân trung.

笑談人在碧雲中。

Ứng môn ngọc sáo xâm thiên mầu,

擁門玉槩森千竇。

Quải thạch châu sơ lạc bán không.

掛石珠梳落半空。

Nhân-miếu đương niên di tích tại,

仁廟當年遺跡在。

Bạch hào quang lý đồ trùng đồng.

白毫光裏睹重瞳。

Nghĩ ngôi com nước xong, tôi lên chùa lễ Phật, chùa đây bằng lá, tượng-pháp trang-nghiêm hơn cả, trong thờ tam-bảo, bên đức chúa, bên đức thành Trần, ông Khải-giáo bày hương án giữa ở ngoài, trong thì Tam-tổ Trúc-lâm, liệt-vị châu bà, hai bên bát-bộ kim-cương và thập-diện minh-vương.

Trong chùa chỗ nào cũng ẩm, sương tuyết cả ngày, thế mà năm không lạnh như dưới ta.

Ngủ một đêm đây, sáng mai com nước xong, chờ cho tan sương mới thu xếp lên chùa Đồng, chỉ đem theo đồ lễ vàng hương mà thôi.

(1) Xem ảnh số 2.

*Dầu già dũ hẳn hơn ta chữa,
Chống gậy lên non gối chẳng chồn.*

8 giờ sáng bọn tôi thượng-sơn.

Lên đến đây trong lòng tôi chỉ lăm-lăm cho tới chùa Đồng (đỉnh núi).

Tuy vậy trí khôn vẫn ngơ-ngợp mấy lời của vài bà tu đặc-đạo cũng đã lên đây về nói chuyện lại rằng:

«... Lên chùa Đồng ai có duyên thời không ngã... Mà lối đi nhiều vất vả, một con vắt bám vào ấy là một cái nghiệp-chương của mình...»

Không hay có kinh nào dạy cái nghĩa nghiệp-chương là vậy chăng?

Ôi, chẳng qua mình được đi đến nơi về đến chốn, nói cho qui-hóa đi làm vậy mà thôi.

Cứ mãi sau chùa Văn-tiêu phía tả mà đi rẽ ngang là lối sang chùa Bảo-sát, trèo thẳng lên là lối lên chùa Đồng, lối đi cũng như là lối Hương-sơn cảnh chùa trong vậy.

Vách động như thêu nền cầm-lú,

Rừng cây tựa vẽ lối vân-yên.

Bá xếp chồng thang, cỏ mọc như rừng, lối đi cứ lên cao mãi, đến chỗ này vừa một tiếng đồng hồ, thấy có hai hòn đá dựng hai bên, lối đi ở giữa, trông không ra hình-trạng gì, tự-hồ như cái mũ ông táo cao độ một thước tây, ngang 40 phân, để dưới đất mỗi bên một bát bình hương để thờ mấy vị coi cửa rừng.

Vào quá 5 phút nữa đến một hòn đá tự-nhiên hình đứng như người cao ba thước tây, đứng lộ-thiên, dưới có cái bệ đá để hai bát bình hương, một cái bằng đồng, một cái bằng đá, đây là tượng ông An-Kỳ-Sinh. (1)

Cổ-nhân dựng pho tượng này rất là thần-tinh, người ta đi vào trông pho tượng ngảnh về phía bắc, lúc ra mà trông thì tượng ngảnh về phía nam, ở giữa ngực có khắc chữ, nhưng mà mòn mất cả nét, xem không rõ.

Ông An-Kỳ-Sinh là người Tàu (2) sang bên ta tu thành tiên ở đây, nơi Am-thuốc là chỗ ngài luyện đạo.

Quả núi này trước gọi là Bạch-vân-sơn 白雲山, vì ngài hiền-đạo ở đây trước nhất, cho nên đặt thành tên núi này là An-tử sơn 安子山.

Từ đây lên đến chùa Đồng phải vài nơi khó trèo, vì có mấy viên đá cao một thước rưỡi tây dựng đứng, lối đi thì phải trèo qua, hơi khó đi cho mấy người to béo một chút, chứ như tôi được cái tay vượn mình hạc, trèo leo dễ lắm.

Trong bọn tôi có ông cụ Nguyễn Văn-An già-cả dầy-dà trèo qua mấy hòn đá cao khi chậm-chạp, tôi nghĩ ngay ra đến chỗ nào như vậy, thì một người trèo lên trước, thò cái gậy của mình cầm xuống, để người dưới cầm lấy làm cái vịn, người trên kéo, người đứng sau đỡ hộ chân cho khỏi

(1) Xem ảnh số 3.

(2) An Kỳ-Sinh người làng Phụ-hương đất Lang-gia, ở về đời Tần bên Tàu. Có theo học ông Trương-nhân ở trên sông Hà, thường đi bán thuốc ở mạn bắc, người thời ấy đều gọi là « Thiên-vũ ông ». Khi Tần-Thủy-hoàng đi đông-du, có mời ông đến nói chuyện ba đêm ngày, (tặng cho ông ngọc Kim hích đáng giá đến vài nghìn vạn). Ông đem ra đến dinh làng Phụ-hương để trả lại dây rợ đi. Ông có để lại một bức thư và đôi giày xích ngọc để báo ơn vua. Trong bức thư nói rằng: « Sau vài mươi năm nữa thì tìm ta ở trên núi Bồng-lai. » Sau vua Thủy-hoàng cho người ra bề tìm không thấy dấu cả.

Xét sách *Hán-thư* truyện Khoái-Thống chép rằng: « An Kỳ-Sinh người nước Tề, có quen với Khoái-Thống, thường hay kể sách bảo Hạng Vũ, nhưng Vũ không hay dùng, ông cũng không nhận phong tước của Hạng-Vũ. » Hoàng-Phủ Bật chép truyện Cao-sĩ bảo rằng: « Ông An Kỳ-Sinh đời Tần với ông sau này cũng là một người ».

trượt, thật tiện quá. Vì hòn đá thi nhân, dựng hơi chênh-chênh, trèo lên không bám-biu vào đâu; trời mưa ướt lại khó trèo hơn.

Đã gần đến nơi qua một chỗ có viên đá, một mặt đề chữ: « Tây-phương 西方 »; một mặt đề chữ: « Thiên-trúc-tự 天竺寺 ».

Một lát tôi thấy mấy người đi trước kêu lên: « Kia con vắt ! »

Tôi đã rợn tóc gáy, tưởng cái này nó vồ, chạy lên xem ra nó bằng cái đầu tăm, bám phải chân đứa người nhà, trông như con sâu đỏ; giồng này cũng như con đĩa vậy, bám vào người ăn no rồi nhả ra. Sau tôi mới biết là nó ở trong đám cỏ rậm, người ta đi quệt phải là cỏ, thời nó mới bám vào. Thường nói về mùa hay mưa thì nhiều mà mấy hôm bọn tôi đi cũng mưa luôn. Lúc ở Vân-tiên ra thấy sư cụ nói rằng cả tháng mưa luôn, hôm nay các ông bà cùng các thầy thượng-sơn được ngày nắng, thực là quý-hóa. Thế mà cả bọn tôi đi về chỉ thấy có một con vắt mà thôi! Hay là nghiệp - chướng cũng nhẹ chăng?

Lên đến chùa Đồng thì 9 giờ 35, là đỉnh núi An-tử, chỗ giữa vuông ước bằng bốn chiếc chiếu, xây lên cái bệ, chung quanh đá mọc chơm-chởm, trên thờ pho tượng đức Quan-âm và ba pho tượng đức Trúc-lâm mà thờ lộ-thiên (1).

Tôi hỏi ra trước cở-nhân có làm ngọn chùa bằng đồng, che mấy pho tượng, hưng đã hư nát mất cả, duy mấy cái lỗ đá trước xây chân cột vào còn dấu tích, bởi thế nên gọi là chùa Đồng. Về sau đây bà Bà Lồng lại đem cùng bình hương một bình bằng đồng, một quả chuông một cái khánh và cái khung chùa bằng sắt lợp đồng, to bằng ba cái đình thàng tám trẻ con chơi, nhưng mà gió trên này dữ lắm, cái

chùa bay mất cả mái, bây giờ mới khiêng sang để bên cạnh. Xem như đền đồ thờ bằng đá sức to như thế mà cũng rơi vỡ cả. Cái khung chùa bây giờ để treo chuông khánh, vẫn tương-truyền rằng lên đến đây không được nói to, nhất là không được đánh chuông, hễ ai đánh một tiếng chuông, thì u-âm cả trời lại, đổ cơn mưa xuống.

Tôi tưởng lên đến đây là nơi chi-lớn chi-kinh, mình không nói to, ấy là giữ lễ. Còn đánh một tiếng chuông mà đổ mưa xuống, cái lý đó tôi thiết-tưởng cứ lầy lể mà đoán thì ra.

Nếu có như vậy, bà Bà Lồng còn đem chuông khánh lên cùng làm gì? Ai cũng vậy, có tâm với nhà Phật, đem được quả chuông lên đây công-trình lắm, vào lễ có thỉnh được ba hồi thì mới cho là lòng thành của mình cảm đến tây-phương.

Hay là người sau lên lễ, sẵn có chuông đó thỉnh, gặp lúc có cơn mưa chẳng? Hoặc-giả trên núi cao ngất trời nên tiếng chuông đồng kim-thanh vang ra, nó rung-động không-khí làm cho tan được đám mây. Ấy còn cái hóa-học thế nào thì tôi không được rõ. Tôi cũng muốn thử mấy tiếng cho tan cái sự huyền-hoặc ấy ra xem sao, vì đi có người trên, nên không dám tự-tiện.

Lại còn lên đây ai cũng xin nước thải, trên này nào có ai ở giữ đèn hương mà có nước, sương tuyết mọc mưa rơi xuống, nội là bình hương bốc đá đầy tràn, đều gọi là cam-lộ. Dầu Phật không giáng vào giọt nước, đến như nước suối kia còn uống được, huống chi trên cao có gì là bụi-bặm mà độc, nhưng nước trong bát bình hương bằng đồng tưởng không nên uống.

(1) Xem ảnh số 4.

Nhân hôm tôi lên cũng có một bọn các già ở nơi thôn quê dắt con cháu vào lễ đông lăm, trên chùa đã sẵn có cái thìa, lớn bé tranh nhau uống, tôi xem ý cứ lấy nước bát bình hương ấy mới cho là nước thái, tôi chỉ sợ có rỉ đồng, uống phải có làm sao, lại đồ cho Phật.

Thỉnh-thoảng u-âm một lúc rồi lại lòi mặt trời trông xuống dưới núi, tựa hồ trăm nghìn con rồng bằng khối bò lên ngọn cây. Thật là :

Vén mây trông tỏ lối vào Thiên-thai.

Xa xa chiếc thuyền bơi dưới sông :
thăm-thẳm mái nhà tựa sườn núi,
trông tỏ bằng một, rõ thật cần-khôn
thu vào một bức.

10 giờ rưỡi hạ-sơn, đúng 12 giờ bọn tôi lại về đến Vân-tiêu, không có người nào ngủ, nên tôi có đọc một câu rằng :

*Đã lên cho đến chùa Đồng,
Ai mà « vô-ngã » mới hòng thành tiên.*

Ông cụ Hoàng chưa hiểu ý tôi, sau tôi đọc lại thì ông cụ Hoàng cười, rồi phụ-thân tôi lại đọc rằng :

*Đã lên cho đến chùa Đồng,
Con gái chữa chồng cũng muốn đi tu.*

Mọi người đều cười ầm cả lên, cứ nghe một câu này thì đủ rõ cái phong-cảnh An-tử đẹp thế nào.

Cả buổi chiều hôm ấy nghỉ lại chơi ở chùa Vân-tiêu, tôi bảo chú tiểu đưa tôi vào rừng trúc-hoa để kiếm mấy cái gậy, cũng cứ theo lối lên chùa Đồng đi độ một quãng rẽ vào, chỉ riêng một khu này có trúc-hoa mà thôi, còn trúc xanh có kể hàng rừng, đến nơi tôi thấy chú tiểu cúi xuống bẻ măng mà tùy từng cái mới lấy. Tôi hỏi ra mới biết cái nào tía mới là trúc-hoa, cái nào trắng ấy là trúc xanh, ăn cũng được nhưng mà đắng.

Tôi xem chọn được cái gậy cũng khó lắm là vì già quá thì ít hoa, non quá thì óp, phần nhiều cong chứ thẳng thì hiếm.

Lấy được mấy cái gậy đem về trông thì mốc meo chứ không nhẵn-nhụi như trúc xanh kia, rồi thấy chú tiểu đem vào bếp cời than ra, hơ qua đi, lấy tro nóng bọc vào cái rễ, rồi ít nước mà tuốt, những chỗ mốc sạch là nổi hoa lên, xem ý đánh mạnh thì hoa mất cả.

Tôi cũng muốn đi xem rừng lan luôn thể, nhưng thấy nói xa lắm mà cũng ít khi gặp được ; sau tôi vào chùa nằm nghỉ, sự nghĩ câu chuyện rằng ai có duyên lên chùa Đồng mới không ngã ; hỏi duyên-do bởi làm sao mà có câu như vậy, chắc cũng đã nhiều người ngã lắm rồi, có ngã nhiều thì câu chuyện đó mấy người thiền-nghĩ càng cho là huyền-diệu lắm.

Nhưng không phải thế, ngã là vì thế này, tôi xét ra mấy người trèo núi mà ngã là vì tay cầm gậy chống vào hòn đá không vững, lại đi giày thường, cái thứ giày ấy bề phải nước thì cứng ra, giày đã không có đế mà đá thì trơn, gia-dĩ trong bụng vẫn ngom-ngộp sợ con vắt, mắt cứ nhìn quanh nhìn quần xem nó có bám vào mình không, tâm-thần không có để vào cái bước chân mình trèo, như thế vô-ý thì ngã, phải hơn là vô-duyên.

Muốn cho không ngã cốt nhất cái đầu gậy tay mình chống xuống dẻo cho nhón. đừng có đi giày thường, mua thứ giày rom hay là «băng-tóp», thứ thực mềm còn hơn, không thì đi đất cũng được ; nếu ai không đi đất quen có ghé con vắt, thì dùng thứ bút tất ta thường đi, chọn thứ dầy, chứ đừng dùng bút tất tấu, vì leo trèo hay tụt lăm. Cứ vững mà đi, như thế chẳng sợ là có duyên mới lên đến chùa Đồng.

Tôi xem như ông cụ Hoàng Xuân-Sơn đi giày Gia-dịnh từ Hà-nội về An-tử lên cho đến chùa Đồng còn được, chỉ trừ khi qua suối, trèo mấy hòn đá cao là phải cầm gậy mà thôi. Xem như thế khá biết lối đi An-tử mỗi ngày càng dễ đi hơn.

Xế xế về chiều, anh em tôi rủ nhau đi vòng quanh chùa Văn-tiểu xem.

Trước cửa chùa có năm sáu cây thông rườm-rà, cạnh dưới gốc xây bốn ngọn tháp, bên cạnh cái sân lối đi có ngôi mộ mới, hỏi ra là mộ sư cụ Văn-tiểu trước sư cụ bây giờ, người bị giết cùng mấy bà họ chùa, là vì người có để dành được món tiền, định trùng-lu chùa lại, gần đây họ vay mượn không được, chúng giết đi, xác quăng xuống khe suối bên cạnh chùa, còn bà họ treo lên cành cây.

Cách mấy hôm sư già bên chùa Bảo-sát không thấy bên này thỉnh chuông chiều mộ, chạy sang xem, thấy sự-tình như thế, mới hô-hoán lên. Xác sư cụ thì chôn ở đấy, còn bà họ thì con cháu đem về làng.

Ông sư bây giờ là người dưới ta, ông cụ Xuân-Sơn cử lên, nên đối với chúng tôi thân là vậy.

Anh em tôi giắt nhau ra xem chỗ suối ném xác ông sư. Ngọn suối này chảy từ trên đỉnh núi An-tử xuống qua đây, chảy ra 28 suối ngoài kia cho đến mây nước Hải-phòng. Hai anh em tôi đứng xem một lúc, thấy ngọn nước rất trong sạch, mà lại chảy qua một cái hồ rác rồi xuống dưới lạch, mới bảo nhau rằng đây là ngọn nước chảy đi các nơi, biết bao nhiêu con người ăn, mà thế này thì bần lâm, chúng ta lấy đá lấp cái hồ rác kia đi, khai ngọn nước chảy sang bên này có lẽ sạch mà vệ-sinh hơn, làm được cái cống thấy nước chảy mạnh lấy làm thích lắm.

Một lát phụ-thân tôi cũng ra đây hỏi các con làm gì vậy? chúng tôi kể đầu đuôi là thế. Phụ-thân tôi đứng ngẫm-ngẫm một hồi nói rằng các con làm thế này chỉ trừ được cái rác bần mà thôi, ngộ còn người khác quăng bậy rửa bậy thì giữ sao cho xiết được; bất-nhược nhân bên cạnh suối có cái hốc kia, các con nhặt sạch cỏ đi lấp

cái miếu thờ, như thế là dụng-thuật mà giữ được vệ-sinh lâu dài. Nói xong phụ-thân tôi tìm được một hòn đá hình giống người, để vào giữa, chung quanh xếp đá thành bệ, đặt là « Văn-khê-thần-nữ 雲溪神女 », và có dặn rằng chúng tôi lập miếu lên đây, vị nào y-y chỗ này nên trông nom ngọn suối này cho sạch-sẽ.

Phụ-thân tôi cho về mời ông cụ Xuân-Sơn và cụ Văn-Ẩn ra xem.

Cụ Xuân-Sơn xem rồi nói rằng đề tôi cũng thêm pho tượng hầu. Cụ Văn-Ẩn cũng đi chọn được một viên đá nửa đề một bên cho đối, mới tròn quả phúc.

Hai cụ kiếm được hai viên đá, hình-dạng cũng hay hay đề hai bên, rồi ông cụ Hoàng lấy bút đề ba chữ: « Thiên thượng lai 天上來 » và câu đối rằng:

Vân phong dư vượng khí 雲峯餘旺氣.

Khê thủy dẫn linh thanh 溪水引靈聲.

Phụ-thân tôi cũng đề hai chữ: « Thanh cao 清高 » và câu đối rằng:

Tuệ-nghĩa kế vân tâm tức phật,

慧義偕云心即佛.

Xuân-thu bút ký thạch năng ngôn.

春秋筆記石能言.

Kể đến câu đối của cụ Văn-Ẩn đề rằng:

Nam-phổ phi vân, tây-sơn quyền vụ.

南浦飛雲西山捲霧.

Thanh-toàn trạc vật, giai mộc thành âm.

清泉濯物佳木成陰.

Em tôi cũng đề rằng:

Bất trắc vị chi thánh,

不測謂之聖.

Tuy tiều diệc túc vương.

雖小亦足王.

Xong đây cùng về cả dâng trước cửa chùa đứng xem, lúc bấy giờ vào quãng 4 giờ chiều, mặt trời đã ngánh về tây, đứng trông ra biết bao nhiêu

ngon sòng xa gần tựa-hồ như tắm
tạ bạch chẳng ngang trước mặt, mấy
vạn quả núi thấp cao như thềm con rồng
xanh nằm châu bên cạnh. Sự nhớ
câu hành-trình của cụ Từ-ô rằng:

«... *Lừng-lung chừng cảnh xếp trong
mây.*

« *Thống reo trúc múa lan bay...* »

Thực là phong-cảnh khác phàm.

Thấy sư cụ đây nói rằng đêm thanh
vắng đứng đây trông thấy cả đèn mây
Hải-phòng.

Cổ-nhân lấy quả núi này là đệ-nhất
phúc-địa là phải.

Đương mãi đứng xem thấy chú tiểu
ra mời các ông vào thụ trai. Tôi vào
đến cửa sân bít của nhà chùa để trên
bàn tôi cầm lấy đề 4 câu trên cột rằng:

*Trông lên vẫn tưởng bỏ chân núi,
Ngánh lại thành ra đứng trước mây.
Rừng trúc hoa rào riếng cảnh Phật,
Bảy mươi hai động nhất là đây.*

Phụ-thân tôi cũng đề mấy câu rằng:

« Ai cũng bảo rằng núi An-tử cao,
khi ta lên đến đỉnh thì ta lại cao hơn
núi, nhưng cao hơn ta là đạo Phật. »

Đề xong vào ăn cơm. Ba bữa nay
ăn cơm ở Vân-tiêu, mà bữa nào cũng
chỉ có một vị măng trúc, vừa sào vừa
luộc vừa làm nộm, duy ngon nhất là
măng nướng, bề được cái măng trên
rừng về đem nướng, chấm với si-dầu,
thật là một thứ trân-vị ở An-tử. Tôi đã
có ý nhờ sư cụ sai người đi lấy một ít
để đem ra biếu bà con, nhưng mà sư
cụ nói rằng bề về ăn ngay thì ngon,
để cách đêm ôi mất, cái muối rồi thì
để lâu được, cho nên đã có câu rằng:

«... Muốn ăn măng nướng thì
vào Vân-tiêu.»

Ấy cũng may, chúng tôi đi vào đầu
tháng hai, chứ sang đến tháng ba thì
hết.

Có một điều rằng thập-phương ai
vào lễ thì đem thêm gạo nhà đi, không
những hạt gạo trong này rần, mà không
mấy khi nhà chùa trữ gạo đủ mười
người ăn ba bữa luôn.

Đường-sá xa-xôi, trèo dèo qua suối
như vậy, mà nhà chùa vẫn phải hạ-
sơn dong từng đồng bạc gạo một Hòm
ấy nhà chùa có dám lên làm chay.

8 giờ sáng hôm mồng 7 bọn tôi từ
giã sư cụ đề hạ-sơn, sư cụ đưa tiễn ra
cửa và lại cho chú tiểu đi đưa chân ra
đến Hải-phòng, chủ khách tổng-biệt
một cách rất là quyến-luyến.

Bây giờ mới sang chùa Bảo - sát
寶刹寺 (1).

Cảnh chùa này vất - vẻo trên sườn
núi, chùa gỗ lợp bằng tôn, tượng-pháp
cũng uy-nghi. Đằng sau chùa, sườn núi
có cái hốc, đem xây bệ lên để chỗ thờ
riêng tam-tổ Trúc-lâm. Trong cung cao
ráo, nhưng mà chỗ lễ khi thấp, vì sát
đào tảng đá đủ xuống, dân ông ta vào
lễ thì phải cúi, trước cửa thì giọt nước
từ trên cao thánh-thót chảy cả ngày.
Tôi có đề bốn câu tả cảnh chỗ này:

*Sườn non một hốc hòm hòm, hòm,
Miếu tổ trông xa ngở cái vòm.*

*Giọt nước cam-lồ sa thánh-thót,
Mười phương đến lễ cũng lom-khom.*

Sư cụ đây độ ngót 60 tuổi người tỉnh
nết tri-chạm mớ-phạm.

8 giờ rưỡi ở Bảo-sát ra về chợt trông
thấy ở sân chùa có cây quế mới trồng.
lại sự nhớ đến câu chuyện sư cụ chùa
Lâm nói rằng:

« Vẫn đồn quế Yên-tử, nhưng mà
từ khi chúng tôi về tu đây còn nhỏ đến

(1) Xem ảnh số 5

bây giờ chưa thấy cây nào. Có thì về vùng Quảng-yên chứ Yên-tử không có. »

Trước cửa chùa ra phải xuống một cái thang đá dốc lắm, chỗ này thực là xuống như cua, lần theo mất 10 phút đồng-tờ mới hết, còn từ đây trở ra dễ đi lắm, cũng phải leo trèo nhưng mà không khó như lối bên kia:

Đúng 10 giờ một phút ra đến tháp Mẫu, ở đây rẽ sang chùa Một-mái đi hết 8 phút đồng-tờ, cảnh này vẫn gọi là đầu con rồng ngẩng lại châu tháp Tò mà chùa Hoa-yên là cái mình.

Chùa đây làm sát vào khe đá, có một mái, chùa chĩa ra ngoài, nên gọi là Một-mái, có vị sư ở đây giữ đèn hương, nhưng mà vẫn thường thường đi về bên Hoa-yên.

Đứng dưới trông lên chùa thì như cái nhà tầng vậy.

Trèo lên 5 người vào lễ thì chật ; trong chùa thờ ba pho tượng Phật và tượng các tổ cùng một bệ, ngay cửa vào thờ mẫu ; trên chùa có cái hốc xây, trong hốc có cái bia đá con con, tôi xem là bia ông tổ cảnh này ngày trước là vị Tuệ-nhật thiền-sư 慧日禪師, người cũng đốt tay ngồi tụng kinh. Dưới núi có cái tháp mới.

Nguyên cảnh chùa này, là nơi đức Giác-Hoàng dựng lên làm tỉnh-thất lúc ngài xem sách. Còn bên Thiền định là nơi ngài tọa-thiền.

Bây giờ chúng tôi sang bên Thiền-định lại phải đi qua sân chùa Hoa-yên, đi sang hết 12 phút. Qua một chỗ gọi là suối Ngự-rội, nước chảy trên núi xuống, dưới có hòn đá vuông, tục truyền đây là nơi đức Giác-hoàng tắm khi xưa.

Bên cạnh có cái dốc đá, cây-cối um-tùm, ngày xưa chùa Hoa-yên « ngồi hạ », các sư về đông lắm, phải ra cả dốc này lợp lá lên ngồi đọc sách. Có từng gian một, nên đây gọi là ô hàng thuốc. Đi

độ 15 phút nữa đến Thiền-định, cảnh này cũng cháy mất rồi còn một bức tường gạch mà thôi.

Rồi chúng tôi lại rẽ về Hoa-yên nghỉ chân.

12 giờ rưỡi từ giả Hoa-yên ra, đi về đến Giải-oan đã 3 giờ chiều, lại nghỉ đây nửa giờ.

5 giờ rưỡi chiều ra đến chùa Lâm, ngủ trọ một tối.

8 giờ sáng mồng 8 ở chùa Lâm đi ra, về đến Cẩm-thực vừa chín giờ rưỡi, ngồi nghỉ nửa giờ dưới chân núi.

10 giờ từ Cẩm-thực ra đi, giữa đường gặp mấy người dân-bà Chại (mán), giống này dưới ta gọi là Mán hay là Thồ, họ vào đây phá cỏ trồng mùa, thấy bọn tôi đi qua vội vàng công con trong lều ra, cũng biết « Na-mô Phật, xin các ông các bà một xu, có oản cho con với. » Hôm ấy bọn họ cũng được vài hào.

Ông cụ Hoàng hỏi họ có gừng bán không ? Thấy nó nói tiếng mán thồ gì không hiểu, rồi con nó về cầm miếng gừng ra.

Ông cụ Hoàng hỏi lấy bao nhiêu tiền ? Chại nói các ông các bà có lòng tốt cho tiền rồi, còn cái gừng này muốn cho bao nhiêu cũng được ; không cho tôi cũng không dám ký-quản. Rồi cụ Hoàng đưa trả hai xu.

Thế mới biết Mán gần ở chùa cũng từ-bi, cũng đạo-lý, nghèo mà không tham.

Chốn Yên-tử sau này ai muốn vào tu, tôi tưởng cũng nên bắt chước Mán Thồ mà tập bỏ được cái lòng tham rồi hãy mong thành ông Phật, như chốn danh-lam thắng-tích này mà không được người cao-tăng đạo-đức tu-hành, thì cũng khá tiếc vậy.

12 giờ rưỡi, bọn tôi ra đến chùa Bi-thượng vào nghỉ một lát rồi đi ra thắng bên Bi.

1 giờ 10 phút từ bến Bì đi bộ ra cầu Phúc đến cây-lò-mét 16 là về địa-phận làng Phúc-liệt-sơn.

Khi chúng tôi đi có chú tiểu đưa đường, nên không phải hỏi thăm, cứ đến đình Phúc rẽ vào, đi một quãng đồng bằng thì đến.

Ngon chùa này làm trên cái Đồi, núi bọc chung quanh. Bọn tôi vào tới chùa đã 5 giờ chiều, cơm nước xong, đến tối lên lễ.

Chùa đây gọi là Già-mộc-tự 茄木寺. Phụ-thân tôi có đề câu đối rằng:

茄 藍 真 宰 最 靈 神。

Già lam chân lễ tối linh thần,

木 德 居 君 無 量 佛。

Mộc đức tinh quân vô lượng Phật.

Vì hôm bọn tôi vào chùa gồng-gánh cũng nhiều, đến bến Bì, sư cụ Vân-tiểu lại cho thêm người ra đón, thế mà lại phải thuê thêm một người nữa gánh san ra để thượng-sơn cho nhẹ. Trở ra đến chùa Phúc tôi trả tiền công gánh mà cho thêm một hào nữa thuê gọi hộ mấy cái xe, sáng sớm hôm mồng 9 kéo vào Phúc đón, cho nên hôm ấy bọn tôi ra đến Hải-phòng mới 8 giờ sáng còn được nhiều thì giờ đi xem tỉnh.

1 giờ 40 lên xe lửa về Hà-nội.

Nếu sau này ai đi mà không tiện người gọi xe hộ, thì hôm đi xe vào dặn ngay cu-li xe rằng hôm nào mình về thì vào đón.

Sớm mồng 7 bọn tôi ở Vân-tiểu hạ-sơn, chiều mồng 8 ra đến Phúc, thế là hai hôm, ấy là vừa đi vừa nghỉ.

Tôi xem như một bọn vào làm chay ở Vân-tiểu, sớm hôm mồng 8 mới hạ-sơn, mà cũng tới hôm ấy ra đến Phúc, ấy là người ta đi quen và không có rẽ vào đâu, đường đi có một ngày thôi.

Sáng hôm tôi ở Phúc ra xe về, còn ngành lại nom theo quả núi An-tử, lờ mờ nhận mãi mới ra, thực là « cảnh những mền người người mền cảnh. »

Chú tiểu chỉ tay nói kia quả núi ngọn xẻ đôi ấy là An-tử. Lúc bấy giờ tưởng-tượng đến khi mình đứng thấp hương trên chùa Đồng, thì trong lòng lại những ước-ao...

Sau này ai muốn đi An-tử, cũng nên tìm người biết lối để đưa đường. Người ta đi đường rừng thường thường hay rắc giấy tiền, bọn thì giấy xanh, bọn thì giấy vàng khác nhau, là có ý để nhận lối ra.

Đã hay rằng bức tranh sơn-thủy để chơi chung, ai đi cũng đến nơi, nhưng cái thú thanh-tao chỉ để dành riêng cho người phong-nhã.

Nào ai quyết chí tu-hành,

Có về An-tử mới dành lòng tu.

Cổ-nhân đặt câu này là có ý muốn cho mọi người cũng nên về An-tử, để biết rằng: « Bụt nhà cũng thiêng »; tôi tưởng cổ-nhân đặt câu như vậy, để khiến cho mấy người hạ-sĩ phải mơ-hồ.

Đã đi An-tử phải biết sự-tích làm sao, nou xanh nước biếc phải nhận cho rõ cái chân-hình ở trong, có hiểu được thì mới gọi là dành lòng tu chứ.

Nào có phải cứ đi đến nơi về đến chốn mà thành được ông Phật đâu!

Tôi tưởng 10 cảnh chùa trong 6 ngày của tôi cũng còn chưa đủ vậy, huống hồ có người đi về chỉ có 4 ngày mà thôi.

Vì tôi thấy phần nhiều người có lòng ước-ao, mà chỉ ngại đường-sá trèo đèo, cho nên tôi đi về có chép thành tập này, ghi thực những sự mắt tôi đã được trông, tai tôi đã được nghe. Bà con ta, ai có lòng mộ Phật mà lại quá yêu đến tôi, tập sách này tưởng cũng góp được một vài phần trong nghìn vạn, nghĩa là cứ sự thực tôi chép, không có gì là văn-chương mà dám khoe-khoang ngời bút. Trong 6 ngày của tôi và 9 bức ảnh này, tưởng thế mới là có cái tiền-duyên với cảnh An-tử vậy.

Kiểm-hồ NGUYỄN THỀ-HỮU

NGƯỜI VỚI VƯỜN (1)

Thưa các ngài,

Chẳng nói các ngài cũng rõ rằng cái tình-cảnh người làm việc ở nhà buôn và nhà máy đáng thương hơn người làm việc ở các công-sở, vì việc thì phải làm nhiều mà lại không được mấy lúc nghỉ-ngơi. Hết buổi làm thì trí-não mỏi-mệt, tinh-thần khăng-tăng, dù có muốn xem sách hoặc suy-cứu về một vấn-đề gì cũng khó lòng. Nhất là về mùa viêm-nhiệt này lại càng khó nữa. Tôi cũng là một người trong đám người đáng thương đó, vậy xin thưa trước để hoặc có điều khuyết-phap các ngài sẵn lòng khoan-dung.

Kỳ này tôi xin hầu chuyện các ngài về một vấn-đề mà các nhà khoa-học và triết-học đã nhiều phen tranh-luận và nhà tôn-giáo thường cực-lực phản-đối.

Câu chuyện đầu đề là « *Người với vườn* ». Tôi xin cùng với các ngài lược-khảo xem có phải người ta do giống vườn mà ra không? Cụ thể chúng ta có họ-hàng gì với Đại-Tể hành không?

Thiêt-tưởng còn cái vấn-đề nào đáng lưu-ý hơn cái vấn-đề cùng-cứu về cỗi-rễ chúng ta nữa.

Ngay từ đời ông ARISTOTE là một nhà triết-học Hi-lạp vào khoảng 384-322 trước kỷ-nguyên, các học-giả đã nghiệm rằng cơ-thể người ta có nhiều phần giống cơ-thể loài vật và nhất là giống cơ-thể loài hươu, nên đã đặt người ta trên cả các loài vật mà lại cạnh ngay loài hươu.

Người mà lại họ với vườn? Rõ chuyện « *từu* »! Có đâu lại thế! Có nhà

bác-sĩ cũng cho thế là mất thể-diện của loài người, nên đặt người ta không những trên cả vạn-vật mà lại nâng cao hẳn lên một tầng nữa, viện-lý rằng người là một giống đặc-biệt không can-thiếp gì đến giống vật, vì có tư-tưởng, có lương-tâm, có luân-lý, có ái-linh, có tôn-giáo, v. v.. Kinh *Bible* dạy rằng: Người ta không phải do một con động-vật mà ra, mà chính là con cháu một đôi Thiên-thần bị giáng-hạ xuống địa-giới. Cụ ông là ADAM, cụ bà là EVE. Mới đây một ông linh-mục Pháp coi thiên-văn-đài thành *Bourges* có soạn một bộ sách trong nói rằng: « *Người ta là của Trời sáng-tạo ra để tô-diêm cho mặt trái đất. Của Trời rồi lại theo Trời. Còn cái lý-thuyết người là con giống vườn nên đem vui rập đi.* »

Người Nhật nhận mình thuộc về dòng Thần-vũ Thiên-hoàng. Người Tàu xưng mình là giống Hoàng-đế. Người Việt-Nam ta lại vinh-dự nữa. Sử chép cháu ba đời vua Thần - Nông đi tuần phương Nam đến Ngũ-lĩnh lấy bà Vụ-tiên, đẻ con lập làm vua nước ta, hiệu là Kinh-dương-vương. Vua Kinh-dương sinh ra vua Lạc-Long, kết-duyên với Công-chúa vua thủy hồ Động-dinh tên là bà Âu-cơ, đẻ một bọc trăm trứng, nở trăm con trai. Một nửa là giống rồng thì theo cha xuống biển, còn một nửa là giống tiên thì theo mẹ lên núi, sau là tổ trăm đất Việt. Người con cả là vua Hùng-vương. Cha rồng mẹ tiên, một bọc trăm trứng, truyện thật li-kỳ, nhưng đại-để nước nào cũng vậy; lúc mới lập-quốc làm gì có văn-tự, có sử-sách mà

(1) Dẫn-thuyết ở Hội Tri-eri.

ghi-chép. Đương lúc thần-quyền thịnh-hành thì tư-tưởng người ta khuynh-hướng về những chuyện dị-doan, tinh-quái. Thấy tên Lạc-Long thì cho mình là giống rồng, nghe người ở Động-dinh thì nhận là con vua thủy, nghe nói có trăm đất Việt thì bày ra truyện trăm trứng nở trăm trai, cũng vì một lòng yêu nước, quý mình, nhân một hai sự truyền-văn mà thêm-dệt thêm cho ra dáng con nhà.

Người Âu con cháu Thiên-Thần, người Nhật giống Thiên-Hoàng, người Tàu giống Hoàng-đế, chung-quì đều một ý cả, mà đều là ý-tưởng không có bằng-cứ gì đáng tin.

Đương ung-dung tự-cao tự-dại là con thần cháu thánh, con tiên cháu rồng, mà có người dám cả gan gọi mình là khi là tằm, thì cũng khó chịu! Nhà tôn-giáo phản-đối không phải là vô-lý!

Những người cả gan ấy là ai? — Toàn là những nhà bác-vật-học trứ-danh như ông LINNÉ người Thụy-diễn-ông BUFFON người Pháp, ông DARWIN, ông HUXLEY người Anh, ông HAECKEL người Đức.

LINNÉ tiên-sinh coi người với vượn cùng một họ gọi là đệ-nhất hạng cao-dâng động-vật (*primates*). BUFFON tiên-sinh nói rằng: « Cùng thì giống hầu mà đem tỉ với nhau còn khác nhau hơn người ta ». DARWIN tiên-sinh nói rằng: « Nếu người ta không tự-cao thì không khi nào lại đặt mình ra ngoài giống « vật. Ông HUXLEY khảo về loài hầu rồi kết-luận một cách quả-quyết rằng người ta do giống vượn mà ra. Có nhà tôn-giáo nguy-biến một cách quá ư thiên-lệch, khiến cho ông đáp rằng: « Làm con cháu loài vượn mà mỗi ngày một tiến-bộ còn hơn làm con cháu cụ ADAM mà mỗi ngày một đồi-bại! » Ông HAECKEL cho người ta kỳ-thủy là một giống sinh-vật biến-hóa và tiến-hóa mãi mới thành vượn, rồi vượn mới ra hình người.

Người ta cũng tựa như tằm, tằm trước còn là cái trứng tí hon, lâu dần trứng nở ra tằm, tằm biến ra động, động ra ngài, ra bướm. Trước khi xét xem người với vượn giống nhau thế nào, tôi hãy xin các ngài cho phép giới-thiệu mấy giống vượn sau này.

10 — *Khỉ độc* — Giống khỉ độc gọi là *pongo* thường ở phía tây Phi-châu (*Afrique Occidentale*). Nó hệt người ta lắm, mà hệt một người to lớn. Mặt giống mặt người, mắt sâu, lông mày dài. Khi nào ở dưới đất cũng đi hai chân, hai tay thì khoác ra sau gáy. Sức khoẻ gấp mười người. Nó hay bắt dăn bà, con trẻ và có khi kháng-cự cả với voi. Nó lấy gậy đánh voi có khi voi phải chạy, vừa chạy vừa kêu rầm-rĩ. Người ta không thể bắt sống được giống khỉ độc vì nó khoẻ lắm, người thổ-dân chỉ lấy tên nhọn đâm thuốc độc bắn nó chết thì mới bắt được. Nó thường ở trên cây và biết làm tổ để ẩn mưa gió.

Đêm mùa lạnh, những tiểu-phu thường đốt lửa trong rừng để sưởi. Hễ sáng ngày đi khỏi thì lũ khỉ kéo dăn kéo dùm đến cũng sưởi. Mỗi dăn chỉ có một con đực làm chúa-tể.

20 — *Vượn dài tay* — Giống vượn dài tay ưa ở núi, tiếng kêu to lắm. Ông DUVANCEL nói chính mắt ông đã thường thấy loài vượn này đem con sống tằm rửa cho nó. Con vượn nhỏ tha - hồ kêu - nài, mẹ nó vẫn làm thính. Ông BONNET bắt được một con đem về nuôi thì nghiệm ra nó tinh-khôn và ngộ-nghịch lắm. Một hôm ông đang viết thư, thấy nó vào buồng ông. Nó muốn lấy miếng sà-phòng nên mất thính-thoảng lại nhìn trộm ông. Ông giả-tảng cầm đầu viết thì con vượn lấy miếng sà-phòng giấu dăng sau lưng. Đến giữa buồng, ông gọi nó thì nó hiểu ngay rằng ông biết nó làm càn. Nó bèn mon-men đem trả miếng sà-phòng vào

chỗ cũ. Xem thế thì biết giống vượn này không phải không có đôi chút lương-tâm.

30 — *Đười-ươi* — Giống đười-ươi hay người rừng (*homme des bois*) cũng như giống vượn dài tay thường ở phía đông Á-tê-Á (*Asie orientale*). Nó cao 1m,25, khỏe và hung-tợn lắm. Nó sống được đến 50 tuổi. Thường thích ở rừng rậm. Nó lười biếng lắm. Nó trèo cây cũng chậm-chạp, vụng-về như người ta vậy. Người rợ *Dyaks* nói rằng những đười-ươi già cũng rụng cả răng mà các cụ cũng chẳng buồn trèo leo gì cả. Thường thì nó chỉ chống-cự với giống cá sấu mà thôi, vì nó hay lò-dò đi trên bờ sông, nên bị cá sấu dớp phải. Nó bèn lấy hai tay banh mep cá sấu cho rách họng ra.

Người đi sau có khi bị nó ném bằng những cành cây hoặc những quả có gai.

40. — *Vượn Phi-châu* — Giống vượn Phi-châu trèo giỏi và nhảy xa lắm, những con đực thường cao tới 1m,52. Nó không ưa ở gần người và hay làm tổ ở ngọn các cây cao. Thường người ta thấy những vượn già ngồi ở dưới gốc cây ăn hoa quả, vừa ăn vừa lầm-bầm, hình như nói chuyện với nhau, còn chung quanh thì đàn vượn non tha-hồ vụng-vãi nhảy-nhót. Giống vượn này ở bản lắm. Người thổ-dân tưởng giống vượn xưa cũng là người, chỉ vì hay ghen-ghét nhau và phong-tục dôi-bại lắm nên sau phải hóa làm loài hầu! Nó âu-yếm con-cái lắm. Nhà Bác-sĩ SAVAGE nói rằng đã mục-kích một con vượn cái ngồi với hai con. Tình-linh có người đi săn cầm súng đến thì đàn vượn trèo lên cây chỉ còn sót có một con vượn con ở dưới đất. Con vượn cái vội-vàng xuống bế con lên cây rồi cứ ngồi ôm khư-khư lấy.

Một lần khác ông lại thấy một đàn vượn ở trên cây. Có người dơ khẩu súng lên thì con vượn cái cũng dơ hai tay hình như nó van lạy người ta đừng hại mẹ con nó.

5) — *Vượn mặt trắng*. — Giống vượn này ở xứ *Gaimée*, người Âu thường gọi nó là *mandrill* nghĩa là người vượn. Nó hết người và khác hẳn các giống vượn. Khoanh mình nó cũng tròn bằng khoanh mình người. Đầu to, mặt rẹt, mũi nhỏ, miệng to, môi mỏng. Mặt mũi trắng mà nhẵn-nhụi, chỉ có đôi lông mày dài, da mặt giãn deo như người có tuổi. Minh đen như mình gấu mà bao giờ cũng chỉ đi hai chân. Hễ có người trên ghẹo nó thì nó nấn nỉ như đứa trẻ-con vậy. Ông WILLIAM SMITH thuật rằng có người biểu ông một con *mandrill* mới có sáu tháng mà nó đã lớn lắm. Ông bèn giao cho một người đầy tớ Tây-den để nuôi con vật ấy. Ông để con vượn ở trên boong tàu, những lúc không có ai coi thì bọn thủy-thủ tàu hay ghẹo nó để nó nấn-nỉ cho buồn cười. Một hôm có người lính thủy ghẹo nó quá, bị anh đầy tớ den cự. Chú lính thủy xấu hổ, phất câu rồi nhạo anh Tây-den: « Tao xem ra bộ mày yêu người đồng-bào mày lắm nhỉ. Hắn mày muốn cười nó làm vợ!» Anh đầy tớ Tây-den trả lời cũng có vị lắm: « 'Tôi đâu dám thế! Nó là người da trắng, đáng làm chủ mới phải!»

Người với vượn giống nhau thế nào? — Loài vượn có 2 thứ: thứ lớn và thứ nhỏ. Thứ lớn như *khỉ-độc* (*gorille, chimpanzé*), đười-ươi hay người rừng (*orang-outang*), vượn dài tay (*gibbon*), giống người ta hơn cả vì có sức khỏe, không có đuôi, thường đi hai chân và dit không có lần da đỏ. (Chỉ có thứ vượn dài tay có lần da đỏ.)

Kể từ lúc mới phối-thai đã thấy giống người ta. Ta hãy xét một giống vật, thí-dụ giống mèo. Lúc mới phối-thai thì con vật chỉ là một cái trứng, tuy không giống như trứng chim, trứng gà nhưng cũng là một thứ trứng. Trứng này sinh-trưởng ngay ở trong lòng giống vật nên không cần có vỏ cứng và có đỡ-

ăn dự-bị như trứng chim, trứng gà, vì thế mà chỉ nhỏ bằng cái đầu kim thôi. Hình nó tròn, vỏ nó mỏng và trong suốt (*membrane vitelline*), lòng trứng thì lầy-nhầy và có sắc vàng ở giữa, trứng lại có một cái bao nhỏ (*vésicule germinative*) trong đựng một cái hạt hơi rắn (*tache germinative*) (hình số 1). Lúc trứng nở thì không tài nào phân-biệt cái bao với cái hạt được nữa, và thấy chung-quanh rìa cái trứng nhơm-nhở hình như lấy lưỡi dao mà khía ra vậy, còn cái lòng trứng thì phân ra làm đôi rồi làm bốn. Lâu dần thì cái lòng trứng biến ra một đồng viên nhỏ, viên nào cũng hệt viên nào, viên nào cũng lóng-lánh, có sắc vàng và cũng có một cái nhân. Những viên ấy tất là vật-liệu để cấu-tạo ra con mèo con không khác ở trong lò gạch người ta lấy đất thó cho vào khuôn để làm ra những viên gạch hình-thể và dung tích như nhau. Có gạch rồi mới cất nhà-cửa lâu-dài được.

Lâu nữa thì những viên tụ-hợp với nhau mà gây ra mấy khối sinh-chất có đầu to, đầu nhỏ và ở giữa có một cái vệt dài. Đầu to là đầu con vật, đầu nhỏ là đuôi, vệt dài là sống lưng. Rồi có 4 cái núm, ấy là 4 chân con vật (hình số 2).

Những vật-liệu dùng để cấu-tạo và bồi-dưỡng cái thai còn thừa thì tụ ở trong một cái túi gọi là cuống rau (*vésicule ombilicale*), cuống rau thông với ruột non cái thai. Còn có hai cái túi nữa: một cái là *túi bọc thai* (*amnios*) để che chở cho con vật non và một cái *túi nuôi thai* (*allantoïde*). Cái thứ nhất có một chất lỏng như nước và phủ kín cả cái thai, cái thứ hai có nhiều mạch máu, nó làm cho bụng mẹ bụng con giao-tiếp với nhau khiến cho cái thai tự bồi-dưỡng và tiêu-hóa được. Chỗ những mạch máu của mẹ con giao-tiếp với nhau gọi là thai-ban (*placenta*).

Phâm giống vật có xương thì giống nào cũng vậy, từ con ếch đến con cá, từ con chim đến con voi, lúc mới phối-thai đều tương-tự như thế cả. Có lúc bao nhiêu thứ thai đều giống nhau cả, chỉ mãi về sau mới khác. Xem thế thì biết các giống vật đều có can-thiệp với nhau.

Vậy thì ta có một cách khảo-xét được xem người ta có phải quả là một giống đặc-biệt hay cũng là một con động-vật mà thôi. Xét kỹ ra thì lúc mới phối-thai người với giống vật chẳng khác gì nhau, ta thử sánh hai bản vẽ số 2 và số 3 thì biết. Người ta lúc ban đầu cũng là một thứ trứng chỉ to bằng đầu cái kim và những sự biến-hóa cũng giống sự biến-hóa của con mèo con vậy. Mãi về sau mới thấy khác mà có hai điều khác hẳn giống mèo: một là bởi cái *vỏ trứng* (*membrane vitelline*), hai là bởi cái *thai ban* (*placenta*). *Vỏ-trứng* của giống mèo về sau thì dài và thon, còn *vỏ-trứng* người thì vẫn giữ hình tròn mãi. Cái *thai ban* giống mèo thì dài như cái thắt lưng, còn cái *thai-ban* của người ta thì tròn như cái bánh ga-tô. Chữ *thai ban* tiếng Hi-lạp chính nghĩa là cái bánh ga-tô tròn.

Nay ta xét đến loài hươu thì thấy *vỏ-trứng* cũng giữ hình tròn mà *thai ban* cũng tròn như cái bánh ga-tô. Vậy thời loài hươu với loài người lúc mới phối-thai đã giống nhau lắm, ngoại-giả không có giống vật nào gần loài người hơn loài hươu.

Nhà bác-vật-học công-nhân rằng muốn biết người với vượn giống nhau hay khác nhau một cách rõ-rệt hơn thì phải xét đến bộ *xương*, *hàm răng*, *chân tay*, *sọ* và *óc* nữa.

Bộ xương — Ở một viện Bảo-tàng bên Anh-cát-lợi có ba bộ xương: một bộ người *đàn ông*, một bộ xương người *đàn bà* và một bộ xương giống *khỉ độc* (*gorille*) (Hình số 4)

Xương sống-lưng con hầu đo được	0 m 685
Xương cánh tay	0 , 802
— ống chân	0 , 675
— bàn tay	0 , 243
— bàn chân	0 , 281

Nếu ta kể cái xương sống-lưng là 100 thành thì :

xương cánh được	115 —
— ống chân —	96 —
— bàn tay —	36 —
— bàn chân —	41 —

Đo bộ xương người *dân ông* thì thấy:

Xương sống-lưng cũng được 100 thành như xương sống bộ xương hầu.

Xương cánh tay được 78 thành.

— ống chân	— 110 —
— bàn tay	— 26 —
— bàn chân	— 32 —

Bộ xương người *dân bà* đo được :

Xương cánh tay	83 thành
— ống chân	120 —
— bàn tay	26 cũng như bộ xương <i>dân ông</i> .
— bàn chân	32 cũng như bộ xương <i>dân ông</i> .

Xem đó thì nhận ra rằng *xương sống-lưng* và *ống chân* loài người với loài hầu không khác nhau lắm. Chỉ có *xương cánh tay* là khác hơn cả : cánh tay loài hầu dài hơn cái xương sống-lưng ; cánh tay người thì ngắn hơn.

Nếu ta đem giống *khỉ độc* (*gorille*) mà so với giống *vượn dài tay* (*gibbon*) thì thấy *khỉ độc* với *vượn* khác nhau cũng bằng *khỉ độc* khác người ta vậy. Giống *vượn dài tay* hơn *khỉ độc* nhiều.

Xương sống-lưng — Thường thì xương sống-lưng người ta có 7 cái xương cổ.

12 cái xương sống-lưng (*xương-sườn ở đó mà ra*).

5 — xương bụng dưới,

5 — xương hông dính chặt với nhau ; và 3 hay 4 xương dit con : ấy là cái *đuôi* của người ta.

Xương sống-lưng giống *khỉ độc* cũng

có đủ từng ấy thứ xương, chỉ khác có một điều là có 13 cái xương sống-lưng (*dorsales*) và 4 cái xương bụng dưới (*lombaires*), chứ người ta có 12 cái xương sống-lưng và 5 cái xương bụng dưới, tổng-cộng vẫn là 17 cái.

Người ta cũng có khi có 13 cái xương sống-lưng như giống hầu, mà giống *khỉ-độc* cũng có khi có 14 đôi, nghĩa là không nhất-định. Bộ xương một con *đười-ươi* ở *Bác-vật* viện nước Anh có 12 đôi xương sống-lưng và 5 đôi xương bụng dưới cũng như người. Nhà *Bác-sĩ CUVIER* cũng thấy một con *vượn dài tay* có đủ số và đủ thứ xương như người ta vậy.

Có nhiều giống *vượn* con có 12 cái xương sống-lưng và 6 hay 7 cái xương bụng dưới. Xem thế thì biết rằng loài hầu đối với nhau cũng không nhất-luật giống nhau.

Xương hông — Xương hông người ta thì to và dày hơn xương hông giống *khỉ-độc*. Đem bộ xương hông giống *khỉ-độc* mà tỉ với bộ xương hông giống *vượn dài tay* thì còn thấy khác nhau nhiều hơn là *khỉ-độc* khác người ta. Bộ xương hông những *khỉ* con lại càng khác bộ xương giống *khỉ-độc* vì nó tựa như xương hông của giống *vật đi* 4 cẳng (Hình số 5).

Bộ răng — Nhà *bác-vật-học* coi bộ răng là quan-trọng lắm, vì chỉ xét một mình nó cũng đủ phân được loài giống.

Người ta từ lúc thơ ấu đến lúc trưởng thành có hai bộ răng : một bộ răng *sữa* và một bộ răng *to* :

Bộ răng <i>sữa</i> thì mỗi hàm có : 4 răng cửa,
2 răng nanh,
4 răng hàm.

Cộng hai hàm là 20 cái.

Bộ răng <i>to</i> thì mỗi hàm có : 4 răng cửa,
2 răng nanh,
4 răng hàm nhỏ,
6 răng hàm to.

Cộng hai hàm là 32 cái.

Ở hàm trên 2 cái răng của giữa to hơn răng cửa bên cạnh.

Ở hàm dưới thì răng cửa giữa lại bé hơn răng cửa bên cạnh.

Ta cũng có thể tả hàm răng giống khỉ độc hết như vậy, nhưng mà răng người thì sắp-sĩ đều nhau còn răng nanh loài hầu thì không đều. Mỗi hàm răng loài hầu có một cái răng nanh to và nhọn hơn các răng khác: răng nanh giống khỉ-độc tựa như nanh con lợn lòi vậy. Răng nanh loài hầu sỏ-dĩ to như vậy là bởi nó là một thứ khi-giỏi dùng để kháng-cự với các giống thú khác (Hình số 6):

Đem răng khỉ độc so-sánh với răng giống khỉ mặt xanh (*babouin*) thì thấy hình-dáng khác nhau. Răng khỉ mặt xanh vừa dài vừa nhọn hơn răng khỉ độc.

Đem loài hầu của Cựu-thế-giới (Á-châu và Phi-châu) mà sánh với loài hầu Tân-thế-giới (Mĩ-châu) thì lại càng thấy khác nhau nữa.

Bộ răng sữa của loài hầu Tân-thế-giới có 24 cái răng chứ không phải 20 cái.

Bộ răng to có 36 chứ không phải 32 cái và có 12 răng hàm nhỏ chứ không phải 8 cái.

Hình-thể các răng loài hầu Tân-thế-giới không giống răng khỉ độc (*gorille*) và răng người.

Hàm răng những vườn con lại càng khác nữa, số răng cũng khác, hình-thể cũng khác; răng hàm thì nhọn như răng chuột vậy.

Giống hầu gọi là *ayo-aye* thì lại không có răng nanh.

Nói tóm lại thì răng người hết răng loài vườn lớn hơn là răng loài vườn con đối với răng loài vườn lớn. Mà nếu có phải người do ở loài vườn mà ra thì chắc do loài vườn ở Cựu-thế-giới.

Bàn tay. — Người ta thường nói rằng loài hầu là một giống vật có 4 tay,

chỉ có loài người mới có 2 bàn chân và 2 bàn tay. Muốn biết thật hư ra sao tất trước phải xét bàn tay với bàn chân khác nhau thế nào. Ai cũng biết bề ngoài cái bàn tay ra sao rồi, nay ta chỉ cần xét bề trong là đủ.

Ở cổ tay có 2 lượt xương nhỏ gần đều nhau, mỗi lượt 4 cái. Lượt thứ nhất tiếp với những xương cánh tay và đặt theo một cách để cái bàn tay có thể cựa-cậy được.

Lượt thứ nhì tiếp với 5 cái xương mu bàn tay (*metacarpies*). Cái xương đầu lượt thứ nhì vận-động được một cách lanh-lẹ hơn vì nó tiếp với ngón tay cái. Sau đến xương ngón tay. Ngón tay cái ngắn hơn cả và chỉ có 2 đốt, còn bốn ngón tay kia có 3 đốt (Hình số 7).

Bàn chân. — Đại-lược thì bàn chân cũng tựa như bàn tay, ví-dụ ngón chân này (Hình số 8) cũng có 3 đốt chỉ trừ ngón chân cái chỉ có 2 đốt cũng như ngón tay cái vậy. Lượt xương nhỏ thứ nhì cũng có 4 cái mà cũng liên-tiếp với 5 cái xương mu bàn chân.

Nhưng xét cho kỹ thì thấy bàn chân khác bàn tay vì ngón chân cái dài hơn ngón thứ ba thứ tư và thứ năm mà ngón chân cái không cựa-cậy lanh-lẹ bằng ngón tay cái. Có một điều khác quan-trọng nữa là lượt xương nhỏ thứ nhất chỉ có 3 cái, chứ không có 4, mà không đặt đều nhau như ở cổ tay. Cái xương đầu cổ chân lại đặt lùi lại đằng sau thành ra cái xương gót chân.

Xét đến những thớ thịt bàn tay và bàn chân thì thấy ở chân có 3 cái thớ hơn bàn tay: 1.) Thớ thịt làm cho ngón chân cụp vào được; 2.) thớ thịt làm cho ngón chân duỗi ra được; 3.) một cái thớ thịt dài (*long peronier*) (Hình số 8.)

Nói tóm lại thì bàn chân người khác bàn tay bởi xương cổ chân xếp đặt khác xương cổ tay và có ba thớ thịt hơn bàn tay.

Bây giờ đem « 4 tay » loài khỉ độc (*gorille*) ra mà coi thì thấy 2 tay trên hết 2 bàn tay người ta, xương nào giống xương ấy, thớ thịt nào giống thớ thịt ấy.

Còn « 2 tay dưới » mới nhắc trông thì giống 2 bàn tay thật, nhất là những tay dưới loài vượn nhỏ lại càng giống lắm. Vì thế nên nhiều nhà bác-vật-học gọi làm loài vượn là loài 4 tay. Nhà bác-sĩ trứ-danh Cuvier cũng công-nhận như thế. Nhưng xét cho kỹ thì mới biết 2 tay dưới giống vượn quả là 2 *bàn chân*. Ta thử sánh hai bản vẽ số 8 và số 9 thì biết ngay. Cách xếp đặt xương cổ chân và 3 cái thớ thịt đã nói trên kia đều hết như ở bàn chân người. Vậy thì giống hầu không phải là một giống vật có 4 tay mà là một giống vật cũng có 2 chân và 2 tay như người ta vậy.

Chỉ có khác một điều là ngón chân của loài hầu vận-động được một cách dễ-dàng hơn và cụp được các vật nhỏ dễ hơn ngón chân cái người ta. Ngón chân cái của thợ dệt vải bằng chày tinh *Bengale* nước Ấn-độ, của người thuyền chài gọi là *Carajas* ăn cắp lưới câu bằng chân, tưởng khéo-léo chẳng kém gì ngón chân loài hầu.

Đem khỉ độc mà tỉ với dưới-trời thì thấy ngón tay cái dưới-trời. (Hình số 9) khác ngón tay cái khỉ độc nhiều hơn là ngón tay cái khỉ độc khác ngón tay cái người ta. Xương cổ tay dưới-trời lại có những 9 cái chứ không 8 cái như xương cổ tay khỉ độc hay cổ tay người. *Bàn chân* dưới-trời lại khác nữa. Những ngón chày thì dài, hơn ngón chân khỉ độc, mà ngón chân cái thì ngắn lắm. Ngón tay cái loài vượn ở Mĩ-châu không giống ngón tay cái loài hầu ở Phi-châu và Á-châu nên cấp nhất các vật khó hơn. Ngón tay cái giống khỉ nhện (*singe araignée*) thì chỉ như nhú có một tí da bọc một tí xương mà thôi. Còn chân thì giống khỉ nào cũng có những cái tính đặc-biệt khiến cho người ta phân-biệt được với bàn tay.

Xem đó thì biết vượn với vượn không giống nhau bằng khỉ lớn giống người ta.

Sọ và óc. — Nay ta xét đến cái bộ-phận cao-hượng mà người ta sỡ dĩ hơn giống vật là tại đó, nghĩa là *sọ và óc*.

Sọ loài hầu nhỏ hơn *sọ* người và hàm nhỏ ra và to hơn hàm người. Trên mặt *sọ* người thì nhẵn-nhụi mà trên *sọ* loài hầu thì có bướu, những bướu ấy cốt để đỡ những thớ thịt sai khiến những hàm răng to. Hàm to nhai khỏe thì phải có thớ thịt chắc-chắn, mà thớ thịt chắc-chắn là nhờ có bướu làm then chốt. Dung-tích *sọ* người ta ít ra cũng được 1015 phân đứng, (*centimètres cubes*). Dung-tích *sọ* loài khỉ-độc nhiều nhất cũng chỉ được 551 phân đứng, nghĩa là *sọ* người gần to gấp đôi *sọ* loài hầu.

Ông MORTON khảo về 900 cái *sọ* người thì thấy cái *sọ* người to nhất đo được 1867 phân đứng. Thế là *sọ* người to nhất và *sọ* người nhỏ nhất khác nhau (1867-1015) là 852 phân đứng.

Sọ người nhỏ nhất và *sọ* loài hầu to nhất (1015-551) khác nhau chỉ có 464 phân đứng. Như thế thì *sọ* người đối với nhau còn khác nhau hơn *sọ* người đối với *sọ* loài vượn lớn.

Người ta nói rằng có *sọ* người Ấn-độ chỉ đo được 860 phân đứng, nghĩa là không hơn *sọ* loài hầu bao nhiêu. *Sọ* loài vượn con tỉ với loài vượn lớn cũng thấy khác nhau bằng *sọ* người đối với *sọ* loài vượn lớn.

Nói tóm lại thì bất-cứ lấy bộ-phận nào trong cơ-thể người ta và loài hầu mà đem so-sánh với nhau thì cũng thấy rằng người ta giống loài hầu hơn là nó giống nhau (Hình số 10).

Ốc loài hầu có đủ hình, từ loài khỉ con (*marmouset*) *ốc* phẳng-lì không có vằn có nếp, đến *ốc* đuôi - ươi, *khỉ* *độc* cũng có nếp, có vằn như *ốc* người

ta. Có một điều lạ là những vắn to, nếp chính, đều tương-tự những vắn, những nếp của bộ óc người ta. Óc loài hầu tựa-hồ như một bản phác-họa cái óc loài người vậy. Óc loài vượn lớn sánh với óc loài vượn con còn xa nhau hơn óc loài vượn lớn đối với óc người ta. (Hình số 11).

Khối óc người ta to và cân nặng hơn óc loài hầu, óc người không mấy khi nhẹ hơn 960 hay 990 gr. Óc loài hầu không mấy khi nặng hơn 620 gr; vì thế mà người ta thông - minh hơn loài hầu chăng ?

Chắc kỳ-thủy óc loài người và loài hầu cũng tương-tự đều nhau; hoặc người ta có khôn hơn chút đỉnh, lúc đầu người còn tiến-hóa tự-nhiên, về sau mới biết mình là một giống thông-tuệ thì hết sức cố công cho mỗi ngày một khôn-ngoa hơn, một tiến-bộ hơn, nhờ thế mà khối óc mở-mang ra nhiều.

Loài hầu thì dùng nanh, dùng hàm làm khi-giới để chống lại với thú dữ, vì thế mà nanh và hàm cũng nở-nang ra, vì thế mà hàm nhỏ, nanh nhọn. Một đáng thì tiến-bộ về khối óc, một đáng thì tiến-bộ về bộ xương hàm.

Người ta hơn giống vật phần nhiều bởi có tiếng nói. Người cảm mà ở với người cảm thì chắc hẳn lâu ngày tri-tuệ cũng chẳng hơn gì giống hầu mà lại có lẽ kém. Có tiếng nói tất phải tìm cách tả cái tư-tưởng, truyền cái tư-tưởng của mình thành ra có văn-tự. Có văn-tự thì người trước mới truyền được sự lịch-duyet của mình cho người sau, nhờ đó mới mau tiến-bộ.

Một con vật đến khi chết thì sự lịch-duyet của nó cùng tiêu-tán hết, vì thế mà không bằng loài người.

Loài hầu lâu ngày tiến-hóa có thể thành người được không? Lễ tiến-hóa không chỉ riêng cho một loài nào mà chung cho cả vạn-vật. Phần nhiều nhà khoa-học ngày nay thiên về cái học-

thuyết tiến-hóa (*évolutionnisme*), nghĩa là công-nhận rằng cách mỗi thời-dại vạn-vật lại đổi một trạng-thái khác mà lại hơn cái trạng-thái trước.

Kỳ-thủy trên mặt đất chỉ có giống sinh-vật rất đơn-sơ, lâu dần biến-hóa thành ra phiến-phức thêm và có đặc-tính mới; những đặc-tính ấy di-truyền, càng biến-hóa và phiến-phức mãi ra, sau thành hẳn ra giống mới, bởi thế lúc đầu là «nguyên-sinh-trùng» (*monère*), sau ra cua ốc, cá, tôm,ếch-nhái, rết-rắn, chim muông, hầu-vượn, rồi đến người.

Sự tiến-hóa có được là bởi ở sự *thiết-dụng* (*besoin*) và sự *tập-quán* (*habitudes*) theo ý LAMARCK tiên-sinh; bởi ở cái *hoàn-cảnh* theo lý-thuyết GEOFFROY SAINT-HILAIRE tiên-sinh; bởi ở *thiên-trach*, lẽ *sinh-tồn cạnh-tranh* và lẽ di-truyền theo ý DARWIN tiên-sinh.

Lý-thuyết của LAMARCK tiên-sinh đại-khải như sau này :

10/ — Giống sinh-vật từ khi xuất-hiện ra trên mặt đất đều biến-hóa dần dần mà biến từ hình-thể giản-đơn đến hình - thể phiến-phức. Những sự biến-hóa đều theo một cái mẫu mực của Tạo-vật.

20/ Sự cần-dùng và thói quen của vạn-vật là những ngoại-lực có ảnh-hưởng sâu xa đến sự biến-hóa. Trong cơ-thể một giống vật phần nào hay dùng đến thì nở-nang ra, phiến-phức thêm, phần nào ít dùng đến thì dần dần hao-mòn rồi tiêu-diệt đi. Thí-dụ giống sếu giống cò nguyên-thủy thì cổ và chân ngắn, đến sau vì phải kiếm ăn ở dưới nước nên cổ và chân mỗi ngày một dài ra cho khỏi ướt lông. Thí-dụ giống tôm bễ (*sacculine crustacé*) ăn gửi ở mình con cua. Con tôm nào mà không ăn gửi thì có thể giống như các giống tôm khác, con nào mà bám vào đuôi con cua thì có thể chỉ có một cái da dày để tiêu-hóa và một cái vòi để hút đồ ăn

mà thôi. Thi - dụ giống ngựa từ con long-mã mà đến hình ngựa ngày nay đã biến qua 44 hình (Hình số 12.)

3.) — Những ngoại-lực khác như nóng, lạnh, sự ẩm-thực cũng có thể khiến cho giống vật thay hình đổi dạng được, mà sự biến-hóa có cái tính di-truyền về sau.

Nói tóm lại thì hình-thể giống vật bây giờ là bởi sự hành-dộng tác-dụng của các giống ấy từ xưa dần dần thay đổi mà thành ra.

Lý-thuyết của GEOFFROY-SANT-HILAIRE tiên-sinh cũng tương-tự như LAMARK tiên-sinh, nhưng ông chú-trọng về một cái ngoại-lực khác là cái *hoàn-cảnh*. Ông nói rằng vì trái-đất mỗi ngày một nguội dần, dương-khí mỗi ngày một ít đi, nên các bộ-phần về sự hô-hấp của giống vật mỗi ngày phải nở-nang ra. Trước còn là mang cá, sau biến ra nửa mang nửa phổi, rồi ra phổi. Ông thuyết rằng sự tiến-hóa rất mau chóng chứ không chậm-chạp như theo ý LAMARK và DARWIN nhị tiên-sinh và ảnh-hưởng một cách rất sâu-xa đến giống vật đương phối-thai, vì thế mà gây ra giống mới.

Lý-thuyết DARWIN — Theo DARWIN tiên-sinh thì các giống sinh-vật đều do một cội-rễ cả. Ông quan-sát và khảo-nghiệm một cách rất tinh-thần, rồi phát-huy cái luật *thiên-trạch*, nghĩa là sự chọn lọc thiên-nhiên, khám-phá cái lẽ sinh-tồn cạnh-tranh và cái lẽ di-truyền. Ông nói rằng nhà canh-nông chọn hạt, chọn giống lâu dần gây ra được những hoa-mẫu tốt-tươi hơn, nhà nuôi súc-vật ở Anh-cát-lợi chọn lựa những con vật tốt, cho cấu-hợp với nhau lâu dần gây ra được giống mới có giá-trị hơn, ấy là cái kết-quả của sự chọn-lọc của người ta. Trong thế-gian cũng có sự chọn-lọc như thế : ấy là sự *thiên-trạch*. Sự thiên-trạch sinh ra lẽ sinh-tồn cạnh-tranh. Các giống yếu kém bị đào-thải

rồi tuyệt-diệt đi, giống khỏe còn lại mỗi ngày một tiến-hóa rồi cấu-hợp với nhau dần dần gây ra giống mới giống tốt hơn. Thi - dụ đời xưa trong các giống hươu hay ăn lá cây có một giống cao cổ hơn các giống khác. Nhờ có thể mà nó kiếm ăn được dễ hơn trên ngọn cây-cối, kiếm ăn dễ thì khỏe mạnh hơn cái giống khác, vì thế mà di-truyền được đến bây giờ và thành ra giống *hươu cao cổ* (*girafe*) ; còn nhiều giống ngắn cổ bị đào-thải hết.

Năm 1812 Hoàng-đế Nã - phá-luân thua trận bên Nga phải trở về Pháp. Lúc quân lính trở về đến một cái sông to mà chỉ có một cái cầu, cầu *Bérésina*, lúc bấy giờ vừa mỗi-một vừa sợ quân Nga đuổi theo thành ra quân lính xô đẩy nhau, vì thế mà nhiều người lính yếu đuối bị séo bẹp, và bị xô đẩy xuống sông. Có một người lính qua được cái cầu ấy về thuật rằng lúc anh ta sắp xô đẩy để thoát thân thì thấy một người lính kỵ-mã to lớn, lực-lượng khỏe một cái áo xanh dài dương gạt người ta ra mà chạy. Anh ta bèn bám lấy cái áo, người lính kỵ-mã gắt lên, đuổi anh ta đánh anh ta, anh ta cũng nhất-dịnh không buông, nhờ thế mà sang được bên kia cầu, chứ không cũng đến bị séo bẹp hay cũng bị xô xuống sông rồi. Đó cũng là một cách cạnh-tranh. Ấy ở ngoài thế-gian cũng có nhiều nguyên-nhân tinh-cờ như vậy, khiến được cho giống vật nọ hơn giống vật kia một tí mà rồi thắng đoạt được.

Người da đen tưởng người da trắng là con cháu họ vì họ tưởng rằng người da trắng thứ nhất tên là CAIN ở về bờ bắc phương tây Phi-châu. Người da trắng lâu dần bị đào-thải ở Phi-châu là bởi luật thiên-trạch, vì người da trắng không chịu được khí độc ở phương ấy mà người hắc - chủng chịu được. Người da trắng do người da đen mà ra, tưởng cũng có lẽ, vì một nhà Bác-sĩ đã thấy một người đàn-bà trắng mà

trong mình có một mảng da đen như da người hắc-chủng vậy. Chắc kỳ-thủy thì da trắng, da vàng, da đen cũng như nhau cả, chỉ lâu ngày vì cái hoàn-cảnh nó đổi màu sắc-tổ (*pigment*) ở dưới da mà sinh ra khác nhau. Người ở xứ rét thì da trắng, người xứ nóng vừa thì da vàng, còn người ở xứ nóng lắm thì da đen.

Ở miền rừng rú *Floride* nước Mỹ có nhiều lợn lăm mà có một điều lạ là toàn-thị giống lợn đen cả, không có lợn trắng. Nhà bác-sĩ WYMAN đến đó lấy làm ngạc-nhiên bèn hỏi làm sao thì người thổ-dân đáp rằng ở đây có một thứ rễ cây só. Giống lợn đen ăn phải rễ cây ấy thì không việc gì mà giống lợn trắng ăn phải thì thối móng rồi chết. Sự thiên-trạch ở đây thật là rõ-rệt lắm.

DARWIN tiên-sinh lại chú-trọng về sự di-truyền. Những giống vật do ở sự thiên-trạch ra tất phải có tính-cách tốt hơn giống cũ, những tính cách ấy có thể truyền mãi đi được mà gây ra giống mới. Nhà bác-sĩ BROWN-SÉQUARD đã tìm nọc bệnh kinh cho giống chuột bạch thì thấy về sau những con chuột con cũng có bệnh kinh.

Lý-thuyết HAEKEL. — Nhà bác-học Đức khảo về giống vật từ lúc mới phôi-thai đã phác-họa được một cây thế-hệ (*arbre généalogique*) của các giống sinh-vật trên mặt đất.

Dùoi gốc là một thứ nguyên-sinh-trùng, mà trên ngọn cây là người ta. Từ nguyên-sinh-trùng đến hình người phải qua 22 hình trung-gian, tức như 22 bậc thang vậy.

10) — Hình nguyên-sinh-trùng là một chất đồng-tính, một thứ viên không có vỏ, không có nhân.

20) — Hình trích-trùng đơn (*amibe*) là một thứ tế-bào có vỏ và có nhân, tức là một thứ trùng vậy.

30) — Hình trích-trùng kép (*synamibe*) là một khối tế-bào như lúc người ta mới phôi-thai.

40) Hình có đuôi (*planéade*) như họ của loài không có xương.

50) — Hình có vệt dài trên mình (*gastréade*).

60) — Hình giun mềm và dài (*vers turbellariés*) như giun bảy giờ.

70) — Hình giun có nước đỏ gần giống máu (*scolécide*).

80) — Hình giun có sống lưng và tủy (*vers sacciforme*).

90) — Hình con vật có xương, không sọ (*vertébré acranien*).

100) — Hình lợn thỏ-lỗ, không có hàm (*monorhinien*).

110) — Hình cá ngoẻo có hàm và 4 vây (*sélacien*).

120) — Hình con vật có phôi vừa ở trên cạn vừa ở dưới nước (*dipacuste*).

130) — Hình con vật vừa có mang, vừa có phôi, có chân chia làm 5 ngón (*sozobranche*).

140) — Hình ếch có đuôi như đuôi thâu-lân, đến lúc lớn thì mang biển ra phôi (*sozoure*).

150) — Hình con vật vừa giống rắn, chim và giống vật có vú (*protamniote*).

160) — Hình con vật có vú, mỏ vịt, không có răng (*prommamalien*).

170) — Hình con vật có vú, dưới bụng có túi đựng con (*marsupial*).

180) — Hình vượn con không có túi đựng con (*prosimien*).

190) — Hình vượn dài đuôi ở giống trên ra, có răng và có móng tay (*monocerque*).

200) — Hình vượn lớn ở giống trên ra, không có đuôi, ít lông, sọ to (*anthropoide*).

210) — Hình người vượn ở giống trên ra chỉ khác người bảy giờ là bởi không biết nói. Đi hai chân (*Homme-singe*).

220) — Hình người như bảy giờ (*Homme*).

Theo mấy nhà bác-sĩ Tây-phương vừa kể ở trên này thì người không phải là một giống đặc-biệt gì và chẳng qua cũng là một con vật đã kinh-quá nhiều lần biến-hóa mới tới cái trình-độ ngày nay.

Ông HAEKEL nói rằng: « Cự tổ loài người là một thú vượn có sọ dài, hàm giò ra, tóc quần như lông cừu, da đen hay là mùi nâu. Thân-thể có nhiều lông hơn người bây giờ. Tay dài và khỏe hơn tay ta bây giờ; chân ngắn và gầy. Đi khum-khum, đầu gối cong. Kỳ-thủy chân có vuốt, về sau mới hóa ra móng, đuôi ngắn dần đi, lông mỗi ngày một rụng đi, sọ và óc mỗi ngày một nở to ra, hàm mỗi ngày một thu bé lại. Hai chân trước thành ra hai tay người, đến lúc tiếng kêu thành tiếng nói thì nghiêm-nhiên là người. Vì có tiếng nói thì càng ngày cuống-họng và bộ óc càng tiến-bộ. »

Ông DARWIN nói rằng: « Người với vượn cùng một cội rễ, điều ấy không thể nghi-hoặc được nữa. Nhưng mà loài vượn chia làm hai phái: Một phái ở Cựu-thế-giới và một phái ở Tân-thế-giới; người ta do loài vượn ở Cựu-thế-giới ra. Cự tổ chúng ta chắc là một loài có vú, có nhiều lông, có đuôi, có hai tai nhọn và ở trên cây-cối trong rừng các xứ nóng. Giống đực giống cái đời xưa đều có râu. Ruột già to hơn ruột ta bây giờ. Giống đực có nhiều nanh to dùng làm khi-giới được. Hình-thể thật tựa giống vượn. »

Người vượn. — Nếu người ta quở do ở giống vượn mà ra thì đào dưới đất tất phải tìm thấy những bộ xương của giống nửa người nửa vượn di-tích lại. Những hình-thể của người ta từ lúc mới xuất-hiện ra trên mặt đất đến ngày nay cũng tỉ như một cái giây súc-sích mà thú người vượn là một cái vòng giữa. Cái vòng ấy có thật không, thú người vượn đã ai tìm thấy chưa?

Nhà bác-sĩ PILGRIM đã tìm thấy ở chân núi Himalaya một bộ xương của một thú vượn to gọi là *dryopithecus*. Các bộ phận trong cơ-thể thì tương-tự loài khỉ độc mà hàm răng thì giống hàm răng người. Ông LARTET và GAUDRY ở Pháp, ông GREGORY ở MI và ông SERA ở Ý đại-lợi đều cho rằng thú người vượn đó là cự tổ chúng ta.

Ở xứ Java người ta biết nhiều chỗ đất có những xương giống vật dơi xưa di-tích lại. Năm 1890 chánh-phủ Hòa-lan có cử một nhà bác-sĩ tên là EUGÈNE DUBOIS sang đào những đất ấy. Đào trong mấy năm thì ông DUBOIS tìm được hài-cốt đủ các giống vật, rồi thấy một cái sọ, một cái xương đùi và hai cái răng của một giống vật không phải là vượn hẳn mà cũng chưa phải người hẳn.

Bác-sĩ DUBOIS nhận ra rằng đó là sọ, xương và răng của một thú nửa người nửa vượn gọi là *pithecanthrope* (Hình số 15)

Sọ. — Cái sọ bề dài đo được 18 phân rưỡi, bề ngang 13 phân.

Dung-tích đo được 850 phân đứng. Sọ người không mấy khi kém 1000 phân, sọ loài hầu không mấy khi hơn 600 phân, thể thì sọ « người-vượn » đó to hơn sọ loài hầu mà bé hơn sọ người, nghĩa là ở vào khoảng giữa vượn với người. Gò mắt thì cao, chân thấp và bẹp, nghĩa là giống loài vượn, sọ thì không có bướu, nghĩa là giống người ta.

Óc. — Người ta lấy khuôn cái khối óc thì ước nó cân nặng độ 750 gr. Những vắn óc thì hơi giống vắn óc người. Cái vắn óc ở dưới chân, (*circonvolution frontale*) thì to hơn hai lần cái vắn óc loài hầu mà chỉ bằng một nửa vắn óc người ta. Đem sọ và óc mà xét thì thấy rõ hết rằng giống « người-vượn » đứng ở giữa loài vượn và loài người.

Ông DUBOIS đoán rằng giống « người vượn » cũng đã bập-bẹ biết nói.

Răng.— Mấy cái răng tìm thấy là mấy cái răng hàm. Răng thì to hơn răng người mà chân răng cũng choãi hơn chân răng người, đó là mấy cái đặc-tính của răng loài hâu. Mặt răng lại hẹp hơn bề cao, như thế thì lại giống răng người. Nói tóm lại thì bộ răng người-vượn vừa giống vượn, vừa giống người.

Xương đùi.— Xương đùi thuộc về bên chân trái, dài 45 phân rưỡi. Giả nó là xương người thì người ấy sẽ cao 1m,65-1m,70. Về phía trên cái xương có một chỗ xung lên, đó chắc bởi bệnh-tật mà ra.

Nếu cái xương đùi mà tìm thấy một mình thì ai cũng bảo là xương người, nhưng mà xét kỹ ra thì thấy nó cũng có mấy cái đặc-tính của xương loài hâu.

Ông MANOUVRIER và VERNEAU người Pháp; ông MARSH, OSBORN người Mĩ; ông DUCKWORTH, SOLLAS và KEITH người Anh; ông BERRY và ROBERTSON người Úc; ông NEHRING, SCHWALBE, và HAEKEL người Đức; đều công-nhận rằng giống vật mà ông DUBOIS đã tìm thấy là thú người vượn, là cái vông của dây súc-sích mà người ta vẫn khát-khạo tìm xưa nay.

Ông DUBOIS phác-họa lại cái đầu người-vượn và một cây thế-hệ có 3 cánh, một cánh là loài vượn nhỏ, một cánh là loài vượn to, ở giữa là giống người-vượn rồi đến người (hình số 16.)

Có nhiều nhà bác-sĩ cho giống người-vượn chỉ là anh em họ với mình, chứ không phải là cụ tổ mình. Theo ý ông KEITH, GRÉGORY và OSBORN thì giống người-vượn (*pithécanthrope*) là một cành trà-trần của giống người ngày nay đã tuyệt-diệt đi rồi (hình II). Có nhà bác-sĩ lại cho là trà-trần của giống vượn to (hình III).

Quai-hàm Mauier.— Ngày 21 tháng mười năm 1907 người ta thấy ở 24 thước

dưới mặt đất một cái quai-hàm gọi là quai hàm, *Mauier* vì tìm thấy ở làng *Mauier* cách tỉnh *Heidelberg* 10 cây-lô-mét.

Cái quai-hàm ấy là một thứ di-tích báu hơn cả vì nó cổ hơn cả các di-tích khác.

Quai hàm to, khỏe lạ-lùng, cầm lẹm hần : ấy là mấy cái đặc-tính của giống hâu.

Răng thì lại giống răng người ; răng nanh thì nhỏ mà răng hàm hết răng người ta bây giờ. Người-vượn có cái hàm đó thuộc về giống người *Homo heidelbergensis* cổ nhất các giống người.

Sọ người Pittdown— Ngày 18 tháng chạp năm 1912 nhà địa-chất-học và cổ-sinh-vật-học trình Hội Bác-sĩ nước Anh một cái sọ tìm thấy ở xứ *Pitstown*. Cái sọ thì giống sọ người nhưng cái quai hàm thì thật quai hàm vượn. Xương sọ dày 10-12 li đối với xương sọ người thì chỉ dày 5-8 li mà thôi. Vậy thì cái sọ ấy cũng thuộc về một giống người cổ-lô gọi là giống người *Homo Dawsoni*.

Người Néanderthal— Năm 1856, người ta tìm thấy ở trong một cái hang nhỏ tên là *Feldhofer* gần sông *Dussel*. Ở chỗ gọi là *Néanderthal* nước Phổ-lô-sĩ một cái sọ người và mấy cái xương dài. Ông SCHAAFFAUSEN người Đức và ông HUXLEY lấy cái sọ ấy làm lạ lắm và nói rằng : «Đó là cái sọ của người thái-cổ thô-lỗ nhất. Sọ thì dài, chân thì rẹt, lỗ mắt giò cao giống loài vượn (hình số 13). Xương thì to lớn lắm, tỏ ra rằng người thượng-cổ, xưa khỏe mạnh lạ thường, không khỏe mạnh thì sao mà săn được giống vật mà ăn, sao mà chống cự được với các thú dữ cùng những kẻ đồng-loại mình. Giống người ấy gọi là giống người *homo néanderthalensis*.

Năm 1908, người ta đào thấy ở trong một cái hang ở làng *La Chapelle aux-Saints* thuộc hạt *Corrèze* nước Pháp một

cái sọ và nhiều đồng xương thuộc về giống người *homo néanderthalensis*. Nhà bác-sĩ MARCELLIN BOULE khảo về cái di-tích ấy rồi dự-đoán rằng :

« Người thượng-cổ giống *homo Néanderthalensis* thì thấp bé, nhưng khỏe lắm. Đầu to, chân hẹp và lười đi, gò mắt cao, lỗ mắt to và tròn; quai-hàm lớn, khỏe và gió ra. Cằm lẹm, răng to.

« Xương sống-lưng và các xương khác tựa xương loài vượn. Đi được hai chân nhưng không đi được ngay-ngắn như người ta bây giờ. Ống chân ngắn.

« Dung-tích cái sọ thì độ 1450 phân đứng. Óc thì thô-lỗ và có nhiều phương-diện giống óc loài hươu. »

Ông BOULE lại có nhờ một nhà điêu-khắc có tài là ông JEANNY DURAND khảo về các đường lối của gân-cốt và thớ thịt để nặn ra một cái đầu người thượng-cổ (hình số 14).

Trong bộ sách « Các giống người và các dân-lộc trên mặt đất » của ông J. DENIKER có nói rằng người *Ostiaks* ở về phía tây-bắc xứ *Sibérie*, giống rợ (*Caraïbes*) ăn thịt người ở xứ *Guyane* và *Vénézuéla*, giống rợ ở bắc-cực nước Mĩ, giống thổ-dân xứ *Laponie* về phía bắc châu Âu, người ở cù-lao Đất-lửa (*Terre de feu*) về Nam-Mĩ, người Nhật-bản hạ-lưu, người Nam-kỳ đều tương-tự giống người *homo Néanderthalensis*.

Được ít lâu nay một ông giáo-sư ở trường Đại-học tỉnh *Joannesburg*. tìm

thấy ở Nam-Phi-châu một cái sọ của một thứ người vượn gọi là *Australopithecus africanus*, theo ý nhà giáo-sư thì đây mới là tổ loài người, nghĩa là người ta do một giống vượn ở Phi-châu mà ra.

Ở Minh-cam tỉnh Quảng-bình (Trung-kỳ) người ta cũng đào thấy một cái sọ người thượng-cổ, cái sọ ấy thô-lỗ lắm.

Vậy thì người vượn chắc cũng một cõi-rễ mà ra và đều là giống vật. Bởi là giống vật nên ta vẫn giữ ít nhiều cái thói hiểm-dộc ti-ô của loài cầm-thú, vì thế mà ta vẫn thích sâu-xé lẫn nhau, vẫn ưa đàn-áp lẫn nhau, vẫn cá lớn nuốt cá con !

Đến người cùng một nòi giống, cùng lịch-sử ấy, cùng giang-san ấy mà cũng hà-hiếp lẫn nhau, cũng ganh-tị ghen-ghét lẫn nhau, khiến cho mở mặt không ra, cắt đầu không nổi. Tình tương-thân, tương-ái hóa tương-hại, tương-tàn : cuộc đời đáng vui-sướng êm-dềm hóa cuộc cạnh-tranh đê-hạ bi-đi!

Tuy thế ngày nay cái tiếng « văn-minh » đã thành tiếng sáo ở đầu lưỡi người ta. Không ngày nào không có người bàn đến văn-minh, không mấy người là không tự-cao là văn-minh, thử hỏi văn-minh hiện-thời khác đã-mạn những gì ?

NGUYỄN LỄ,





Hình số 1. — Giống vật lục mồi phôi-thai

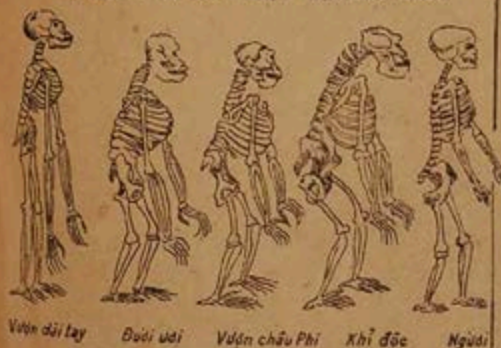


Hình số 2. -- Thai giống mèo



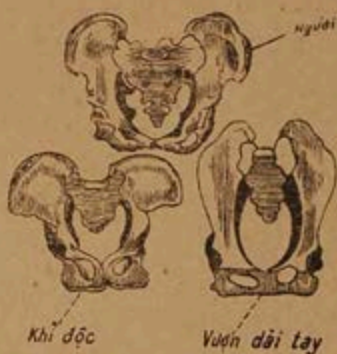
Hình số 3

Thai người và thai vượn hết như nhau



Hình số 4

Bộ xương người và bộ xương loài vượn to



Hình số 5. — Xương hông trông thẳng



Xương hông trông nghiêng



Hình số 6 - Hàm răng người và răng vượn



Hình số 7.

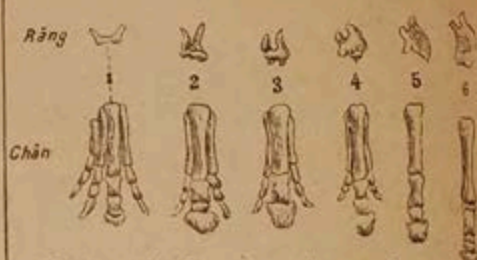
Bàn tay người



ငါ့အဖို့က ကုသပုံပါ

Hình số 8

Bàn chân người

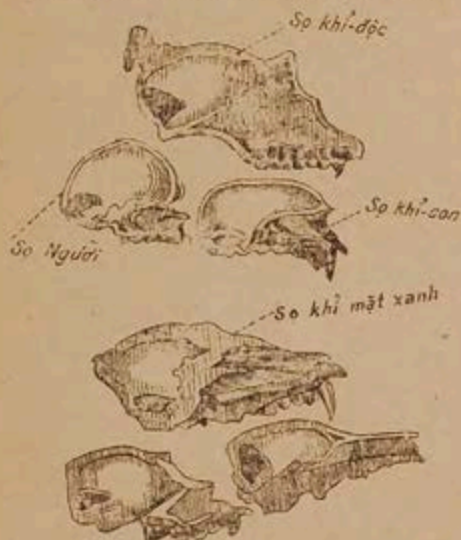


Hình số 12. — Sự biến-hóa của răng
và chân con ngựa

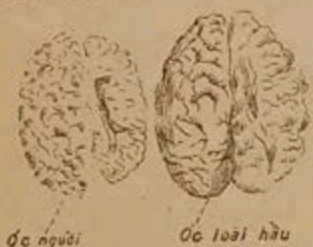


Hình số 9

Chân khỉ-độc và đười-ươi so với nhau



Hình số 10. — Số người và số loài bấu



Hình số 11. — Ốc người và ốc loài hàu

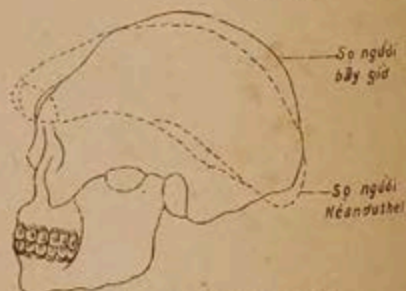


Hình số 13

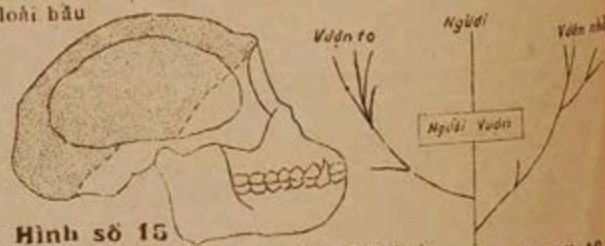
Sợ người thương-cổ
đào thấy ở Neanderthal
(Phổ-Đỗ-s)

Hình số 14.

Người thượng cổ
giống Neanderthal



So người thượng-cổ
Neanderthal tỉ với số người bây giờ



Hình số 15

Sợ người vượn do bác-sĩ Dubois
đạo thấy ở Java

Hình số 16

Cây thể-hệ người với vườn
theo bác-sĩ Dubois

BÀN VỀ TRUYỆN KIỀU (1)

Cần-lai, vì sự muốn chấn-hưng văn quốc-ngữ, nhiều người đã hao mực càn bút, đem tâm-tư mà khảo-cứu phẩm-bình nhân-vật truyện Kiều, — văn-chương truyện Kiều, là một áng văn có lẽ là vô-tiền tuyệt-hậu của nước Nam, là phần hương-hỏa về văn-chương-giới của cụ Tiên-diễn để lại cho bọn ta — mỗi người lý-luận mỗi khác, tự-trung cũng đã khám-phá được nhiều điều bổ-ích, mà kẻ thiếu-niên mới cầm tới quyền Kiều lần đầu cần phải biết; nhưng chưa thấy một nhà nữ-sĩ nào bàn tới nói qua. Mới đây ký-giả nhân được đọc một quyển nhật-ký của một nhà nữ-giáo-học, trong có một bài đề là: «Cảm-tưởng về truyện Kiều», xem bài đó có nhiều ý mới-mẻ, cảnh-lĩnh cho kẻ làm về truyện Kiều, nên có xin phép có biên vào trong cuốn tiểu-thuyết Lệ-dung bí-sử của ký-giả sắp xuất-bản, và trích-lục đoạn văn đó đăng vào mục «Binh-phẩm truyện Kiều» trong báo Nam-phong này cho rộng đường ngôn-luận, và bày tỏ cái cảm-tinh của nữ-giới đối với truyện Kiều vậy.

CAO HỮU-TẠO cần-chi

Tôi đọc xong quyển Kiều, xếp sách lại, ngả lưng xuống giường, vắt tay lên trán nằm tư-tưởng :

Ta từ khi biết văn-chương, biết thể-vị, chỉ lấy truyện Kiều làm bạn đêm khuya lúc vắng. Bao nhiêu cái sâu-thăm của Kiều, tiêm-nhiễm vào óc ta đã lắm, khốc-hại thay cho ta là Kiều, thâm-thương thay cho ta cũng là Kiều :

Ma đưa lối quỷ đem đường,
Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi.

Cái thân-thể, sự hành-động của Kiều đã không chánh-đáng, cụ Nguyễn Du lại còn đem cái văn-chương kiệt-tác mà tô-diêm thêm lên, văn của cụ tức là khúc đàn bạc-mệnh của Kiều gây cho ta nghe vậy.

Rằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào.

Càng nghe mà càng ảo-não, càng nghe mà càng đau lòng :

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.

Vừa mở quyển Kiều đọc, đã thấy một tư-tưởng chán đời buồn gớm buồn ghê. Kẻ có tài lại số xấu, kẻ nào giỏi lại trời ghen, hồng-nhan là bạc-mệnh, son phấn là đa-truân, tư-tưởng mới lạc sai làm sao chứ! Nếu có ai tài cũng xấu số, nếu ai thật giỏi cũng trời ghen, thì làm gì còn có vĩ-nhân xuất-chúng anh-hùng hiên-ngang, còn có Lý Thương-Kiệt, Trần Hưng-Đạo, Lê Thái-Tổ, chúa Tây-Son, bao phen đánh đuổi

(1) Bài này bình-phẩm riêng về tư-tưởng trong truyện, và lịch-sử cùng sự hành-động của cô Kiều. Hoặc có kẻ bảo cô Kiều là một nhân-vật bày vẽ ra, thì sự hành-động của cô phải bình-phẩm, xin trả lời rằng : Cô Kiều là nhân-vật chính trong truyện, người xem truyện có chú-mục vào nhiều, mà lại có khi bất-chước công-việc làm của vai chính ấy nữa; nên bình-phẩm sự hành-động của Kiều, tức là bình-phẩm sự hành-động của người đời, và sự hành-động của kẻ mê truyện Kiều, tin Kiều sắp bất-chước Kiều, mà làm các công-việc Kiều đã làm. Ai đã hiểu tâm-lý-học tất cũng đồng-tinh với người nữ-giáo viết đoạn văn này vậy. C. H. T.

quân Tàu, tràn sang đất Bắc, làm vế-vang cho lịch-sử Việt-Nam; bền vững cho nền độc-lập. Làm gì còn có văn-hào kiệt-sĩ, ẩn-sĩ thi-nhân, còn có Chu Văn-An, Nguyễn Bình-Khiêm, thần Siêu thánh Quát, Thị-Điễm, Thanh-Quan, đem văn-chương mà tô-diễm giang-sơn, đem thi-từ mà du-dương trời đất. Duy ở đời tất phải gặp sự khó-khăn, phải chịu điều khổ-sở, mà người tài giỏi càng hay gặp, chẳng qua là Tạo-vật thử lòng, có chịu đựng được mới hưởng được phần đại-phúc. Có trải qua cái cảnh bất-thường mới tỏ được vẻ anh-hùng can-đảm, thì cái khó-khăn khổ-sở đó, chỉ là cái lối mà trời đã bày ra, để bước lên con đường bất-hủ.

Nào bà Trưng-vương, nào bà Triệu-Âu, nếu không gặp cảnh thương-tâm, chịu điều khổ-nạn, khích-trí phẫn-tâm mà làm đại-sự, thì đâu tên đề ngày nay. Thế mà xấu số, thế mà trời ghen, thế mà đa-truân bạc-mệnh, ta cũng chỉ mong đa-truân bạc-mệnh như thế mà thôi. Cũng một việc mà không suy-xét cho kỹ thì nhận ra phương-diện nào cũng được, nên nổi sai lầm.

Khốn lẽ kể có tài lại hay cậy, người có sắc lại đa-tình, đã cậy tài tất mất vẻ khiêm-cung, làm điều bại-dức, mà công-chúng không ưa; đã đa-tình hẳn, làm điều ngoắt-ngoéo, ngồi yên khó được, nên dư-luận giễu chê: đó là hợp với câu « có tài mà cậy chi tài », nhưng hại thay thế lại xuống ngay: « Chữ tài liền với chữ tai một vần » mà tư-tưởng hồng-nhan mệnh-bạc vẫn y-nghuyên không chút nào di-chuyển. Phong-trào tư-tưởng đối với non sông rất là mật-thiết, nên Âu-tây người ta có những tư-tưởng cao-thâm mãnh-liệt, như PASCAL tiên-sinh có câu: « Người ta chỉ là một cây sậy, một cây sậy biết nghĩ, vũ-trụ bao-học được, mà chỉ một giọt nước, một tí hơi cũng làm chết người, nhưng điều hơn ta đó vũ-trụ

không biết, chứ ta thì có thể lấy tư-tưởng mà bao-quát vũ-trụ được. Lại như câu của VICTOR HUGO tiên-sinh:

« Ceux qui pieusement sont morts pour la patrie

« Ont droit qu'à leur cercueil la foule vienne et prie. ».

Nghĩa là kẻ nào đã đem cái chết mà tận-tâm cứu-quốc thì có quyền được công-chúng tán-tụng và nguyện cầu cho. Vì thế mà nước người ta hùng-cường giàu-thịnh, dân người ta bình-dẳng tự-do...

Có Kiều có thật là mệnh-bạc không? là hồng-nhan đa-truân không?

*Sự rằng phúc họa đạo trời,
Cỗi-nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có trời mà cũng có ta,
Tu là cỗi phúc tình là dây oan.*

*Lại mang lấy một chữ tình,
Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vây nên những chốn thông-dor-g,
Đứng không yên-ôn ngồi không vững.* [vàng.]

*Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết một mình mình hay.*

Mấy lời bà Tam-hợp bình-luận đó, cũng đủ tỏ cái thân-thế, cái cảnh-ngộ, cái công-tội của Kiều vậy.

Kiều là một con ông Viên-ngoại nhà giàu, cha mẹ còn, em trai em gái có, đang lúc ăn-trơn mặc trắng, sung-sướng tuyệt vời, thì sao đi hội thanh-minh, nghe truyện Đạm-Tiên, lại sụt-sùi than khóc, thổ-lộ ra những câu quái-gở lạ kỳ.

*Bau-dơn thay phận đàn bà,
Lời là bạc-mệnh cũng là lời chung.
Phũ-phàng chi mấy hóa-công,
Ngày xanh mòn-mỏi mà hồng-phôi-pha!*

Sông làm vợ khắp người ta...

Sao lại thương hão thương huyền thể, sao lại sầu cân sầu bầy thể, vì cái thân Đạm-Tiên với kiếp dân bà, cho má-hồng là đời mệnh-bạc rồi lại vận lấy vào mình mà kêu mà khóc, mà vẫn mà than. Mình là tấm thân bằng tuyết, trong giá trắng ngần, sao lại sánh với Đạm-tiên là đứa ca-nhi dĩ-thỏa. Ừ, cho nó có tài, cho nó có sắc, cho nó hát giỏi, cho nó cười tươi, nhưng hạnh-kiểm nó thế nào, biết rằng hay hay dở! Chỉ một tiếng ca-nhi kỹ-nữ, đưa người của trước rước người của sau, cũng đủ làm cho khách giai-nhân phải xa phải lánh, mà nàng lại cho à tri-kỹ tri-âm, cùng chà cng lửa, đem câu văn mà diều-tặng, dùng lời khấn mà kêu-cầu, biết nhau mấy mặt, dễ bay tình lại gặp tình.

Cái bệnh đa-sầu của Kiều, cái cách hiểu lầm thân-thể của Kiều, đã làm mất cái vẻ chính-dại quang-minh mà lại đưa Kiều vào đường ngoẻo lối ngang. Đường ngoẻo ấy, đường tà ấy, u-mê gai góc, là chữ tình, là chữ tình dấu-diểm, là lối đoạn-trường mà sau này nàng Kiều phải đi đó.

Thật thế, vừa khóc Đạm-Tiên bằng một cách vô-lý xong, thì gặp ngay Kim Trọng Kiều thích sâu, ôm lấy khối sầu, Kim Trọng tức là cái mạch sầu cho suốt đời kiều vậy.

Lạ một cách, Kiều mới gặp Kim Trọng là lần đầu, mà đã đem lòng âu-yếm. Kim Trọng mi-thanh mục-tử, giỏi tra chảnh nữa, nhưng biết tình-nết ra sao. Hoặc bảo là con nhà trâm-anh thể-phiệt, nhưng lại chẳng thấy biết bao công-tồn công-tử, dám-dăng hoang-toàng đó ư! Gỡ cho Kiều đa tình thật, mà cũng nhẹ dạ thực. Đã mắc lưới tình rồi, khối sầu lại càng nặng, nên tâm-hồn mê-mẩn, mà nẩy ra cái mộng Đạm-Tiên, tưởng tới số đoạn-trường, tấm lòng càng ngày càng đắm - đuối.

Mộng đó có thật hay không, số đoạn-trường có thật hay không? Chẳng qua tri-não đã đề vào Đạm-Tiên, đã ngán nỗi má hồng mệnh-bạc, nên lúc nửa mơ nửa tỉnh, mới tưởng-tượng ra truyện Đạm-Tiên, số đoạn-trường; số đoạn-trường thực là nàng buộc cho nàng vậy. Tự-nhiên khóc-lóc làm cho cha mẹ phẫn lòng, thế là bất-hiểu dấy, nàng có biết hay không? Chữ tình của nàng giá đến đó rồi thôi, thì may đời của nàng cũng không đến nỗi long đong vất vả, nhưng kẻ đã trượt chân chới ngã, còn dùng sao cho được trên sườn hổ hăng băng, đã chúi chúi mãi, mới sinh cái cách bỏ quên thoa trên đào, kiếm lối mà đi lại cùng Kim Trọng. Phải, ai cũng có tình, người mà vô-tình thì còn gọi sao là người được. Kiều có lòng yêu Kim Trọng, lòng yêu đó là thương-tình; lại thấy Kim Trọng đến trọ bên cạnh nhà, chắc là đề câu-thân với mình, tỏ lòng yêu mình, tìm cách lấy mình, thế là thỏa lắm rồi, còn mong chi nữa.

Phận được vậy là đành rồi, duyên như thế là đành rồi, sao không yên tâm mà chờ đợi, lại kiếm lối mà trò truyện đi về. Đã biết rằng: « nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha », mình theo cái chế-độ gia-trưởng, tự mình không định trước được thân mình, thì sao lại còn nhận đồ tặng-tặng, hình như đưa tay ký giấy cam-doan, có khác gì kẻ không có tiền lại thiện-tiền tiêu tiền?

Sao không nói phăng ngay rằng: « Ừ, tôi yêu anh thực, nhưng cưới xin đều cốt ở cha mẹ tôi, nếu anh quả yêu tôi thì chỉ phải hò-hẹn thêm phiền, cứ cố tìm mối cho yên việc, ấy là đôi ta được trăm năm sum họp. »

Vậy nên những chốn thông-dong,
Đừng không quên-đón, ngồi không vắng
vàng.

Nhận thoa nhận lời Kim Trọng đã đành, đến nỗi gặp lúc cha mẹ vắng, mà sang nhà Kim Trọng thì thực quá lắm. Sang ban ngày đã vậy, lại sang cả ban đêm, rồi trò trò truyện truyện, dịch dịch dần dần, đến thế thực không có thể cò-khoan cho được. Vậy mà còn tự-cao :

*Tưởng gì trên bậc trong lầu,
Thì con người ấy ai cầu mà chi !*

Đa-tình đến như Kiều cũng là cùng, mà liễu-linh đến như Kiều cũng là cực.

Tình dài-dó ấy mà yên à, sâu nhâm-nhi ấy mà lành à ? Mấy cuộc tình chưa xong, chú Kim Trọng đã mất, một mối sâu chưa cạn, bỗng nhà cửa đã tan ! Kiều-nhi người hỡi, phúc-họa đạo trời đó, người đã ghê chưa ?

Giả trước kia đừng nhận lời thề-thốt thì chuộc cha việc này chẳng dễ-dãi hơn ư ? Đã có lòng hiếu chuộc cha, chữ tình vùi đi là phải, sao lại còn lời-thời khóc-lóc, dặn em Vân mà nên cha mẹ động lòng, thành ra cứu cho cha khỏi phiền phần xác, lại đem cho cha nỗi khổ phần hồn, mà tấm gương hiếu-thảo nhòa nhòa đốm đốm (1) !

Hiếu-tình của Kiều đến đoạn đó là hết, chỉ còn phải đối với xã-hội thôi, vì thân của Kiều trót đã bán đi, thì các sự hành-dộng không còn được riêng mình tự-chủ.

Về với Mã Giám-sinh, chẳng may lại gặp con người buôn thịt, mình đã gặp bước sa cơ, nó lại lừa mình đến thế, chịu sao nổi, giá kêu oan được thì kêu cho ra, nhưng phải thời áp-chế, thì thói liều chết là ớn. Mình lấy tiền của

người ta mình dùng, rồi chết thế là lừa dối người ta, làm cho người ta mất tiền vô-ích, thành ra mắc nợ muôn đời. Nhưng thân mình đã bị người ta giầy vò, mà mình đành chịu, tới nay lại giả giọng, bắt mình làm điều dẽ-nhục, sai hẳn lời giao với mình trước, thế là lừa mình, phụ mình, mình không đòi gì bởi-thường thì chết, mình chết, họ còn kêu sao được. Kiêu tự-tử, Kiêu tự-tử, Đó là việc đáng khen thứ hai của Kiêu, mà cũng là việc đáng phục cuối cùng của nàng vậy.

Suốt đời nàng được hai việc hay, là việc bán mình chuộc cha, cùng việc không đành khuất-thần chịu nhục, thì nàng đều làm dở cả. Đã chết mà chết không nên, vẫn còn bị con ma sâu nò ám-ảnh.

Lại nằm mê thấy Đạm-Tiên, con ma Đạm-Tiên, con ma sâu tự đặt ra, nó làm cho lạc con đường chính-dạo, nó xui đại thế, sao không mắng ngay cho nó : « Con dĩ kia, mày đã làm hại tao lúc nhỏ, mày còn xui tao làm điều điếm-nhục hay sao ? Tao đã vì sâu mà mắc mối tình, tao đã chuộc tình bằng chữ hiếu, tới nay người ta lừa dối tao, bắt tao làm việc bậy, tao sống có ích gì cho cha mẹ anh em, mà lại hại cho đồng-bào xã-hội, tao đã là dĩ rồi, không còn được tí gì là ích, thì còn sống làm gì cho nhục cái thân tao. Huống-chi trời sinh ra tao, là cha chúa tao cho tao tài cao sắc đẹp, thế là nuông tao lắm, thương tao lắm, sao lại muốn cho tao khổ-sở được. Nay con dĩ kia, lúc sống mày đã làm khuynh - gia bại-sản bao

(1) Đoạn này lấy bạn gái mà bình-phẩm bạn gái, thì cũng quá nghiệt, nhưng chắc hẳn vì lẽ văn-chương bó-buộc, mà nhà nữ-giáo không giãi rõ cái cảm-tưởng của cô đối với việc này của nàng Kiều. Kỳ-giả xin lượng ý của cô mà giãi rõ việc đó như sau này :

Kiều dặn Vân có xứng-dáng không ? Có chắc Kim Trọng bằng lòng chịu lấy Vân, hay là tìm người tài-sắc hơn ? Đây là việc tương-lai, không thể lấy sức mình mà làm được, việc gì mà thiết-tha cho lắm ! Viết một cái thơ cho chàng và dặn em qua-loa là đủ. Nếu chàng còn thương thì khi nghe thấy mình bán mình chuộc cha, tất càng thương, và các điều dặn lại trong thơ tất phải nghe theo từng tí. Đã có cái can-đảm bỏ nhà bỏ cha mẹ anh em, mà bán mình chuộc cha không hề đau lòng rơi lụy, thì bây giờ trao cái tình lại cho em, nỗi chi mà luyến-quá thương, thật là nặng kém tấm lòng quyết-xả vậy. — C. H. T.

hiều người, làm dè-hạ cả cái thanh-danh của bọn quần-thoa, nay mày chết đi lại còn chực quyển-dũ tao làm điều xằng bậy à ! »

Thuốc mù Tú nó đưa cho, uống mà làm chi ! Uống vào được khỏi rồi, ra lầu Ngưng-bích thanh-thời, thế là đời nàng được yên-đón một chút. Giả dằn ở yên đây, xem sách học thêm, vui cùng câu văn lối phú, dũa trí dợt thời, mù Tú có động đến, đem cái chết làm che thân, thì có gì là lo. Thế mà lại bị lừa cậu Sở, thật là quàng-quẩy vô-chứng. Sở - khanh nó cứu tốt nó mê mình vì tài vì sắc chi đây, nó cứu được mình tất nó lấy mình. Lấy Sở-khanh ư? Tình Kim Trọng đề đâu? Đã lỡ mình cùng cậu Giám, lại thối-thần cùng anh Sở hay sao?

Về thăm cha mẹ ư? Thế giấu Sở-khanh vào đâu, cho khỏi then cùng cậu Trọng? Đây, sự hành-tộng của Kiều đây, nghĩ mà buồn cho Kiều; nếu không thế mù Tú bắt sao được ra mà tiếp khách.

Còn từ đây về sau, nào là lấy Thúc-sinh, gặp Từ Hải, đến việc báo ân báo oán, đều là cách cử-chỉ của một người kỹ-nữ, một người kỹ-nữ khôn-ngoaan ác-nghiệt mà thôi.

Đến lúc Từ Hải chết; vì ai mà chồng chết, chẳng là vì mình hay sao? Trót đã thế, đành nghĩ cách chôn cho chồng, yên mồ yên mả, rồi cũng chết là xong. Chồng chôn đã xong, cô mặt mũi nào mà chuốc rượu người Hồ Tôn-Hiến. Mình đã tin hẳn, vì dân vì nước, đem thân về với triều-dinh, thế là hẳn không mất hơi-sức, tự-nhiên được còn, đáng lẽ ơn mình, sao nó lại đổi mình mà đánh trộm, cái nhân-cách mới kém - cỏi làm sao, cái thủ-đoạn mới hèn-mạt làm sao, giả cứ đánh đã biết đầu bên nào hẳn được bên nào!

Kẻ thù mình, giết chồng mình bằng

một cách bất-nghĩa, không mắng cho thì chớ, thế mà nghiêm-nhiên cùng ăn cùng chiếu, thì không hiểu tâm-tính Kiều ra sao nữa! Đến lúc gả cho thổ-quan, mới dám đầu xuống sông, chết lúc đó muộn lắm, mà cũng vô-lý nữa. Cũng thì cái chết, sớm một tí thì hay, muộn một tí thật chẳng còn chi là giá-trị.

Thế là hết cái lệ-sử của Kiều, từ đầu đến cuối, cứ:

*Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết một mình mình hay.*

Sư Tam-hợp kết án Kiều bằng mấy câu ấy thật dich-dáng. Sư Tam-hợp là ai, tức là cụ Tiên-diễn vậy. Cụ vẫn biết tội của Kiều là thế, nhưng cụ vẫn thương Kiều, cụ thương Kiều mệnh-bạc, mà cụ tưởng tới thân cụ vô-duyên, Kiều mắc chữ tình, cụ mắc chữ lụy, lênh-dênh vì tình, dầm chìm vì lụy, cho nên

*Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết một mình mình hay.*

Giả cụ đừng hệ-lụy, đừng thi - cử, đừng ra làm quan, thì chỉ đến nỗi kẻ gièm-pha, người dè-nén, dằng-cay trời-nổi hai mươi mấy năm trời. Đã làm quan, đã mắc lụy, còn dám kêu ai, ngộ cùng ai, khổ-tâm mà một mình mình chịu, không còn dám cùng ai giải tỏ gốc nguồn, không trách một ông quan thời nay có nói: « Trong đời tôi có ba cái lắm, là đã đi thi đã lấy vợ, lại để con. »

Đã đi thi là đeo lấy lụy, lấy vợ đeo thêm lụy, lại sinh con cho nó cũng phải chịu lụy, chán đời đến thế là cùng!

Cụ chán đời, cụ hệ lụy, thấy thân-thế có Kiều điêu-dứng mà cụ thương, cụ đã thương không còn tưởng tới các sự hành-dộng lật-vật của Kiều. Cụ cho ngay Kiều là một người chính-dáng nên thương, đặt ngay Kiều là gương hiếu-thảo, cho nên chỗ nào tả đến Kiều, cũng là đáng thương đáng cảm, không

chất gì tỏ ý ghét ý khinh; vì thế mà ai đọc *Kiều* cũng thương *Kiều* như cụ, chú-trọng cả vào *Kiều*, không còn nghĩ đến những tư-tưởng hay khác bày ra trong truyện, như: bản mình chuộc cha, phúc họa đạo trời, tu là cỗi phúc, tình là giẫy oan,

Có tài mà cậy chỉ tài.

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài...

Đã vậy, văn cụ lại hay, văn càng hay, giá-trị *Kiều* càng quý, cho đến nỗi đoạn *Kiều* tự-tình cùng Kim Trọng là đoạn tề nhất, nhưng là đoạn văn hay nhất, mà ai cũng hay đọc, ham đọc, bọn thiếu-niên lại là đa-số, đọc một câu là một mơ-màng, đọc một khúc là một ngo-ngần, mới nẩy ra hoang-dâm tư-tưởng, mong rồi ghé vách qua tường.

Lại còn cái tư-tưởng chán-dời, lại còn cái sầu của chị Thủy; cụ thương *Kiều*, *Kiều* buồn, văn cụ cũng buồn, *Kiều* buồn suốt truyện, mà văn cụ suốt truyện đều buồn. Văn buồn, văn chán đời, bao kẻ đọc văn cũng tiếm-nhiễm cái buồn cái chán, ở cái buổi giao-thời này, kẻ thiếu-niên không có nơi nương tựa, đọc cái văn buồn chán ấy, tránh sao klỗi nát ruột tan lòng. Kẻ thiếu-niên đương là thời-kỳ hăng-hái, lập nghiệp hưng công, mà lại sầu-cảm, mà lại nổi tri té lòng, óc như tan loãng, biến mất, người như nhọc mệt uể-oai, không còn muốn làm gì, không còn thiết sự gì nữa, thì hà thì nước còn gì mà không nát không suy.

Kiều - nhi người hời, người sống không biết giữ ngọc gìn vàng, người chết để cho đời sau một mối cảm, đã khổ-tâm cho kẻ chép quyển *Thanh-tâm tái-nhân* đất Bắc, lại đau lòng cho cụ Tiên-diễn trời Nam, mà đau lây cả mấy mươi triệu người, tựa giải Hoành-sơn, trên bờ Cửu-long, cùng trên triền sông Nhị.

Cụ đã chán, cái lịch-sử thương-tâm của người lại vào tay cụ, cụ xem thấy

mà mới sầu bỗng dưng bành-trướng, vụt nẩy ra cái nền văn-chương tuyệt-tác, áng văn văn Nam-Việt có lẽ là vô-tiên-tuyệt-hậu là truyện *Kim Vân Kiều*, nhưng cũng lại nẩy ra lời bi-ai thê-lâm, bày ra chữ tình, chữ chán, chữ sầu, tình, sầu, chán, tai-hại cho trí-não thanh-niên.

Biết bao kẻ đã vì *Kiều*, mà khôn-nạn trong bề tình, mê-mạn trong cõi thâm, tình tình thâm thâm, chán chán sâu sâu, bận thiếu-niên sớm than chiều khóc, dăm dăm lẫn lộn cùng một chữ yêu, quên cả thân-thể sự-nghiệp, quên cả tổ-quốc non sông, cho dòng giống rỗng tiên, cứ quanh-quẩn mãi trong vòng hèn kém.

Kiều-nhi người hời, công của người đối với văn-chương Việt-Nam cũng là to, mà tội của người đối với vận-mệnh tiền-đồ Việt-Nam thật cũng không nhỏ.

Tôi nghĩ đến đây, giở mình quay mặt, trông ngay thấy quyển *Kiều* ở trước. Nhìn gần lại, này đây:

Đêm khuya thân gái dặm trường...

Đọc chưa hết câu, mà trí tôi như giận-dữ bồn-chồn, tôi vùng ngồi dậy, cúi mặt xuống, lấy tay ôm chân, rồi lẩm-bầm nói nhỏ:

Chết, ta, một mình tư-tưởng, mà hóa ra một đoạn phê-bình, phê-bình *Kiều* đã vậy, lại phê-bình truyện *Kiều*, phê-bình một áng văn-chương kẻ sùng người bài, phê-bình cụ Tiên-diễn kẻ phụng người tôn, áng văn-chương mình đọc suốt chưa chắc đã hiểu hết, mà cụ tiên-bối mình thờ quả đáng mười mười. Ủ, phê-bình, phê-bình bao-tợn quá, phê-bình chặt-nghiệt quá, phê-bình như người giận-dữ muốn cãi nhau, phê-bình như kẻ gắt-gông muốn đập phá.

Tình, sâu, chán, bày ra trong truyện, mà thiếu-niên tiêm-nhiễm, có phải là lỗi tại cụ hay không? Thật là lỗi tại kẻ xem truyện, không biết suy đi nghĩ lại, tại nền gia-dinh giáo-dục thông giảng-giải cái đó cho đến nơi đến chốn, lại tại trong đời kẻ biết trước không dặt-diu người biết sau, đã hiểu thấu truyện *Kiêu*, biết rõ cách hành-dộng của *Kiêu*, mà không nói kỹ cho bọn đầu xanh đường hơn lẽ thiệt, cứ xuất-bản *Kiêu*, để nguyên chữ *tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*, mà không chua bảo kẻ óc non đó là những tư-tưởng cong - queo, không nên bắt chước, lại không nêu lên trên đầu truyện một bài tổng-luận, nói đại-khái truyện *Kiêu* là một áng văn-chương hay, nhưng *Kiêu* là một nhân-vật dở, chỉ nhận lấy chữ hiệu bán mình chuộc cha, mà phải bỏ chữ tình âm-thầm giấu-gếm, chỉ bắt chước lấy lời châu-ngọc, mà đừng theo nổi chán chán sâu sâu. Cụ Tiên-diên có phải là nhà triết-học đâu, mà là một nhà văn-hào đa-cảm, gặp cái cảnh thú-vị ấy thành nẩy ra câu văn kiệt-tác, còn mơ - màng điều réo-rất thanh-tao, nghĩ đâu tới cái hại cho kẻ hậu-tiến sau này, xem sách không biết đường quyền-biến. Ta vẫn nói sách dở, xem mà biết suy cũng có ích, huống-chỉ là truyện *Kiêu*. Phải rồi, để

ta từ xưa vẫn tin cái sâu của *Kiêu*, vẫn lấy *Kiêu* là người chính-dáng, vẫn chịu cái tai mệnh ghét ghen, vẫn yêu *Kiêu* tình cao trí dâm, nay bỗng hiểu cái dở của câu mà hồng mệnh bạc, biết cái lầm của sự tình-tự vụng-thăm, mà ngửa đầu lên cái, cho thỏa lòng bị lừa-dối bấy lâu, có khác chi kẻ đang bị dọa-dây đề-nén, được phóng-thích tự-do, ngảnh lại nhìn cái mối ức-hiếp cũ mà tức - tối tâm-hồn, mới bật ra những câu nguyên lời nặng.

Ừ, mà ta lầm, mà ta lầm quá mất rồi, quyền *Kiêu* là một quyển văn-chương, sao không lấy phương-diện văn-chương mà bình-phẩm, lại đem phương-diện xã-hội mà khen-chê, có lẽ lòng ta thiên về đường xã-hội, vì nhân-tâm thế-dạo, vì dòng giống non-sông, mà nẩy ra mấy câu kêu-ca khắc-nghiệt ấy.

Tiên-diên tiên-*sinh* ! Tiên-diên tiên-*sinh* ! linh-hồn cụ có thiêng chẳng tá, xin xét cho tấm-lòng ngay thẳng của kẻ hậu-sinh ngu-dại này, vì một sự sốt-sắng với xã-hội đồng-bào, với tiền-đồ tổ-quốc mà thổ-lộ ra mấy câu phẩm-bình ngóng-cuồng ấy, cũng đã biết là càn-rỡ lắm rồi, xin cụ lượng-tình mà ha-thứ, thật là vạn-hạnh.

CAO HỮU - TẠO

sao - lục



MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIAI - THÍCH⁽¹⁾

孟子國文釋解

XV

XII

士出遇也。然不可人孟
則查。故千且明以曰。子
茲是去。里至。也。爲不去
不何三而則識湯識齊。
悅。濡宿見是其武。王尹
滯而王。干不則之士
也。後不澤可。是不語

Dịch-âm— Mạnh tử khứ Tề. Doãn Sĩ ngữ nhân viết: « Bất thức vương chi bất khả dĩ vi Thang Vũ, tắc thị bất minh dã; thức kỳ bất khả, nhiên thả chi, tắc thị can trạch dã; thiên lý nhi kiến vương, bất ngộ cổ khả, tam túc nhi hậu xuất Trú, thị hà nhu-trệ dã; Sĩ tắc tư bất duyệt. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh bỏ nước Tề mà đi. Doãn Sĩ bàn riêng với người rằng: « Thầy Mạnh chẳng biết vua không có thể làm được như vua Thang vua Vũ, thì là chẳng có trí khôn; biết vua không thể làm gì được, thế mà vẫn cứ đến, thì là muốn cầu lợi-lộc; xa-xôi mà đến yết-kiến vua, cái đạo mình với ý vua chẳng hợp, cho nên phải đi. Khi đi, ba đêm rồi mới ra đến ấp Trú, sao mà tri-trệ thế! Sĩ này vì điều đó mà chẳng sướng ở trong lòng. »

Chú-giải. — Doãn Sĩ = Người nước Tề. Vương = Vua Tuyên-vương nước Tề. Can = Cầu-cách. Trạch = Ăn-trà, tức là lợi-lộc vua ban cho Trú = Cái đất ở ngoài cõi nước Tề. Nhu-trệ = Ý cầu-dưỡng chậm-chạp vừa ở vừa đi. Đây là lời chê thầy Mạnh đạo đi bất-nhân, lại không biết khấn-thần mà đi cho sướng.

以高
告子

Dịch-âm. — Cao-tử dĩ cáo.

Dịch-NGHĨA. — Cao-tử đem lời Doãn Sĩ báo với thầy Mạnh.

Chú-giải. — Cao-tử = Người nước Tề, là học trò thầy Mạnh.

不所欲王。千惡曰。
得欲去也。是里知夫
己哉。豈不予而予尹
也。予予遇所見哉。士

Dịch-âm. — Viêt: « Phò Doãn Sĩ ở trỉ dư tại! thiên lý nhi kiến vương, thị dư sở dục dã; bất ngộ cổ khả, khởi dư sở dục tại, dư bất đắc dĩ dã. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói: « Ôi! Doãn Sĩ nào biết được bụng ta! xa xôi mà lại yết-kiến vua, may ra mà đạo làm được, ấy là sở-nguyên ta đó; chẳng hợp cho nên phải đi, há bản-tâm ta có muốn đi đâu, ta bất-đắc dĩ mà mới phải đi vậy. »

Chú-giải. — Bất đắc dĩ = Cực chẳng đã, ý còn phải nghĩ-ngợi, bách về cái nghĩa mà phải đi.

反諸王幾速。猶於而予
子。則如改王以予出三
必改之。庶爲心查。宿

(1) Xem Nam-Phong từ số 78, 79, 80, 83, 84, 86, 87, 88, 89, 92, 95, 98, 101, 102.

Dịch-âm. — « *Dư tam túc nhi xuất Trú, ư dư tâm do dĩ vi tốc; vương thứ có cải chi, vương như cải chư, tắc tất phản dư.* »

DỊCH-NGHĨA : — « Ta ba đêm mà ra đến ấp Trú, cứ như lòng ta còn cho là chóng kia đấy, vì mong vua ngõ-hầu đổi được sự lầm lỗi; vua nếu đổi được chẳng, thì tất với ta trở lại. »

Chú-giải. — Thứ-ky = Ngõ-hầu, cũng như tiếng họa may, ý là mong vua đổi lỗi.

Đây là thầy Mạnh kể rõ ra cái ý, đối với vua không thể khiết-nhiên được, bất-đắc-dĩ mà phải đi, nhưng vẫn còn có ý mong vua hối-ngộ.

改之民徒善王哉志予然然而望王安用由雖後王浩不之庶天予足然浩然予幾下則用登然予

Dịch-âm. — « *Phù xuất Trú nhi vương bất dư truy dã, dư nhiên-hậu hiên-nhiên hữu qui chi; dư tuy nhiên, khởi xả-vương tại; vương do túc dụng vi thiên, vương như dụng dư, tắc khởi đồ Tề dân an, thiên-hạ chi dân cử an, vương thứ-ky cải chi, dư nhật vọng chi.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Ôi ra đến ấp Trú, mà Vua chẳng cho theo với ta nữa, ta bấy giờ mới quyết-nhiên có cái chí đi về. Ta tuy vậy, há nỡ bỏ vua đâu; vua là người còn đủ dùng làm điều thiện, vua nếu dùng ta, thì há những dân nước Tề được yên, cả dân thiên-hạ đều được yên; vua ngõ-hầu đổi được sự lầm lỗi, ta một ngày một mong lắm đấy. »

Chú-giải. — Hiên-nhiên — Cái đáng nước chảy trôi băng, không thể ngắ lại được. Nghĩ ta bỗng là quyết hẳn đi ngay. Cử = Cử, đều. Cử an = đều yên cả.

Đây là thầy Mạnh kể ra cái ý vua tuy không theo với mình, mà mình vẫn không nỡ bỏ vua.

後日而然則君哉小子
宿之去見怒而諫丈登
哉力則於倖不於夫若
而窮其倖受其然是

Dịch-âm. — « *Dư khởi nhược thị tiểu trượng-phu nhiên tại, gián ư kỳ quân nhi bất thụ, tắc nô hân-hân nhiên kiến ư kỳ diện, khứ tắc cùng-nhật chi lực nhi hậu túc tại.* »

DỊCH-NGHĨA. — « Ta há như kẻ trượng-phu nhỏ - nhen ấy đâu, can ngăn vua mình mà vua chẳng nghe, thì giận-dỗi hăm - hăm hiện ra nét mặt, đi thì hết sức trong một ngày rồi mới nghỉ đâu. »

Chú-giải. — Hân-hân nhiên = Ý tức giận mà hiện ra nét mặt.

Toàn chương này là tỏ ra cái bản-tâm kíp về sự cứu đời, và cái dự-thiết về nghĩa yên vua của bậc thánh-hiền, thứ không như những kẻ trượng-phu nhỏ mọn.

人誠曰聞尹
也。小士之士

Dịch-âm. — *Doãn Sĩ văn chi viết: « Sĩ thành tiểu-nhân dã »*

DỊCH-NGHĨA. — Doãn Sĩ được nghe lời thầy Mạnh, rồi nói rằng: « Sĩ này thực là kẻ tiểu-nhân vậy. »

Chú-giải. — Đây là Doãn Sĩ phục thầy Mạnh là quân-tử mà trách mình là tiểu-nhân.

XIII

人怨曰聞然有曰充孟
天君諸前不夫虞子
不子夫日豫子路去
尤不子虞色若問齊

Dịch-âm. — *Mạnh-tử khứ Tề. Sung Ngu lộ văn viết: « Phu-tử nhược hữn bất dư sắc nhiên. Tiễn nhật Ngu văn chư*

phu-tử viết: « Quân-tử bất oán thiên bất ưu nhân. »

Dịch-NGHĨA — Thầy Mạnh bỏ nước Tề mà đi. Sung-Ngu theo hầu đi dọc đường hỏi rằng: « Nhà thầy hi h như có cái net mặt chẳng vui vậy. Ngày trước Ngu này có nghe nhà thầy nói rằng: « Người quân-tử chẳng oán trời, chẳng đồ lỗi cho người. »

Chú-giải. — Dư = Vui hă. Bất-dư = Chẳng vui, ý buồn rầu. Câu bất oán 不怨 bất ưu, 不尤 nguyên là lời Khổng phu-tử, thầy Mạnh thường thuật ra để dạy người.

辰此一日。
也。一辰。彼

Dịch-âm. — Viết: « Bĩ nhất thời, thử nhất thời dã. »

Dịch-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói: « Ngày trước là một thời, ngày nay lại là một thời khác. »

Chú-giải. — Bĩ = kia, trở về ngày trước kia dạy bảo Sung-Ngu, còn là cái lúc giăng bàn về sự quân-tử tu-thân. Thử = Ấy, nay, trở về ngày nay ở nước Tề đi ra, chính đương lúc buồn về nỗi muốn hành-đạo cứu-thời mà không được gặp.

名聞者必五
世必興。有百
者。有其王年

Dịch-âm. — « Ngũ bách niên tất hữu vương-giả hưng, kỳ gian tất hữu danh-thế giả. »

Dịch-NGHĨA. — « Năm trăm năm tất có đấng vương-giả dậy lên, khoảng ấy tất có người danh-thế. »

Chú-giải. — Ngũ bách niên = Nổi đại-ước về cái thời-kỳ cuối vận vớ, đầu vận giao-hội nhau, trở về kỷ số mà nói. Theo nư liên-sử Tàu kể từ vua Nghiêu, Thuấn đến vua Thương nhà Thương, từ vua Thương đến vua Văn vua

Võ nhà Châu, cách nhau đều là hơn năm trăm năm cả. Vương-giả = Trở về những bậc vua thánh - hiền, như vua Nghiêu vua Thuấn vua Thương vua Võ. Danh-thế = Người, có đạo-đức công-nghiệp, có danh tiếng một thời, trở về những bậc hiền-thần phụ-tá, như ông Cao ông Q.ông Y Doãn, ông Thái-Lô & Võng v.v.v.v., đều là những bậc danh-thế để giúp cho các đấng vương-giả.

則時矣。數矣。有來。由
可考以則以餘七周
矣。之。其過其歲百而

Dịch-âm. — « Do Châu nhi lai, thất bách hữu dư tuế hĩ, dĩ kỳ số tắc quá hi, dĩ kỳ thời khảo chi, tắc khả hĩ. »

Dịch-NGHĨA. — « Tự thừa nhà Châu dậy lên cho đến bây giờ, đã hơn bảy trăm năm rồi, tính cái số năm thì đã quá rồi, đem cái thời mà xét ra thì là cái thời loạn-cực tu-trị, có thể làm được vậy. »

Chú-giải. — Số = Trở cái số năm trăm năm. Tính ra thì từ đời Châu đến nay đã 700 năm quá hai trăm năm rồi. Thời = Trở cái thời Chiến-quốc lúc bấy giờ.

Đây là nói ra cái cơ sở dĩ chẳng vui, vì thời là cái thời có thể làm được mà chẳng được làm nên công-nghiệp gì, nên mới có ý buồn.

豫吾我今治也。平夫
哉。何其之天如治天
爲誰世。下。欲天未
不也。含當平下欲

Dịch-âm. — « Phù thiên vị dục bình trị thiên-hạ dã: như dục bình trị thiên-hạ, đương kim chi thế! xả ngã kỳ thùy dã, ngô hà vị bất dự tại. »

Dịch-NGHĨA. — « Ôi! Chỉ là trời chưa muốn bình-trị thiên-hạ đấy thôi. Nếu trời muốn bình-trị thiên-hạ, đương cuộc đời này, bỏ ta thì còn dùng ai, ta việc gì mà chẳng vui. »

Chú-giải. — Đây là thầy Mạnh nói thầy không được gặp vua nước Tề là tại ý trời chưa muốn bị an-trị thiên-hạ đó thôi. Nhưng ý trời cũng chưa biết chừng, mà cái tài-dức bình-trị được thiên-hạ lại ở mình, còn có thể yên lòng mà mong đợi được, cho nên vẫn thường vui.

XIV

道 祿。而 問 公 齊。孟
乎。古 不 曰。孫 居 子
之 受 仕 丑 休。去

Dịch-âm. — Mạnh tử khứ Tề, cư Hưu. Công-Tôn Sửu vấn viết: « Sĩ nhi bất thụ lộc, cổ chi đạo hồ? »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh bỏ nước Tề mà đi, nghỉ ở đất Hưu. Công-Tôn Sửu hỏi rằng: « Làm quan mà chẳng chịu nhận bổng-lộc, là cái đạo đời xưa đấy ư? »

不 欲 去 退 得 於 曰。
受 變。志。而 見 崇 非
也。故 不 有 王。吾 也。

Dịch-âm. — Viết: « Phi dã, ư Sùng ngô đắc kiến vương, thoái nhi hữu khứ chí, bất dục biến, cổ bất thụ dã. »

Dịch-Nghĩa. — Thầy Mạnh nói: « Không phải thế, vì khi ở đất Sùng, ta được yết-kiến vua, lúc cáo lui, ta đã có chí chỉ muốn đi, không muốn đổi chí ấy nữa, nên ta không chịu nhận lấy bổng lộc. »

Chú-giải. — Biến: Biến đổi. Bất dục biến = Không muốn biến đổi cái chí muốn đi.

Đây là kể ra cái cố không chịu nhận bổng lộc của nước Tề là vì khi thầy Mạnh mới yết-kiến Tề-vương, chắc có điều gì bất-hợp nên đã có chí định đi nơi khác, nếu định đi mà có nhận bổng lộc, thì hành chi không được tự do, cho nên mới không nhận lấy bổng lộc chứ làm quan mà nhận bổng lộc vẫn là cái lẽ thường từ xưa đến nay.

志 非 於 請。可 命。有 繼
也。我 齊。久 以 不 師 而

Dịch-âm. — « Kế nhi hữu sư mệnh, bất khả dĩ thỉnh, cửu ư Tề phi ngã chí dã. »

Dịch-Nghĩa. — « Rồi thì trong nước kế-tiếp có việc quân, không thể xin đi ngay được, chớ ở lâu tại nước Tề, không phải là chí ta vậy. »

Chú-giải. — Chí thầy Mạnh không muốn ở nước Tề, đã không chịu nhận lấy bổng lộc, thì nên đi ngay nơi khác mới phải, nhưng còn phải ở lâu tại nước Tề là vì nước Tề đang lúc ấy có việc: quân nghiêm-nhặt trở ngại, chưa có thể cáo-từ mà đi được đấy thôi, không phải là cái chí muốn ở lâu vậy.

THIÊN ĐẲNG-VĂN-CÔNG THUƠNG

滕 文 公 章 句 上

GỒM 7 CHƯƠNG

凡 七 章

I

子。見 宋 楚。將 世 公 滕
孟 而 過 之 子。爲 文

Dịch-âm. — Đẳng Văn-công vi thế-tử, tương chi Sở, quá Tống nhi kiến Mạnh-tử.

Dịch-Nghĩa. — Vua Văn-công nước Đẳng khi làm thế-tử, toan sang chơi nước Sở, đi qua nước Tống mà vào yết-kiến thầy Mạnh.

Chú-giải. — Thế tử = Con trưởng nhà vua, con vua thiên-tử gọi là thái-tử, con vua chư-hầu gọi là thế-tử. Chi = Đi.

堯 必 善。道 孟
舜。稱 言 性 子

Dịch-âm. — Mạnh-tử đạo tính thiện, ngôn tại xưng Nghiêu Thuấn.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Mạnh nói tính là vốn thiện, khi nói tất xung-dương mà chứng-thực đến vua Nghiêu vua Thuấn.

Chú giải. — Đạo = Nói. Xung = Kêu, mà kẻ ra để làm chứng-thực.

Đây là ý thầy Mạnh muốn cho thế-tử biết rằng cái bản-tính nhân nghĩa vốn ở trong mình, mà bậc thánh-nhân cũng có thể học mà đến được.

而夫吾世孟見楚世
已道言子子孟反。子
矣。一乎。疑曰。子。復自

Dịch-âm. — Thế-tử tự Sở phản, phục kiến Mạnh-tử. Mạnh-tử viết : « Thế-tử nghĩ nghĩ ngón hồ, chứ đạo nhất nhi dĩ hỉ.

DỊCH-NGHĨA — Thế-tử tự nước Sở trở về, lại vào yết-kiến thầy Mạnh. Thầy Mạnh nói : « Thế-tử ngờ lời ta đây ư ? Ồi đạo có một mà thôi vậy.

Chú giải. — Nghi = N hi ủy, ngờ rằng cao-viên mà có ý nản sợ. Nhất = Có một không hai. Đạo nhất = Là trở cái, tính thiện của người ta, ở ông kỷ đời xưa đời nay, không kỷ bậc thánh với người ngu, đều cùng một bản-tính ấy cả. Nghiêu thuấn cũng một cái tính của trời cho ấy, người thường cũng một cái tính của trời cho ấy. Tính người ta đều bản-thiện, thì tại cũng có thể học làm thánh hiền được. Thế-tử không phải ngờ gì cái lời tính-tiện mà tưởng rằng Nghiêu Thuấn không thể học làm được đâu.

豈王是也。何彼丈曰。成
欺我公有人哉。夫彼眼
我師明爲也。顏也。丈謂
哉也。儀者予攔吾夫齊
周曰。亦何曰。何也。景
公文若人舜畏我公

Dịch-âm. — « Thành Nghiễn vị Tề Cảnh-công diết : « Bĩ trượng-phu dã, ngã trượng-phu dã, ngô hà uy bĩ tại. » Nhan Uyên viết : « Thuấn hà nhân dã, dư hà nhân dã, hữu vi giả diệc nhưc thị » Công-Minh Nghi viết : « Văn-vương ngã sư dã, Châu-công khởi khởi ngã tại. »

DỊCH-NGHĨA. — «Thành-Nghiễn bảo vua Cảnh-công nước Tề rằng : «Người thánh-hiền kia là kẻ trượng-phu, ta cũng là kẻ trượng-phu, ta có sợ gì người kia đâu ! » Nhan-Uyên rằng : « Vua Thuấn là người bậc nào, ta là người bậc nào, ta có làm thì cũng được như vua Thuấn ». Công-Minh Nghi rằng : «Ông Châu-công từng nói : «Văn-vương là thầy ta đó. Lời ấy, ông Châu-công há dối ta đâu. »

Chú - giải. — Thành Nghiễn, Nhan Uyên, Công Minh Nghi = Điều là bậc hiền-dại ở trước đời thầy Mạnh.

Đây là thầy Mạnh thuật lời ba người trên ấy để tỏ ra rằng đạo một không hai, ai cũng có thể học làm như Nghiêu Thuấn được, có ý khuyên thế-tử nên dốc lòng tin mà cố sức học theo bậc thánh hiền, chớ không phải lai cầu thuyết gì khác nữa.

厥樂國。可十補今
疾不書以里短。難
不瞑曰。爲也。將絕
廖。眩。苦善猶五長

Dịch-âm. — «Kim Đằng tuyệt trảng bỏ đoản, tương ngũ thập lý dã, do khả dĩ vi thiện quốc. Thư viết : « Nhưc được bất miễn huyền, quyết tạt bất sư. »

DỊCH-NGHĨA. — « Nay địa-thể nước Đằng, cắt bề dài và bề ngắn, gần được vuông năm mươi dặm, còn có thể làm được một nước khá. Kinh Thư có nói rằng : « Nếu thuốc chẳng làm cho choáng váng, thì bệnh không thể khỏi được. »

Chú-giải. — **Thư** = Sách **Thượng-thư** thiên **Duyệt** một **h**, **Miền-huyền** = Mờ mit choang-vang vì sức thuốc mạnh quá làm cho choáng váng cả người.

Bây khuyên thế-tử chớ nghĩ nước. Đẳng là nhỏ, mà rút ra về sự hành-vi và khuyên thế-tử phải phải-chấn chờ có nhân-tuần, cũng như thuốc có sức mạnh thì lập mới khỏe.

II

子。使。於。今。於。與。昔。子。膝。
然。子。大。也。心。我。者。謂。
後。開。故。不。終。言。孟。然。
行。於。吾。幸。不。於。子。友。
事。孟。欲。至。忘。宋。嘗。白。世。

Dịch-âm. — **Đẳng** **Bình-công** hoăng. **Thế-tử** vị **Nhiên-Hữu** viết: « **Tích giả** **Manh-tử** **thương** dữ ngã ngôn ư **Tổng**, ư tâm chung bất vọng, kim dĩ bất hạnh, chi ư đại cố, ngô dục sử tử vấn ư **Manh-tử**, **nhiên** hậu hành sự. »

Dịch-Nghĩa. — Vua **Định-công** nước **Đẳng** mất. **Thế-tử** báo **Nhiên-Hữu** rằng: « Ngày trước thầy **Manh** từng nói chuyện « **Nghiêu Thuấn** tính thiện » với ta ở nước **Tổng**, trong lòng ta vẫn không quên, nay ta bất hạnh gặp việc đại-tang, ta muốn sai người đi hỏi thầy **Manh**, thế nào cho hợp với lễ cổ-nhân, rồi sẽ tổng-táng. »

Chú-giải. — **Bình-công** = Thân-phu vua **Văn-công**. **Thế-tử** = **Tức Văn-công**. **Nhiên-Hữu** = chức quan sự phó dạy thế-tử.

共。食。年。學。謂。死。盡。曰。然。
之。自。之。喪。也。孝。葬。也。不。友。
天。子。齊。然。矣。諸。以。曾。子。之。
達。疏。吾。侯。禮。曰。善。鄰。
於。之。嘗。之。祭。生。乎。問。
庶。服。聞。禮。之。事。親。於。
人。飢。之。未。禮。之。以。喪。孟。
三。粥。矣。禮。禮。以。之。子。
代。之。三。之。可。禮。自。子。

Dịch-âm. — **Nhiên-Hữu** chi **Châu**, vấn ư **Manh-tử**. **Manh-tử** viết: « **Bất diệc** **thiện** hồ, **thần** **tung** cố sở tự tận dã. **Tăng-tử** viết: « **sinh**, sự chi dĩ lễ, tử, táng chi dĩ lễ, tế chi dĩ lễ, khả vị **hiếu** hĩ. **Chư-hầu** chi lễ, ngô vị chi học dã, **Tuy nhiên**, ngô **thường** vấn chi hĩ, tam niên chi tang, tư sơ chi phục, chiên chúc chi thực, tự **thiên-tử** đạt ư thứ-nhân. Tam đại cộng chi. »

Dịch-Nghĩa. — **Nhiên-Hữu** đi sang nước **Châu** hỏi thầy **Manh**. Thầy **Manh** nói: « **Thế-tử** cho đi hỏi thế chẳng cũng phải đấy ư! Việc tang cha mẹ con người ta vẫn phải tự mình hết lòng đấy. Thầy **Tăng-tử** có nói rằng: « **Lúc** cha mẹ còn sống, thì nuôi dưỡng cho phải lễ, khi chết thì chôn cất cho phải lễ, tế đấy cho phải lễ, khả **hiếu** là **hiếu** vậy. » **Tang** lễ ở các nước **chư-hầu** phần nhiều **khuyết-liệt**, ta chưa học được cho tường. **Tuy vậy**, ta cũng từng nghe được đại-lược: **Người** con cội tang cha mẹ ba năm, mặc những áo vải to vén gấu, ăn những đồ hồ cháo, tự vua **thiên-tử** cho đến kẻ thứ-nhân, **Hạ**, **Thương**, **Châu** ba đời đều thông hành lễ ấy cả. »

Chú-giải. — **Châu** = Quê thầy **Manh**. **Tư** = Vén gấu. **Sơ** = Vải to, Áo chớ thường may bằng thứ vải to, vén gấu gọi là áo tư-thôi. **Sở** gấu gọi là áo **trầm-thôi**. **Chiên-chúc** = Hồ cháo. **Thứ-nhân** = Tức là kẻ dân thường.

所。祭。之。至。先。魯。皆。年。然。
受。從。不。於。君。先。不。之。友。
之。先。可。子。亦。君。喪。反。
也。祖。且。之。莫。莫。曰。父。命。
白。志。身。之。之。吾。兄。定。
吾。而。行。行。宗。百。爲。
有。喪。反。也。吾。國。官。三。

Dịch-âm. — **Nhiên-Hữu** phân mệnh, định vị tam niên chi tang: phụ huynh bách quan đại bất dục, viết: « **Ngô** **tôn-quốc** **Lỗ** **tiên-quân** **mạc** chi hành, ngô

tiên-quân diệp mạc chi hành dã ; chí
ư tử chí thân nhi phần chi, bất khả.
Thả chí viết : « Tang lễ tông tiên tổ. »
viết ngô hữu sở thụ chi dã. »

DỊCH-NGHĨA. — Nhiên Hữu đem lời
thầy Mạnh về báo thế-tử, thế-tử chuẩn-
định làm lễ tang ba năm. Phụ-huynh
trong họ và bách-quan đều không
thuận, mà nói rằng : « Đấng tiên-quân
nước Lỗ là tông-quốc ta chẳng ai làm lễ
ấy, đấng tiên-quân nước Đổng ta cũng
chẳng ai làm lễ ấy, đến đời người mà
làm trái di thì không nên. Vả sách Lễ-
chỉ có nói rằng : « Việc tang việc tế theo
đấng tổ-tiên. » Là ý nói rằng : những
điều lễ ấy ta có thừa - thụ tự trước
truyền lại vậy. »

Chú-giải. — Tông-quốc = Nước Đổng với nước
Lỗ cùng là dòng-dối nhà Châu, tổ nước Lỗ là
Châu-công là ngành trưởng, cho nên nước
Đổng gọi nước Lỗ là tông-quốc.

上矣。哀。面。求。復。不。試。謂。
之。君。先。深。者。之。能。劍。然。
風。子。之。墨。也。鄒。問。盡。今。友。
必。之。也。卽。孔。於。也。曰。
僂。德。上。位。子。大。父。吾。
是。風。有。而。曰。子。事。兄。他。
在。也。好。哭。君。孟。子。百。日。
世。小。者。百。聽。曰。我。官。未。
子。人。下。官。於。然。問。我。嘗。
之。德。有。司。家。不。孟。足。學。
草。甚。莫。寧。可。子。也。好。問。
也。焉。敢。歡。以。然。恐。馳。
草。者。不。粥。他。友。其。馬。

Dịch Âm. — Vị Nhiên Hữu viết : « Ngô
hà nhậi vi thương học vấn, hiểu trí mã,
hí kiến ; kim dã phụ-huynh bách-quan
bất ngã túc dã, khứng kỳ bất năng lạn
ư đại sự, tử vi ngã vấn Mạnh-tử. » Nhiên
Hữu phục chí Châu vấn Mạnh-tử. Mạnh-
tử viết : « Nhiên, bất khả dĩ tha cầu giả
dã. Khổng-tử viết : « Quân hoăng, thính

ư Chung-tề, xuyết chúc, diện thám mạc,
tức vị nhi khốc, bách-quan hữu-tư mạc
cảm bất ai, tiên chi dã, thượng hữu hiểu
giải, hạ tất hữu thậm yên giả hĩ ; quân-
tử chi đức phong dã, tiểu-nhân chi đức
thảo dã, thảo thượng chí phong tất yên
thị tại thế-tự. »

DỊCH-NGHĨA. Thế-tử báo Nhiên-Hữu
rằng : « Ta ngày thường chưa từng học
vấn, thích quần ngựa đấu gươm, nên
ngày nay phụ-huynh bách-quan chẳng
thỏa lòng tin ta, ta sợ rằng chẳng hay
hết lòng làm được việc lớn là việc tông-
chung này, người vì ta lại đi hỏi thầy
Mạnh. » Nhiên-Hữu lại đi sang nước
Châu hỏi thầy Mạnh. Thầy Mạnh nói :
« Phải, họ không tin là phải. Nhưng
việc tông-chung không nên trách
người vậy. Ông Khổng-tử có nói rằng :
« Khi vua mất, việc nước phải nghe
theo mệnh-lệnh ở quan Chung-tề, thế-
tử cư tang, húp cháo, sắc mặt sạm đen,
tự-vị mà khóc, bách-quan và các chức-
tư chẳng ai là chẳng thương xót, vì
người trên đã hết lòng thương mà
xương lên trước vậy. Người trên mà
có hiểu thượng điều gì, người dưới tất
lại càng hiểu-thượng hơn vậy. Cái đức-
hóa của người trên như gió, cái đức
của người dưới như cỏ, cái gió dè lên
trên làn cỏ thì cỏ tất dập theo. » Sự ấy
ở lòng thế-tử. »

Chú-giải. — Chung-tề người trưởng trong
hàng bách-quan, tức là tề-tướng. Xuyết = Húp
uống. Vị = Cái vị chỗ tang-thứ. Hữu-tư = Các
chức nhỏ. Thượng = Dè lên trên. Yên = dập
xuống.

Tiết này là nói người trên hay tốt lễ mà
làm thì kẻ dưới phải theo, để khuyến khích
cứ việc hối lòng mà làm tang-sự cho hợp lễ.

之。顏。葬。可。命。五。曰。然。
哀。色。四。謂。戒。月。然。友。
弔。之。方。曰。百。居。是。反。
者。戚。來。知。官。廬。誠。命。
大。哭。觀。及。族。未。在。世。
悅。泣。之。至。人。有。我。子。

Dịch âm. — *Nhiên Hữu phản mệnh. Thế-tử viết : Nhiên, thị thành tại ngã. » Ngũ nguyệt cư lư, vị hữu mệnh giới, bách-quan tộc-nhân khả vị viết tri. Cấp chỉ táng-tử phương lai quan chi, nhân sắc chỉ thích, khốc khắp chỉ ai, điều giả đại duyệt.*

Dịch nghĩa. — Nhiên Hữu lại đem lời thầy Mạnh về bảo thế-tử. Thế-tử rằng : « Lời thầy bảo thật là phải, sự này là cốt tại ta. » Thế-tử năm tháng ra ở nhà ý-lư, không nói đến việc nước, chưa có mệnh-lệnh giáo-giới gì cả ; bách-quan

và người trong họ khen thế-tử rằng biết lẽ. Kịp đến lúc đem chôn. Bốn phương lại xem, thấy thế-tử nhan-sắc lo buồn, khốc-lóc thương xót ; kẻ điếu-tang ai nấy đều thỏa lòng.

Chú-giả. — *Lư* : Cỗ-lễ khi vua Chư-hầu mất năm tháng rồi mới chôn, khi ấy có làm một cái nhà gọi là nhà ý-lư để quần-thần ở ngoài cửa trung-môn. *Mệnh-giới* : Lời mệnh-lệnh của vua truyền ra răn bảo.

(Còn nữa)

ĐÔNG CHÂU DỊCH

QUẢ DƯA ĐỔ (1)

PHIÊU-LƯU-TIÊU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chương Hội Khai-Tri Tiến-Đức năm 1925)

IV

IX — Tìm được thức ăn

An-Tiêm cầm lấy thanh gươm tháo cái giỏ quẩn ở cây gươm ra rồi ướm vào cái chuỗi mới đeo mà nói :

— Luỡi gươm này tra vào cái chuỗi này vừa vặn, lại được cái gỗ này cũng quý, đề hôm nào có than sẽ cắm vào, ta tự ngấm một cái tiêu-xảo nhỏ nhỏ như thế này, mà biết được cái tiền thân của mình, đã đành có mình, mà cũng có trời, mình không chỉ làm, không có tài làm, thì trời cũng không dựng mình lên được ; nhưng mình có chỉ làm đó, có tài làm đó, mà trời không giúp, tức là cái tức-phúc mình không có, thì mình cũng chẳng làm gì nên. Xem như ông Sào-Phủ ẩn ở núi Cơ-sơn, vua Nghiêu thân đến mời, mà nhường ngôi cho, thế là có trời đó, nhưng ông không có chỉ làm, nên ông

không ra, thì trời cũng phải chịu, ông ấy là người trốn đời chán thế, thì không kể. Lại xem như ông Lã Công-Vọng ngồi câu ở bến Vị-thủy, mà những phép lục-thao tam-lược đã gồm đủ cả trong lòng, thế là ông có chỉ làm, có tài làm đó, nhưng vì vua Văn-vương không chịu đem xa-luân đến rước ông, thì cái tài bá-vương-chi-phụ của ông sẽ thi-thố vào đâu ? Cho nên ta biết những ông hào-kiệt có danh, tức là những ông có tài có chỉ mà lại có trời, chứ ta không biết những ông hào-kiệt vô -danh, tức là những ông có tài có chỉ mà không có trời đó, những ông này lại đáng tiếc thay ! Trãi xem thánh-triết hiền-hào từ xưa nay, đều không ngoài cái khuôn phép của hóa - công xoay vần mà tạo - thành nên cả, chứ có ai mà tự mình chuyển - di hẳn cái cuộc đời

(1) Xem N-P. từ số 103. — Bộ tiêu-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

theo như ý riêng mới sáng-nghĩ của mình được đâu, dù đến ngay như hóa-công cũng không theo ý riêng mới sáng-lập của mình được. Tạo-hóa tuy lập ra vũ-trụ, nhưng từ khi âm-khai dương-tịch, thiên-tạo địa-thiết đã thành cục đi rồi, phạm việc gì tạo-hóa cũng phải theo cái luật-lý tự-nhiên mà toàn-chuyên, chứ có việc nào vô lý vô-luật, thốt-nhiên ngạc-nhiên bao giờ. Ấy tôi sở-dĩ tin ở trời là chắc rằng hễ tiên-thân mình có, thì cái tài cái chí mình mới thành, mà phú-quí tức là cái giải thưởng của tài chí đã thành-tựu đó, chứ không hề luyện-tài tập-chí mà chỉ ngong-ngóng chờ trời đem phú-quí lại cho, thì sao cho được, mà vì may ra ngẫu-nhiên mà được thì phỏng có thú gì. Lại vì ngay như cái chuôi gươm này, mình muốn tìm và biết đến đó, nhưng chưa gặp được cây gổ quý này thì đã làm được đâu?

An-Tiêm nói đến đấy, lại giờ cái cây gươm lên ngấm một lúc mà rằng:

— Cái cây không nên cầm chặt quá, còn muốn dễ làm cái dùi, khi dùng thì tháo ra cho dễ. Phạm phạm việc gì cũng phải tùy nơi tùy lúc, sao cho tiện-lợi mà quyền vẫn ở mình. Ở đây người hiểm của kiếm, ta phải nghĩ cho một việc mà đôi ba tiện mới được.

An-Tiêm đang nói, trông ra thấy bóng nắng sáng lờ ngoài cửa hang, vội chạy ra trông trời, thì cơn-cờ mây-mưa mọi ngày đã kéo sạch đi đâu mất cả, vầng thái-dương lơ-lơ giữa trời, dương-khí chiếu ra khắp thế-giới. cỏ hoa muốn vật ẩm-áp sồn-sồn, hao nhiêu cái hàn-khí tức-sái buồn-rầu đều tiêu-tán hết. An-Tiêm lại trở vào trong hang bảo vợ rằng:

— Hôm nay thật hết mưa rồi, trời đang hửng nắng, mà cái vết thương của hiền-thế đã kín miệng sắp khô, vậy u con ở nhà phơi-phóng quần-áo lương-thực, để tôi ra bãi xem có cách

gì tìm kiếm được những thồ-sản ở đây không.

Nói rồi vào góc hang, cởi quần áo, đóng một cái khoé đi ra. Nàng Ba thấy chồng vốn là một vị hồ-thần đường-đường cửa vương-triều, mà bây giờ phải lấm-than tiêu-tụy đến thế này, nàng sầm nét mặt xuống, ngán đi đàng khác mà không nở tưởng.

An-Tiêm nói:

— Ý hiền-thế thương tôi vất-và mà không nở trông có phải không? thương là nệ mà nghĩ lại là sai người, ta ở trong vũ-trụ chẳng khác chi một giọt nước trong bể thương-hải, một mây bụi trong cõi thái-hư, có thấm vào đâu, thân còn chả thấm vào đâu nữa là những cái dễ cung-phụng cho thân thì hèn-mạt còn có ra gì. Tuy-nhiên, cái thân thì nhỏ thế, những nhờ cái tâm nó quán-thông được cả thiên-địa, cảm-cách được thân-mình, thời lại là to, trời sinh ra người mà người làm nên trời, là nhờ có thế, người ta sở-dĩ biết sống làm người là quý, cũng chỉ có thế. Thượng-đế sở-dĩ tin yêu người ta hơn các loài vật, cũng chỉ có thế, mình làm việc chân-chính, cao đầy khả-dĩ đối với trời đất, u-mình khả-dĩ đối với quỷ-thần, thì thế này là mình hành cái chí của mình, sao lại là vất-và, nếu mình làm việc tà-tịch, không biết có trời-đất quỷ-thần là gì, cam-tâm đồng-loại với các con cầm-thú, thì càng ngọc vàng găm vào quần vào mình bao nhiêu, đến cao gác rộng che cho thân bao nhiêu, càng thêm bôi nhọ bôi nhọ cho cảnh huy-hoa sán-lạn tự-nhiên của vũ-trụ này bấy nhiêu, chứ có ích gì cho vũ-trụ?

Nói xong liền cầm gươm đi.

Nàng Ba thì cho hai con ra cửa hang ngồi chơi, rồi nàng đem bánh và quần áo ra phơi, quét dọn than tro, ở rác trong hang cho sạch, xong lại đưa hai con ra bờ bãi gần đấy, mẹ con tắm gội

cho nhau. Khi trở về lại dụ Quế-nương lên lưng mà giắt Mai - Lâm đi theo, tho-thần ra chỗ bờ bụi gần cửa hang, dứt lấy cổ khô lá khô cùng bề lấy cành con phơi ra làm củi, kiếm được khá mới ôm về cửa hang; thấy con đói, toan đi đốt lửa nướng bánh cho con ăn, nhưng lại sợ nhớ ra có một thanh gươm thì chồng đã mang ra bãi không lấy gì mà đánh đá được, phải cho con ăn bánh khô cho đỡ đói, ba mẹ con ngồi chơi với nhau ở chỗ khuất bóng nắng ngoài cửa hang để đợi chồng về. Mai-Lâm ôm cổ mẹ, ghé vào tai, thổ-thề hồi rằng:

— U ơi, bao giờ về nhà ta?

Nàng Ba vỗ vào lưng con mà rằng:

— Vua bắt phải ở đây, bao giờ thấy u làm được giàu có, có cửa nhà ruộng-nương ở đây thì mới được về.

— Thế bà có ra chơi không?

— Không, ở đây xa lắm, bà không ra được.

Nàng Ba vốn ôm tấm lòng thương mẹ nhớ quê, nghe con hỏi đến, càng thêm: *Ruột tâm chín khúc rối bời, ngắm câu trúc Di trông vơi dăm dăm.* Bấy giờ nàng ngồi tựa lưng vào hòn đá cửa hang ôm Quế-nương lên lòng mà ruối thẳng chân ra một cách đau-dớn nặng-nề vì hôm ở mảnh lên còn đi bằng hai chiếc hài vải, mà nàng thêu lấy ở nhà, đến tối hôm nằm trên đôi, lúng-túng với con, đánh rơi đầu không biết, từ đấy đến nay, phải đi chân không, hai bàn chân từ thuở bé đến giờ chỉ quen ra bấn vào hài, nên lòng bàn chân thì dầy và phẳng, da bàn chân lại mỏng, đi lên đá lên sỏi hay mầm cỏ nó đâm vào buốt như dùi đâm, phải nhắm mắt lại, có lúc giở nước mắt ra mà không dám nói, sợ làm rầy-rà cho chồng thêm nhớ; lắm lúc nàng nghĩ đến khi ở nhà, có dịp đi qua thôn-dã, gặp những người đàn bà con gái nhà quê, có khi lại là người nặng bụng

nữ, vai gánh nặng, chân rần-rời, chạy son-son, lên đèo xuống giốc, đang lúc nắng chang-chang, mồ-hối đầm đìa, hay là khi họ đang gánh nặng mà rón rén qua một cái cầu nổi bằng cây tre trên cái ngói ngoài đồng vắng, vừa đi cầu vừa dùng-dinh, qua cầu rồi lại lội lóp ngóp giữa quãng đường vớ, vầy sắn khỏi đầu gối, vừa rét vừa mưa, khi đó mình ngồi trên đầu voi hay là trên yên ngựa, thấy bọn mã hồng chốn dân-gian phải lấm-than cơ-cực mà sụt-sùi thương hại cho chị em, đến bây giờ mình lại phải qua cái bước lấm-than cơ-cực gặp mấy mươi người ta, cái chân non-nớt mềm yếu này, lại còn bị đau-dớn là đường nào, hồi-tưởng đến cái tài-lực của chị em bạn gái chốn quê-mùa mà lại thêm, bởi vì hồ sinh ra phận phụ-nữ ở nơi man-dã, nếu không xương đồng da sắt, chân cứng đá mềm, thì sao gánh nổi cái gánh giang-sơn cho chồng con, mà mong lập nên cái nền gia-đạo. Nếu bây giờ lại gặp chị em ở đây, thì chị em lại phải thương-hại mình, thế thời đàn bà con gái ơn nhờ cha chồng mà được cái cảnh lên xe xuống ngựa mặc lòng, tự mình phải đối khi làm việc nặng, đi đường vất, cho cún-cáp chân tay để phòng khi cơ-nhỡ mà đủ sức theo đuổi với cái truân-chiến, chớ như mình đi chân không, không quen mà đau khổ sở thế này có thắm-thiết không! Ấy nàng vẫn nghĩ-ngợi một mình như thế. Bấy giờ ruối hai chân ra thì hai bàn chân đã sứt-sở nhiều chỗ, hai mu bàn chân còn tím-hợp sừng mà hai cái gót bồ câu vẫn đỏ chon-chót, một tay ôm con bé, một tay vỗ-về eo lớn, hai mắt thì trông trừng-trừng về mẹ tây-bắc, kể mọi ngày mà nàng trông như thế, tuy vẫn là trông vẫn trông vợ, nhưng trên khoảng không còn được rằm bảy đám mây hoặc xanh đỏ đen trắng vàng, khi tụ khi bay, để mà mơ-tưởng đến chỗ khóm huyền nhà bắc, dăm tứ cõi phần cho khuấy chát nhớ

thương; đến như cái cảnh hôm nay, trời nắng gió im, trên không quang-dãng, tuyết không còn tí vân mây nào qua lại, sắc trời với sắc bề xanh ngắt một màu lẫn với nhau, không phân-biệt đâu là trên dưới nữa, càng trông càng không biết lấy gì làm khiến - muộn - mạch sầu không khỏi chan-chứa tuôn sa, nặng sức nhớ đến cái câu chồng dặn « hễ khi rồi-dãi, hay lúc tình-tự vô-liên, nên giở ra cuộc làm thơ cho khuây-khỏa ». Nàng tự nghĩ rằng nay đang khi chờ mong cố-quốc, thương xót từ-thân, một mình ngồi với hai con bé, phu-quân thì chưa về, ta nên nghĩ một đôi câu giải chut u-hoài, đến khi phu-quân ta về, ta đọc cho phu-quân ta nghe cho vui-vẻ tấm lòng dầu sương dãi nắng, chán lăm tay bần, để đi tìm kiếm miếng ăn về nuôi vợ nuôi con, mà chàng sở dĩ từ hôm ngộ-biến đến nay, thường khuyên ta làm thơ là ý chàng muốn cho ta biết quên những cái lo phiền mà cùng nhau quyết-chiến với cái tai nạn, chàng thương ta, chiều ý ta, ta lại không biết báo đáp lại thì sao cho phải đạo làm vợ mà việc chàng không phải là việc ta sao? Một cái thuyền nan bị gó tấp ra bề khơi, lênh-dênh giao-lạc, người trong thuyền hết sức kê tát nước, người bơi chèo, họa may mới mong vào bờ. Nếu người này dun cho người nọ, thì bất-miền cùng nhau mà chết. Nhưng lúc này đang lúc người buồn cả h-vắng, không có cái gì xức-củm, lay dấn mà ngu-tình, nàng bèn trông quanh trông quăn, tìm xem có cái gì nhà ấu-tu, bỗng trên núi sau hang nòi tiền, ào-ào, nặng nặng đầu trông lên thấy hai ba cái lá vai g con eo bay ở núi ra qua đầu, nàng trông theo thì những cái lá ấy bay phấp-phới ra ngoài bờ bể, nàng nói một mình rằng :

— Ấy, trận gió đông-phong rung cây thổi lá, thơ của ta đây rồi, hôm nọ vợ

chồng ta đứng đây, đang khi nhớ nước thấy mây bay về nước, thì ta làm thơ nhẩn mây đem tin, hôm nay mẹ con ta ở đây đang khi nhớ mẹ già, thấy gió thổi về quê nhà, thì ta làm thơ mượn gió đưa tờ. Gió đưa dù gió chẳng đưa, sự ấy đã đành rồi, nhưng có thơ mà chẳng có tờ thì là giả tả, đã giả-tả thì còn có cảm-tình gì !

Nàng vừa lầm-bầm nói rồi bèn đặt Quế - nương xuống để ngồi với anh nó mà ra tìm lấy một cái lá để viết thư. Nhưng ở đây tiêu-diệu đến khi ông có cái lá gì khá to, tìm mãi mới được cái lá đó bằng hai ngón tay, cầm vào, ngồi xuống đá với con, nàng lại nghĩ rằng « máu chảy ruột mềm », máu ta là của mẹ ta, nay ta viết tờ cho mẹ, chỉ bằng viết máu.

Nàng bèn cầm chiếc lá quay mặt đi đang khác, không cho con biết, nghiêng răng cắn đầu ngón tay trở bên tả một cái giạt thịt ra, máu chảy dòng dòng xuống đất, nàng nhặt lấy cái đầu cỏ chấm vào máu mà viết vào cái lá ấy hai chữ « Từ thơ », viết xong mới lấy rễ buộc đầu ngón tay lại, rồi cầm chiếc lá đi ra trước ăng cỏ mà đứng khấn, khấn dứt lời, vừa gặp cơn gió san núi đưa ra, Nàng Ba tung chiếc lá lên gió lốc cuốn lấy, xoay tít cái lá như là chong-chóng, đưa lên cao rồi lại đưa xuống thấp, mà dập-diu đưa ra mãi ngoài bờ bể xa xa, dường như trời cũng chiều lòng nhận lấy lá tờ mà đem đi vậy; hai đứa con cũng trông theo chiếc lá mà cười. Nàng Ba lại bước trở vào nôi với con mà nghĩ-nợ, thì An-liêm ở mồm đá bên cạnh cũng bước ngay về, tay bỏ cái bọc đi xuống đám đất cỏ đánh xoảng một cái mà rằng :

— U con xem cái lá bay hay lắm rồi, gió thổi vạt-vờ, lá bay tít-lấp, cũng là một cái cảnh lạc-quan, tôi đứng nấp mồm đá xem ra u con đều vui lắm.

— Mẹ con ngồi mong phu-quân nhân động lòng nhớ đến gia-từ, muốn vịnh vài lời mà không biết lấy gì làm thi-liệu, bèn bẻ chiếc lá viết hai chữ « từ thọ » nhờ gió đưa về, rồi ngồi đang chờ ngấm một câu đây.

— Viết bằng gì ?

— Viết bằng máu đầu ngón tay này.

Vừa nói vừa giơ ngón tay trở ra.

— Tay đứt ruột xót, thư đầu chưa về, mà cái khổ-tâm đã thấu đến trên cao xanh. Thơ nghĩ xong chưa ? đọc cho xem nào.

Nàng Ba đọc :

*Cần tay bẻ lá viết lời,
Lá xanh máu đỏ viết rồi ngồi trông.
Lạy trời cho cả gió đông,
Tay cầm chiếc lá vừa tung vừa nhìn.
Gió bay chiếc lá ngã nghiêng,
Lạy trời trời thổi tới miền Phong-châu.*

An-Tiêm nghe thơ rồi gật đầu mà rằng :

— Diệu-cảnh diệu-thi, chân-tình chân-ngữ, tôi bây giờ cũng đang lòng thơ-phơi-phới, như ngọn lửa mới bốc lên, không tài nào dập xuống được nữa, tôi cũng tục-vận một bài.

Nói xong, dứt một nắm cỏ đem cọ vào cái văng đá phẳng-phiu trên cửa hang mà rằng :

— Hôm nọ tôi còn hẹn làm một bài đề cửa hang, tiến đây tôi đề, hiền-thế coi xem.

Chàng bèn cần đầu ngón tay bên hữu lấy máu giở xuống đá, cầm cành cây tằm xuống máu nói rằng :

— Thơ của ta là thơ bằng máu cá, nay lại viết bằng máu, thế mới đủ tả một khối thâm-tình.

Nói xong trên vách đá đã đỏ lỏ đỏ loét một bài sáu câu thơ rồi. Nàng Ba trông xem thấy thơ như sau này :

*Cần tay lau đá viết lời
Đá niêm máu thấm mặt trời soi cao
Bề trời đôi ngã tiêu-hao,
Ba trông về nước mà vào trông thơ,*

Còn hang nét chữ còn tro.

Mà người viết máu bây giờ là đây.

Lúc ấy trời nắng chang-chang, Nàng Ba đưa hai con vào ngồi nép một bên cửa hang cho rợp để trông ra, thấy chàng đang xé soạn-soát một cái vạt áo lụa già trắng của vợ mà nàng giặt phơi ở cái bụi gần đấy, cầm vào giải xuống đá mà nói lên rằng :

— Còn máu để làm gì ?

Rồi lại viết. Nàng Ba tay ôm con, mắt nhìn xem chồng viết được chữ nào đọc lấy chữ ấy. Lúc ấy máu đã đọng mà đầu que kéo nhanh phẩn-phất, nét chữ cứng như danh như sắt một cách đẹp tự-nhiên, viết được bốn câu rằng :

*Cần tay xé áo viết lời,
Trăm năm lụa nát máu thời không
khó.*

*Mặc dầu nắng dãi sương mù,
Gió àoanh thổi sớm trăng gó soi
khuya.*

Viết xong An-Tiêm trở vào mảnh lụa mà rằng :

— Một bài gửi về, một bài để động, còn một bài này cất vào trong hang, để lưu về sau.

— Hai bài của phu-quân, từ thâm hơn là của tiện-thiếp.

— Cũng nhờ có cái vạt đầu từ sẵn mà tôi mới thêm được hai bài nữa, thành ra ba bài cũng vạt đầu mà khác ý, giống với thể thơ Trung-quốc, ta gọi là « khiết chỉ tam chương », nghĩa là ba bài cần tay.

Nói rồi ngấm cả ba bài lại một lượt, lại nói :

— Những lúc cao-hứng mà làm được những bài thế này, tôi lấy làm đắc-ý lắm, bao nhiêu cái u-trung biểu-lộ ra lời thơ hết cả, trong mình bằng-khuáng nhẹ-nhôm, quên cả thân-thể, quên cả cảnh-huống, không còn cái gì vui-thù bằng.

Hai vợ chồng mừng vui quên cả thì-giờ chạy qua, hai con ngồi mỗi, gục cả vào lòng mẹ mà ngủ. An-Tiêm bấy giờ mới trông lên, thấy mặt trời đã xế, mới ra giở một cái dùm bỏ ngoài bãi cỏ cửa hang lúc mới về, thì là một cái rọ hẹp chàng mới chế bằng những cành xú mà đan thành ra, trong thuần một thứ những con sò. An-Tiêm nói:

— Cái vật này vừa ngon vừa bổ, ăn sống ăn nướng được cả, bắt nó chỉ bởi cát ra thì thấy, nhưng nó là một thứ dễ tìm, tôi muốn để dành khi nào hết thức ăn sẽ dùng đến, vì nghĩ rằng người ta mà không làm nên cứu-viễn được, bởi có tính hay lười, thấy cái gì dễ kiếm, thì chỉ rờn vào đấy mà thôi, song trời sinh có hạn mà nhật-dụng vô-cùng, khi cái dễ tìm đã hết, thì không có cách gì tìm lấy cái khác để thế vào, cho nên không biết lo xa tất có ngày họa đến, nay chừng cuối xuân sang hè, mà tôm he còn nổi lờ-lờ trên mặt nước, thì ta chế lấy những cái vỏ nho-nhỏ mà cất, và làm vài cái vọt mà chao, thì tất được tôm he để ăn. Có mấy cái bao đựng bánh bằng vải thưa, ta đem ra làm vỏ và làm vọt.

— Có mấy cái bao ấy để làm chần làm chiếu, sau này quần áo rách, để quần vào người với nhau.

— Thế lấy gì mà làm vỏ làm vọt được?

— Ta lấy những cây bông cây cối, phơi héo đi, tước bỏ ra mà tết làm vỏ cũng được chứ gì.

— Thế được đấy, hiền-thề nói có lẽ lắm, làm thế không những ta có vỏ tôm mà lại có cả lưới cá nữa. Cái việc tát bể đông, ta đã có gầu rồi.

Nàng Ba thấy chồng nói động đến bài thơ « xem nước bể đồ g » hôm nọ, tủm-tủm mà rằng:

— Cũng phải tùy cơ ứng biến, chứ làm thế nào. Bây giờ ta đi làm bữa đã, mai sẽ tìm đồ bện vỏ đan vọt để cất tôm.

Đến tối mai, hai vợ chồng làm được năm cái vỏ con và hai cái vọt, đem ra bãi bể vừa cất vừa chao, thì mẻ nào cũng được một vài con tôm he, tôm đão, từ đó hai vợ chồng cứ buổi sáng thì tước dây bện vỏ, chiều đến thì ra bờ bãi che một cái vòm, giải ô cho hai con ngồi chơi và ngủ, lại đốt một đồng giấm trước vòm, rồi hai vợ chồng lần mò cất vỏ cả đêm, được tôm ăn không hết thì phơi khô để dành.

X — Tìm được mạch nước ngọt

Vợ chồng con cái An-Tiêm ở hoang-đảo mới hơn một tháng, khỏi cái ách mưa lũ, đến cái nguy đại-hạn, kỳ này nắng chang-chang, các vũng đá cạn hết cả nước mưa đọng, hôm nào An-Tiêm cũng phải lên cái núi đá có vũng nước mà hóm ở bên Sứ mới vào, đã bị trượt chân sa lầy tuyết chết, bây giờ lại phải lên thấp áo đem nước xuống, hôm nào bận việc thì phải nhai mầm lau cho đỡ khát. An-Tiêm lo lắm, một hôm đi vào trong núi đá sau hang chợt trông lên có một cái vệt cây cỏ từ đỉnh dốc ở chân hai cái núi đá giáp nhau mà đi khuất-khuất xuống đến bờ bể, thành một cái khe bằng cây cỏ, coi như con rắn xanh bò ở trên cao xuống vậy. An-Tiêm lấy làm nghi, bèn vội-vàng đi đến chỗ bờ bể theo cái vệt cây cỏ mà lần lên cho đến đầu dốc chỗ chân núi, giẫm đến đầu cũng thấy đất mềm và có nước dính nhơm-nhớp, chàng mừng lắm, biết là cái mạch nước rỉ ở gần khe hai cái núi ấy mà thấm ra đến bãi, vì nước có ít không đủ xung-khích được đất đi để chảy thành suối, chỉ đủ thấm nhuần cho một vệt cỏ cây tươi tốt hơn ngoài mà thôi. Chàng bèn lấy gươm moi đất ở chỗ gần hai bên khe núi ra, moi ra độ một sọt đất, thì nước róc-rách chảy ra ba bốn chỗ như mạch lươn, chàng lấy cái lá quần lại mà mút để nếm xem, thì nước ngọt lắm, chàng mừng quá, hù cả người lên, lầm-nhầm một mình rằng:

—Thật là Thượng-đế không nỡ tuyệt ta, ta dốc tin ở ngài, thật không đến uổng công, bởi vì Thượng-đế không có đánh lừa kẻ đã tận-thành tận-tin với ngài bao giờ. Cái phúc-phần tiền-thần của ta đây rồi!

Nói thế rồi chạy tất-lả về hang, đưa vợ con ra xem, chàng trở vào cho vợ biết, rồi cho hai con đứng ra một bên, chống thi phạt cây cỏ đi rồi qui xuống đào đất, vợ thì ôm cây cỏ và nhặt đất vớt ra, hai vợ chồng huy-huých đào trũng xuống thành một cái chuôm con độ bằng cái nia, để chứa nước, nước chảy ra hết đầy cái chuôm ấy mới ràn xuống khe, đào xong, nước chảy ra chóng lắm, hai vợ chồng uống rồi cùng ngồi xung-tụng công-đức Thượng-đế.

An-liêm nói :

— Tạo-hóa lập nên vũ-trụ, sinh ra vạn-vật, chỗ nào lúc nào cũng đã tiềm-lăng kỳ-trù cho đủ cả những cái dễ mà tư-sinh; nhưng cái kho vô-tận hay để vào nơi kín-đào, vạn-vật phải có công tìm tòi mới thấy được; người ta là con trưởng yêu-qui của đức Thượng-đế nên ngài càng ủy-nhiệm cho phải đem trí-lực của thiên-phú ra mà tìm tòi mới thấy được những cái kho bí-tàng kia để tham-tán (1) lấy những việc kinh-doanh trong bờ cõi, cùng mở rộng được cái kho tàng vô-tận ấy ra bao nhiêu, thì lại càng tăng-tiến cái phúc-trạch cho cuộc nhân-sinh, mà Thượng-đế càng quyền-ai bấy nhiêu; cho nên những đầu tư-biêng, phóng-khi cả thiên-chức, tiêu-ma cả lương-năng, bỏ cả những kho bí-tàng vô-tận của kỳ-phần mà không biết tìm tòi mới thấy được, cam chịu khổ-cùng, trước còn tự dè sẻn cả cái sinh-cơ, rồi hèn yếu dần đi, đến tẽ-diệt cả tộc-loại, đó là con bất-hiểu của Thượng-đế mà oán rằng «trời không thương», chứ kỳ-thực

của đời chân-vạn, mà Thượng-đế là đáng chí-công chí-nhan đối với loài người đều như từ-mẫu đối với con, có đâu là phong sắc khinh trọng gì hơn đâu. Cho nên tôi vẫn chắc rằng một cái cảnh sắc đẹp để tốt lành như cái cù-lao này, có phải tạo-hóa vô-tình mà sáng-tạo ra đâu, không phải là một bức tranh sơn-thủy của anh thợ vẽ lấy những vẽ kỹ-tu cho sướng con mắt, mà tự-trung chả có chút vật-hoa thiên-bảo gì, tôi chắc đây là một cơ-nghiệp sẵn sàng có cả tài-sản của cha mẹ để đợi một đứa con về ở, chứ không phải là một bức tranh để chơi vậy. Nay ta đến đây, ta thì tay không mà đây thì chân-hoang, thế mà ta đã tìm được thức ăn, tìm được thức uống, thời là ta đã thừa-nhận cái cơ-nghiệp của kỳ-phần ta mà ta đã bước đến trước cửa cái kho bí-tàng vô-tận ở đây rồi đó, còn sẵn tay mà mở toang cái cánh cửa kho ra, để sửa-sang tu-tạo lấy cơ-dồ của mình ở đây, tưởng cũng không bao lâu nữa, cái vận-mệnh của ta về trước đến đây là cùng, mà cái vận-mệnh của ta về sau cũng từ đây này là đầu, thì cái suối nước trong lành từ-thời bất-tuyệt này tức là cái dây tục-mệnh của hai phần đời ta đó, bởi vì ở chỗ hải-đảo này, không lo gì thức ăn, mà chỉ lo về nước uống, có tìm được một cái mạch nước từ-thời bất-tuyệt như cái mạch này thì cái sinh-lộ của một nhà ta mới có bậc mà bước lên; nay được như thế, là ta đã đủ mà sống với nhau rồi đó, còn có lo gì.

— Thượng-đế vốn lòng hiếu-sinh mà lang-quản thật là độc một lòng tin cậy ở ngài, thiếp tôi nhi-nữ, tuy vốn sẵn lòng tin-ngưỡng, nhưng dạ hèn trí quẩn, cái tin-lực còn non-nớt, nên những khi gặp tai-ách gớm-ghe, lòng cầu khẩn Thượng-đế thì vẫn cầu khẩn, mà lòng lo sợ thì vẫn lo sợ; lâu nay

(1) Tham tán 參贊 = Dự mưu giúp lược.

nương tựa vào cái tin-lực của lang-quân trong dạ đã thấy hơi vững-vững.

— Cái cảnh-huống lạ đời thế này, nếu không có cái tin-lực nhất-dinh thì ai là ông phải nã lòng; còn cái lo là sự tất có ở đời, mà cái sống liền với cái lo, ông Lão-tử nói rằng: « Ta sở dĩ có cái lo lớn là vì ta có cái thân », có cái thân nên phải có cái dưỡng-thân, phải có cái quây-quần giúp-dỡ với cái thân, vì thế mới thành ra có sản-nghiệp, thân-ái gia-bang, thành ra cái cuộc thông-công dịch-sự với nhau, đều là những việc mưu-sinh tất-yếu cho cái thân mình cả; muốn cho cái việc nhu-yếu ấy hằng được nảy-nở sinh-sôi cho cái thân mình cùng những cái thân khác cũng như thân mình mà cùng chung cuộc hưu-thích với nhau được hã-hê sung-sướng, thì mình hằng phải mang lấy cái lo ngay-ngay bên lòng, lo càng to càng xa thì cái cuộc chất-trị (1) càng tiến lên, mà nhân-sinh càng được thỏa lòng kỳ- vọng. Đó là ở trong bang-vực, ở lúc bình-thường, mà còn không khỏi mang cái lo như thế, huống là nhất-dân con người trong một nhà bị bỏ lên nơi tuyết-xử này, trước mặt thuận là cái khổ cái chết, không còn có một tí gì đủ sống với nhau cho qua đời, thì ai mà không phải kinh hồn mất vía, lo sợ hãi-hùng, thế mà ta không đến nỗi rối chí, là nhờ cái sức tự-tin nó giúp cho mình vững dạ mà kháng-cự với cái hiểm-nghèo. Nay ta đã có mạch nước này, thì cái lo dài-dao của ta ở đây đã khoan được một phần rồi đó, ta muốn làm người hay làm vật, công-nghiệp ta muốn lâu hay chóng, cũng chưa biết chừng, nhưng thế nào vũ-tru này cũng không tiêu-diệt được hết hẳn tâm-hơi hình-ảnh của ta đi được rồi đó, ta phải cùng nhau gắng sức lên mà hành cái

chí của ta, còn cái giếng nước này từ nay trở đi, trừ khi có nước mưa đọng, hay là khi đã có đồ kín nước đựng nước ở cửa hang rồi thì ta cứ mỗi ngày đưa nia ra ra dẩy mà uống nước, tuy có đi xa ra mất một quãng đường ngắn, cũng là sự tiêu-dao mà luyện cân-cốt hằng ngày.

Nói rồi vợ chồng hôn-hở đưa con về hang.

XI - Lên núi làm lễ cáo-dễ

An-Tiêm tìm được mạch nước ngọt, mới chắc có cơ sống, mừng lắm, sáng mai dậy sớm, làm bữa cho vợ con ăn, con thì còn ăn một phần bánh hai phần tôm, vợ chồng thì chỉ ăn độc một thứ tôm trừ bữa mà thôi, ăn xong An-Tiêm nói :

— Hôm nay đã yên các công việc, ta đưa nhau lên chơi trên đồi.

Lên đến đây đi thăm sửa hành-lý, đun tôm gói bánh, đất đá đeo gươm, lại đi lễ mới thêm một cái áo ướt, rồi An-Tiêm cũng Mai-Lâm, Nàng-Bà đi Quế-nương, sặc sếch đưa nhau lên đỉnh đồi, đến nơi cho hai con ngồi xuống, rồi vợ chồng đứng xem phong-cảnh, thật à :

Bốn bề sóng vỗ như non,

Đào thần một quả rập-rờn như phao.

mà bốn người đứng trên đỉnh chớp cái phao đất lớn-lao ấy bằng đường cũng theo mà đưa lên đưa xuống ở giữa cõi phù-không vậy. Thoạt tiên trông xuống xem hình thế cái bản-đảo thì cũng không thấy có cái gì khác với khi ở dưới chân đồi, đã xem xét khắp một vòng và không những không có cái gì khác lại thấy nhỏ kém đi, mà trông ra ngoài bốn mặt đảo, lại càng thấy hồng-lông, bát ngát, nhất là ba mặt đông nam bắc, gợn sóng liền với cuồn trời, không còn

(1) Chất-trị 郭治 = Rất bình-yên thịnh-vượng, cũng như chữ chí-trị.

có đầu là góc là bờ. Cái cảnh-tượng nước mây trời bề mênh-mông biến-hiện ở cửa Đại-nha, ngày nọ đã lấy làm kỳ-quan, mà so với cảnh đứng trên đỉnh cù-lao giữa Đông-minh này, lại chưa thấm vào đâu.

An-Tiêm nói :

— Có lên đỉnh núi Tản-viên mới biết trời là cao, có ra đến Đông minh mới biết đất là rộng, đất trời cao rộng, vũ-trụ lâu dài, cảnh-tượng biến-ảo vô-cùng, người ta sinh ra ở đời, so với đất trời vũ-trụ, chẳng khác như cái phù-du trên bãi bể, sáng mới sinh ra, chiều đã chết xác ra rồi, thân-phận rất mờ nhỏ, tuổi tác rất ngắn-ngủi là dường nào, mình cũng như những bạn ở đời kia, thế mà mình được tiêu-dao khắp trong vũ-trụ, xem qua mọi việc đại-biến, cái tâm-thần hình như muốn bay bổng lên mà hòa-hợp với cái khí minh-thông, tưởng đến chúng bạn một đời chui rúc vào trong cái chuồng người chật hẹp, đem cái chi hèn khôn vật ăn quanh lẩn quẩn bà con, trẻ rồi già, già rồi chết, mơ-màng mờ-mịt cũng như cái đời của thảo-mộc côn-trùng, ăn hai của trời mà không ích gì cho vũ-trụ, làm cái kiếp con người mà dớn hèn tùy nhục như thế, nghĩ cũng nên thương !

Nói đến đây, An-Tiêm bèn ngấm lên rằng :

*Lâu nay ta ở bên trời,
Nghe trời thịn-thở việc ngoài trần-gian.*

*Của trời tiền gạo chứa-chan,
Việc trời đất lở trời nghiêng bời-bời.*

Ngấm rồi trông xuống đám núi đá mé bắc chân đồi, thì bởi lên cao, nên trông càng thấy rõ-ràng ra từng ngọn, hai vợ chồng đếm được hơn một trăm quả lớn nhỏ.

An-Tiêm nói :

— Đương khi khí trời thanh-lãng, bóng nắng sáng choang, chiếu dội vào dãy núi đá vùng bên đông ta ở kia, quang-cảnh càng thêm rực-rỡ, những

vẻ phong-loan đảo-dữ, cùng với sắc vân-yên hoa-thảo cùng phiêu-diêu lung-linh, chỗ thì y như rèm châu cửa ngọc, chỗ thì chẳng khác gác tía lầu son, thật là một cõi thần-tiên thế giới xa đất gần trời vậy ; tôi nghe nói ngoài bề đông là chốn thần-tiên tụ-hội, như bề đông quả có thần-tiên mà không tụ-hội ở đây, còn ở đâu nữa.

Nàng Ba nói :

— Thiếp thuở nhỏ hay thích xem những truyện thần-tiên, thấy nói ngoài Đông-hải có một cái đảo gọi là Quỳnh-viên, có tiên-ông trú-cư ở đó, hoặc giả Quỳnh-viên là đây chăng ?

Bấy giờ hai vợ chồng đều mỗi chân cùng ngồi xuống với con. An-Tiêm hỏi :

— Truyện ấy ở đâu ?

— Nước ta vốn là nước miên-duệ rồng tiên, nên có nhiều truyện thần-tiên hay lắm. Đảo Quỳnh-viên chép trong truyện bà Tiên-Dung với ông Trử đồng-tử, hai ông bà thành tiên phi-dăng được là nhờ có tiên-thuật của tiên-chủ ở đảo Quỳnh-viên ngoài Đôn-hải này. Ở người là người trần mà bỗng kết nên một cuộc lứa hương trên thượng-giới, hai ông bà họ Trử có quả phúc tự mấy mươi đời, nay ta tuy không chắc đây là đảo Quỳnh-viên, song cũng một vùng đông-hải, nhờ đến câu truyện « trảng-sinh giai-lão » mà bất-giác động lòng kim tích, tôi muốn nghĩ vài câu hoài-cổ để trợ thêm cái cao-hứng trong cuộc dâng-lâm này.

— Thế còn nói gì, hiền-thê nghĩ xong chưa, đọc cho nghe nào ?

Nàng Ba đọc :

*Có công ra tận bề đông,
Vườn Quỳnh dâu dấy tiên-ông chốn nào ?*

*Đành lòng bội đức cù-lao,
Trăm tiên một tận ào ào cho xong.
Trần-ai cho thoát khỏi vòng,
Nhân-gian để truyện kỳ-phùng về sau*

An-Tiêm nói :

— Truyện hai ông bà họ Trữ tương ngộ, tôi có nghe qua, mà chưa được tường, nên cái điệu-xử trong bài thơ này, tôi chưa lĩnh-lược được hết.

— Ở Đa-trạch bây giờ vẫn có đền thờ hai ông bà, thiếp ngày còn nhỏ đã được theo gia - từ về bể một lần, chỗ đền thờ tên là « Nhất - đa trạch » ở về bộ Dương-tuyền, tức là chỗ phi-thăng đó. Nguyên đức bà Tiên-Dung là con gái vua Hùng-vương đệ-tứ-thế, bà tuổi vừa đôi tám, sắc nước hương-trời mà tính-nguyên « bất-giã », chỉ thích đi du-hành khắp thiên-hạ, mỗi năm cứ đến tháng hai, tháng ba, cưỡi mình ra chơi ngoài bể lan-man mãi mới về; một ngày thuyền đỗ cửa sông Xích-dăng, bà lên bãi cát chơi, trông thấy cái bãi cát trắng tinh sạch-sẽ, bèn sai thị-nữ quây mừng lên chỗ có mấy cây lau, để bà tắm gội, khi đang tắm, nước rơi xuống, cát trôi đi, trơ ra một tên đồng-tử nằm trần trong cát, bà kinh-ngạc thét hỏi căn-do, đồng-tử thưa : « Hạ-thần họ Trữ, cha là Kinh-Huyền, ở làng bên sông nọ, mẹ chết sớm, bất-hạnh nhà bị hỏa-tai, chỉ còn một cái khố vải, cha con đóng chung nhau, khi tiện-phụ bệnh nặng sắp chết, di-chức để cái khố lại cho con, song kẻ hạ-thần không dám vâng-lời, từ đó phải chịu ở trần, ngày ra bờ sông này câu cá và xin ăn của các thuyền buôn qua lại, vừa rồi thấy thuyền đến mà tàn vàng tán tía, trông giống chiêng hời, hạ-thần khiếp sợ, chạy không kịp, phải bơi cát vùi mình xuống đây, xin ngài tha tội. » Ai hay một lời thật-thà chí-hiếu của một tên đồng-tử cô-cùng như thế mà lại cảm-dộng ngay tấm lòng cao-khiết của một vị vương-cơ, bà liền nghĩ thầm trong bụng rằng : « Minh, chỉ đã rấp ra ngoài đào - chủ, mà lộn vòng phụ phụ cho cam, ai ngờ trời chẳng cho làm, quyết đem cái sợi tơ

tinh nọ mà giam lấy cái bóng hòa đào, thời có chán không ! Thời, nghiệp-duyên ấy đã không trốn được, thì tên đồng-tử này há lại không bởi tự trời run-rủi đến sao ! » Bèn truyền cho tắm gội, mặc quần áo mà đưa xuống thuyền, mở tiệc ca-quần vui-vầy, rồi cho đồng-tử họ Trữ được chung cuộc nguồn ân bể ái trăm năm. Bấy giờ có một người tụng-giã chạy về tâu vua, vua giận con mượn tiếng ngao-du, buông tình lang-bộc, thế không trông mặt nữa, bà biết tin không dám về, vợ chồng ở lại cái bãi cát ấy, lập nên cửa nhà phở xá, mở một cái chợ cho thương-khách bán buôn, lâu rồi người ngoại-quốc cũng đến mậu-dịch mà gọi bãi ấy là Trữ-gia-loan, gọi làng ông là Trữ-gia-hương, ít lâu nữa có người thương-khách đưa ông Trữ ra núi Quỳnh-viên giữa Đông-hải, học phép tiên, lúc đắc-đạo về, tiên-ông tặng cho một cái gậy và một cái nón, ông về lại truyền phép cho bà Tiên-Dung, từ đó hai ông bà thường đi du-quan các nơi danh-thắng, nhờ tối giữa đường thì cầm cái gậy xuống đất che cái nón lên, thì hóa ra đủ các cung-thất ti-bộc hần-hoi. Sau vua Hùng-vương đệ-tứ-thế nghe nói chỗ Trữ-gia-loan, nghiễm-nhiên đủ cơ-dồ một nước, ngài giận con gái đem lòng phản-loạn, thân đem binh đến đánh, dân ở Trữ-gia-loan xin ra kháng cự, bà Tiên-Dung thống-khốc can dân mà rằng : « Ta bất-cốc phụ mẫu mà tự kết lấy thiên-duyên, ta chịu tru lục là phải, đâu ta dám đối-dịch với cha. » Đêm hôm ấy binh nhà vua sắp tiến vào đánh, thì bỗng nổi cơn gió bão, bao nhiêu thành thị nhân-dân vói hai ông bà Tiên-Dung đều bay lên trời, mà chỗ ấy thụt xuống thành một cái trâm lớn, người ta gọi là « Nhất-da-trạch » và lập đền thờ.

— Thế thì cái ý thơ hay lắm, biểu trưng tình thâm tha học cổ-nhân mà cùng nhau thoát cõi hồng-trần cho xong. Tuy-nhiên, hai ông bà Tiên-Dung đã bởi

duyên trời, thì chúng mình há không phải là mệnh Thượng-đế hay sao? Ở đời ai hay trá h. khỏi lò đại-dã, thần-tiên thánh-tri cũng trong một cuộc chuần-vần, thần tiên thì cầu thoát khỏi trần-hoàn, mà thánh tri thì mong m. mang vũ-trụ. một d. độ được một mình, một d. độ được cả vạn-thế, bên thanh bên phúc, bên nào hơn. Ôi, cõi trần-tục kia đã không phải là chốn trong sạch thơm tho đáng nên mê m. gì, mà cái cuộc vũ-trụ n. cũng không phải là chỗ dư-d. địa, thượng-đế lập ra mà bỏ hoài, ta đã đời mệnh trời xuống thế, ta nên có cái chí-khí thanh-cao của thần - tiên, mong bay bổng ra ngoài đám tham-t. ô-t. của trần-tục, mà ta lại phải có cái tâm-sự của thánh-tri mong m. mang sự - vật mà b. trợ cho c. khôn, thì cái thần-hồn mới không chìm-d. mà vẫn được sống lâu với vũ-trụ, ghi công xét phúc, Thượng-đế ngài hằng chiếu-l. mà học thánh câu tiên, tùy cái quả tu của người ta chọn lấy; đó là bản rộng về cái đạo lập-thân trong trời đất phải hoàn-toàn như thế mà thơ của hiền-th. thì lại chính là tả ra cái ý ấy đó mình hiểu nặng tình thâm chả khác chi c. nhân, mà muốn cùng siêu-việt lên-c. cõi thượng-phương như c. nhân thì nào có được cái gánh vũ-trụ còn đeo-d. đến bao giờ, thật là cao mà không đến hư đạt mà không đến khoảng một khối tâm-t. đáng khóc mà đáng cười.

Nói chuyện thơ xong, hai vợ chồng lại đứng lên trông về mé trời tây, thấy suốt từ tây-nam đến đông-bắc, tuyết-nhiên không còn có một cánh bướm nào thấp-thoảng l. mờ của thuyền khách vắng-lai, ở cùng tâm con mắt cho biết đó là gần bờ, chỉ thấy trên làn sóng xa xa một sợi chỉ trắng thẳng d. trên sợi chỉ thì khí trời nghi-ng. ph. phát m. trong chỗ khí trời một

vài ngọn núi màu xanh nhợt hầu lẫn với da trời. An-Tiêm nói :

— Cái vệt nhấp-nh. chân trời tây-bắc kia, há không phải là những ngọn núi của quê hương ta mà bấy lâu ở đây ta vẫn ngóng tr. ng. nhìn-nhận đó dư, há không phải là những khí thiêng-liêng của trời đất đã chung-đ. nên, đột-ng. đứng giữa trời mà làm tiêu-chi cho một nước đại-bang T. Việt ta đó dư, những ngọn núi chênh-v. giữa trời kia, chứa chất bao nhiêu bảo-tàng, bao nhiêu tinh-hoa của c. khôn, mà cung-cấp bao nhiêu sản-v. gi. dẫn bao nhiêu thần-thánh, làm giàu thịnh v. cho nước nhà mà chính những tên là T. viên Tam-đ. là Non-đ. Rừng-ngang đó dư; chính t. tông của ta đây cũng là nhờ cái t. khí ở những chỗ ấy mới phát-d. nên người. Tuy vậy non sông có linh-t. cũng phải nhờ người mới tăng-quang cũng như ông cha có triệu-t. cũng phải nhờ con cháu mới tr. tồn, chúng ta đây nào có vô-t. gì với núi non, mà núi non tưởng cũng chả ghét bỏ gì chúng ta đây mà vì đâu tấm lòng cảnh-ng. non sông đất nước, bỗng tuôn làm giọt lệ oán-m. mà x. b. bên trời; từ khi ta xa cách ra đây đêm ngày lúc nào mà không nhớ trông về chỗ non sông ấy. Ng. rằng lên càng cao trông càng tỏ gọi là người chút nhớ mong, biết đâu lên càng cao trông càng xa đi mà nỗi nhớ niềm thương càng thêm qu. quai. Ôi,

Bấy lâu ta ở bên trời

Lòng riêng vẫn nhớ sự đời bên kia.

Nhớ con chim quốc đêm hè,

Non sông hiu quạnh ai nghe mà gào.

Nhưng mà thôi, càng trông càng nhớ, càng nhớ càng đau ta đã nặng lời thề thốt với non sông kia, mà cái công cuộc ta sẽ gây dựng nên ở đây há có vì ai, nay Thượng-đ. đã đưa dẫn đến cho ta có cái cơ sinh-l. thì lo

gì không có cái ngày trùng-bộ với giang-sơn. Vậy ta đặt tên cho cái đồi này là núi Vọng, để mỗi khi lên mà kỷ-đạo Thượng-đế và trông ngóng về chốn gia-hương.

Choi mãi đến chiều hôm, vợ chồng nín đi dứt cổ khô làm bữa, ngọn khói bốc lên, vợ chồng An-Tiêm làm lễ khấn nguyện Thượng-đế, rồi An-Tiêm nói :

— Ngọn khói này là ngọn khói lần thứ hai, ta cáo với Thượng-đế rằng : ta đến thừa-nhận cái sản-nghiệp xa-xôi của tôn-quốc, mà Thượng-đế đã ủy-nhiệm cho ta phải đem huyết-hãn mà mở-mang ra ; lần thứ nhất và ngày thứ nhất là khi ta mới đến lưng đồi mà quan-sát được một phần, lần thứ hai này cách

lần thứ nhất cũng không xa gì mấy, mà ta đã qua-sát hết toàn-cục, đã bước tới cửa kho bi-tàng, đã đạt tới tuyệt-đỉnh cái đảo này, thế thì cái công-cán khai-thác ở đây, ta không dám để một lúc nào trễ-nãi, từ đây về sau, kinh-lý đến đâu, được những việc gì, ta lại cáo với Thượng-đế đến đây, mà cái lần cáo-quyết thành-công về cuối cùng sẽ có thể tính ngày mà đợi được.

Hôm ấy mãi xem cảnh bề trời không-khoát, lần-quần đến tối mới về đến hang.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VĂN - UYÊN

VĂN THƠ CỔ

Phan Dụ-am tiên-sinh văn-tập

Cụ Phan Dụ-am tên húy là Huy Ích 鄒益, người làng Thụy-khuê tổng Lát-sải phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-ây. Cụ đỗ tiến-sĩ năm ất vị đời Lê-mạt, làm quan triều Tây-sơn đến chức Lễ-bộ Thượng-thư kiêm hương-nhạc-hình-ty, Thụy-nham hầu. Cụ là thân-sinh ra ông Phan Huy-Chú 潘輝注 làm ra bộ Lịch-triều hiến-chương.

Cụ sở-trường về văn quốc-âm, mà xưa nay không mấy người biết. Mới rồi tôi có tiếp thư ông Phan Huy-Chiêm cũng là con cháu về họ Phan nói rằng cứ tra trong Phan-gia-tộc phả cùng lời các phụ-lão trong họ Phan truyền lại, thì bài « Chinh-phụ ngâm 征婦吟 » bằng hán-văn là của ông Hạng Trần-Côn người làng Nhân-mục làm ra, mà cụ Phan Huy-Ích dịch ra văn nôm, hiện nhà họ Phan còn giữ được bản chính, vừa chữ vừa nôm ; mà khi cũ dịch xong bài

« Chinh-phụ ngâm » có làm bài thơ ngẫu-thuật bằng chữ nôm rằng :

仁睦先生征婦吟。

Nhân-mục tiên-sinh Chinh-phụ ngâm,

高情逸調播詞林。

Cao tình dật điệu bá từ-lâm.

近來膾炙相傳誦。

Cận lai khoái chá tương truyền tụng.

多有推敲爲演音。

Đa hữu thời sao vi diễn âm

韻律曷窮文脉粹。

Vận luật hạt cùng văn mạch tủy,

篇章須向樂聲尋。

Thiên chương 'u hướng nhạc thanh
[lâm]

閑中翻譯成新曲。

Nhàn trung phiên dịch thành tân-
[khúc]

自信推明作者心。

Tự tín suy minh tác-giả tâm.

Bài thơ trên này hiện còn chép ở trong bộ Dự-âm ngâm-lục đại-ý nói rằng: « Ông Trần-Côn người Nhân-mục làm ra bài « Chinh-phụ-ngâm » bằng chữ nho, từ-điều cao-kỳ đã truyền-bá ở chốn từ-lâm, ai cũng truyền tụng lấy làm khoái - chá lắm, đã có người thối sao diễn ra ca nô, nhưng theo về âm luật thì dịch sao cho hết được cái tinh-lý trong mạch văn, vậy phải theo thiên-chương và hiệp với âm-nhạc mà diễn ra mới được. Nay nhân buổi nhân đã dịch ra thành khúc mới, chắc tin rằng suy minh được bụng của tác-giả. » Xem như bài thơ trên đó truyền lại, thì đủ chứng rằng « Chinh-phụ-ngâm-khúc » bấy lâu nay ta vẫn truyền là bà Thị-Điền diễn nói, dễ thường không phải, mà chính là của cụ Phan Huy - Ích diễn ra đó chăng? Nếu quả thật thế, thì ta nên chính-định lại. Trong thư ông Huy-Chiêm lại nói rằng: Bài « Nhân-nguyệt vấn đáp » mà các hàng sách xuất-bản đó, xưa nay chưa biết dịch là ai làm, nhưng xét trong gia phả thì là ông Phan Huy-Thực 潘 輝 澍 soạn ra hãy còn bản chính, so với phường-bản có nhiều chỗ sai. Và bài « Ti-bà-hành » diễn nói, mà ở đảo vẫn hát, ta vẫn truyền là của ông Nguyễn Công-Trứ, thì cũng là ông Huy-Thực diễn ra. Ông Huy-Thực là ai? cũng là con thứ hai cụ Phan Huy-Ích. Ông làm đến Lễ-bộ-thượng-thư đời vua Minh-mệnh. Xem thế thì nhất-gia phụ-tử đều sở-trường về quốc - văn, mà nghe nói trong bộ Dự-âm ngâm-lục cả thấy 13 quyền, chính là một tập văn thơ của cụ Huy-Ích truyền lại, còn có đến vài ba mươi bài thơ phú và văn tế, văn hịch, toàn bằng quốc-âm cả. Ước mong ông Huy-Chiêm sẽ lai-cảo lục-đăng dần, để giữ lấy một nền văn cổ, và làm khảo-chứng cho sử-văn-học nước nhà về sau này. Nay hãy xin đăng-lục một vài bài như sau.

ĐÔNG-CHÂU cần-chỉ

1. — Tiễn quan Trấn-thủ về triều

Xôn-xao xe ngựa vội triều Kinh,
Kê vọng-trần thêm nặng gánh tình.
Chuông rượu ngập-ngừng cơn hội-tiến,
Gửi thơ e-ấp nẻo qui-trình.
Tầng mây xa ngóng tòa Thai sáng,
Bên gác lần nghe tiếng Đầu canh.
Dành tiệc xum vầy non nước cũ,
Cam nguyên hương lửa vẹn ba sinh.

2. — Nhớ quan Trấn-thủ di đẹp giặc

Dậm liễu giọng xe cách cõi bờ,
Bồi-hồi án sách mãi ngong chờ.
Mây tuôn dinh thâm đưa hồn mộng,
Nguyệt rõ hiên không gọi ý thơ.
Chín bề dằng lờ dù khép mở,
Bốn phương trông bóng cũng nương.
Trời cao miền bắc tòa sao phúc, [nhờ.
Ngọn bút nào xa dưới ngọn cờ.

3. — Mừng quan Trấn-thủ về dinh mới

Mấy thu cờ sù ý việc nam-hành,
Sửa cõi vừa xong lại sửa doanh.
Khắp về giang-san phò thức gấm,
Theo nền cung-khố dượng đồ tranh.
Bóng dương ơn rộng mây lồng tán,
Ấn ngọc ngăm khuya nguyệt dải mảnh.
Khuôn chính mực công lâu vẹn mãi,
Phương trời thêm vững mặt trăng-
[thành.

4. — Bài văn tế các tướng-sĩ trận - vong

Than ôi !

Mây nam ngắt mấy trùng non nước,
trông bờ cõi hằng nhớ lối chinh-hành ;
gió đông vẫy muôn khóm cỏ hoa, đổi
ngày tháng lại tiếc người lao lụy.

Kiếp nam - nhi vẹn nghĩa ấy nên
đanh, đạo sir-súy suy tình mà đặt lễ.

Ái cấ :

Cá nước phải duyên, cung tên là
chí.

Tự ta dọi chín lần sống thác, lệnh
cửa viên nổi tiếng trống ngọn cờ ;
cùng nhau vãng muôn dặm ruổi giông,
đoàn áo giáp trải chân rừng mặt bể.

Ôm chữ trung thì xương thịt cũng
liều, gánh việc võ dẫu chông gai xá kè.

Nanh vuốt trước sáu quán hăm-hở,
khí dậy quê nhà, khí sang đất khách.
lần tới buổi nương xe chỉ bắc, từng
dãi sỏi dập nóng chốn gian-nan ; đồng
viết trong trăm trận pha-phối, kẻ giàn
đồn bộ, kẻ chống buồm tàu, đều chăm
niềm rửa bắc bình tây, những trải gió
tầm mưa phen tiến-chí.

Theo nhung-hàng ra sức đã giầy ;
giữ chiến-pháp lấy mình làm nhẹ.

Ngậm-ngùi lúc tên bay đạn lạc, ngàn
cỏ xanh đây-đấy năm chinh-phu ; bấn-
khoăn cơn gió lộng sóng khơi, đây
nước biếc ù-ù hồn dũng-sĩ.

Phận cần-lao đà cam dạ tử-tuy ; lệ
huân-thưởng chẳng đợi ngày âm-chí.

Tưởng sự thế-gian dường mộng,
tiếng trung-tần thơm-tho thế ấy, đầu
u-minh nào có thiệt anh-hùng ; cảm
tình bộ-khúc là thân, nổi truy-tùy cay
đắng bấy lâu, từng tru-hoạn bỗng
chẳng chia phú-quí.

Tiếng khánh triển đã lọt thấu ngự-
thần ; hồi nhạc vịnh lại sịch riêng màn
súy.

Mai gặp hội ghi son tạc sắt, nhuần
ơn trên mưa móc cũng dồi-dào ; nghĩ
đoái người xông tuyết pha sương,
quần hẩu cũ nước mây thường vắng-
về.

Tồn-tuất cho nhờ có diên-thường ;
khao-thưởng đều thỏa chường phận-nghị.

Rầy nhàn :

Gặp tiết xuân-hoa, bày diên hoàng-
thủy.

Linh-phách nơi nao cũng tỏ, cử-sinh-
bình vị-thứ đề khuyến mồi ; thiện-căn
sau nọ còn dài, nguyện tái-thế công-
danh cho vẹn về.

VĂN THƠ MỚI

Chí-linh phong-cảnh

Tiêu-ân lâm viên tam kính tại,

樵隱林園三徑在。

Thân-phutung-tích nhất hoằng thâm.

炭夫蹤迹一泓深。

Ân-cần ký ngữ đình tham giả,

慇懃寄語停嗟者。

Minh-nguyệt thanh-phong vô cổ kim.

明月清風無古今。

Diễn nôm

Nhà ông Tiên-ân mây phong,

Lái than còn dấu nước trong đôi bờ.

Âi về nhân bảo khách thơ,

Trăng trong gió mát bấy giờ khác chi.

Sông Lục-dầu hoài-cổ

Sáu dầu sông nước mệnh-mang,
Bình-than có bến, Vạn-an có vườn.

Vắng người vắng cả giang-sơn,
Cỏ lan vườn nọ, sóng rờn bến kia.

Nhớ ai nhớ nẻo đi về,

Hoa vườn nước bến nân-ni với ai.

Đỏ xanh ngọn sóng (1) giữa trời,

Ào-ào gió cuốn có người nào đầu,

Lạnh-lùng bát-ngát hơi đầu,

Chim hóm xào-xạc gọi nhau về ngàn.

Cảnh-tình chan-chứa chưa chan,

Tiếng chuông Không-lộ bên giang
mấy hồi.

Thầy đồ cò

(Hát nói)

Phủ Nam-sách có thầy đồ cò, khéo
như ngậy như ngô cũng nực cười
Người là người ở buổi kim-thời, mà
tính-khí chơi-bời càng cò-lỗ. Duy Đồng-

(1) Nước sông Lục-dầu một nửa xanh một nửa đỏ.

triều chi cổ-sát, 惟東潮之古刹。
 dĩ Chi-linh chi bát cổ, 與至靈之
 八古. nước non nhà phong-khí cũ
 những tề-mê, thu-thập vãi dấu cổ buổi
 Trần Lê, miêu-tả mấy bức cổ-thi cổ-họa.
 Đồ cổ thật, thật là đồ cổ-giả, rở men mới,
 rở men mờ da dẻ để mà chơi. Thốn-
 tâm thiên-cổ ai ơi!

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Đêm nằm không ngủ

Lòng này ai dễ biết cho ta,
 Bối-rối canh khuya nước vơi nhà.
 Thức nhắp ra vào hồn cổ-quốc,
 Tỉnh say quên nhớ bạn tề-gia.
 Đau lòng con đỏ càng dan-diu,
 Sốt ruột dân đen những xót-xa.
 Tối mãi chừng đây rồi cũng sáng,
 Lo sao báo-đáp nghĩa vua cha.

Từ con đi giang-hồ

Con ơi, con phải biết cho cha,
 Ân-ái nào ai chẳng thể mà.
 Cũng muốn đình-vi vui chúng trẻ,
 Dở đem thân-thể hẹn trời già.
 Năm châu ngõ-ngác con cùng mẹ,
 Bốn bề thôn-xao chủ vắng nhà.
 Chốc nữa non sông xoay vận thái,
 Một nhà xum họp bố con ta.

NGUYỄN MỘNG-LÝ

Đưa bạn về quê

Cuối cảnh đông hầu sang cảnh xuân,
 Sông Hà (1) sao bỗng hóa sông Tần.
 Mỗi sầu xẻ nửa ta cùng bạn,
 Nửa lại nhà lan nửa dặm phần.

Bơi thuyền hồ Đông

Rẽ mây tìm hỏi lối Đào-nguyên,
 Đứng-đình hồ Đông thả lá thuyền.

Thuyền chẳng cứ đi sao trở lại ?
 Nghĩ mình đâu đã hết trần-duyên.

Chiều hôm nhớ nhà

Chiều chiều lại nhớ đến chiều chiều
 Ra ngắm trời chiều cảnh hắt hiu.
 Nào dám mây bay về cổ-quận,
 Xin cho ta gửi mộng-hồn theo.

Viếng mộ tiên - nhân

Lẽ là tảo-mộ tiết thanh-minh,
 Trước mả tiên-nhân tổ tể thành.
 Muốn hỏi trăm năm câu chuyện cũ,
 Sè-sè nấm đất ngọn rêu xanh.

Ngồi thuyền giữa biển bị giông cản

Một lá thuyền con giữa biển khơi,
 Bọt bèo mặt nước kiếp con người.
 Sóng dồn gió đập lênh-dềnh lắm,
 Vỡ được bè từ đã mấy ai !

Bố tây-phục về quốc-phục

Đương giấc mơ-màng sức tỉnh ra,
 Trông gương dầy-dạn mặt mày ta.
 Ấy là cháu Lạc là con Việt,
 Mà cũng giầy tây cũng nón da.
 Âu-phục văn-minh mang lối giả,
 Sĩ-phong nền-nếp thẹn con nhà.
 Từ đây chỉnh-chệch lên khăn áo,
 Cái phết nhà nho thật thướt-tha !

Canh năm dạo cảnh

Dạo bước đêm tàn cảnh vắng tanh,
 Non đoài ngậm nguyệt bóng chênh-
 Đầu làng eo-óc gà kêu sáng, [chênh.
 Cuối xóm lẳng-xẳng chó xủa canh.
 Hồn mộng còn mê người giấc điệp,
 Sãi chiến khua tỉnh tiếng chuông kinh.
 Bà con ta hãy kêu nhau thức,
 Thức dậy mà lo cuộc cạnh-tranh.

(1) Sông Hà là sông Hà-tiên

Thầy giáo tự cười mình

Nên hư sống thác mặc dầu bay,
 Miễn có tiền lương bỏ túi đầy.
 Hai chữ dầu bài chưa dạy được,
 Ba mươi cuối tháng tới rồi đây.
 Pháp-phòng trong khiếp oai ông Đốc,
 Ngất-ngưỡng ngoài lên bộ mặt thầy.
 Câu hát « Bắc cầu » ai nhớ nữa,
 Lòng thầy lo sợ nổi sau này !

Đốt làm thơ

Hay chữ làm thơ đốt cũng thơ,
 Làm thơ mà đốt mới tầm-phơ.
 Hán-văn mới vỡ lòng *chi, giả*,
 Quốc-ngữ vừa quen miệng *á, ơ*.
 Tung vụn chạy quanh không mượn
 được,

Thất-niêm chữa mãi chẳng xong cho.
 Bảy giờ viết bút ngồi ra nghĩ,
 Văn-tự mà sao mặc thế ư !

Phú-đắc :

*Em em mà bỏ xuống gành,
 Kéo neo mà chạy sao đành anh ơi !*

Gành khơi bỏ thiếp với lui thoàn,
 Lái trở buồm giương nỡ bấy chàng !
 Đau nỗi biệt-ly người dưới bãi,
 Cam lòng đen-bạc khách trên khoang.
 Khỗi sầu lấp biển ghe chưa cạn,
 Giọt thấm tuôn mưa nước đã tràn.
 Duyên ấy tình này đâu có phụ,
 Sao đành chẳng nghĩ nghĩa tao-khang.

Vịnh hai bà Trưng

Anh-hùng trong khuê-các.
 Nước Nam có hai bà.
 Bụng em như bụng chị,
 Thù nước với thù nhà.
 Gan óc dền vũ-trụ,
 Phấn son dôi san-hả.
 Nghìn thu trắng Lãng-bạc,
 Guơng tiết-liệt không lừa.

Đêm mưa nhớ bạn

Đêm nay là cái đêm gì ?
 Năm canh gió giạt bốn bề mây giăng.
 Trông lên đâu mất chị Hằng,
 Giọt mau giọt nặng mưa dầm tàu tiêu.
 Tình riêng nhớ ít thương nhiều...

**Trông trăng nhớ bạn
(Điệu Nga-mi-dương)**

Mảnh trăng tà,
 Đạo dưới hoa.
 Trông bóng thiềm lòng lại thiết-tha,
 Tưởng đến người tri-kỷ tình xa.
 Hương đào bát-ngát,
 Cảnh trúc la-dà.
 Bức tranh ly-biệt mây giăng trước,
 Mỗi mắt quan-hà dạ xót-xa.
 Đạo dưới hoa,
 Mảnh trăng tà...

Đông-Hồ (Hà-tiên)

Khẩn đến Hùng

Đem tấc tâm thành tới tận nơi,
 Cúc-cung xin khẩn một đôi lời :
 Dân hai mươi triệu còn ngầy đại,
 Nước bốn nghìn năm đã dôi dòi.
 Thừa trước tổ-tông riêng đất cỗi,
 Ngày nay con cháu hồ tôi ngơ.
 Chứng-minh kia có mười phương
 Phật,

Muôn lay linh-tiền lượng xét soi.

Một đêm hè nóng

So với đêm đêm đã nóng nhiều,
 Đêm nay còn nóng đến bao nhiêu ?
 Vầng trăng khắp đất thung-thăng dóm,
 Ngóng gió trông trời thăm-đạm sao !
 Cây cối lờ-mờ cảnh chữu nặng,
 Nước non tịch-mịch cảnh buồn teo.
 Láng giềng ai thức nghe chẳng đấy ?
 Cái cuộc năm canh khắc-khoải kêu.

**Ngắm cảnh buổi sáng sớm
mùa đông**

Mới hay cơ Tạo khéo vần xoay,
 Đêm mãi giờ ra đã rạng ngày.
 Sáng quắc nước non vàng một ánh,
 Phá toang sương tuyết ánh năm mây.
 Tan canh trống rỗng ồn nơi nọ,
 Diêm sớm chuông vang khắp cõi này.
 Tỉnh giấc muốn dân đà thỏa chưa ?
 Thái-bình phong-cảnh hẳn từ đây.

Vịnh bà Nguyễn Thị-Kim

Lạc bước xe loan dạ thiết-tha,
 Gánh sầu riêng nặng quăng đường xa.
 Khuất thân lưu-lạc tôi vì chùa,
 Thương nỗi lênh-dênh nước với nhà.
 Đứng ngóng đầu non khi xốt liễu,
 Lay qui trước điện lúc liễu hoa.
 Trời Nam chói-lọi gương trung-liệt,
 Sử-sách muôn thu nức tiếng bà.

Năm đêm tương-tư

Đỉnh Giáp non Vu mộng khó thành,
 Lửa lòng như cháy suốt năm canh.
 Ngọn đèn án sách hao vì khách,
 Chiếc bóng phòng thơ quẩn với mình.
 Phảng-phất đồ-quyên hồn Thục-đế,
 Mơ-màng hồ-diệp xác Trang-sinh.
 Thánh sầu cao ngất muôn nghìn trượng,
 Thêm nặng cho ai một gánh tình.

NGUYỄN HỮU-CHIỀU

Đạo chơi non nước

Non nước ham vui gác sự đời,
 Thanh-nhân cảnh thú cũng Bồng-lai.
 Đỉnh non cao vót ngồi yên lặng,
 Dòng nước xa mù bước thanh-thời.
 Xòe cánh chim con theo mẹ nhảy,
 Giương vây cá mẹ dắt con bơi.
 Bức tranh sơn-thủy riêng ai đó?
 Hay để anh-hùng rộng bước chơi?

PHẠM XUÂN-HÒA

Thong-thả chi bằng dạo bước ra,
 Gần vui nhân-trí, ngại phồn-hoa?
 Trời xanh nước biếc thênh-thênh rộng,
 Mây gấm non vàng thăm-thăm xa.
 Núi gọi bày ô về lối-rải,
 Gió đưa cành trúc lắc la-dà.
 Hóa-công khen khéo tài gậy dựng,
 Nước Nhược non Bồng lại có ta.

TRẦN CHỈ-HIỆU

Xem hát chèo

Thừa-nhân đi đến rạp xem chèo
 Vui vậy thì vui vẫn nhạt phèo.

Tục-ngữ tam vài câu lêu-lão,
 Thời-trang pha lẫn tiếng o-eo,
 Công-danh có phần liền lên mặt,
 Khoa-cử không son cũng giệt lèo.
 Ví thử mặt này bởi nhỏ được,
 Cũng tàn, cũng lọng, cũng gươm hèo!

Muối

Cây thần ý thể lúc đêm hè,
 Bé tí-tí mà cũng gớm ghê.
 Quấy kể mơ-màng trong giấc mộng,
 Rủ nhau luôn-lỗi chốn buồn the.
 Ai quen thuộc đó mà toan xỏ,
 Chẳng thẹn-thò chi chỉ chực ve.
 Mượn tiếng văn-minh sao lăm thế,
 Gió nổi một trận mất nguy-ngoe.

HOÀNG-MAI HÂN-SĨ

Gửi cho bạn đồng-tâm

(dương khi bạn hoạn-nạn)

Hồ xa chỉ bàn chuyện rủi may,
 Anh-hùng khi gặp cũng khi hay.
 Non sông có ý thơ nhiều ít,
 Trăng gió không ngăn rượu tỉnh say.
 Tránh nhớ trời Nam khôn mượn cánh,
 Bừng trông ải Bắc luống chau mày.
 Sự ta ta biết ông xanh biết,
 Biết cả quê nhà biết cả đây!

Tiên-biệt

Vì có yêu nhau mới nhớ nhau,
 Mến yêu yêu mến quá đeo bầu.
 Nước non muôn dặm đừng đưa lại,
 Duyên kiếp ba sinh đã dễ dàu.
 Ngán liễu ngán-ngơ khi tiên-biệt,
 Nhà lan phảng-phất lúc tâm-dầu.
 Trăng thề còn đó người nam-bắc,
 Tiếng địch Ngân-thành nở giục mau.

KIM-KHANH

Mã Viện

Nổi tiếng anh-hùng ở một thời,
 Đêm thân quốc-thước dễ mua cười.
 So tài lão-trưởng quen trăm trận,

Đua sức hồng-nhan được mấy hơi !
 Đồng-trụ chưa bao vòng tuế-nguyệt,
 Tây-hồ vẫn lộng bóng mây trời !
 Vì dù khi ấy mà thua nhĩ,
 Da ngựa càng thêm thẹn với đời ! (1)

Sự nghèo

(Thủ-vi ngâm)

Vạn tội gì hơn cái sự nghèo ?
 Sự nghèo lắm bước đến gieo-neo !
 Khất quanh công nợ mang danh «cuội»,
 Nhịn cả ăn chơi mắc tiếng keo !
 Rượu nhạt thơ suông thêm chán ngắt !
 Danh thừa giá hão cũng buồn teo,
 Anh em chúng bạn hay chăng nhẽ ?
 Vạn tội gì hơn cái tội nghèo ?

Triệu Âu

Liều-bỏ mà cũng chỉ tang-bồng,
 Chẳng thẹn cùng ai gái Lạc-Hồng.
 Sức địch muôn người thân thiếu-nữ.
 Vũ dài ba thước da anh-hùng.
 Xông-pha tên đạn quân Ngô khiếp (2),
 Vùng-vẫy gươm đao vạn nước cùng.
 Tiếng dè sử xanh người Cửu-quận,
 Phất cờ đầu tượng chống non sông !

Thương vay

Ngồi buồn ta luống những thương vay,
 Thương vắn, thương vơ, ngân nỗi thay !
 Thương kẻ anh-hùng thời chẳng gặp,
 Thương người quân-tử vận không may.
 Thương con lán nợ què chân chạy,
 Thương cái vũ kia gãy cánh bay (3).
 Thương thế có ai thương hộ mấy ?
 Sông thương càng tát lại càng đầy.

Thúy-Kiều

Chữ tài, chữ mệnh ghét chi nhau ?
 Con Tào bày ra cuộc bể dâu.
 Ngọc nói hoa cười coi những tui,
 Trắng thề núi chỉ nghĩ càng đau !
 Rớt nhà đến nỗi thân lưu-lạc,

Bạc phận xui nên kiếp dải dàu !
 Lấy hiếu làm trình đà mấy kẻ ?
 Tiên-dường một dải nước sông sâu.

PHÁC - NGỌC

Thu-cảm

Lác-dác sân ngô rụng lá vàng,
 Xuân qua hạ tới đã thu sang.
 Xụi-xụi mưa thăm thương nàng Chúc,
 Lạt-lẽo trăng suông nhớ chị Hằng.
 Bận vắng cung đàn rời-rạc ngón,
 Canh tàn chiếc bóng vắn-vơ tường.
 Giải sầu mượn rượu làm khuấy-khỏa,
 Một chén Hoàng-hoa lệ mấy hàng.

Thu-sầu

Sen tàn xơ-xác cúc đâm bông,
 Ngày tháng thoi đưa khách động lòng.
 Vơ-vẩn non xanh cùng nước biếc,
 Thờ-ơ gió mát với trăng trong.
 Câu thơ hoài-hữu tình đôi ngả,
 Khúc bát bi-thu lệ mấy dòng.
 Xích-bích vì bằng dây sắn cảnh,
 Con thuyền tiêu-khiên học Tô-công.

VIỆT-HÙNG

Nông nổi đêm thu

I

(Hành-văn điệu)

Trận gió vàng,
 Trận gió vàng,
 Lay động rèm loan.
 Bừng tỉnh giấc,
 Giấc kha tan !
 Ấy ai hồ hện ?

Ngồi nương bóng,
 Nhớ người xưa đôi giọt lệ sa !
 Trông bên trời trăng tà ngân lạt.
 Xao-xác nổi,
 Tiếng nhạn kêu khuya,

(1) Mã-Viên nói : « Chết trong đám chiến-trường, lấy da ngựa bọc xác đem chôn, còn hơn chết trên giường mà trông thấy lũ đàn bà con trẻ » !

(2) Bấy giờ nước Tàu có loạn Tam-quốc mà nước ta thuộc về nhà Đông-Ngô.

(3) Vũ tức là chim anh-vũ.

Gọi mỗi sầu,
Nhớ người tri-kỷ lại càng thêm (càng
thêm.)

Lòng ngao-ngán,
Chan-chứa bao tình !
Hiu hắt bên mình ngọn đèn xanh (đèn
xanh.)
Một mình buồn ngơ-ngẩn tàn canh !
Lưng trời ngáy ngất,
Mấy ai tình-tự đêm thanh ? ...

II

(Nam-thương điệu)

Đêm thanh ai kẻ,
Chung-tinh cho mình trò-chuyện ?
Ôm gối lạnh ngồi than mong-mỏi tri-âm,
Ta tạc chữ đồng-tâm.
Ngán cho người đem dạ tình không !
Năm canh tưởng lại cùng trông.
Vừng trăng bạc, nào (hồng) thấy bóng
Biết ai nhả gửi. [hồng !
Mấy lời nhả-nhe người bạn ngọc.
Lá thu nặng-nề sương luống những
tư-lương !
(Bâng-khuâng) bâng - khuâng đêm
trường.
Mỗi sầu lạ vẫn-vương !

Chao ói ! nghĩ lại càng thương ...
(Song thưa) song thưa gió vàng,
Làn gió lạnh thấu xương.
Kìa, những ai đương mơ-màng,
Đương mơ-màng giấc vàng chưa tỉnh.
Ghê-gớm lạ lòng thay,
Suốt đêm trường nghĩ lại càng cay !
Kìa, nông-nổi có ai hay ?
Luống dăm-dăm tháng ngày ...

Đêm thu chơi trên cầu

Đêm thu thấp-thoảng bóng trăng,
Một mình thơ-thần chằng-văng trên cầu.
Nước ơi ! nước chảy đi đâu ?
Lệ theo dòng nước gửi sầu về nam !

Đi đêm

Thấp-thoảng ngàn dâu bóng nguyệt
chênh,
Canh gà dậm khách cảnh buồn tênh.
Xóm làng lác-dác sương mờ-mịt,
Đường-sá xa-xôi bước gập-ghềnh.
Non-nước vắng-tanh lòng thắc-thỏm,
Giang-hồ thêm ngán nỗi lênh-dềnh.
Trông vơi lối cũ như mè cá,
Nông-nổi này ai kẻ vơi mình ? ...

LƯƠNG VỊ-TẤU

THỜI-ĐÀM

Việc thế - giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao
trong thế-giới. — Mấy việc quan-hệ
về chính-trị ngoại-giao ở Âu-châu,
trong tháng hai không diễn-dinh được,
đến tháng ba cũng chưa giải-quyết xong.
Suốt tháng ba chỉ những mong-mỏi
chờ đợi mà vờng công vô-ích. Như có
hai vấn-đề thiết-yếu, là việc nước Đức
vào Hội Vạn-quốc và việc chấn-chỉnh
tài-chính nước Pháp, thời trong tháng
ba cũng không tấn-tới được chút nào.
Hội-ngị Vạn-quốc ở Genève vẫn họp

mà đại-biểu nước Đức không được
vào bàn, không được tham-dự. Những
người chủ-trương thì hết sức vận-
động cho thành, nhưng có một đảng
cố ý ngăn-trở làm cho lỡ việc. Đảng
này tựa-hồ như chỉ trông cái quyền-
lợi nhỏ mọn trước mắt, không lo đến
cái tiền-dở nguy-hiêm cho cuộc hòa-
bình. Việc thứ hai là việc tài-chính
nước Pháp, thời tuy thuộc về một
phương-diện khác, nhưng cũng có gián-
tiếp ảnh-hưởng đến việc trên, vì nhân

vấn-đề tài-chính Nghị-viện Pháp không chịu quả-quyết đảm - đương trách-nhiệm, nên Nội-các cũng vô-lực phải từ-chức giữa lúc họp Hội-nghị Vạn-quốc ở Genève, thành ra thủ-tướng Pháp BRIAND là một tay chủ-động trong Hội không đến họp được, cũng ngăn-trở công việc nhiều. Nội-các trước đó, Nội-các sau cũng lại ông BRIAND làm thủ-tướng, bấy giờ ông mới đi Genève thời Hội-nghị đã họp được bốn ngày rồi, trong bốn ngày ông vắng mặt đó, đảng phản-đối không muốn cho nước Đức một chân thường-trực ở Hội-đồng Quản-trị Hội Vạn-quốc đã vận-động nhiều rồi, không thể vãn-hồi được nữa. Thành ra sự Nội-các Pháp tình-cờ bị dở-làm cho lỡ việc ở Genève, mà ở ngay Paris cũng không yên - tơi được chút nào. Suốt một tháng trời Nghị-viện cứ trù-trù không quyết-định được cách gì thỏa-dáng để chỉnh-dốn tài-chính. Ấy là về phần nước Pháp; nước Bỉ (*Belgique*) cũng gặp những nông-nỗi khó-khăn về tài-chính như thế mà cũng chưa giải-quyết xong. Lại còn vấn-đề « nợ Đồng-minh » vẫn là một cái gánh nặng cho Âu-hâu, mà chủ nợ là nước Mỹ thời cứ khăng-khăng không chịu chằm-chước, cũng không chịu lý-hội cho cái tình-thế của các nước Âu-châu thế nào, cái thái-độ ấy kể cũng không lợi ngay cả cho Mỹ nữa. Ở Á-Đông thời vẫn cứ rối-loạn như thường, dấu cái trạng-thái có thay đổi, nhưng tổng-chỉ cũng là ở người Tàu chưa có tư-cách tổ-chức được việc gì cho thành nền - nếp, nên cứ lục-đục với nhau hoài, để cho nước ngoài thừa-cơ mà lợi-dụng. — Nói tóm lại thời khắp thế-giới đâu đâu cũng là cái tình-trạng bối-rối cả. Ai cũng ước-ao cho được hòa-bình, mà đâu cũng chỉ thấy cái hiểm-tượng chiến-tranh. Thế-giới vẫn-minh như đương phải một cái bệnh trầm-trệ, mà chưa tìm được phương-thuốc nào chữa. Dấu người mang cái chủ-nghĩa lạc-quan

cũng không khỏi lo ngẫm cho thiên-hạ. Việc thế-giới trong tháng ba năm 1926 không có gì là khởi-sắc; nhưng xét cái đại-thế thời cũng dễ hiểu, chứ không có phiến-phức gì.

Nói về Hội Vạn-quốc. — Tháng trước đã nói Hội Vạn-quốc họp là chủ-ý để xét về việc nước Đức xin vào Hội và về việc mấy nước khác xin vào chân thường-trực ở Hội-đồng quản-trị: nước Pologne, nước Espagne, nước Bréail, Nước Đức phải một điều thất-sách, là tuyên-bố lên rằng trước khi mình được vào Hội Vạn-quốc không muốn để cho có nước khác cũng xin vào cùng với mình. Nếu tự mình được vào chân thường-trực ở hội-đồng quản-trị thời mới thuận cho có nước khác xin vào Hội, không muốn cho trong việc nhận một nước mới vào Hội tự mình không có quyền tổ-ý-kiến. Đầu đuôi việc này cũng dễ hiểu. Ý nước Đức là muốn cho nước Pologne không được vào hội-đồng quản-trị với, đợi khi nào Đức vào rồi để Đức cũng được quyền tham-dự quyết-định cho vào sau. Làm thế thật là thêm cho cái thủ-tục phiến-phức ra mà không có ích gì. Giá Đức đừng công-nhiên tuyên-bố trước như thế, thời việc cũng dễ giải được. Nhưng Đức đã trót nói thế rồi, bị bó-buộc, không thể tùy cơ chằm chước được nữa. Lại giá khi Hội Vạn-quốc mới họp có tay chủ-trường hoạt-bát là ông thủ-tướng Pháp BRIAND thời có lẽ việc cũng điều-dinh xong. Nhưng như trên kia đã nói, ông BRIAND chính là người chủ-động về việc hội-nghị Locarno, đã được Nghị-viện biểu-đồng-tình biết đường nào, giữa sáng hôm họp Hội Vạn-quốc Genève để thi-hành một điều trọng-yếu trong hiệp-ước Locarno, thời lại bị ngay Nghị-viện đánh đổ Nội-các vì vấn-đề tài-chính. Tuy vậy ông cũng đi Genève, nhưng ở được có một ngày, chỉ đủ nói chuyện riêng với các nhân-

vật trọng-yếu, buổi chiều phải về Paris ngay, thành-thủ cũng không dụng cái thế-lực riêng mà ảnh-hưởng được sáu-xa gì. Bốn hôm sau, ông đã được làm thủ-tướng lần nữa, lại đi Genève, thời bấy giờ phe nọ đảng kia đã vận-dộng chán ra rồi, cái thái-độ các phái đã bày tỏ ra rõ-ràng rồi, khó lòng vận-hồi lại được. Trong lúc bối-rối ấy đã không ai nói được lời nào thỏa-dáng, lại làm kẻ diễn-thuyết bóng-lông. Khi ông BRIAND đã trở lại, mấy ngày sau thời chỉ thấy thảo-luận suông, không kết-quả được gì. Trước đã định như thế này : nước Đức sẽ được vào Hội Vạn-quốc ; vì nước Đức không muốn chịu cho nước Pologne đồng-thời cũng được một chân thường-trực ở Hội-dồng quản-trị như mình, Hội sẽ nói với mấy nước sắp phải đến hạn tái-cử sau này xin từ-chức trước đi, tức là hai nước Suède và Tchecoslovaquie, cốt là để có chỗ cho nước Pologne ứng-cử, rồi hai nước kia sẽ xử-tri sau. Cách giải-quyết ấy cũng không lấy gì làm thỏa-dáng cho lắm, nhưng cũng tạm điều-dinh được cái vấn-đề Pologne, làm thế thời có thể cho Đức một chân thường-trực ở Hội-ng nghị, không sợ Đức trách rằng dãi băng-dăng cũng như Pologne. Tưởng xếp thế là ổn rồi, ai ngờ giữa lúc ấy thời đại-biểu nước Brésil đứng lên kháng-ng nghị, nói rằng nước Brésil cũng xin một chân thường-trực ở hội-ng nghị, nếu không được thời sẽ phản-đối không cho nước mới nào vào Hội Vạn-quốc nữa. Lệ hội Vạn-quốc phạm quyết-ng nghị điều gì phải có toàn-hội ưng ý mới được, nay có một nước kháng-ng nghị như thế thời cách điều-dinh như trên hỏng cả. Các nước hết sức can-ngăn khuyên-nhủ, đại-biểu Brésil nhất-định không nghe. Thế là bại-sự. Chỉ còn một cách, là đại-hội-dồng quyết-định cử một hội ủy-viên nghiên-cứu về việc đó để đến kỳ họp tháng chín này sẽ bàn sau.

Thế là kỳ hội-dồng Hội Vạn-quốc vừa rồi không được việc gì cả. Cái « kết-quả tiêu-cực » đó tỏ ra cái chế - độ Hội Vạn - quốc còn khuyết-diếm, và các nhà sáng-lập đặt ra cái lệ phạm quyết-ng nghị phải có toàn-thể đồng-ý mới được là bất-tiện ; lại ảnh-hưởng ra ngoài xấu lắm, không những vì việc cho nước Đức vào Hội bàn đi nói lại mãi không giải-quyết xong, lại còn vì những lời phê-bình của thiên-hạ có ý chế-cười là Hội không được việc gì. Thậm-chí có kẻ nói rằng Hội Vạn-quốc thế là « phá sản » rồi, nên giải-tán ngay đi thôi, không để làm gì nữa. Những lời phê-bình đó chắc là có một phần quá-dáng, không khi nào đến như thế. Vì các nhà chủ-trương Hội Vạn-quốc cũng đã liệu tính trước rồi. Như các nước ký hiệp-ước Locarno đã từng trình-trọng tuyên-bố rằng nếu việc lập Hội-ng nghị Hội Vạn-quốc không thành thời những điều giao-ước trong hiệp-ước cũng không vì đó mà thay-đổi gì. Lại hôm tan hội-dồng, ông BRIAND có đọc một bài diễn-thuyết ý-tư rất cao thâm để tóm-tắt cái bài học của kỳ hội-dồng vừa rồi và biểu-dương cái lòng hiếu hòa-bình của Vạn-quốc ; sau hết có bàn với hội-dồng nên tuyên-ng nghị tỏ lòng ân-hận về những việc sinh-xuất trong kỳ hội-dồng, toàn-hội đều ưng cả. Tuy vậy mặc lòng, kỳ hội-dồng mới rồi thật là bày-tỏ được những cái khuyết-diếm của Hội Vạn-quốc và khiến cho những kẻ đối với Hội vẫn hoài-ng nghi xưa nay lại càng thêm có lẽ mà bài-bác. Cái dư-luận không tốt ấy cần phải cải-chính lại mới được. Hội Vạn-quốc là tiêu-biểu cho một tấm lòng rất cao-thượng của loài người ; nhưng mà trong khi tổ-chức có ý vội-vàng, lại những người sáng-lập cũng chưa có từng trải cho lắm, thường hay mơ-mộng cao xa, nên khi biên tập điều-lệ có chỗ không được thiết với thực-tế ; lại thêm gọi là Hội Vạn-

quốc mà chưa từng gồm được hết các nước trong thế-giới, những nước có chân Hội lại quyền-lợi khác nhau quá, nên khó đồng-tâm với nhau được. Song cũng phải biết công cho Hội Vạn-quốc, tuy tạm-thời còn chưa đủ sức mà hành-dộng cho có hiệu-quả ngay được, nhưng mà gặp những nỗi khó-khăn như mới rồi mà chống lại được không đến nỗi dở thời cũng đã là khá rồi. Hội Vạn-quốc cũng như cả nhân-loại ngày nay, đương bị một cái tình-trạng rất bối-rối, tư-tưởng bối-rối, quyền-lợi bối-rối, chính-trị bối-rối, cho đến tâm-trí người ta cũng mờ-âm không trông rõ hiện-trạng và tương-lai ra làm sao; lại thêm một cái nỗi rất khó-khăn như sau này nữa, là các nước Mĩ-châu, dù là Bắc-Mĩ hay Nam-Mĩ, với các nước Âu-châu, quyền-lợi thường hay phản-trái và nhiều khi đến xung-đột nhau. Chắc rồi cũng có ngày điều-hòa được, chỉ vì hiện nay chưa tìm thấy cái phương-châm mà thôi. Những người hữu-tâm với việc thế-giới đương cố tìm cho được. Trong khi còn phân vân này, hoặc có điều lầm-lỗi, hoặc có việc thất-bại, cũng không nên trách-bị quá. Cứ hiện-tình thế-giới, chỉ còn có Hội Vạn-quốc là cái cơ-quan độc-nhất có thể cứu cho nhân-loại khỏi một trận chiến-tranh mới nữa, trận này thời sẽ dữ-đội hơn trận trước gấp năm gấp mười, và kết-quả sẽ đến tiết-diệt văn-minh Âu-Tây và có lẽ cả văn minh thế-giới nữa. Không kể cái lòng ghen-ghét của các dân-tộc nó mạnh như nước như lửa, cứ cái tình-trạng kinh-tế ngày nay, nếu không có cách gì hòa-hiệp nhau để mà cùng nhau tự-nguyên giải-quyết cho xuôi các mối xung-đột, thời thế-tất đến đánh nhau lung-tung cả, không thể tránh được. Hội Vạn-quốc tức là cái cơ-quan để hòa-hiệp và điều-dinh đó. Bởi thế nên các bậc trí-thức trong thiên-hạ đều thiết-tha mà phụ-tri cho cái đoàn-thể mới phối-thai đó được bền-chặt vững-vàng lên.

Việc nước Đức. — Hội-dồng Hộ.
 Vạn-quốc mới rồi, thế là không thành chuyện gì cả. Nay cũng nên xét xem có gián-tiếp ảnh-hưởng gì đến phương-diện nước Đức không, vì trong bàn cờ Âu-châu, nước Đức thủy-chung vẫn là một con cờ trọng-yếu mà lại rất khả-nghi vậy. Theo lối thường, cái thái-dộ của nước Đức ở Hội-nghị Vạn-quốc mới rồi có ý cứng-cỏi. Ngoại-tướng Đức STRESEMANN vẫn tuyên-bố rằng nước Đức khao khát sự hòa-bình, nước Đức tinh-nguyên vào Hội Vạn-quốc, nhưng đối với vấn-đề Pologne thời lại khẳng-khăng không chịu nhượng-bộ chút nào, kịp đến sau cùng tìm được một cách tạm giải-quyết vấn-đề ấy, thời là các nước khác nghĩ mà tìm ra, chứ ngoại-tướng Đức không tham-dự vào. Không ai ngờ rằng tướng Đức không thành-thực, vì ông STRESEMANN vẫn cho rằng sự hòa-bình là cần cho nước Đức, biết rằng chỉ có cách ấy là Đức mới mong cho quân Đồng-minh sớm triệt-hồi ở miền sông Rhin, mới mong thu-phục được hạt sông Sarre, định-dinh lại đường địa-giới về mặt Đông và có ý bề-nghe đất Haute-Silésie, sau nữa có thể mong khôi-phục được các thuộc-địa cũng chưa biết. Về vấn-đề thuộc-địa Đức, thiên-hạ đã một độ đồn-rầm lên rằng ở Hội-nghị Locarno liệt-cường có hứa sẽ cho Đức cũng được quyền « ủy-nhiệm » (mandat) cai-trị các thuộc-địa cũ. Kỳ-thực không có hứa gì cả, nhưng câu chuyện ấy ở Hội-nghị cũng có mong-mạnh nói, và nước Đức tất sẽ nhớ nhắc lại có ngày. Như vậy thời ông STRESEMANN cũng hiểu rằng nước Đức ngày nay muốn lại có địa-vị ở các Hội-nghị Âu-châu thời tất phải tỏ ý hòa-bình, chứ không cứ làm ra mặt hầm hè muốn bảo-thù như trước mãi được; ông biết thế là ông khôn-ngoa và ông có cái trác-kiến hơn các nhà chính-trị Đức khác. Nhưng ông bị một phần dư-luận trong

nước bó-buộc, nên thuộc về việc *Pologne* ông không dám nhượng-bộ chút nào. Đức coi *Pologne* như một địch-quốc, nhưng là một địch-quốc trước đã từng ở dưới quyền mình, hèn-hạ và đáng khinh. Đức vẫn không đành chịu mất đất *Haute Silésie*, là nơi công-nghệ sầm-uất cũng chẳng kém gì hạt sông *Ruhr*. Cũng có lẽ ở Hội Vạn-quốc muốn cho nước *Pologne* vào Hội bằng-dẳng với nước Đức là không chủ-ý đến cái cổ-tinh tự-cao của dân-tộc Nhật-nhĩ-man xưa nay vẫn cho giống mình là hơn giống Ba-lan và trước kia đã từng làm thấy Ba-lan; lại cũng có lẽ hiểu lầm tưởng rằng dùng cái cách đối-dãi có ý-tử như thế là dễ khiến cho Đức phải tự-nhận là bình-dẳng với hết thấy mọi nước, không có phân-biệt gì, không biết rằng cái tinh tự-tôn của Đức khó lòng chịu như thế. Tướng Đức kháng-ngự không chịu, ấy cũng là một cách thử sức mình với Vạn-quốc xem thế nào, thời thành ra thử lại được. Còn sự cử-dộng của nước *Brésil* thì không phải là đồng-mưu gì với ai. Cái chủ-ý của nước ấy có khác, nhưng cũng là quan-hệ lắm. Căn-nguyên là ở cái tư-tướng của người Mĩ, bất-cù Nam-phương hay Bắc-phương, cho mình là có quan-hệ đến việc thế-giới, thế-giới không có mình không xong. tư-tướng ấy không phải là đúng hẳn, và vì người Mĩ quá tự-tôn cho nên nhiều khi cũng có phương-hại đến việc thiên-hạ. Thuộc về việc nước *Brésil* thời Đức cũng như các liệt-cường Âu-châu khác, không có lợi gì, mà phải chịu. Nhưng xét cho kỹ thời thủy-chung Đức cũng cứng lắm, hoặc có lúc liệt-cường tưởng xoay nôi và *Pologne* tưởng đảo-thăng, nhưng từng-sử có được cũng chẳng được bao lâu. Sau Hội-ngại *Genève* thời người Đức có thể nói rằng trước sau vẫn một thái-độ, không hề chịu nhượng chút nào, tuy vậy mà Hội-

ngại không quyết được việc gì, trách-nhiệm ấy không phải toàn ở nước Đức. — Vậy thời vấn-đề Đức vẫn còn trọn vẹn, chưa giải được phần nào cả. Nước Đức, hay là nói cho đúng thời là các tướng cầm quyền ở nước Đức bây giờ, vẫn không sao-những cái chính-sách cổ-hữu của Đức xưa nay, nhưng gần đây đã chịu tổn lòng hăm-mộ sự hòa-bình. Liệt-cường phải giúp cho Đức giữ được cái lòng ấy mãi mãi, tuy đối với Đức không thể nào tin hết cả được, nhất là nước Pháp là kẻ thù thiên-cổ của Đức thời lại khó mà làm cho hết bụng ngờ, nhưng cũng phải tỏ cho Đức biết rằng cái bụng hiểu hòa-bình ấy là chung cả Vạn-quốc, và cho dấu đến Pháp đối với Đức cũng không có cái ác tâm gì, chỉ mong cho thế-giới được thái-bình, Âu-châu được yên-đàn mà thôi.

Nói về vấn-đề tài-chính. — Tuy vậy người Mĩ xét nước Pháp, nhất là trong bọn quan-giới, vẫn cho nước Pháp là có cái đục-vọng đế-quốc. Nhất là trong khoảng tháng ba vừa rồi, cái lòng ngờ của người Mĩ đó lại càng rõ tỏ lắm, người Mĩ phân-đoán về việc Âu-châu lại càng tỏ ra sai lầm lắm nữa. Câu chuyện là khởi ra từ một tờ báo-cáo của ông đại-sứ Mĩ ở Anh, *Houston*, gửi về cho quan Giám-quốc *Coolidge* đề trình bày về tình-hình chính-trị ở Âu-châu. Tờ báo-cáo ấy đáng lý là bí-mật, nhưng các nhà báo Mĩ biết, đem tuyên-bố ra, thiên-hạ bình-luận, rồi chính-phủ phải chối không nhận, nhưng sau ai cũng biết là lời-lẽ có như thế thật. Trong tờ báo-cáo ấy đại-sứ *Houston* chứng-giải rằng tình-thế Âu-châu ngày nay sẽ dĩ bấp-bóng, cuộc hòa-bình không tỏ-chức được vững-vàng, là lỗi bởi nước Anh và nước Pháp, sứ Mĩ thống-trách cả hai nước. Lời báo-cáo đối với Đức thời lại có ý tốt, nhưng cũng không thể cho là vì Đức

mà làm. Tờ báo-cáo công-bố ra, dư-luận bị kích-dộng rất mạnh, nhất là ở nước Anh, vì ở Pháp thời thiên-hạ đã quen nghe những lời công-kích của Mĩ nhiều rồi. Cách sử Mĩ phán - đoán việc Âu - châu, các nhà báo Tây cho là thiên-cận, nhưng thiên-hạ chê nhất là cái thái-dộ cao - kỳ của người Mĩ lên mặt khách-quan mà nhất-thiết khái-luận về việc Âu-châu dường như cho là những chuyện xuân-dộng cả, từ-cao rằng thế-giới chỉ có nước Mĩ với dân Mĩ là yên-đàn và vững-vàng. Đương lúc chính-phủ Mĩ sắp duyệt-y cái hiệp-ước tái-chính với hai nước Ý và nước Tĩ và sắp bàn xét với đại-sứ Pháp BÉRANGER về các khoản nợ, mà nghe thấy những cái - luận điều như thế, thời người Pháp cũng lấy làm lo.

Kể muốn biết cho rõ cái tình-y của Mĩ đối với Pháp thời cũng khó. Ở Hạ-nghi-viện nước Anh mới rồi, Tái-chính-tổng-trưởng WINSTON CHURCHILL diễn-thuyết về các khoản nợ của Âu - châu phải trả cho Mĩ có tóm - tắt lại một câu như sau này: « Thế ra nước-Mĩ kia giàu có ứ của ra, mà lấy nợ của các nước Âu-châu bị nghèo khổn về chiến-tranh những trọng khoản ghê-gớm như thế. » Tái-chính-tổng-trưởng Mĩ MELLON diễn-thuyết đáp lại rằng: « Cái phương châm tái-chính của nước Mĩ chúng tôi đối với Âu - châu là lấy lý chứ không lấy tình làm cốt. » Người Pháp thời lấy lại rằng « phạm ớ đòi hẽ dụng lý quá thời có khi thành vô-lý », và nước Mĩ tuy nói rằng chỉ trọng lý, chứ hồi quan Giám-quốc WILSON định cho nước Mĩ tham-dự vào chiến-cuộc Âu - châu, tưởng không phải chỉ thuần vi-lý, cũng có một chút tình vậy. Nước Mĩ ngày nay vì quá am lợi, muốn nhất - thiết xử lý cả, nhưng suy lý cũng có khi lầm. Cái vấn-đề thiết-yếu cho nước Mĩ bây giờ không phải là cổ bắt nước Pháp cam-doan trong 60 năm như phải đem nợ cả cái công

huyết-hãn của suốt một quốc-dân cho nước Mĩ, không phải thế đâu ; chính là lợi-dụng cái quyền chủ nợ để đem tiêu-thụ đồ hàng của mình sang Pháp, là mở thêm các thị-trường cho công-nghệ mình ở Âu-châu, để cho bọn công-nhân lao-dộng trong nước được lương cao, công-nghệ được phát-dại và quốc gia được thịnh-vượng, thế mới thật là biết khéo hưởng cái kết-quả tốt của chiến-tranh mới rồi. Người Mĩ biết trông xa thời tất chú-y về cái vấn-đề kinh-tế ấy, chứ không phải là cứ khàng-khàng cổ-doi cho được mỗi năm là mấy trăm mấy nghìn triệu, khổ cho người ta mà cũng không thực ích chi cho mình lắm. Nếu nước Mĩ không chăm khuếch-trương các thị trường cho hàng-hóa mình, không mong chiếm lấy quyền kinh-tế ở Âu-châu, thời tương-lai nước Mĩ sẽ thế nào ? Các nước Âu-châu sẽ chẳng hiệp-lực nhau lại mà chống cho kỳ-cùng dư ? Nhiều người Âu-châu ngày nay đã nghĩ đến cái cơ-hội đó rồi, ngay ở nước Đức cũng vậy. Nếu Mĩ cứ khàng-khàng không chịu chằm-chước, thời có ngày cái tình-thế này sẽ quay lại mà hại cho Mĩ cũng nên.

Nói về việc nước Tĩ. — Nước Tĩ ngày nay cũng đương gặp cái cảnh tái-chính quân-bách, đồng phạt-lãng của Tĩ (*le franc belge*) nhất-dân sụt giá xuống dữ quá. Trước đã có một hồi thời-giá bấp-bồng, nhiều nỗi không tiện. Chính-phủ Tĩ bèn định một cái công-giá trung-bình, kể cũng khi cao, là mong rằng có thể vay công-thải của Mĩ được ; nay có tin rằng cuộc công-thải ấy các nhà tư bản Mĩ đòi những khoản nợ to quá, (như đường xe lửa), rồi mới thuận cho vay, nhân đó đồng phạt-lãng Tĩ hạ-giá ngay tức-thì. Tuy các nhà « băng » lớn can-thiệp vào việc này đã tuyên-bố rằng các tin đồn khi quá, và không từng có sách-nhiều gì là quá-dàng, nhưng việc tiền-tệ không

hoàng này cũng dễ nước Ti vào một cái tình-cảnh rất bối-rối. Xem cái cách các nhà tư-bản Mĩ đối với nước Ti trong việc này, đối với nước Pháp trong vấn đề nợ đồng-minh, thời đã biết cái dã-tâm của người Mĩ muốn lũng-đoạn các mối lợi lớn của Âu-châu và lũng-lạc Âu-châu về đường kinh-tế. Nước Mĩ đối với nước Ti cũng như đối với nước Pháp là bạn đồng-minh cũ, dần có giúp cho việc chiến-tranh, nhưng nay được ăn lợi về chiến-tranh cũng nhiều, giàu có lắm rồi, lại có quyền làm trái-chủ cả thế-giới, ai mà địch cho nổi được; bởi thế cho nên cả miệng lớn tiếng, thẳng tay hách-dịch, làm cho điên-đảo cả các quốc-gia, các Chính-phủ. Bắc nhà giàu ở nhà quê, cho vay nợ đủ mọi người, dẫu thiên-hạ rửa thắm nhưng ai cũng phải nể mặt; ấy cái địa-vị nước Mĩ trong vạn-quốc ngày nay cũng tương-tự như thế. Về phần nước Ti thời đồng-phật-lăng hốt-nhiên sụt giá như thế, tựa-trung tất có cái mưu đầu-cơ của bọn tư-bản Mĩ, thật là ngăn-trở cho đường kinh-tế chính-trị của Ti nhiều quá, không biết việc này giải-quyết thế nào.

Nói về việc nước Pháp. — Tiền phật-lăng Ti bị khủng-khoảng, tiền phật-lăng Pháp lại bị khốn đốn hơn nữa. Vấn đề tài-chính ở Pháp bây giờ càng ngày càng nguy-cấp. Nợ ngoài bị thúc, nợ trong đến kỳ; những công-thải ngắn hạn, nhiều cái nay mai đến hạn rồi, nếu thiên-hạ lủ lượt đem phiếu đến các công khố mà lĩnh tiền, thời cũng khó nghĩ thay. Muốn cho nhà nước khỏi « vỡ nợ » thời hết thấy người dân trong nước phải sẵn lòng hi-sinh để giúp cho Chính-phủ chính-đốn tài-chính và cứu cho đồng phật lăng khỏi đến mất giá. Nhưng xem như người Pháp chưa hiểu rõ sự đó cần-cấp là dường nào, và chưa sẵn cái lòng hi-sinh như thế. Tài-

chính bối-rối đã lâu, nhưng dường như đã quen và coi như tự-nhiên vậy. Chẳng thế sao Nghị-viện bấy lâu nay thảo-luận hoài về các thủ thuế mới mà không quyết-định đặt một thứ nào cả, để cung-cấp thêm cho kho nhà nước và trang trải những khoản công trái sắp đến kỳ. Không những thế mà thôi, lại phạm nhiều điều cử-động bất-chánh-đáng, khiến cho những người bình-tĩnh quan-sát về việc chính-trị nước Pháp ngỡ rằng không biết các ông nghị Pháp có lo đến vận-mệnh chung nhà-nước không, hay là chỉ nghĩ đến những chuyện bề đẳng riêng của mình: như lãnh đồ Nội-các BRIAND giữa lúc ông thủ-tướng cần phải đi chủ-trương việc ngoại-giao và việc quốc-tế ở Hội Vạn-quốc, làm cho lâm-lũ cả đại-sự, như trên kia đã nói; việc này những người Pháp có bụng với nước lấy làm thống-trách Nghị-viện lắm lắm. Xét ra thời cách hoạt-động của Nghị-viện gần đây toàn là những chuyện đảng-tranh nhỏ-nhặt, những chuyện quyền-lợi cá nhân, người ngoài ai nghe thấy cũng lấy làm giận, chính ông thủ-tướng BRIAND cũng phải công-nhận như thế. Nghe thiên-hạ nói thì không ai không cho là tình-thế nguy-cấp, nhưng nhiều người tựa-hồ như nói thế là đủ tắc-trách rồi, không tính đến cách cứu-cấp thế nào nữa. Các ông nghị thời ông này bàn cách này, ông kia bàn cách nọ, chủ ý để phản-đối chính-phủ, chứ kỳ-thực chẳng kể nào tiện-lợi có thể thi-hành được cả, cho nên ông Tài chính DOUMER đã hết sức chống lại, thiên-hạ cũng biết công cho ông, nhưng đến sau ông cũng bị đổ. Ông xin tăng số « thuế doanh-nghiệp » (*taxe sur le chiffre d'affaires*), Nghị-viện không ừng, ông phải lui về. Số không ừng ấy chỉ có bốn mươi người, đủ ngăn-trở việc chính-đốn tài-chính. Nội-các bị đổ vì chuyện đó, ông thủ-tướng BRIAND đang

ở Genève phải về, tổ chức Nội-các mới, rồi lại đi Genève; trong Nội-các mới thì bộ Tài-chính giao cho ông RAOUL PÉRET là nguyên-nghị-trưởng Hạ-nghị-viện. Ông tài-chính mới bàn lập một thứ « thuế công-dân » (*taxe civique*), và cũng xin tăng « thuế doanh-nghiệp » như ông DOUMER. Chính-phủ với Nghị-viện công-nhiên chiến tranh nhau về hai thứ thuế đó, nhưng đó là cách công-nhiên mà thôi, còn nội-dung thì phần nhiều là chuyện đảng-phái ghen-ghét nhau cả, xem như việc ông MALVY được cử vào Bộ-Nội vụ, rồi bách phải từ-chức thì đủ biết. Hiện đến cuối tháng ba thì ở Nghị-viện và trong các giới chính-trị, chỉ chủ-y nhất về mấy điều như sau này, chứ việc chính-dồn tài-chính họ có mấy ai thực lo đến: Tả-độc-liên-đảng (*Cartel des gauches*) có lại ra cầm quyền-chính-phủ không? Ông HERRIOT có thay ông BRIAND không? Các đảng có nhân-tài-chính, nguy-cấp mà thừa-cơ tranh-dành nhau không? Các đảng tả có kết-liên nhau đến cực-đoan, nghĩa là lâm-thời đồng-minh cả với bọn cộng-sản nữa, — như kỳ tuyên-cử nghị-viện một khu ở Paris ngày 28 Mars đảng cấp-tiến nhiều người công-nhiên giúp cho người đảng cộng-sản được trúng-cử, — hay là các đảng sẽ giằng-hòa với nhau và hiệp lực cả lại để gây ra một cuộc « thần-thánh đồng-tâm » (*union sacrée*), mọi người đều sẵn lòng hi-sinh để cứu cho tài-chính nước nhà khỏi bước nguy hiểm? — Ấy đó là những vấn-đề chính-trị thiên-hạ đương thảo-luận kịch-liệt về khoảng cuối tháng ba. Có người e rằng Nội-các cũng không bền được, và có lẽ tình-cờ lại bị dở hòm nào không biết (1). — Trong dân-gian thời xem ra nhiều người đã

chán cái chế-độ nghị-viện, cái chính-thể đại-nghị như bây giờ. Nhưng mà những người cực-lực phản-đối cũng không biết lấy gì mà thay vào cho được. Trong lúc các chính-khách chỉ bàn suông nói hão để cầu lấy cái danh-giá riêng, thời đồng-phật-lãng vẫn sút xuống hoải. Đảng nào cũng trách Chính-phủ không làm gì để chỉnh-dốn tài-chính và định giá phật-lãng, vì đảng nào cũng muốn cho Chính-phủ phải theo mệnh-lệnh chỉ-huy của mình, nếu không theo thì phản-đối. Mà ở Nghị-viện không có đảng nào là đủ thế-lực mà chiếm được đại-da-số, thành Chính-phủ cũng khó xử không biết theo về đường nào. Đảng nào cũng tự-xưng là đại-biểu cho ý-kiến chung của quốc-dân, mà quốc-dân đối với các chính-đảng thời chán quá, không muốn phản-động lại nữa. Tình-hình như thế, không biết rồi giải-quyết ra thế nào. — Từ khi khởi ra cái phong-trào « tự-nguyên quyê-tự-trợ » (*contribution volontaire*) để giúp cho phật-lãng tăng giá, thời ngoài các phái chính-trị, trong các giới cũng có nhiều người bàn về vấn-đề tài-chính, ai cũng cho là nên xuất-gia-sĩ để giúp cho kho nước, kẻ thời vì lòng ái-quốc thành-tâm muốn giúp thật, kẻ thời sợ nếu không tự-nguyên giúp thời có ngày đảng xã-hội hoặc lên cầm quyền chắc sẽ đặt thuế « trích-liếm tư-bản » (*prélèvement sur le capital*), thời lại càng khở; nhưng cũng có nhiều người vì cái bụng tấy-riêng về đảng-phái nói rằng giúp nước là việc hay thật, nhưng nếu quyền nước còn ở tay các đảng tả thời không ai tin Chính-phủ nữa, khó lòng được nhiều người cõ-vô mà quyên-trợ cho nhiều, như thế thời rút cục lại cũng chẳng giúp cho công-khố

(1) Quả-nhiên, Nội-các BRIAND trung-tuần tháng 6 lại bị dở; quan Giám-quốc có mời ông HERRIOT ra tổ-chức Các mới, nhưng không tổ-chức xong, lại đến ông BRIAND lập Các một lần nữa, lần này là lần thứ mười của ông vậy. Các dở vì việc tài-chính, nên Các mới lại cử ông CAJLAUX thay ông PÉRET. — Việc này sau sẽ thuật tường.

được mấy tí ; còn ngoại-giả những kẻ bàng-quan thời lấy ngay cái có không tin Chính-phủ đó mà thoá-thác không chịu nộp đồng nào, thậm-chí có kẻ nói : Giúp nước thì ai chẳng muốn giúp, nhưng chính-quyền còn ở trong bọn Herriot thì một đồng cũng không giúp. — Xem thế thì ra ở nước Pháp cái bụng bè-dằng có khi mạnh hơn cả cái nghĩa quốc-gia vậy. Nhiều người tri-thức lấy làm lo cho nước vậy.

Tình-hình chính-trị ở Ai-cập. — Trong các nước Cận-Đông Viễn-Đông thuộc quyền giám-đốc chính-trị của một cường-quốc Âu-Tây, nước Ai-cập (*Egypte*) là nước đã tấn-tới hơn cả, một là ở gần các nước Âu-châu, hai là chịu Âu-hóa đã lâu, nên tiếng là thuộc nước Anh bảo-hộ, nhưng quyền bảo-hộ ấy rộng-rãi lắm, hầu như đã thành một nước độc-lập vậy. Trước nước có một phái quốc-gia, lãnh-tụ là Zaglul-pacha, thời cổ đòi cho được hoàn-toàn độc-lập. Nhưng các phái ôn-hòa thời xét tình-thế trong nước và trình-độ quốc-dân cũng phải chịu rằng trong ít lâu nữa còn phải cần nước Anh giúp đỡ cho thời mới tập dần mà có ngày tự-trị được. Thành ra đảng ôn-hòa và đảng kịch-liệt thường khi xung-đột nhau, cái tình-hình chính-trị ở Ai-cập cũng có điều bối-rối. Một nhà báo Tây binh-phẩm về việc Ai-cập nói rằng :

« Xem việc Ai-cập mấy tháng gần đây thì biết người Ai-cập hiện nay chưa đủ tư-cách để hoàn-toàn độc-lập được. Kề dân Ai-cập ở gần các nước Âu-châu đã hấp-thụ được cái văn-hóa Âu-châu nhiều lắm ; cứ cái vị-trí đất Ai-cập thời thật là một nước thuộc về miền Địa-trung-hải ; bọn thợ-rong-lưu trong phái thanh-niên Ai-cập đã học giỏi lắm nhân-dân đại-đề cũng đã tấn-tới nhiều ; tuy vậy mà xem cái tình-hình chính-trị hiện nay thời thấy rằng

nếu dân Ai-cập ngày nay được dễ hẳn cho mình tự-trị lấy, không có nước Anh giám-đốc xa xa nữa, thời đến loạn to chứ không yên được. Xét ra thời phạm các đảng Đông-phương đều phải một cái tật hay ưa cái lối văn-chương khâu-biện phiếm, cho nên cũng bị ngăn-trở cho việc giáo-dục về chính-trị nhiều. Một nước theo về chính-thể dân-chủ phải lấy cái kỷ-luật trong chính-dảng và trong nhân-dân làm cốt. Vì cái kỷ-luật ấy ở Ai-cập chưa có, cho nên xảy ra việc ám-sát tổng-binh Anh (*Sirdar*) hồi tháng 11 năm 1924, nước Anh đối với Ai-cập phải giữ một cái thái-độ rất nghiêm. Bấy giờ ở Nghị-viện Ai-cập thật là hỗn-độn quá : đảng *Zaglul*, đảng tự-do, đảng lập hiến, đảng liên-hiệp, đảng quốc-dân, chỉ cãi nhau lục-đục, đối với cái vấn-đề quan-hệ nhất cho vận-mạnh nước nhà cũng không thể hòa-hiệp nhau được, là vấn-đề yêu-cầu với nước Anh công-nhận cho có quyền hoàn-toàn tự-trị. — Nhật-báo Kinh-dô (*Journal du Caire*), tháng giêng năm 1925 đã phải nói rằng : « Thứ mỗ xem các báo cơ-quan của các chính-dảng Ai-cập, đọc kỹ các bài diễn-thuyết và lời tuyên-bố của những tay lãnh-tụ các đảng ấy, không thấy một giọng nào, một đoạn nào là nói rõ về cái chương-trình công-việc của họ thế nào. Gặp cơ hội quan-trọng, như trước ngày tổng-tuyên-cử Nghị-viện, các trận ấy bàn nói những gì ? Chỉ thấy chửi nhau như vũ-mầm chẳng thấy bàn được chuyện gì là có ích chung cho nước. Người nọ thóa-mạ người kia, người kia công-kích người nọ, rất là hỗn-hào, rất là kịch-liệt, tặng cho nhau những tên như « đồ bán nước », « đồ phản-tặc », v. v., chỉ tỏ bày trò xấu cho người ngoài họ khinh mà họ cười. Trông thấy cái cảnh-tượng ấy, chắc người Anh khác-khích cười với nhau mà nói rằng : Ấy các bậc chí-sĩ Ai-cập như thế đấy. Thứ hỏi người Ai-cập có phải hành-động như cách thế mà khiến cho các nước Âu-châu phải

phục mình, chịu là đã dâng được hưởng quyền tự-do hoàn-toàn không ?» — Nay trích-lục mấy lời báo của người Ai-cập đó thời cũng đủ chứng rằng phần nhiều những người muốn ra chiếm quyền chính-trị ở Ai-cập hãy còn thiếu phần kinh-lịch, thiếu phần dự-bị nhiều; mà cái đó không phải một Ai-cập, nhiều dân khác bị nước ngoài cai-trị cũng thế. Các dân ấy đều yêu-cầu cho được tự-trị, nghĩa là tự-nguyên muốn theo về chủ-nghĩa dân-chủ, về chính-thể đại-nghị; nhưng chủ-nghĩa ấy, chính-thể ấy phải cần đến những nhân-vật « chín » lắm mới có thể thi-hành được. Một quốc-gia ngày nay thịnh hay suy là ở cách thi-hành cái chính-thể đại-nghị hay hay dở. Hiện ở Ai-cập thời cách thi-hành ấy hãy còn khuyết-diếm lắm. — Hồi tháng giêng năm 1925, Nghị-viện Ai-cập bầu-cử lại; chỉ có hai đảng tự-do (*libéraux*) và liên-hiệp (*unionistes*) là có thể hiệp-lực nhau để cùng thảo một cái chương-trình cải-cách dẫn cho đến được hoàn-toàn độc-lập; còn đảng quốc-gia thời vẫn cứ dùng những cách vận-dộng cực-doan. Các đảng không liên-lạc với nhau như thế nên khi bầu-cử xong ở Nghị-viện vẫn không có một phần đa-số chắc-chắn. Nghị-viện bầu ông ZAGLUL PACHA làm nghị-trưởng, nhưng thủ-tướng ZIRVER PACHA thấy thế lấy làm nguy cho chính-phủ và sợ đảng quốc-gia thắng-thế làm những sự cấp-bao chưa thích-hợp với trình-độ dân, bèn lập-tức xin với vua FUAD hạ-lệnh giải-tán Nghị-viện. Thành ra Nghị-viện chỉ « sống » được có một ngày, giữa hôm bầu nghị-trưởng thời bị giải tán ngay. Chính-phủ Ai-cập liền tự-quyền hạ-lệnh (không phải đợi người Anh khuyên) hạn-chế quyền công-dân, tuyền-bố một cái luật bảo-cử mới, định 25 tuổi mới được quyền đi bầu, chứ không phải 21 tuổi như trước, và phạm người đi bầu dưới 40 tuổi phải có cách-

thức riêng về tài-sắc, nghĩa là phải đóng thuế rất ít là bao nhiêu mới được. Xem Chính-phủ Ai-cập, chính người Ai-cập cầm quyền, mà phải xử-tri như thế, thì đủ biết rằng người Ai-cập thật chưa có đủ nhân-tài thật « chín » mà tham-dự việc nước, phần nhiều người trẻ tuổi chưa có thể trông cậy được. — Đại-ủy-viên Anh ở Ai-cập trước, Lord ALLENBY, tháng năm năm 1925 về Anh, trước khi dời Ai-cập, có giải bày ý-kiến về tiền-đồ chính-trị nước ấy; ông đã có từng trải nhiều về việc Ai-cập, ý-kiến ông chắc là có giá-trị lắm. Ông nói rằng: « Cái phương-châm chính-trị ở Ai-cập hiện bây giờ đương thích-nghĩ lắm, nhưng cũng phải đợi ít lâu thời mới thấy kết-quả. Tôi chắc rằng phần nhiều người trí-thức ở Ai-cập đều muốn giữ tình thân-thiện với nước Anh. Về phần riêng tôi, tôi cũng đã từng hết sức gây cho cái tình thân-thiện ấy ngày một mật-thiết thêm lên, vì lợi của hai nước là phải nên thân với nhau. » Thầy Lord ALLENBY là SIR GEORGE LLOYD cũng đã tỏ ý theo một chính-sách như thế. Còn như chính-phủ Ai-cập, trên tự vua, dưới các quan Nội-các, trước sau vẫn một lòng dè-huê với nước Anh, nhưng dè-huê với Anh thì tất không được lòng đảng quốc-gia. Cũng vì đảng quốc-gia phản-đối dữ, cho nên tháng 9 năm 1925, Nội-các ZIRVER phải thay-dổi lại, hai đảng tự-do và liên-hiệp tán-trợ cho Nội-các bị dời nhau. Các chính-đảng cạnh-tranh nhau như thế, thật là ngao-trở cho mọi việc cải-cách và mọi việc tổ-chức về chính-trị, và chỉ lợi cho chủ-nghĩa cộng-sản mỗi ngày một ngấm-ngấm vào trong nước. Bọn cộng-sản ở Ai-cập đã thấy bắt đầu hoạt-dộn, vì tháng 6 năm ngoái chính-phủ đã phải bắt đến hai mươi người làm tội. Cảnh-sát tra ra thì bọn cách-mệnh đó có liên-lạc với Sô-viét bên Nga. Cái các hành-dộng của đảng cộng-sản ở Ai-cập cũng như ở các thuộc-địa Pháp ở Bắc-bộ

Phi-châu và ở nhiều nơi khác, là kích thích cái chủ - nghĩa quốc - gia trong nhân-dân và gây ra cái phong-trào bài-ngoại. Cho nên thường cửa miệng người Âu hay nói rằng ở các tiểu-bang Đông-phương chủ-nghĩa quốc-gia ngày nay chính là tiên-phong cho chủ-nghĩa cộng-sản. Lời khái-luận ấy tưởng cũng có khi không đúng vậy.

Nói về việc nước Tàu. — Thời-cục nước Tàu gần đây lại xoay ra một phương-diện mới. Nhân Phùng Ngọc-Trường theo hẳn về đảng cách-mệnh Nga, tổ-chức quân-dội đặt tên là Quốc-dân-quân, định lũng-đoan quyền chính-trị trong nước. Ngô Bội-Phu từ khi thất-bại vẫn tiếm - tàng một chỗ, bèn đột-nhiên dấy lên, bỏ cả sự hiềm-thù cũ, kết liên với Trương Tác-Lâm để đánh Quốc-dân-quân. Thế là hai phái Trục-lệ và Phụng-thiên trước vẫn hục-hặc nhau, nay tạm-thời hòa-bình và hiệp-lực cộng-tác. Liên-quân đánh mấy trận đại-thắng, Quốc-dân-quân bị thua to. Trong khi ấy thời Nhiếp-chính Đoàn Kỳ-Thụy và phái Bắc-dương, đối với hai phái Phụng Trục vẫn bất-bình xưa nay, thế không thể đứng được nữa, phải lui về và chạy trốn; thành ra Bắc-kinh không có chính-phủ nữa. Ngô Bội-Phu vừa phá tan được đệ-tam quốc-dân-quân thời liền giải ngục cho Tào-Côn và phục-chức Tổng-thống. Tào-Côn chỉ giữ chức ấy đủ thì-giờ để tuyên-bố rằng từ nay lại khôi-phục cái tình-trạng trước việc chính-biến ngày 23 tháng 10 năm 1924, đoạn giao quyền cho một Nội-các nhiếp-chính, rồi lui hẳn về không tham-dự việc chính-trị nữa. Nội-các này lại giao cho Nhan Huệ-Khánh (Dr Yen) làm tổng-ly, như hồi tháng mười năm 1924. Nhan ngăn-ngại mãi mới chịu nhận. Nguyên Nhan năm xưa chủ-trương Nội-các có hạ lệnh hạch tội Trương Tác-Lâm, nên nay sợ không biết Trương có chịu nhận cho không.

Trương lúc đầu không tỏ ý-kiến thế nào, nói xin để tùy Ngô sắp-đặt. Bởi vậy Nhan đã bắt đầu nhận việc. Sau xem ý Trương không bằng lòng, đã hẹn với Ngô về hội-nghị ở Bắc-kinh mà cứ trù-trừ mãi không về, Nhan đành phải từ-chức. Nhan đã từ-chức thời mới đây có điện nói rằng Trương đã vào Bắc-kinh ngày 23 tháng 6 và Ngô cũng đã ở Bảo-định vào. Ngô Trương định cái chương-trình hội-kiến chỉ có bốn ngày thôi, xong rồi sẽ ra khỏi Bắc-kinh ngay. Hội-diện thì ở Hoài-nhân-đường, hội-nghị ở Truyền-tâm-diện. Ngày thứ nhất làm lễ tương-kiến, ngày thứ hai bàn việc quán, ngày thứ ba bàn chính-trị, ngày thứ tư mở tiệc yến; xong rồi dẫu về đấy. — Đỗ Ích-Khuê thay Nhan Huệ-khánh tổ-chức Nội-các mới có tuyên-ngôn rằng đó chẳng qua cũng là tạm-thời mà thôi. Vì Đỗ tổ-chức Nội-các, nên Cố Duy - Quân (WELLINGTON KOU) không chịu nhận bộ ngoại-vụ, hiện còn phải giao cho một viên thứ-trưởng. — Nhan là người của phái Trục-lệ, tức là người của Ngô, Ngô đã phải chịu cho Nhan từ-chức, thế là Ngô cũng đã có ý chiều Trương lắm. Nay Trương lại tổ cái dã-tâm muốn chiếm tỉnh Trục-lệ là nơi căn-bản của đảng Tào Ngô, để cho con trai là Trương Học-Lương làm đốc-quân, không biết Ngô có chịu không. Cứ cái tình-thế Ngô ngày nay đối với Phùng Ngọc-Trường là thù « bất công đại thiên », song một mình Ngô không đủ sức phá được Phùng, thế-tất phải đề-huê với Trương và lợi-dụng Trương cho mạnh sức thêm. Nay Trương có cái dã-tâm như thế, không biết cuộc đồng-minh hai người có được bền không. — Hiện nay thời ở các nơi vẫn loạn. Như ở Hồ-nam, quân Đường Sinh-Trí và quân Triệu Hằng-Dịch đang đánh nhau dữ. Các nhà giàu phải đến tránh nạn ở Vũ-Hàn. — Ở Quảng-dông thời dôi quân Bắc-phạt đã khởi-hành, định lên

tiếp-ứng với Quốc-dân quân để đánh bọn Ngô-Trương. — Lại có tin rằng ở miền Trường-giang sẽ có biến to : Tôn Truyền-Phương là đốc-quân Giang-tô

có ý muốn kết-hợp với hai tướng của Ngô Bội-Phu là Ngân Văn-Ngạc và Điền Duy-Cần để lập một đảng Trục-lệ mới phản-kháng với đảng cũ.

Việc trong nước

Bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền Varenne ở Sài-gòn. — Quan Toàn-quyền VARENNE đầu tháng năm tây dơi Hà-nội về Dalat nghỉ mát, có qua Huế mấy ngày. Ở Dalat chừng một tháng rồi về Sài-gòn cùng với cả văn-phòng để làm việc quan, cho đến trung-tuần tháng chín sẽ họp Hội-dồng Chính-phủ ở Sài-gòn, rồi đầu tháng mười thời về Pháp để thương-thuyết với bên Bộ. Ngày mồng 1 tháng 6, nhân Thành-phố Sài-gòn tiếp rước ngài ở « nhà Xã-Tây » (tòa Đốc-lý), ngài có diễn-thuyết dài, bày tỏ ý-kiến-của ngài về các vấn-đề kinh-tế chính-trị hiện-thời. Những lời ngài nói ở Sài-gòn, phần nhiều ngài đã từng nói ở Hà-nội rồi, như việc cho người Nam vào ngạch quan-lai Tây, như cuộc thảo-luận về tiền-dõ nước Nam sau này sẽ độc-lập tự-trị hay là sẽ vĩnh-viễn thuộc Pháp, v. v. Bài diễn-thuyết ở Sài-gòn là một bài thuyết-minh đối với dân Tây hơn là một bài tuyên-bố đối với dân ta. Nhân có một phần trong phái thực-dân Tây ở bên này thường công-kích quan Toàn-quyền dữ quá, cho là ngài quá thiên-vị người bản-xứ mà làm thiệt-hại đến quyền-lợi người Tây, lại làm cho người bản-xứ « nhờn » khiến cho xảy ra nhiều sự bạo-dộng không thể dung được, lại muốn thí-nghiệm những cách tài-chính thí-hành bên Mẫu-quốc, đặt ra lắm thứ thuế mới bắt người Tây bên này phải nộp thêm mỗi năm tới 10 triệu bạc, v. v., ở Bắc-kỳ thời báo *La Volonté indochinoise* của nghị-viên DE MONPEZAT, ở Nam-kỳ thời báo *Impar-*

tial của Hội-trưởng Hội-dồng Quản-hạt DE LACHEVROTIERE, bên Pháp thì báo *La Liberté* của một người luật-sư cũ ở Sài-gòn là AYMARD, và lại có nghị-viên Nam-kỳ ở Hạ-nghị-viện là ERNEST OUTREY cố ý phản-đối, chỉ chực bởi lòng tìm vết, nhất cử nhất động của ngài là đem ra bình-phẩm công-kích một cách kịch-liệt quá ; bởi vậy nên ngài nhân dịp đến Sài-gòn muốn công-đồng diễn-thuyết một lần cho rõ tỏ cái bản-ý của ngài và những công việc ngài định làm thế nào. Nói tóm lại thời bài diễn-thuyết ở Sài-gòn này là quan Toàn-quyền tự thuyết-minh, tự chống-chế đối với dân Tây ở bên này. Bởi thế nên hoặc có người nói là xem lời lẽ trong bài ấy tựa-hồ như quan Toàn-quyền đối với quốc-dân ta có ý thoai-bộ vậy. Tưởng không phải thế : người Tây trách là cái chính-sách của ngài vì quá thiên về người Nam mà có phương hại cho quyền-lợi người Tây, ngài thế tất phải trả lời rằng không khi nào để cho thiệt-hại đến quyền-lợi nước Pháp. Tuy phần nhiều là những lời nói dễ an-ủi cho người Tây khỏi phản-đối bày mà làm ngăn-trở công việc ngài, nhưng cũng có nhiều đoạn quan-hệ đến quốc-dân ta, thứ nhất là về cái cách người Tây phải đối-dãi người Nam thế nào. Đoạn này cũng có ý-vị xin lược-dịch như sau. Quan Toàn-quyền nói rằng : « Tôi thường nói chuyện, thường hỏi-han người bản-xứ. Tôi gặp, tôi hỏi nhiều người thuộc về khắp các nhân-dã trong xã-hội. Có khi tôi nói chuyện với họ cũng lâu. Cũng có khi tôi đi mặt không cho họ biết, như vào hàng mua cái đồ đặc

gi, rồi hỏi chuyện họ. Ấy tôi thường lấy cách tự-do bình-dẳng mà đối-dãi với các nhân vật tiêu-biểu ở xứ này. Tôi hỏi họ muốn yêu-cầu những sự cải-cách gì, thời không thấy ai nói rõ được từng điều từng khoản là gì. Tôi xét ra thì không phải là cốt ở sự cải-cách chính-trị, mà là cốt ở cải-cách đối-dãi người hai giống với nhau. Người An-Nam yêu-cầu với chúng ta, không phải là yêu-cầu những sự biến-cách gì đâu, chỉ là yêu-cầu ta đối họ cho từ-tể (*Ce que les Annamites vous demandent, ce ne sont pas des transformations, ce sont des égards*). Tôi vẫn biết rằng phần nhiều người Pháp ở đây cũng đã hiểu lẽ đó. Hoặc còn một số ít người tưởng dãi với người bản xứ một cách kiêu-căng, thế là tăng giá-trị cho mình. Cái cách đó phải tiệt cho hết. Tôi đây là người Pháp phẩm-chức cao hơn nhất ở xứ này, tôi khuyên các ông như thế. — Chúng ta không những nên từ-tể mà thôi, lại phải lễ-phép nữa. Chúng ta là người Pháp; nói thế là đủ, chúng ta có tiếng trong thế-giới là một dân lễ-độ phong-nhã, không phải là tiếng không vậy. Ta đừng lấy cái chủng-tộc làm tự-cao; ta là người Pháp, ta phải biết rằng người ta hơn người chỉ ở cái công-phu làm-lụng mà thôi. » — Những lời quan Toàn-quyền nói đó, nếu phải thực-dân Tây ở đây biết nghe mà theo cho đúng, thời chỉ đến nỗi Pháp Nam có khi xung-đột? — Về việc học, quan Toàn-quyền có nói rằng: « Cái cách dạy học ở đây tôi lấy làm không bằng lòng một chút nào cả. Việc này là việc khó-khẩn lắm. Cứ thực tình tôi tưởng nước Pháp đã bỏ hẳn cái lối học cũ của bản-xứ mà đem một lối học mới phỏng chép của mẫu-quốc để thay vào, thế là làm sai cách và làm quã. Phá-hoại đi nhiều mà kiến-thiết lên chưa được mấy. Ý tôi thời tiểu-học nên định cho các làng tự đặt lấy trường học và tự nuôi lấy thầy dạy.

Nếu không đủ thầy thời dùng cách cấp tốc mà luyện lấy cho đủ, hoặc ở các trường sư-phạm, hoặc ở các lớp bồi-trợ. — Phần khó nhất là phần trung-học. Lối trung-học ở đây chính là một lối đồng-hóa, thật là sai cách quá. Nếu Đông-Pháp là một thuộc-dịa để thực-dân, nếu ở đây có độ một triệu người Pháp thời cách đồng-hóa ấy hoặc có thể làm được, mà không phải là không có mục-dịch cao-thượng. — Đây ta dạy người bản-xứ thời ta phải theo phương-diện của bản-xứ. Thực ra thì cách dạy học bây giờ không thích-hợp với người bản-xứ. Như lịch-sử, địa-dư, văn-học dạy bên này không thể như bên Pháp được. — Ở Hà-nội có trường Đại-học, nhưng cứ như cách-thức bây giờ thời không có ích-lợi gì mấy. Bằng-cấp của trường Đại-học Hà-nội không có đồng giá-trị như bên Pháp. Ý tôi muốn xin với chính-phủ Pháp là cho bằng-cấp bên này cũng được đối ngang với bằng-cấp bên Pháp, chứ không phải là xin cho thầy y-sinh tốt-nghiệp ở trường Thuộc Hà-nội cũng được sang làm thuốc ở bên Pháp đâu. » — Xem ý-kiến quan Toàn-quyền về việc học đó, không khác gì ý-kiến của bản-chí đã bày tỏ trong bài luận-thuyết kỳ trước. Nếu ngài cố thi hành cho được thời thật là may cho sự giáo-dục của bọn thanh-niên nước ta lắm. — Còn một vấn-đề nữa, ngài cũng thuyết-minh dài lắm, là vấn-đề đặt mấy thứ thuế mới: là thuế về lơ-lãi các nghề công-thương, thuế về tiền công và tiền lương, thuế về lơ-lãi các nghề khôn phải nghề buôn bán, thuế về số giao-dịch trong việc buôn-bán (*impôt sur les bénéfices des professions industrielles et commerciales, sur les traitements et salaires sur les bénéfices des professions non commerciales et sur le chiffre d'affaires*). Ý quan Toàn-quyền muốn đặt ra cái thuế đó là bởi những nhà công-thương quan-lại bên này thâu-nhập lợi tức cũ nhiều mà đóng thuế cho Nhà-nước

không hơn gì người tầm-thường, như thể là không công-bằng. Nhưng ngài cũng hiểu rằng tình-thế ở đây không giống như bên Pháp, không thể thi-hành theo luật-lệ bên Pháp được, bởi thế nên mới thông-tư trước bản thảo nghị-dịnh cho các hội-nghe xét và bày tỏ ý-kiến, làm thế là có ý rộng-rãi, chứ không thì quan Toàn-quyền có quyền cứ tự-lien đặt thuế mới mà bắt thi-hành ngay cũng được; vậy mà phải phải đổi còn nhân chuyện đó công-kích ngài hoài. Hiện các thuế ấy còn nghiên-cứu, chưa chắc có thi - hành không.

Hội nữ-công ở Huế— Các bà và các cô ở Huế gần đây mới tổ chức thành một hội gọi là « Nữ-công Học-hội », mục-dịch có 3 điều: 1° Tập - luyện nữ-công t ưc-nghiep; 2° Dạy về các chức-vụ của phụ-nhân; 3° Khai - đạo tri-thức cho đàn bà con gái. Mục-dịch ấy rất hay, bản-chi vui lòng giới-thiệu.

Chánh Hội - trưởng Hội mới này là Bà Nguyễn - khoa - Tùng, tức Đạm-phương nữ-sử, các bạn đọc báo chắc đã biết tiếng cả.

Hội đã dự định đặt các lớp dạy và may, thêu thùa, nấu lăm, ươm tơ, nấu ăn, làm bánh; dạy về các việc gia-chính, về việc vệ-sinh, việc nuôi con; giảng nghĩa về văn-chương, đạo-đức văn-văn.

Giới-thiệu sách mới

1.— Má hồng phạn bạc. *Cải - lương tân-kịch*. Vở hát có nhiều điệu hát, câu nói, lối hát mới, của ông Vũ Trĩ soạn. Thụy-ký ấn - quán xuất - bản; dày 70 trang, giá ba hào.

2.— Thù chồng nợ nước. *Tướng Trưng - nữ vương, sự-tích nước nhà*, của ông Phó-băng Hoàng Tãng-Bý soạn. — Tân dân ấn quán xuất bản; dày 24 trang, giá 0\$12.

3.— Nghĩa nặng tình sâu. *Tướng An*

duyng-vương, sự-tích nước nhà, của ông Phó-băng Hoàng Tãng-Bý. — soạn Tân-dân ấn quán xuất-bản; dày 22 trang, giá 0\$12.

4.— Vô quít dày móng tay nhọn. *Trình-thám tiểu-thuyết*, của ông Huấn-dạo PHẠM QUANG-SAN dịch. — Tân-dân-ấn quán xuất-bản; dày 36 trang.

5.— Hương-chính chỉ nam 香政指南 Guide des notables. Sách gồm 30 bài diễn-thuyết của hội viên Hội Quảng-tri ở Vĩnh, làm cho tổng-lý hào-mục tỉnh Nghệ-an. Do ông Lê-Tước, đốc-học trường Pháp-Việt và hội-trưởng Hội Quảng-tri biên-lập. — Mạc Đình-Tư ấn-quán xuất-bản, sách dày 170 trang.

6.— Ông Nguyễn Bá-Trắc, Thị-lang Bộ Binh ở Huế, mới xuất bản một bộ « Hoàng-Việt Giáp-ti » bằng hán-văn, là sách hợp-lịch của nước ta cùng với các nước đồng-văn ở Á-đông (Tàu Nhật, v. v.), tóm tắt những việc lớn, trong lịch-sử các nước ấy, theo thứ tự năm tháng — Sách in có một ít số mà thôi, giá bán mỗi bộ 2 quyển dày là 6 đồng. Ai mua xin cứ viết thư chọn Nam-Phong bản-quán.

Bạn đồng-nghiep mới. — Bản-chi mới tiếp được tập An-Nam tạp-chi số 1 ra ngày 1^{er} Juillet. Ông Nguyễn Khắc-Hiếu làm chủ-bút. Trên đầu báo có bài « Kính-cáo quốc tiếp dân An-Nam lại ta », bài « Mấy lời răn tổ cùng bạn đồng-bang ». Còn dưới chia ra nhiều mục, như: Xã hội chi gia-dinh thuyết; Thực-nghiep chi bộ; Thương-thức chi bộ; Thời sự chi bộ, v. v. Dày 36 trang, mỗi tháng ra hai kỳ, mỗi số giá bán 0\$20, đồng-niên 4\$00.

Bản-chi lấy làm hoan-nghênh bạn đồng-nghiep mới, và chúc được trường-thọ, ngày càng khuếch trương phát đạt thêm lên.